

Tinh Tấn

MAGAZINE



THẦY LINH QUANG
KHÔNG SỜN LÒNG
TRƯỚC NGHỊCH CẢNH

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA
VÔ THƯỜNG
VÀ CÁI CHẾT

PHẬT GIÁO VIỆT
TRONG BỐI CẢNH
PHẬT GIÁO MỸ

ĐI TÌM TÁC GIẢ
TRANG TÔN KINH
HUYỀN HOẶC

THẦY THANH
MỘT HÀNH GIẢ CÔ ĐỘC

SƯ THIỀN ĐĂNG
KHÁT THỰC Ở BOLSA

THẦY SƠN TĂNG
THÍCH CHÁNH MINH

THẦY NGUYỄN NGUYỄN
VIẾT VỀ CHA MẸ

TẠP CHÍ VĂN HÓA-SINH HOẠT PHẬT GIÁO

SỐ 6 MÙA ĐÔNG 2021 - MÙA XUÂN 2022



ANH PHO TÊN BỐ TAT



Chùa Hương Tích

4821 W 5th Street, Santa Ana, CA 92703

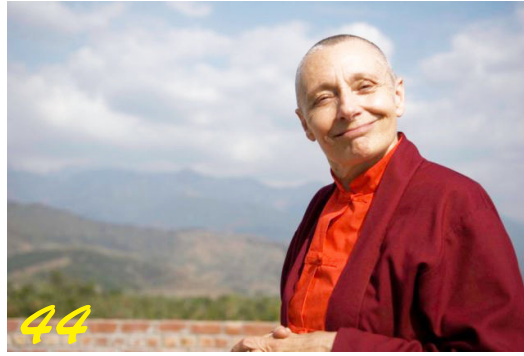
Phone (714) 554-7837

MỤC LỤC

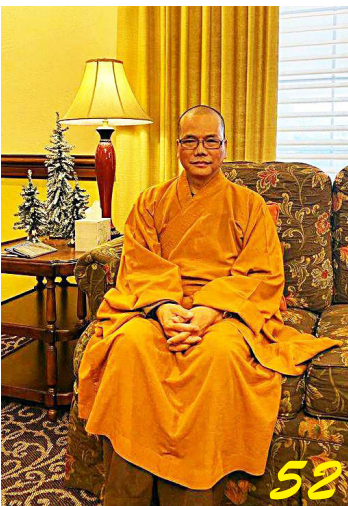
4 Thầy Linh Quang,
người tu sĩ không sờn
lòng trước nghịch cảnh
Hoàng Mai Đạt

16 Sơn Tăng và Sơn Tự
Sư Toại Khanh

18 Thầy Thanh, một
hành giả cô độc trên
đường tìm giải thoát
Đồng Phúc



44 Tịnh tu nhập thất
Sư Bà Tenzin Palmo



28 Vị sư thâm lặng
trên phố Bolsa
Phúc Quỳnh

34 Tìm hiểu hướng đi
của Phật Giáo Việt
Nam trong bối cảnh
Phật Giáo Mỹ
Huỳnh Kim Quang

43 Vô thường và cái
chết
Đức Dalai Lama



49 Tiền mẹ đi với lòng
yêu thương
Ni Sư Tenzin Tsepal

52 Viết về mẹ
Thầy Nguyên Nguyễn

53 Nhớ về bố
Thầy Nguyên Nguyễn

55 Tam bành lục tặc
Trần Nghi Hoàng

59 Tranh Le Bouddha
của Odilon Redon

60 Lời tạ ơn muộn màng
Tâm Nguyên

61 Ký ức về Thầy Giác
Thanh
Doãn Hưng

64 Một ngày chung cuộc
bốn bề hoa bay
Tiểu Lục Thần Phong

66 Đi tìm tác giả 'Trang
Tôn Kinh Huyền Hoặc'
Hoàng Mai Đạt

77 Ân nhân hùn phước của
Tịnh Tấn 6



Hình bìa: Phật Dược Sư (hmd), hoa mai và hoa cúc (Getty Images)

Phụ trách bài vở, kỹ thuật: Đồng Phúc, Phúc Viên, Hoàng Mai Đạt

Tinh Tấn Magazine, 9082 Jennrich Ave., Westminster, CA 92683

Phone (714) 290-7747. Email: tinhtan2018@yahoo.com. Website: <https://tinhtan.org>

Lời mở đầu cho Tinh Tấn 6

Sau khi phát hành được năm số báo, những tưởng mọi thử thách đã được nếm qua và từ nay sẽ biết cách đối phó sao cho chuyện ra báo được hanh thông hơn, nào ngờ số thứ sáu đưa tới một vài trở ngại mới chùng như có mấy tảng đá lớn rớt chặn giữa đường trong cơn sạt lở bất ngờ của đại dịch. Trong hơn một năm kể từ khi báo Tinh Tấn số 5 được gởi đi, chúng tôi bị dập vùi dưới những rối rắm của chuyện đời thường, từ vấn đề sức khỏe, việc làm, bốn phận, cho đến tình giao hữu, đưa đến sự việc thiếu thời gian dành cho báo Tinh Tấn.

May thay, nhờ sự tin tưởng và nhắc nhở của quý thiện tri thức, nhất là các bác cao niên ở xa cũng như tại Quận Cam đây, chúng tôi đã cố gắng đứng dậy và đi tiếp, quyết tâm đưa số thứ 6 cất cánh lên cao để đến tay quý độc giả. Mà ngay từ những câu chuyện trong số báo này cũng chính là nguồn khích lệ lớn lao cho chúng tôi.

Chẳng hạn như câu chuyện của Thầy Linh Quang, một cựu phi công trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Thầy chọn một con đường hành đạo rất khó khăn, là xây một ngôi chùa Việt Nam ở Lumbini, xứ Nepal, một nơi nghèo khó mà Đức Phật Thích Ca đã sanh ra đời hơn hai ngàn sáu trăm năm trước, để rồi gặp nạn, phải mất cả hai tay mà vẫn không sờn bước.

Câu chuyện của Sư Thiện Đăng cũng nói lên ý chí quyết tâm hành đạo giữa nơi chốn khó khăn nhất mà Sư có thể dấn thân vào. Đó là ôm bình bát đi khất thực giữa chợ Bolsa trong suốt hơn 10 năm qua, chịu đựng nắng mưa của trời đất và tiếng thị phi của thiên hạ, để hành trì theo gương Phật mà cũng để gieo chủng tử đạo vào tâm thức của đồng hương.

Niềm khích lệ cho báo Tinh Tấn số 6 cũng đến từ Thầy Jangchup Tharchin - Trầm Kim Thanh, người đã trải qua cuộc chiến Việt Nam trong vai trò một sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và cuối đời chọn đường tu theo Phật Giáo Tây Tạng với niềm tin mãnh liệt ở Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Một người khác cũng từng là lính là Thượng Tọa Thích Chánh Minh. Qua bài viết “Sơn Tăng và Sơn Tự” của Sư Toại Khanh, người đọc được thấy một vị tỳ kheo sống như “một người lính phong trần” nhưng thông suốt Kinh A Tỳ Đàm như một vị giảng sư uyên bác.

Trong khi đó Thầy Nguyễn Nguyễn đã lớn lên trong thời hậu chiến, chứng kiến cha mẹ trải qua những khổ cực của thời cuộc biến đẩu, và những hoài niệm của Thầy tuy được viết ngắn gọn nhưng lại chan chứa lòng từ bi qua hai bài “Viết Về Mẹ” và “Nhớ Về Bố.”

Cũng với niềm thương yêu dành cho đáng sinh thành, Ni Sư Tenzin Tsepel người Mỹ đã tâm sự về một sự ra đi trong tinh thức giữa đại dịch qua bài viết “Tiền Mẹ Đi Với Lòng Yêu Thương.”

Tinh Tấn số 6 còn có những đóng góp của các cư sĩ / Phật tử như bài phân tích rất giá trị “Tìm Hiểu Hướng Đi Của Phật Giáo Việt Nam Trong Bối Cảnh Phật Giáo Mỹ” của Huỳnh Kim Quang, nhận xét sâu sắc “Tam Bành Lục Tặc” của Trần Nghi Hoàng, rất thi vị “Một Ngày Chung Cuộc Bốn Bề Hoa Bay” của Tiểu Lục Thần Phong, kỷ niệm êm đẹp đầy đạo vị “Ký Ức Về Thầy Giác Thanh” của Doãn Hưng, và cảm động sâu lắng “Lời Tạ Ôn Mụnon Màng” của Tâm Nguyên.

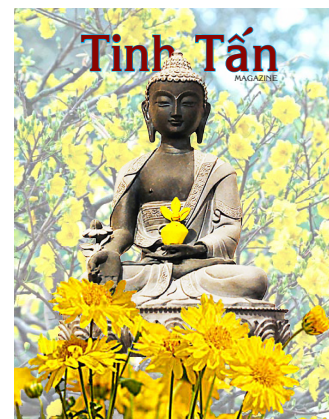
Số Tinh Tấn muộn màng này cũng gởi đến quý độc giả những lời khuyến tu nghiêm nghị và đầy hữu ích của Ngài Dalai Lama qua trích đoạn “Vô Thường và Cái Chết,” của Sư Bà Tenzin Palmo trong bài “Tịnh Tu Nhập Thất,” bức tranh “Le Bouddha” của họa sĩ Pháp Odilon Redon.

Và đặc biệt là bài “Đi Tìm Tác Giả “Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc” của Hoàng Mai Đạt, trong cương vị một Phật tử / nhà văn, thuật lại việc lần gỡ từng trang quá khứ để dò theo dấu tích của cụ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - một vị cư sĩ trong văn giới rất uyên thâm Phật học. Đọc theo hành trình truy tìm mang nhiều tính cách tâm linh này, độc giả được gặp những thi sĩ, văn sĩ còn sống cũng như đã khuất như Mai Thảo, Võ Phiến, Ernest Hemingway, Phan Tấn Hải, Vũ Huy Quang, Phùng Nguyễn, Trí Không, Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả, Đỗ Khiêm, Viên Linh, và Nguyễn Mộng Giác. Đó cũng là cuộc đi tìm một con đường giải thoát thật sự.

Cũng nhân đây chúng tôi xin đa tạ sự hùn phước của các thiện tri thức đã giúp cho số báo Tinh Tấn này được thành tựu, để tặng cho những ai cầu đạo giải thoát, nhất tâm nương theo lời dẫn dò của Đấng Từ Phụ “Hãy tinh tấn lên để giải thoát.” Kính chúc quý độc giả thân tâm thường an lạc, giữ vững niềm tin sâu đậm ở Đức Phật, chí nguyện tha thiết, và hành trì miên mật.

Trân trọng,

Tinh Tấn Magazine





Thầy Linh Quang, người tu sĩ không sờn lòng trước nghịch cảnh

Bài HOÀNG MAI ĐẠT

Sáng hôm đó, một buổi sáng trong vùng sa mạc nắng gắt Adelanto nơi nhiệt độ vẫn tiếp tục tăng cao hơn 90 độ vào một ngày giữa tuần cuối tháng Chín năm 2020, Thượng Tọa Thích Linh Quang ngồi đối diện tôi trong phòng tiếp khách của ngôi thất dành cho chư tăng trú xứ tại Chân Nguyên Thiền Viện. Tuy đã lớn tuổi, thầy vẫn giữ phong độ của một trang nam tử cao lớn, đi đứng vững chãi, toát ra sự oai nghi và nghiêm nghị của một con người đầy tự tin, cho dù thầy không còn tráng kiện và có cung cách nói năng điềm đạm nhẹ nhàng cố hữu của người con xứ Huế.

Xéo một bên sau lưng thầy là gian phòng thờ Phật với tôn tượng Phật A Di Đà và Bồ Tát Quán Thế Âm đứng dựa một bên tường; chuông mõ, bồ đoàn nằm ngay ngắn trên tấm thảm màu ấm trông còn mới;

không khí tịch tịnh, đơn sơ nhưng có nét gì đó rất linh thiêng trong sự tĩnh lặng nơi gian phòng. Xa hơn nữa, ngoài khung cửa sổ, những tàn cây xanh đang lao xao trong gió nhẹ, những luồng gió nóng đưa những cánh chim đến vui chơi, ẩn náu dưới những lớp mái ngói âm dương của chùa. Giữa vùng sa mạc khô khốc quanh năm mà có cây xanh, luôn có tiếng chim hót líu lo, có những đôi cánh bé nhỏ bay lướt giữa các tượng Phật, Bồ Tát chung quanh chùa là điều kỳ diệu ở ngôi thiền viện này. Và chim muông không là điều kỳ diệu duy nhất ở một thiền viện mà người Việt từ Quận Cam tới đây thường gọi là “chùa sa mạc.”

Hình trên: Thầy Thích Linh Quang tại Thiền Viện Chân Nguyên, Adelanto, California ngày 29 tháng 9, 2020. (hmd)

Sự việc được ngồi nói chuyện với thầy Linh Quang cũng là một điều kỳ diệu đối với tôi, nói theo khía cạnh tâm linh. Trái đất đang có 7.8 tỷ người, chưa kể hàng vạn vạn tỷ chúng sanh. Vậy mà trong gần hai giờ đồng hồ của buổi sáng hôm đó, chỉ có thầy với tôi ở một chốn không gian tĩnh lặng này. Thế nên nếu bảo là tôi rất hân hạnh được hầu chuyện với thầy Linh Quang vào buổi sáng hôm ấy e là không đủ để bày tỏ hết niềm vui trong tôi, niềm vui của một kẻ tầm đạo tạm dừng chân ở một nơi có bóng mát, như cánh chim tạm trú dưới mái ngói của ngôi chùa, mong được chia sẻ những gì tôi tìm thấy trong cuộc hành trình bằng khả năng viết lách kém cỏi của mình.

Nhìn lại, tôi nhận ra niềm vui này khởi đi từ sáu năm trước, vào cuối tháng Tám của mùa hè năm 2014. Lúc đó Phật Quan Âm Thiền Tự tổ chức lễ Vu Lan. Đây là một ngôi chùa nhỏ ở thành phố Stanton, là nơi mẹ tôi thường đến cúng dường, thăm thầy viện chủ Thích Tâm Thành cùng các sư cô ngay từ ngày bà giúp đóng góp trong việc tạo dựng ngôi chùa. Hôm đó vợ chồng chúng tôi cũng đến dự lễ, và thầy Linh Quang được mời lên ban đạo từ. Khi thầy bắt đầu bài giảng, tôi nghe mấy Phật tử ngồi gần xì xào với nhau, “Ông thầy đó cụt tay.”

Nghe vậy tôi càng chú ý đến thầy hơn, nhận ra hai bàn tay của thầy Linh Quang là mấy cái móc sắt. Chuyện gì đã xảy ra cho vị tăng này? Thầy là nạn nhân trong cuộc chiến Việt Nam? Hay thầy bị tai nạn lúc ở Mỹ? Những thắc mắc đó đã khởi lên trong đầu trong lúc tôi theo dõi bài giảng của thầy nói về lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, ông bà, cứu huyền thất tổ. Thầy giảng không cần bài viết sẵn, nghĩ tới đâu nói tới đó mà rất lưu loát, từ cạn tới sâu, từ ý nghĩa báo hiếu của ngày Vu Lan mà thông thường Phật tử nào cũng biết và nên được thể hiện mỗi ngày trong năm chứ không phải chỉ đợi đến ngày lễ, cho đến “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng,” không nên chấp vào mọi hình thức vì tất cả các pháp đều không có thật tướng.

Trong mấy ngày sau tôi tìm hiểu thêm qua các bài báo cũ, đặc biệt những bài đăng trên tờ nhật trình Việt Báo, thì mới biết thầy Linh Quang từng đến Nepal để xây chùa và bị tai nạn xe cộ, phải đưa về Mỹ để cứu mạng. Hồi đó cộng đồng Phật tử ở Quận Cam có tổ chức gây quỹ giúp đưa thầy từ Nepal về California.

Vì thế mỗi lần lên Chân Nguyên Thiền Viện, thấy bóng dáng của thầy Linh Quang là tôi nghĩ đến việc tiếp xúc với thầy, mong được biết nhiều hơn về nguyên do đưa thầy đến Nepal cũng như vì sao thầy đã về trú xứ tại Chân Nguyên mà không lưu lại miền đất Phật ấy nữa. Một lần kia mang báo Tinh Tấn Magazine tặng Hòa Thượng viện chủ Thích Đăng Pháp, tôi thấy thầy Linh Quang đứng ngoài sân nên đến làm quen, được thầy tiếp chuyện với nụ cười niềm nở, và nhân dịp đó tôi gợi ý rằng lúc nào thuận tiện thì xin thầy dành cho Tinh Tấn một cuộc phỏng vấn. Thấy thầy có vẻ e dè về việc nói đến cá nhân mình, tôi cũng ngần ngại, không dám dòm ngó vào cuộc đời riêng tư của



Thầy Linh Quang tại Lumbini, Nepal, 29 tháng 5, 2006

thầy dấu biết rằng vị tăng này có rất nhiều điều cho tôi học hỏi, và kinh nghiệm của thầy không chỉ giúp ích cho riêng tôi mà còn cho nhiều người khác nữa.

Buổi nói chuyện làm quen với thầy Linh Quang hôm đó tuy không cho tôi được biết thêm chi cả, nhưng cũng đã in lại trong tâm tôi một câu nói của thầy. Lúc hai chúng tôi im lặng vài giây, tôi thì ngấm mấy chú chim lượn lướt trên không, đáp xuống rồi bay đi giữa những nhánh cây và mái chùa, thầy thì dõi mắt về hướng tôn tượng Quán Thế Âm Bồ Tát cách đó chừng một trăm thước. “Mảnh đất Chân Nguyên này linh thiêng lắm,” thầy nói. Tôi cũng nghĩ vậy vì không thể nào hiểu được điều gì khác đã giúp quý thầy có thể dựng lên một thiền viện nguy nga trên một miếng đất giữa vùng sa mạc thế này.

Thế nên tôi vẫn mong có dịp được nói chuyện nhiều hơn với vị tăng đặc biệt này mà loay hoay chưa biết làm sao để trình bày cho thầy biết rõ hơn về ý định của tôi. Thời gian trôi qua cũng hơn một năm. Rồi một chuyện xảy ra khiến tôi không thể chần chừ thêm nữa. Đó là hồi đầu tháng Bảy, nhân dịp lên chùa Chân Nguyên để viết bài về buổi lễ Trai Đàn Chẩn Tế cầu nguyện cho các oan hồn tử sĩ cũng như cho những người đã thiệt mạng vì dịch coronavirus, khi



Từ bên trái là thầy Linh Quang, thầy Đăng Pháp, thầy Hạnh Đắc (đứng sau là thầy Nguyễn Toàn) trong buổi lễ Trai Đàn Chẩn Tế ngày 3 tháng 7, 2020 tại Thiền Viện Chân Nguyên. (hmd)

phỏng vấn bác Phổ Nghĩa Võ Thiện Hiếu về buổi lễ thì bỗng nhiên bác nói lạc đề, quay qua chuyện thầy Linh Quang. Ngoại trừ yếu tố “linh thiêng” của Thiền Viện Chân Nguyên, tôi không thấy có lý do nào khác khiến bác Phổ Nghĩa bất ngờ nói qua chuyện khác một hồi lâu trước khi trở lại câu chuyện về Trai Đàn Chẩn Tế.

Bữa hôm đó bác Phổ Nghĩa có kể như sau:

“Thầy cụt tay cũng có một lịch sử rất độc đáo. Lúc xưa khi hai thầy còn ở trong đời, hai thầy đều là sĩ quan hết, thầy cụt tay [Linh Quang] là đại úy pilot của máy bay vận tải cơ 130. Còn thầy trụ trì [Đăng Pháp] là bạn thân với thầy đại úy pilot. Hai thầy hùn lại. Thầy cụt tay đã xây cất chùa Linh Sơn Việt Nam ở Nepal. Mà tội nghiệp thầy lắm. Khi thầy cất ngôi chùa đó thì cũng lấy tiền túi của thầy, xuất tiền túi ra cất cũng gần xong, được 70, 80 phần trăm.

“Đặc biệt thầy cụt tay đó có một tình thương vĩ đại lắm nhe. Thấy xứ Nepal là xứ nghèo, dân không đủ ăn, nên thầy lập thêm cái viện mồ côi nữa. Thầy nuôi cả trăm em mồ côi. Từ viện mồ côi tới chùa Linh Sơn cũng cách mười mấy cây số.

“Bữa đó thầy chạy Honda thì tình cờ một đàn bò thả hoang băng qua đường làm thầy té xuống. Chiếc xe truck chạy tới cán đầu xe Honda, cán hai cánh tay của thầy mà may sao không cán vào đầu thầy. Chắc có lẽ cũng nhờ Phật độ.

“Thầy có một vị đồng tu ở Ấn Độ, thầy gọi người đó là gần nhất, gọi cho hay. Người đó mới đưa thầy tức tốc qua Thái Lan. Bệnh viện Thái Lan cắt một tay trước vì nó lặt lia rồi, tay còn lại thì họ lấy da bụng lấp lên, giữ lại tay đó. Nhưng khoảng một tuần thì nó thối, hư.

“Thái Lan đầu hàng thì thầy trụ trì ở đây tức tốc cử một thầy qua bến rước thầy cụt tay về bên đây mà điều trị. Về tới bệnh viện UCI, lúc đó nhà tôi ở kế

bên, nên tôi nói thầy đang bị vậy mà nếu thầy mượn một căn nhà hai ngàn mấy [đô] thì cũng tội cho tiền của Phật tử, thành ra gia đình vợ chồng tôi mới đồng ý là thỉnh thầy về nhà tui ở.

“Thầy ở nhà tui, tui chở thầy đi bệnh viện, đi thay băng, đi điều trị cũng gần ba, bốn tháng. Tới khi thầy đã lành, lúc đó hai tay cất hẳn rồi. Thầy có người bạn cũng cụt tay như vậy, cũng người tu, ở trên San Jose, thầy mới lên trên đó ở với người đó dạng người đó chỉ cách tự săn sóc.

“Khi lên đó rồi học cách tự săn sóc được rồi thì thầy cũng trở về nhà tui ở. Gia đình tui có hai đứa nhỏ cũng ngoan, nó nhường hai phòng cho các thầy ở mà điều trị. Cái tích của cái thầy cụt tay là vậy. Tội lắm.

“Cái mà tôi nhớ hoài là lúc tui thỉnh thầy về để ăn, thì thầy vừa ăn vừa nói. Anh coi tui nè, giờ giống như con chó. Vì ăn đâu có tay đâu, phải cúi đầu xuống. Khi nào có tui này thì tui này dứt cho thầy ăn. Thấy tội lắm. Cái nghị lực của ông lớn lắm đó. Theo như người ta bình thường thì người ta cũng mất lâu rồi, tức là tự tìm cái chết chứ hổng muốn ai giúp. Lúc đó khổ lắm. Cụt hai tay đau đớn lắm. Bởi vậy tôi rất khâm phục cái ý chí của thầy. Được cái thầy cũng sĩ quan, tui cũng sĩ quan Đà Lạt hồi xưa, thành ra cũng đồng cảnh với nhau, nên tui săn sóc thầy.”

Nghe bác Phổ Nghĩa kể như vậy nên tôi không chần chừ thêm nữa. Mặc dù còn rất bận với công việc kiếm sống, tôi đã cố gắng dành thời giờ đến Chân Nguyên với hy vọng thuyết phục được thầy Linh Quang kể cho tôi, và cho tất cả quý đạo hữu, biết về một phần đời của thầy mà tôi tin sẽ là lực đẩy cho tất cả mọi người bất kể họ đang ở đâu trên hành trình tâm linh của riêng họ. Đến cuối tháng Chín tôi lên Chân Nguyên gặp thầy vào một sáng Chủ Nhật, được thầy đồng ý cho tôi phỏng vấn vài bữa sau.

Vì vậy sáng hôm đó, một buổi sáng tĩnh lặng trong

vùng sa mạc Adelanto, Thầy Thích Linh Quang trong bộ áo cà sa vàng đã ngồi trong phòng tiếp khách cạnh gian phòng thờ Phật, ôn tồn kể lại một phần đời của thầy, một phần đời rất độc đáo và đầy tình thương như lời bác Phổ Nghĩa đã mô tả với sự trân quý.

*

- *Bữa nay sắc diện của thầy hồng hào hơn hôm nọ.*

Đó là nhờ áo Phật. (Cười) Lúc nào mặc áo Phật thì tự nhiên sắc diện [tốt] nó tỏa ra nhờ thần lực của Phật che chở. (Nghiêm trang hơn) Thật sự thì trong chùa, khi một người cạo đầu thì tự nhiên mặt thấy sáng lên, mà ở ngoài đời cạo đầu thì là chuyện bình thường.

- *Thầy khỏe không? Giờ giấc sinh hoạt thầy ra sao?*

Thường thì mỗi ngày tôi dậy từ 4 giờ sáng. Tắm rửa, ngồi thiền, thể dục, nghỉ ngơi, rồi đi ăn sáng. Còn bữa nào mệt mỗi thì... tùy theo tình trạng sức khỏe của mình. Trong chùa dậy từ 4 giờ, 4 rưỡi thì trễ lắm, tại vì 5 giờ thì phải công phu rồi. Tụng kinh. Không thể trễ hơn được. Tu là phải vậy.

Tuổi già. Luật vô thường. Theo Đức Phật dạy thì thành-trụ-hoại-không. Bây giờ hoại rồi, sắp trở về với không. Hy vọng là được trở về không. Thành ra tuổi này bắt đầu đau nhức. Trả cái nghiệp.

Mỗi người phải trả cái nghiệp khác nhau. Tôi thì bị cái chùn. Hai cái tay là dĩ nhiên rồi. Giờ tới cái chùn nữa. Rồi từ từ nó hư cái này hư cái kia. Tôi bị thần kinh tọa. Tôi bây giờ không ngồi [kiết/bán già] được nữa. Giờ chùn căng yếu lắm rồi. Phải ngồi ghế thế này. Đứng nói chuyện khoảng nửa giờ thì hai chùn nó tê hết. Tới cái tuổi hoại thì nó phải vậy. Năm nay tôi 77 tuổi. Tôi trông khỏe là nhờ tập thể dục, sáng nào cũng tập thể dục. Không có thể dục là con người nó rệu lẹt. (Cười)

- *Cuộc đời thầy trước năm 1975?*

Tôi quê ở Huế nhưng sinh sống ở Đà Nẵng. Lớn lên ở Đà Nẵng, ra trường Phan Chu Trinh, trường [Trung học] công lập ở đó. Đến tuổi đi lính, tôi đi lính như tất cả mọi người. Tôi vô Đại Học Quân Sự. Họ tuyển lựa nhiều lắm. Ra sức mà gánh vác mọi chuyện, rồi đi đông đi tây, đi nam đi bắc. Tôi là Không Quân. Pilot. Đông tây nam bắc, tôi đi nhiều nơi. Lúc đó là năm 1968. Tôi lái máy bay vận tải. C-47, C-19, cuối cùng là C-130, loại lớn nhất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Vui. Cuộc đời đó là một cuộc đời đáng nhớ, mà tôi rất là mê thích về Không Quân. Lúc còn nhỏ, khoảng 15, 16 tuổi, buổi chiều, tôi với người bạn thân đến phi trường Đà Nẵng để coi máy bay nó lên xuống. Hồi đó có ít máy bay lên xuống lắm. Hồi đó thanh bình nên lâu lâu mới có chiếc lên, lâu lâu mới có chiếc xuống, nhưng ấy là niềm vui.

Mình muốn biết máy bay nó làm bằng cái gì, bay ra làm sao. Khi Pháp về nước, máy bay cũ họ để lại xác mang đi đốt. Một trại nhà thầu mua lại xác máy bay, tụi tôi mới lên đó để sờ và thấy có cái bằng vải, cái bằng nhôm, cái bằng sắt. Lúc đó mới khám phá ra: Ô, máy bay nó đủ thứ. Nhưng mà với cái trí óc non nớt tưởng tượng thì cũng là niềm vui.

- *Thầy lái vận tải cơ chở lính, chở quân cụ. Thầy còn nhớ kỷ niệm nào để lại nhiều ấn tượng nhất?*

Ồ thôi. Đừng nói chuyện chiến tranh nhiều quá. Đó là việc mình phải làm. Trai tráng trẻ thời đó thì làm mà không có nghĩ tới. Đó như là công việc thường ngày. Sáng ra thì vác dù đi, bay vậy thôi, chiều về. Sáng cất cánh từ Sài Gòn, ăn sáng ở Biên Hòa, ăn trưa Đà Nẵng, chiều về Pleiku, trở lại Sài Gòn ban đêm. Hoặc là đi xuống miền Nam, Cần Thơ, rồi ra

Thầy Linh Quang
trụ trì Chùa Linh
Sơn, Lumbini ngày
1 tháng 6, 2003



Phú Quốc, đi về Rạch Giá. Ngày nào cũng đi như vậy. Một tuần được nghỉ một ngày, hai ngày. Hầu như ngày nào cũng đi.

Nhưng mà đó là ước mơ của tôi, được đi mây về gió, thành ra tôi rất là thích cái kỷ niệm đó. [Cái cảm giác ở trên cao lần đầu] rất là lạ lùng và hệt hăng vì con người bỗng nhiên ở trên cao.

Lúc đầu tập bay không biết gì hết nữa chỉ thấy bay vù vù ào ào, nhất là bắt đầu mở máy tiếng nổ của nó lớn quá. Tiếng động, cảnh lạ chung quanh làm cho mình quên hết tất cả những gì mình học về đời bay bổng. Lúc cất cánh lên rồi thì ngồi chổng chành như trên mây vậy đó.

Lúc mình đi học thì có thầy ngồi sau chỉ dẫn. Từ 35 đến 40 giờ thì học trò phải có khả năng bay một mình. Solo. Mình gọi là đơn phi. Đơn phi là tới 40 giờ học trò. Lúc đó ngồi đằng sau không có người thầy nào cả, mình có cảm giác mình cầm vận mệnh của mình. Lúc đó lái T28, máy bay huấn luyện.

Tôi qua Mỹ từ năm 66 đến cuối năm 67 mới về. Tôi được huấn luyện ở nhiều chỗ lắm, Randolph [Air Force Base, Texas], Keesler [Mississippi], rồi McGuire [New Jersey], nhiều lắm.

Họ tuyển chọn ở Việt Nam. Hồi đó tuyển chọn gắt gao lắm. Một người phải tranh từ 80 đến 100 người để được chọn. Tỷ lệ từ 80 đến 100 người lấy một người. Họ tuyển chọn theo tiêu chuẩn mắt, sức khỏe, chiều cao, cân nặng, phổi, đủ thứ hết. Hồi đó chỉ cần cao 1 thước 6 thôi. Tôi cũng đủ chiều cao. Phải cao như vậy vì máy bay nó chế cho người Mỹ xài. Chum nó dài, khoảng cách nó lớn, vậy đó. Mình phải theo. May là tôi có chiều cao vậy cũng được. Tôi từ Mỹ về Sài Gòn độ một, hai tháng thì Tết Mậu Thân. Tôi cấm trại từ đó đến 75.

Như mọi người, tới tuổi đó ai cũng phải đi lính. Tôi thì thích Không Quân nên tôi tình nguyện vào Không Quân. Thành ra cuộc đời tôi là một chuỗi dài thích thú. Đi lính nhưng mà vui. Làm đủ thứ chuyện, tải quân, chở hàng, tải thương, đủ thứ. Thích nhất là sáng đi trên mây tới một thành phố xa lạ khác chỗ mình ở, chiều lại trở về... Đi mây về gió. Sáng thì có thể ở dưới biển, trưa hay chiều có thể bay lên trên núi, Pleiku, Kontum, Ban Mê Thuột, hoặc là ra Huế. Xa nhất là Huế, Đà Nẵng rồi vòng mũi ra Nha Trang.

- Lúc biến cố tháng Tư 1975 xảy ra thì thầy ở đâu?

Gia đình tôi ở Sài Gòn. Lúc đó trại ở Sài Gòn, tôi ở Tân Sơn Nhất. Tôi bay qua Thái Lan rồi đi Mỹ. Lúc đó là buổi sáng. Sếp từ trên nói, Bộ Tư Lệnh nói xong rồi. Bộ Tư Lệnh cho các anh tan hàng. Vậy là Bộ Tư Lệnh không còn nữa. Hôm đó là 29 tháng Tư. Tôi đi một mình. Gia đình đi trước rồi.

Qua Mỹ được khoảng 10 năm thì tôi xuất gia. Sau khi gia đình ly tán, tôi nghĩ cuộc đời mình bây giờ cũng già rồi. Chuyện lập lại [gia đình] thì chỉ là một cuộc sống bình thường. Tôi nghĩ, thôi xuất gia cho khỏe cho rồi.

Trước đó tôi có nghĩ tới chuyện đi tu. Tôi có tham



Sau cơn mưa đá 1 kí lô +

Hình trên, sau cơn mưa đá 1 kí lô, ngày 14 tháng 5, 2009 tại chùa Linh Sơn.

Một bệnh nhân bị bâu cổ đến phòng phát thuốc của chùa Linh Sơn ngày 2 tháng 12, 2005



gia Phật pháp rồi, xây chùa ở Michigan. Tôi ở cùng chỗ với thầy Đăng Pháp. Anh em tụ họp lại. Qua đây khoảng 1980 bắt đầu có ý là xây chùa, tụ họp nhau lại mua cái nhà thờ nhỏ rồi cùng nhau tụng kinh, kinh kệ. Sau đó thầy Thích Huyền Vi [từ bên Pháp] qua hướng dẫn. Thầy Thích Trí Siêu là một trong các đệ tử lớn của thầy Huyền Vi. Thầy Trí Siêu là một người rất giỏi của giáo phái Linh Sơn. Thầy ấy tu theo hạnh đầu đà là đi khắp nơi, không trụ một nơi nào hết.

- Do duyên nào mà thầy cùng thầy Đăng Pháp xây chùa ở Michigan?

Cái duyên của tôi với thầy Đăng Pháp là tỵ nạn. Chúng tôi gặp nhau lúc tỵ nạn rồi cùng nhau xây dựng chùa. Gặp nhau ở tinh thần đạo pháp. Hồi đó tôi được Hòa Thượng Huyền Vi quy y rồi vào phái Linh Sơn. Chúng tôi đặt tên chùa ở Michigan là Linh Sơn, hồi đó là của phái Linh Sơn. Bây giờ chùa vẫn còn. Năm 1990 tôi nhận lãnh trách nhiệm xây chùa mới cho chùa Linh Sơn. Tôi hoàn thành cái chùa đó. Cũng tốt. Cũng đẹp. Cũng còn cho tới bây giờ. Các Phật tử vẫn sinh hoạt ở đó. Cũng 40 chục năm rồi.

- Duyên gì đưa thầy đến xứ Nepal?

Tôi qua Pháp xuất gia với Hòa Thượng Huyền Vi.



Tặng gạo và áo quần mới cho người nghèo, 17 tháng 11, 2003.

Hồi đó Hòa Thượng nói có miếng đất ở bên Lâm Tỳ Ni. Thầy Huyền Vi muốn Tứ Động Tâm mỗi nơi phải có một cái chùa của Linh Sơn. Tới nay thì thầy thực hiện được ba cái. Thứ nhất là ở Bồ Đề Đạo Tràng, thứ nhì là Câu Thi Na, thứ ba là Lâm Tỳ Ni. Tôi đảm nhiệm xây cái chùa ở Lâm Tỳ Ni đó.

(Tứ Động Tâm là bốn thánh tích liên quan đến những sự kiện trọng đại nhất trong cuộc đời của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, có thể làm rung động tâm thức của người hành hương. Lumbini hay Lâm Tỳ Ni nay thuộc nước Nepal nằm gần biên giới Ấn Độ, là nơi Thái Tử Tất Đạt Đa đản sanh. Bodhi Gaya hay Bồ Đề Đạo Tràng nằm ở tỉnh Bihar, đông bắc Ấn Độ, là nơi Thái Tử Tất Đạt Đa thành đạo. Sarnath, hay Lộc Uyển hoặc Vườn Nai thuộc tỉnh Uttar Pradesh, là nơi Đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên sau khi ngài thành đạo. Kushinagar, hay Câu Thi Na cũng nằm trong tỉnh Uttar Pradesh, là nơi đức Phật nhập diệt.)

Anh có đi Tứ Động Tâm chưa? Sau vụ dịch Covid này thì nên đi đi chứ. Du hành trong tư tưởng không thì không được đâu, phải tới đó để cảm nghiệm, cảm nhận được những điều kỳ diệu xảy ra trong cảm giác. Có người thì khóc nức nở khi tới chỗ Phật nhập diệt, có người khóc nức nở ở chỗ Phật đản sinh, có người khóc nức nở ở nơi Phật thành đạo, hoặc là nơi lần đầu

tiên Phật giáo hóa chúng sanh ở Vườn Nai, Lộc Uyển. Thành ra tự anh tới đó mới cảm nhận cái từ trường của Đức Phật mỗi nơi mỗi khác. Có người không cảm nhận được gì hết.

Thầy Linh Quang ngưng vài giây để hồi tưởng. Bên ngoài cửa sổ sau lưng thầy, tôi vẫn thấy những bóng chim bay lượn, vẫn nghe tiếng kêu ríu rít của chúng như trong suốt thời gian tôi nghe thầy kể chuyện. Rồi thầy nói tiếp.

Tới trước chỗ Kushinagar nơi đức Phật nhập diệt, vừa bước tới cửa thì tôi cảm nhận một luồng điện từ trên đầu chạy xuống rần rần tỏa ra hết cả người. Tôi đã cảm thấy ngầy ngất trong đạo Phật. I dont know. Và cái cảm giác đó đến với tôi mỗi lần tôi bước vào, cái cảm giác có một luồng điện từ trên phóng xuống dưới. Rất là hay. Cái cảm nhận đó, tôi nghĩ là ân huệ đó thì chỉ có người nào tới nơi mới có, có duyên với Phật pháp mới được cái ân huệ đó. Cái cảm xúc đó không nói được, như một luồng điện từ trên đầu chạy xuống.

Thầy lại ngưng nói, trở về với ngày tháng ở ngôi chùa Linh Sơn tại Michigan, nơi thầy cũng từng có một kinh nghiệm tâm linh tương tự mỗi khi tụng câu đầu tiên trong bốn câu của bài Khai Kinh Kệ do Nữ

Hoàng Đế Võ Tắc Thiên để lại cho thế gian.

Khi còn là Phật tử ở cái chùa đó, có một khoảng thời gian mỗi lần tôi tụng câu “Vô thượng thâm thâm vi diệu pháp...” thì có một luồng điện chạy từ trên đầu xuống tỏa khắp thân. Mỗi Chủ Nhật lên chùa tụng kinh, tôi đều có cái cảm giác đó, hơn một năm sau mới hết. Chùa Linh Sơn, Michigan. Lúc đó chưa xuất gia, chưa đến Tứ Động Tâm. Cái cảm giác đó không có lời tả lại được. Nhưng tôi cảm thấy có một luồng điện từ đầu nó phóng xuống, nó tỏa ra hết, từ đầu xuống đến chum luân, tỏa ra hết ở châu thân như vậy đó. Bắt đầu từ câu “Vô thượng thâm thâm vi diệu pháp” mà hơn một năm sau tôi vẫn cảm nhận được. Rồi từ từ nó mất. Tôi thấy cái cảm giác rần rần, suốt một năm như vậy, mỗi lần tụng câu đó là có cảm giác như vậy. Tôi nghĩ ầu cũng là cái điều gì đó, thành ra tôi đi tu luôn.

Nói đến đây thì thầy cười nhẹ, nét mặt rạng rỡ với vẻ hài lòng.

Trong đời của tôi có hai quyết định mà tôi thấy đúng đắn nhất, một là tôi vào Không Quân, thứ nhì là tôi đi tu. Đó là hai quyết định đúng nhất trong cuộc đời của tôi.

Mười một năm xây chùa Linh Sơn

Thầy Linh Quang trở lại với câu chuyện xây chùa ở Nepal, nơi mà Hòa Thượng Thích Huyền Vi được cúng dường một miếng đất để xây chùa. Ni Sư Thích Nữ Trí Thuận, một đệ tử khác của thầy Huyền Vi, đã đến dựng hàng rào chung quanh miếng đất trước khi thầy Linh Quang đến vào năm 1995.

Xuất gia với thầy Huyền Vi, xong tôi qua Nepal xây dựng chùa Linh Sơn ở Lâm Tỳ Ni. Nepal gần Ấn Độ giống như Việt Nam với Cao Miên. Tôi tự xây lấy vì không ai muốn làm hết. Tôi tình nguyện đến Nepal, không có ý niệm gì về Nepal, không có ý niệm về Tứ Động Tâm. Có thể có những người đã đi rồi, biết rồi, nó cực, nó khổ, nó đủ thứ, thành ra... đó là chưa có duyên, không ai chịu đi hết. Tôi qua đó một mình.

Cô Trí Thuận đã xây ở đó cái hàng rào, chu vi của chùa, cao khoảng nửa thước. Cô nói chùa ở chỗ đó đó, qua đó mà tìm. Đến nơi tôi phải nhờ người chở đi tìm, rồi tìm ra chỗ. Miếng đất không có gì hết trơn, không có nhà không có gì hết. Miếng đất rộng một hecta, 120 thước nhân 120 thước. Lúc đó tôi không có ý định nào quay lui hết. Cũng có nhiều thử thách lắm, nhưng tôi vững niềm tin ở Phật pháp. Tôi biết đó là thử thách. Từ lúc xây đến lúc gần hoàn thành,

tôi chưa bao giờ có ý định bỏ chùa hết, không biết tại sao, cực khổ lắm. Có một mình tôi, ban đêm phải ngủ nhờ chùa Đại Hàn ở kế bên, rồi khi xây được một chỗ tạm tôi mới về ở trong đó.

Miếng đất có trần với rần, nhiều lắm nhưng tôi không thấy sợ gì hết, không biết tại sao. Rần rất là nhiều, nhất là vào mùa mưa. Mùa hè nó dễ trứng, mua thu nó nở con, mùa đông mưa, mưa thì cóc nhái nó sinh ra, thành ra rần con nở ra thì ăn cóc nhái. Buổi chiều ở chùa không có làm gì thì đùa với rần chơi. Có một mình tôi à. Mấy con rần con nó có một khúc như vậy (dài cỡ chiếc đũa), mình rượt nó chạy lăng quăng chơi. Mình dậm chum cho nó chạy cho vui (cười lớn). Có một mình tôi. Để coi, mười một năm, có mình tôi à.

Mười một năm thì tôi xây gần xong hết rồi. Dự trù



Ngày 7 tháng 3, 2006

năm 2007 khánh thành thì cuối năm 2006 tôi bị nạn (cười nhẹ). Lúc đó chùa đã có chánh điện, có hết, xong xuôi hết rồi. Phật thì chưa đem về thôi.

Đất đó là đất của người Hồi Giáo, thành ra người Hồi Giáo, người âm đó, họ không thích mình tới đó hay làm sao đó, những ma quỷ họ phá.

Ví dụ như tôi ngủ, cửa nẻo mới xây nhà được để tạm ở đó, cửa sắt, ông làm cửa đo trật, hai cái không có cửa, tôi mới lấy ván che lại, mà trong này tôi chèn ép xong rồi tôi đứng ngoài tôi động vô nó không nhúc nhích, nó chắc rồi! Nhưng một vài ngày sau ông thợ chưa đem cửa tới kịp thì trong một đêm 30 đó trời tối đen như mực, tôi đang ngủ, tự nhiên sao mà gió nó thổi ào ào vô trong phòng, lạnh quá. Tôi thức dậy, nói, ủa, gió đâu mà vô trong phòng dữ vậy, tôi lấy cái đèn pin ra soi, cái cửa tôi tắt hồi chiều [mà tôi nhảy vô nó không có sứt đó] bây giờ mở toang hoang ra rồi. Gió không thể nào mạnh bằng cái sức nặng mà tôi chặn ở cánh cửa, vậy mà... Lúc đó tôi cũng sợ, biết sao không, tôi định thần, thôi kệ, chắc có một động lực thử thách

nào đó thử coi mình có xách dép bỏ chạy không.

Tôi trầm nghĩ vậy rồi tôi niệm Phật. Phải nhờ tha lực thôi mới sống được. Tôi niệm Phật. Rồi tôi đóng cửa lại. Tôi niệm, cầu Phật che chở cho con. Rồi đi ngủ. Tôi biết không làm gì được với những người vô hình đó.

Có những đêm trời mưa, mình tôi với hai người gác đàn ở phía ngoài thôi, cả cái chùa mênh mông như vậy mà có mình tôi nằm chèo queo ở trong phòng đó, nghe tiếng cửa trên nóc nhà. Tiếng cửa sắt, mái nhà là mái tôn, mà cửa sắt thì nó âm vang dữ lắm. Rọt, rọt, rọt. Chết rồi, ăn trộm. Rồi tôi nghĩ, ủa ăn trộm thì ở dưới đất, nó leo lên đầu cửa ồm vậy thì làm sao mà trộm được. Tôi biết chắc có cái gì đó. Tôi nằm tôi khấn, tôi nói giờ con qua đây để xây chùa, chuyện gì



Quà xố số 2003

các ngài muốn thử thách thì làm gì thì làm, phần con thì con đi ngủ thôi, sáng mai con có việc con làm tiếp. Khấn xong tôi đi ngủ. Ba đêm như vậy, tôi không sợ nữa.

Rồi có những đêm mưa gió bão bùng, tôi nghe văng vẳng như có tiếng người. Ở bên đó chó sói nhiều lắm, mà mỗi lần chó sói nó tru nghe giống như hồn ma khóc. Lúc đầu mới qua tôi hỏi mấy người thợ, tại sao ban đêm có người nào khóc, đi từ chỗ này qua chỗ khác. Họ nói ở đây đâu có ai khóc đâu. Sau này tôi mới nghĩ là chó sói, chó sói nó tru, tiếng tru gọi đàn, chó sói tru trắng, tru ma. Nó tru “hú hú” như tiếng khóc than vậy đó. Sau rồi cũng quen.

Có những đêm mưa gió bão bùng nghe những tiếng ào ào, tôi nằm lắng nghe, rồi tôi nghe đó là tiếng tụng kinh Thiên Thủ Thiên Nhân, Chú Đại Bi. Tôi nói, ủa, sao nghe giống tiếng Chú Đại Bi. Cuối cùng tôi định thần lại thì nghe đó đúng là tiếng Chú Đại Bi, tôi nằm tôi tụng theo luôn. Cái tiếng đó, không biết do tưởng tượng hay do mưa gió, mấy đêm như vậy, tôi

tụng theo trong mưa gió như vậy rồi tôi ngủ tiếp. Tôi cũng chẳng sợ nữa, tại vì tôi nghĩ, thôi, chết thì thôi chứ bây giờ làm sao giờ, có một mình mình,

- *Thầy tìm đâu ra nguồn tài trợ cho việc xây chùa?*

Chung quanh tôi có rất nhiều chùa. Có những hội lớn tài trợ thành ra có những cái chùa được xây rất là lớn, quy mô, như chùa Tàu, chùa Tây Tạng, chùa Đại Hàn. Họ được tài trợ, tôi thì không có ai hết. Họ có một cái quỹ, xây tới đâu thì rút tiền từ cái quỹ đó, còn tôi muốn xây thì đi xin. [Làm] một vòng đi xin Phật tử Việt Nam xong rồi về mới có tiền xây chùa.

Tôi phải đi tất cả các nơi trên thế giới, xin các chùa, các Phật tử. Cuộc đời đó rất là đau khổ, nhưng dạy cho tôi rất nhiều điều, tôi trưởng thành từ lúc đó. Đến chùa, muốn nói chuyện quyên tiền với Phật tử thì phải hỏi thăm thầy trụ trì, thầy có cho phép thì mới được tới. Thành ra lúc đó tôi cũng muốn bỏ cuộc vì khó khăn quá. Nhiều đêm tôi ngồi suy nghĩ lại, đi quyên tiền nhiều lúc là sự thử thách trong việc xây chùa này, để cảm nhận ngày xưa Đức Phật như thế nào, khát thực như thế nào.

Tôi biết muốn có tiền thì phải đi xin hàng năm. Làm việc tay chân thì ra tiền. Nhưng mà ông thầy tu thì việc của ông là làm việc về trí óc, về tinh thần. Một người đau khổ đến nhờ ông thầy tu, mà nếu thầy không tu tập thì làm sao hướng dẫn được. Chính đó là tu học rồi. Làm việc tay chân hay buôn bán là để trao đổi. Tu đây cũng là trao đổi nhưng không phải là vật chất. Một khi anh đau khổ đến gặp ông thầy, được thầy hóa giải cái đau khổ đó, như vậy thì vị thầy đó làm tròn bốn phận, sứ mệnh rồi, chưa kể giúp họ tu hành để sau này cuộc đời họ được nhiều phúc đức, sung sướng hơn. Chưa nói đến Phật pháp, chỉ nói tinh thần và vật chất thôi.

Người đời không để ý, không hiểu. Họ nghĩ là ông thầy chùa chỉ ăn rồi tụng kinh. Nhưng không tụng kinh thì lấy phước đâu mà lo cho Phật tử. Mà Đức Phật có dạy rồi, Phật tử phải lo phần vật chất, Sư thì lo phần tinh thần, trao đổi qua lại. Nói chuyện quyên góp của tôi thì có rất nhiều cay đắng, nhưng rồi đó là những bài học thôi.

Mở phòng phát thuốc

Lâm Tỳ Ni là một cái làng nghèo lắm. Họ ăn ngày có hai bữa, rất là giản dị. Món cà ri có thể nói là món chính, [nấu bằng] tất cả rau cải họ có thể mua được hoặc hái được trong vườn, bỏ thêm bột cà ri vào. Họ nghèo lắm, không giúp gì mình được. Trong mười mấy năm ở đó thì tôi được cúng dường bởi vài ba người. Lần đầu thì hình như là ba trăm rubi, là bốn, năm đó

gì đó. Phật tử Nepal cúng dường trong mấy năm đó là chừng năm đô la. Mười mấy năm.

Xây được nửa chừng tôi cảm thấy dân ở đây nghèo quá. Những cái chùa nguy nga thì mỗi năm có mùa du lịch. Mùa hè rất là nóng, mùa đông rất là lạnh. Mùa [du lịch] duy nhất là tháng 11 và tháng 12, chỉ có hai tháng đó thôi, sau đó là mùa đông, lạnh rất là lạnh, rồi tới mùa xuân, đi rất là nhanh vào mùa hè. Người hành hương về đây một năm có hai tháng đó thôi. Quanh năm như vậy thì chùa hứng bụi.

Thấy vậy nên tôi mới lạy Phật, con thấy ở đây chùa của Phật rất là nhiều mà chỉ để hứng bụi

thời gian thôi chứ không giúp ích gì cho người dân. Ở đây họ theo Ấn Độ giáo nhiều, có Phật giáo nhưng rất ít, như vậy thì xây thêm một cái chùa nữa cũng chỉ là để hứng bụi thôi chứ đâu có làm gì được. Dân thì nghèo quá. Thôi vậy thì con xin Ngài mỗi lần đi quyền góp thì con chia làm hai phần, một phần để con xây chùa, một phần để con giúp đỡ người dân ở đây.

Tôi phát thuốc kể từ năm thứ ba xây chùa. Tại vì những người thợ của tôi đâu có tiền mua thuốc. Họ bị thương họ để vậy, hôm sau tôi thấy có cái gì đen chảy từ vết thương xuống dưới. Tôi hỏi cái này là cái gì vậy, sao nó đen vậy, thì họ mới nói - tôi không ngờ được - người cai của tôi dịch lại, cái đen này là dầu nhớt xe mà họ thả ra, người thợ lấy nó bôi lên vết thương vì đâu có tiền mua thuốc. Bôi như vậy thì ruồi mới không bu vào. Bên đó ruồi nhiều lắm vì ở dơ. Hai, ba lần như vậy tôi thấy tội nghiệp, tôi nghĩ phải mở phòng phát thuốc cho họ, rồi từ đó mới từ từ mở ra. Các Phật tử cũng cho tiền. Thật sự mình làm việc thiện thì chư Phật chư Bồ Tát cũng ủng hộ cho.

Từ đó tôi có phòng phát thuốc. Tôi muốn bác sĩ, muốn y tá phát thuốc. Lúc đầu mở ba ngày mỗi tuần, sau mở sáu ngày, một ngày nghỉ. Một ngày như vậy nhận khoảng 30 bệnh nhân, khám bệnh cho thuốc. Buổi sáng rộn ràng lắm, nhưng từ lúc có phần phát thuốc thì tôi cũng đau ốm rất nhiều. Tại vì những người đến xin thuốc là người bệnh, mà tôi ra phát thế, rồi họ la làng “đây, đây” tôi vô tình hít phải vì trùng đó. Nhưng may là xứ đó là xứ nghèo, nên vì trùng của họ cũng chỉ là cảm cúm nhức đầu vậy thôi, chứ không có những gì quý quái như ở bên này. Thành ra vài ba tháng tôi bị bệnh một trận, tại vì họ bệnh, mình bệnh (cười ha ha), rất là vui. Sau này tôi già rồi, tôi mới nói thôi để cho y tá họ ra làm việc. Tôi còn lo coi việc phát



Lễ đào móng Cô Nhi Viện Linh Sơn, 19 tháng 1, 2004

thuốc, coi thợ xây chùa nữa.

Mở viện mồ côi

Rồi năm 2005 tôi bắt đầu nhận trẻ mồ côi. Hồi đó là mùa Phật Đản tôi nhận hai mươi mấy đứa trẻ mồ côi. Lúc đầu nuôi trong chùa, sau mua đất phía ngoài. Trước khi đến Lâm Ty Ni khoảng 5 cây số bên tay phải có cái tòa nhà hai tầng, bây giờ chắc họ xây nhiều rồi, thì đó là Cô Nhi Viện Linh Sơn, rồi kế cô nhi viện tôi xây trường học. Bên kia tôi xây bốn lớp tôi cho ông thầy đó, bên này tám lớp. Trường học thì nhắm về con gái chứ không phải con trai. Bên đó họ còn trọng nam khinh nữ lắm, thành ra con gái bị thiệt thòi. Trong nhà có cái áo thì cho con trai chứ không cho con gái. Thành ra được đi học là con trai chứ không phải con gái, mà đi học xa nữa. Thành ra tôi nói mình mở cái trường ở gần đây, tiền học mình lấy rẻ thôi, đủ tiền trả cho giáo sư thôi, thì con gái có cơ hội. Mà đúng thật. Con gái đi học nhiều lắm. Đến sau này có tiền nữa thì cho con gái học không lấy tiền, con trai thì [lấy tiền] tăng lên để lấy tiền [chi] trả cho con gái (thầy cười). Từ từ nghề dạy nghề. Thành ra sau này nhiều con gái có cơ hội học hơn.

Tại vì mình sinh ra do mẹ chứ không do cha. Ai cũng có mẹ hết (cười), rồi mình lớn lên do mẹ chứ không do cha. Người mẹ mà có học thì dạy con một cách khác, người mẹ không có học dạy con một cách khác. Sau này người mẹ cầm miếng giấy lên thì biết miếng giấy nói cái gì, cầm một cái toa thuốc biết thuốc cho bệnh gì và uống như thế nào. Còn một người mẹ mà mù chữ thì sống cuộc đời tăm tối thì làm sao mà đối phó.

Xây trường được một năm, xong xuôi hết thì tôi bị nạn. Bây giờ trường đó vẫn còn. Còn phòng thuốc thì dẹp vì tôi bị nạn, không có ai tài trợ. Chùa thì để đó,



tiền đâu mà bồi thường. Lúc đó 9 giờ sáng. (Thầy ngưng nói một lúc khá lâu). Thành ra thôi huê tiền. Sau này tôi nghĩ có sự sắp xếp nào đó rồi. Đạo Phật mầu nhiệm lắm. Những người không tin thì không biết, những kinh sách đọc thấy hoang mang, nhưng hiểu rằng đó là kinh của chư Phật, chư Tổ, thành ra điều đó đúng, trí mình chưa tới. Tôi biết có sự sắp đặt. Tôi bị nạn, xong rồi tôi về đây (California) để chăm sóc sức khỏe, rồi từ từ bỏ luôn bên đó.

Hôm bị nạn tôi được đưa qua Thái Lan. Thầy Đăng Pháp có qua Thái Lan, đem tiền qua đóng. Tôi nằm mê man. Tôi nghe nói rằng là họ cứu được tôi nhưng hai cái tay không cứu được, phải cắt hai cái tay. Tôi nghe, tôi nằm mê man nhưng tôi nói “No, no, no.” Họ giúp tôi để lại một cánh tay, thì cánh tay trái giữ lại nhưng không làm gì được, tại vì lúc cà xuống mặt đường, những da thịt gân đứt hết, những cái gân kết nối của tay đứt hết rồi thì làm sao mà cứu được.

Hình trên: Thầy Linh Quang bảo trợ năm em học nữ hộ sinh và đã ra trường. Hình năm cháu với ông Bác Sĩ Giám Đốc Trường. Từ trái qua phải Kabita Karuki, Anita Jaishwal, Manisha Gautum, Maya B.K. Ratna Kumari, ngày 1 tháng 11, 2003.

Hình bên trái: Các cháu học trò nữ hộ sinh đứng trước Chùa Linh Sơn, Lumbini tháng 11, 2004



sau có người đến lo. Thôi thì cái nghiệp mình trả tới đó đủ rồi.

- Thầy bị nạn như thế nào?

Tôi đang chạy xe đi mua vật liệu xây chùa thì bị xe ngược chiều tông. Tôi đi xe máy. Chiếc xe jeep chạy ngược chiều tông tôi gãy tay. Bên đó họ chạy ẩu, có tông thì ráng chịu, nó là người lái xe muốn thì

Cánh tay phải họ cắt ra khỏi khủy tay một chút, tay trái thì còn, nhưng mà về tới đây nó bị hoại tử, chảy nước ra vì không có mạch máu chảy xuống nuôi nó, chết từ từ nên phải cắt.

Ai chăm sóc Chùa Linh Sơn sau khi thầy đi?

Người kế tiếp, rồi người kế tiếp, rồi người kế tiếp khác, xong chết bên đó. Người chết bên đó tôi nghĩ bị đầu độc. Tôi nghĩ vậy thôi. Xong cô Trí Thuận mới đến tạm giữ chùa. Bên đó, sống có một mình hà. Có tiền thì không dám nói vì không có gì bảo vệ mình hết ngoài cái niềm tin Phật pháp. Có tiền thì nó vô nó giết, nó cướp. Không có tiền thì nó không làm việc. Nhiều lúc tôi không có tiền mà cũng không dám nói gì hết trơn, rồi phải cầu cứu. Nhưng mà rồi trong Phật pháp các ngài cũng thử mình cho đến cùng cực để coi thử. Tôi nghĩ đó là sự thử thách trong Phật pháp, coi thử tâm mình như thế nào, có lay chuyển hay không, vậy thôi. Cuối cùng tôi cũng chịu khó, cũng qua.

Bên đó tôi cũng xây một cái trường học cho một

thầy kia, xây một cái chùa cho ông thầy Nepal, rồi bên này xây cái chùa Linh Sơn, xây một cái cô nhi viện, một cái trường học. Phía sau trường tiểu học là một hecta đất tôi để dành đó, tôi nói với người dân địa phương miếng đất này không được bán, tôi muốn miếng đất này dành cho dân Nepal sau này xây một cái trường đại học để dân trí ở đây được mở mang. Trường đại học của Linh Sơn - Buddhist school sẽ là ở đây, không ai được bán. Chỉ mua để làm cái trường đại học. Tại vì ở đó không có trường đại học. Trường đại học gần đó cũng xa gần 30 cây số. Dân nghèo làm sao đi được. Thành ra tôi cũng trả ơn Phật.

Sống với tay móc sắt

Ở nước Mỹ đây thì chính phủ cung cấp cho. Tôi thuộc thành phần handicap. Giai đoạn đầu làm quen rất khó. Trước khi làm cái tay giả này tôi đã mong mỗi rất là nhiều. Tôi ở nhà Phật tử Phổ Nghĩa chăm sóc dưới đó. Lúc bấy giờ khó chịu lắm. Những cái chuyện chỉ nhỏ nhặt mà mình phải nhờ người khác là vì nó nặng, nó cồng kềnh, cầm đầu rất đó. Cái móc sắt này nó không có mạnh, không có sức, cái lực kẹp của nó không mạnh. Mạnh quá thì mình mở ra không nổi. Lực kẹp này chỉ có vài pound thôi, thành ra cầm cái gì nặng thì nó rớt.

Nhiều lúc nhờ người rất là khổ. Thí dụ như tôi muốn đi bác sĩ hoặc là đi mua cái gì đó mà họ không rảnh, làm sao đi. Từ đó tôi nghĩ mình phải tự lập. Lúc có hai tay này, tôi tới nhờ một cái ông ở trên San Jose. Ông đó cũng bị cụt hai tay. Mình học ổng. Muốn mặc áo thì làm cái giá treo áo lên, rồi cầm hai tay kẹp lại móc lên cái giá đó, có chum đập kẹp thả ra rồi nó giữ cái áo ở trên đó để mặc. Tôi về tôi cũng nhờ làm một cái giá. Ông Nguyễn Quý An cũng ở bên Không Quân, lái máy bay trực thăng. Trực thăng của ổng bị bắn cháy, bị rớt. Lúc chưa bị nạn, ông ấy đã cứu một phi hành đoàn Mỹ bị rớt máy bay, trong chiến trận như vậy mà ông nhào trực thăng xuống để cứu phi hành đoàn Mỹ, đưa họ lên máy bay của ổng rồi ổng bay đi. Chính nhờ đó mà sau năm 1975 người Mỹ nhớ ơn mới vận động với Quốc Hội Mỹ mà cứu ổng, khi ông bị mắc kẹt ở Việt Nam. Họ qua bên Hà Nội để điều đình, họ chở ông thẳng từ Việt Nam về Mỹ luôn.

Mỗi người có một cách riêng. Ông chỉ vậy nhưng tôi thấy rất là bất tiện vì không đi đâu được hết, phải ở quanh quẩn bên nhà thôi. Đi xa không mang theo được cái giá. Ông nói mỗi lần phải đi thì tháo cái giá đó ra, đem xách theo trong hành lý, tới nơi nhờ người vác nó lên. Bất tiện vậy. Nên tôi nghĩ nó ngăn chặn cái ý muốn của tôi. Tôi ngồi tôi nghĩ, tôi không thể để cái này ngăn cản ý chí của tôi được, thành ra từ từ tôi tập, đổ mồ hôi dử lắm.

Lúc tôi tập mặc áo quần, khó nhất là mặc cái áo, xỏ hai tay vô đó, một tuần lễ tập không được, tay nó đau, nó mỏi, nó nhức, mồ hôi vã ra. Lúc thành công được, tôi la lên, vui quá, tôi nhảy lên, từ đây tôi sẽ tự do, không bị giới hạn bởi cái việc mặc áo quần nữa. Và cái giá đó tôi tháo bỏ đi, tôi tự mặc áo quần lấy. Bây giờ tôi tự mặc áo quần, không nhờ người chở đi tới đi lui, rồi tôi tập lái xe, họ có những đồ đạc cho xe, lên

Youtube coi đó, rồi tôi tự làm lấy. Bây giờ tôi lái xe bình thường, từ đây xuống dưới đó (Quận Cam), thỉnh thoảng đi xuống San Diego cũng một mình tôi lái. Hay là bây giờ đi châm cứu, từ đây xuống Los Angeles tôi tự lái đi rồi về.

Tiếp tục làm từ thiện

Mười năm như vậy. Bây giờ tôi còn về Việt Nam. Cái máu từ thiện đó nó ở trong người (cười khi). Bây giờ tôi giúp 11 sinh viên bác sĩ và y tá. Mấy em đó học ở Đà Nẵng. Tôi giúp các em học. Cũng là Phật tử. Đồng ra đồng vô vậy đó, giúp 11 em. Một em mới ra trường. Hai năm rồi tôi có về thăm, cho các em đi chơi, tạo sự thân ái. Hàng tháng tôi giúp tụi nó, tại vì ở chùa này tôi cũng còn sung sướng quá so với hoàn cảnh bên kia. Tiền bạc Phật tử cho tôi thì tôi cho đi hết, vậy đó. Cái vấn đề tiền bạc tôi xem nhẹ chứ không nặng lắm. Thành ra tôi sống thoải mái lắm.

Mặc dù tay chân như vậy, bệnh hoạn, tuổi già rồi, luật tự nhiên là vậy. Ai cũng phải vậy. Đức Phật cũng vậy, cũng đau ốm rồi cũng tới 80 tuổi Ngài để cho tứ đại về với tứ đại. Tôi cũng vậy mà thôi chứ không có



Thầy Linh Quang tại Lumbini, Nepal, tháng 12, 2008

gì lạ. Bây giờ sáng nào tụi nó cũng kêu điện thoại qua. Không đứa này thì đứa khác, gọi qua thăm hỏi. Tôi động viên nó học hành, giải quyết những vấn đề về trường đời, mình dạy nó vậy đó. Làm cố vấn. Đó là niềm vui của tuổi già. Lo lắng cho cái này, lo lắng cho cái kia. Mùa đông thì kiếm áo quần. Tôi là khách trung thành của Costco (cười). Hàng tốt mà giá cũng bình dân. Dù nghèo nhưng cái áo mang từ Mỹ về cũng hãnh diện lắm, tôi biết cái tâm trạng của họ như vậy. Mấy đứa đó cũng ngoan, học hành cũng giỏi. Thôi, vậy thôi, cuộc đời có tàn nhưng không có phé. Không có phé. Tôi vẫn còn giúp ích cho nhân quần xã hội.



Hình trên: Chùa Linh Sơn tại Lumbini, Nepal tháng Ba 2020. (Photo: MXchen / Tripadvisor)

Hình bên trái: Thầy Linh Quang tại Thiền Viện Chân Nguyên tháng Chín 2020. (hmd)

Mấy em đó học thành tài sẽ giúp các em khác. Đó là tiêu chí của tôi. Dạy tụi nó, lòng trong Phật pháp khi nói chuyện với nó. Cái ơn này là ơn của bá tánh, thì sau này con không cần trả ơn cho thầy, con trả ơn lại cho bá tánh, chứ thầy đã chết rồi. Trả ơn cho bá tánh, làm cho xã hội tốt đẹp hơn. Đó là lý do Phật pháp tồn tại ở trên thế gian này.

Mình hiểu gì trong Phật pháp? Có hai cái là khẩu giáo và thân giáo. Khẩu thì mình học hỏi mình nói, nhưng thân giáo là nghiền ngẫm cái học đó rồi mình thực hành theo lời dạy. Thân giáo tối ưu hơn. Những

việc tôi làm thì anh thấy đó, tự đánh giá lấy. Tôi nói thì kỳ quá. Phật đã nói, bản ngã phải đẹp chứ không phải phô ra. Thành ra những cái gì tôi làm thì cũng bình thường thôi. Xây chùa, xây trường học cho trẻ em, chuyện bình thường mà một người tu theo Phật phải làm.

*

Rời Chân Nguyên trưa đó, tâm trí tôi còn xoay quanh những việc làm “bình thường thôi” của thầy Linh Quang, giúp tôi có sức chịu đựng dăm ba chuyện không mấy bình thường trên đường về Quận Cam. Giao thông trên bang lộ 395 từ Adelanto nhập vào xa lộ xuyên bang 15 đã bị kẹt cứng, nhích chậm chưa từng thấy. Những đoàn xe vận tải chở hàng vẫn xuôi ngược nhộn nhịp giữa mùa dịch, bị tắc nghẽn bởi những tai nạn rải rác từ đây xuống tới Los Angeles và từ đó trở ngược lại trên xa lộ 15, thành thử chuyến đi thường không tới hai tiếng một chiều đã kéo dài tới bốn tiếng đồng hồ trên đường về nhà dưới nắng gắt buổi trưa. Sự khó chịu của tôi càng bị tăng thêm bởi cái đói, cơn thiếu ngủ.

Cũng trên đoạn đường ấy, từ bấy lâu nay thỉnh thoảng vẫn có một vị tăng tự lái chiếc xe với hai bàn tay là những chiếc móc sắt. Sau những tháng trầm trong cuộc đời dài hơn bảy thập niên, trải qua những thử thách khủng khiếp đối với một người tu hành tự mình xây chùa ở xứ lạ quê người để rồi bị tai nạn mà không chắc ai cũng vượt qua được, thầy Linh Quang vẫn thấy đời mình chưa có phước, vẫn có ích cho xã hội. Nghĩ đến những gì vừa nghe được sáng hôm ấy, từ chính gương thân giáo của thầy Linh Quang, tôi thấy mình rất may mắn vì được gần gũi những thiện tri thức trên đường học đạo. Thế nên được chia sẻ bài viết này với bạn đọc là một niềm vui khó tả trong tôi. Làm sao tả được nỗi vui khi thấy những cánh chim bay lượn giữa thế gian nắng cháy và tìm được bóng mát dưới mái chùa?♦



sơn tặng và sơn tự

Bài SƯ TOẠI KHANH

Tôi biết Thượng Tọa hồi tôi còn bé tẹo, vào khoảng năm 1980, lúc tôi còn sống trong rừng Bình Sơn (Long Thành), và theo lời đồn đại thì từ thời cư sĩ, Thượng Tọa đã là một trong vài ba cư sĩ thâm hậu có hạng về giáo lý A Tỳ Đàm (Abhidhamma). Sau này tôi chẳng ngờ có dịp sống gần Thượng Tọa một thời gian. Lúc đó hình như chừng năm 1988, hay 1989 chi đó. Chúng tôi gặp lại ở Chùa Lá Giang, gần tổng kho Long Bình. Có một kỷ niệm thật đẹp mà có lẽ bây giờ Thượng Tọa vẫn chưa quên.

Trong vài tháng sống gần đó, tôi đã xin học riêng với Thượng Tọa phần Duyên Hệ của A Tỳ Đàm, tức học về 24 duyên trong bộ Phát Thù của tạng A Tỳ

Bài viết này và hình Tỳ Khưu Thích Chánh Minh đã được Sư Toại Khanh, tức Sư Thích Giác Nguyên, đăng trên Simsapa Facebook ngày 16 tháng 8, 2020.

Đằm tháy vì chỉ là bốn duyên như bên Duy Thức (Nhân Duyên, Cảnh Duyên, Tăng Thượng Duyên và Đẳng Vô Giác Duyên). Lớp học chỉ có hai thầy trò: Thượng Tọa và tôi. Nhớ có hôm đang học, trời nóng như thiêu, chúng tôi đã giải khát bằng thứ nước vừa quay từ cái giếng bếp đã cạn đến đáy, đục như nước vo cơm. Vậy mà mỗi người cũng nốc một tô đầy...

Thượng Tọa xuất thân con nhà binh, gì cũng ngắn gọn và dứt khoát, nhưng sống gần Thượng Tọa lâu ngày sẽ hiểu được cái gì là tình đồng đội. Lĩnh mà. Dễ ăn, dễ ngủ, điều kiện sống ra sao Thượng Tọa cũng hễ hà như một người lính phong trần.

Từ thời cư sĩ, Thượng Tọa nổi tiếng giỏi võ, giỏi toán, bậc thầy về cờ tướng, học gì cũng mau. Có lần tò mò, Thượng Tọa đọc chơi sách phong thủy và tử vi, chỉ trong mấy tháng đã có thể tróc huyệt và chấm tử vi bằng cách bấm tay như một người khổ học mười năm. Có người xin học, Thượng Tọa cười xòa. “Gặp tôi thì nên hỏi học A Tỳ Đàm, lộn chỗ rồi.”

Nhớ lại mà thương. Hồi còn bên nhà, cứ gặp mặt Thượng Tọa là tôi nhớ nhà sư Huệ Đàn văn võ song toàn trong Quán Chợ Đêm Khuya, một tiểu thuyết võ hiệp của Việt Nam.

Bằng đi mấy năm, vào khoảng sau năm 1990, tình hình trong nước tương đối dễ thở một chút, tôi chợt nghe tin Thượng Tọa đã cùng vài ba huynh đệ trang lứa thực hiện một chuyến giang hồ vật từ Nam ra Trung rồi cả miền Bắc. Hành trang mỗi người chỉ là một bình bát, và trên chuyến đi có lúc phải ngủ ngoài trời. Cả bốn vị đều là những giảng sư uyên bác, nhưng bỗng nhiên cùng muốn im lặng để được đi, để thấy đạo không qua chữ nghĩa mà là những bước đi rất thực trên đường với biết bao ma chướng ly kỳ.

Tôi đã không có duyên tháp tùng trong chuyến đi đặc biệt đó, nhưng lòng cứ thầm mong trong đời tu của mình ít nhất cũng có vài cơ hội góp mặt trong những cuộc đi kiểu đó để biết được phong vị độc đáo của cái gọi là hành cước du phương mà tưởng chừng chỉ có trong thời Phật từ mấy ngàn năm trước. Sau này lưu lạc xứ người, những lúc ngồi nhớ lại chuyện cũ bên nhà, tôi cứ thầm nguyện một cơ hội bằng vàng để tất cả huynh đệ ngày xưa cùng nhau tái ngộ trong một cuộc pháp du bên xứ Phật rồi nếu trời thương, là thêm một chuyến sang Tàu cho thỏa mộng bình sinh. Cơ duyên mỗi thời mỗi khác, chúng tôi bây giờ biết đâu lại có thể ước mơ chuyện đó...

Trước ngày xa quê ít lâu, nghe tin Thượng Tọa đã được mời về làm trụ trì để trùng hưng một ngôi chùa trên núi Lớn ở Vũng Tàu đã hoang phế từ lâu. Tiếng là hoang phế nhưng theo tôi, đó là một trong những ngôi chùa thơ mộng bậc nhất của Phật Giáo Nguyên Thủy Việt Nam. Khách xa có thể về chùa bằng xe hơi qua một sơn đạo thơ mộng chạy ngang Dinh Ông Thượng (Tây xưa gọi là Villa de Blanc, chỗ an trí và nghỉ ngơi cho các vị vua cuối cùng của nhà Nguyễn).

Chánh điện của chùa nhỏ xíu như một cái am trèm núi Cấm, sau chùa có gốc Bồ Đề cổ thụ khá cổ quái. Nhưng cái độc đáo hạng nhất của chùa chính là những

liều phòng cất bên triền núi. Liều nào cũng đơn giản với tường gạch và tôn xi măng, nhưng đều có một sân nhỏ ngó xuống biển Bãi Trước xanh ngắt một cỏi trùng khơi. Từ chùa xuống biển có một con đường bậc thang dài hun hút làm từ trước năm 1975. Khách theo lối này xuống biển sẽ có dịp đi ngang qua một lô cốt thời Pháp mà có thời là Tu Viện Chơn Không của Hòa Thượng Thiền Sư Thích Thanh Từ. Đúng là một cỏi nhớ!

Năm 1986, ở tuổi chớm lớn, tôi từng ngồi một mình ở sân trước một liều phòng ở đây mà ngó mông ra biển... buồn muốn khóc. Lúc đó là mùa mưa, một người quen của tôi vừa xuống tàu vượt biển cách đó vài hôm. Tôi nhớ họ bằng một cảm giác thật lạ lùng mà sau này mới biết là có ít nhất hai người đã dùng cảm giác đó để làm thơ và gọi người ta là chị. Đó là chị trong Lá Diêu Bông của ông Hoàng Cầm và nhân vật chị khá bí ẩn của nhà thơ Nguyễn Bính.

Thượng Tọa đã về làm phương trượng một nơi chốn huyền hoặc như thế. Và một vài hạnh tu đáng quý của Thượng Tọa là biên soạn và ấn tống kinh sách. Bao nhiêu tài chánh có được từ việc bán sách lại được Thượng Tọa cúng dường cho các chùa nghèo hơn chùa mình. Tôi phải mang ơn Thượng Tọa khi nhờ Thượng Tọa mà tôi vững tin rằng chẳng có gương lành nào là chuyện chỉ có trong cổ tích.

Sau này có người quen về thăm Việt Nam, tôi vẫn giới thiệu họ về chùa Thượng Tọa với một kiểu quảng cáo nửa đùa nửa thật: Tiện như khách sạn, thơ mộng như cỏi tiên, thanh tịnh như chùa, cao như núi và hoàn toàn miễn phí. Và điểm đặc biệt là hành giả tu Tứ Niệm Xứ có thể yên tâm khi ở trọ tu thiền vài hôm bên cạnh một học giả A Tỳ Đàm thâm hậu. Tôi không hề cường điệu tí nào trong lời mời chào ấy. Ở những kiếng chùa nguy nga như Ngọc Bích, Niết Bàn ở Bãi Dứa hay Thích Ca Phật Đài ở Núi Nhỏ không sao có được những đặc điểm mà tôi vừa kể. Bởi tất thấy đều sang trọng và xa lạ với những người yêu cỏi tịnh...

Nãy giờ, tôi vừa kể lại một phần hồi ức của tôi về một nhân cách đặc biệt, một gương sống, một hạnh tu đáng lưu tâm, và về một cảnh chùa nên ghé. Mọi chi tiết đều là chuyện thật. Tôi vừa nhắc đến Thượng Tọa Chánh Minh ở Chùa Bồ Đề trên núi Lớn ở Vũng Tàu. Có điều đáng buồn là ngôi chùa núi vừa kể ở trên, sau cơn bão Durian vừa rồi đã gần như mất dấu. (Bão Durian xảy ra vào cuối tháng 11 đầu tháng 12 năm 2019 tại Biển Đông, và Vũng Tàu là nơi đã bị trận bão này tàn phá nặng nhất tại Việt Nam.)

Vị sơn tăng trụ trì bây giờ biết làm gì để khôi phục mọi thứ hay lại một bát du phương như ngày cũ. Tôi tin Thượng Tọa không phải là người gặp khó thì buông xuôi, nhưng nếu chướng duyên lớn quá, ai biết được thượng Tọa lại trực nhập cảnh giới Tỳ Đàm Tam Muội để an trú Vô Tướng Giải Thoát và quán chiếu rằng đạo tràng miên viễn thiên thu bao giờ cũng là cảnh giới nội tại, để rồi một bóng rời non theo đời mây ngàn hạc nội... Và như thế mai này khách viễn phương về thăm Vũng Tàu rõ ràng đã mất đi một địa chỉ khó tìm ở đâu...◆



Thầy Thanh, một hành giả cô độc trên đường tìm giải thoát

Bài ĐỒNG PHÚC

Giữa trưa tháng Bảy, gần chục chiếc xe đậu rải rác ở bãi trống xi-măng giữa hai nhà hàng một Mỹ một Việt, khách không đông cho một ngày cuối tuần so với trước thời đại dịch. Thực khách ngồi dưới các mái lều dựng tạm ngoài sân vì đang trong giai đoạn cao điểm của dịch bệnh coronavirus. Ở đầu đường cách đó chừng năm mươi thước là tiệm bán thức ăn nhanh In-and-Out. Tiệm burger này đang sinh hoạt gần như bình thường, bốc nồng mùi thịt nướng tỏa khắp góc phố tấp nập xe cộ, thu hút một dòng xe nối đuôi xếp hàng dài từ trong sân ra ngoài đường, gây nghẽn lưu thông trong lúc từng chiếc xe nhích dần đến máy đặt mua thức ăn. Bầu không khí căng ồn ào hơn giữa trưa hè vì cách đó không xa là xa lộ 22 Garden Grove Freeway với những luồng xe chạy liên tục như thác đổ. Ở bãi đậu xe ấy, giữa không gian huyền ảo tất bật và đậm mùi nấu nướng của trần gian, tôi gặp một tăng sĩ Việt Nam tu theo Phật Giáo Tây Tạng. Có điều

là lúc đó tôi không hề biết người đàn ông cao niên đó là một tu sĩ, vì ông vận y phục của người thường, áo sơ mi bỏ trong quần, khoác một lớp áo lạnh mỏng, mới vừa rời một nhà hàng Việt có tiếng trong vùng này.

Tôi gặp ông để trao tặng tờ Tinh Tấn Magazine số 4. Ông vừa liên lạc tôi qua điện thoại, nói giọng nhỏ nhẹ, đúng lúc tôi đang có mặt gần đó, nên tôi hỏi ông địa điểm chính xác để đến đưa báo tận tay. Gặp tôi tại bãi đậu xe ở ranh giới của hai thành phố Garden Grove và Westminster, bác lớn tuổi, thân hình đầy đặn tự giới thiệu là một cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa, nghe nói tờ Tinh Tấn Magazine số 4 có bài viết về Sư Cô Trí Hải nên bác muốn nhận một tờ

Hình trên: Thầy Jangchup Tharchin - Trầm Kim Thanh, 80 tuổi, đang chuẩn bị tụng kinh tại nhà ở Fountain Valley tháng 11, 2020. (Đồng Phúc)

đọc cho biết. Bác từng gặp Sư Cô ở Sài Gòn nên rất muốn biết tờ báo đã viết gì về Cô. Vị Ni Sư lừng danh ấy là nhân duyên khởi đầu cho tôi được gặp bác Trầm Kim Thanh - lúc đó tôi không hề biết ông là một tu sĩ tại gia, và cũng không dè mình sẽ vật vờ suốt nhiều tháng trời cho một bài viết mà bình thường chỉ cần một cuối tuần là xong. Nhưng nếu có viết nhanh như vậy là bởi viết cho báo nhật trình, viết vì áp lực, vì thời hạn, vì việc kiếm sống. Còn đây thì...

Bác Trầm Kim Thanh, hay đúng hơn là thầy Jangchup Tharchin - “thầy Thanh” khi tôi thân với bác hơn, đã đến với tôi trong một thời buổi đang có những biến cố thời sự quá khủng khiếp cho một đời người. Một trận đại dịch mà trong một năm đã giết hơn 3 triệu người trên trái đất, đa số nạn nhân là người Mỹ trong đó có mấy chục ngàn người tại California đây. Một cuộc bầu cử tổng thống đưa đến sự chia rẽ trong cộng đồng, bạo động trong xã hội, mầm thù ghét hận hiện ngang nhiên chưa từng có trong lịch sử đất nước Hoa Kỳ. Nạn thất nghiệp, sự sợ hãi khi vào đám đông, nỗi bất an trong cuộc sống gia đình. Đó là những hiện tượng diễn ra ở bên ngoài của cái thế giới mà tất cả chúng tôi đang gởi tạm mạng sống của mình. Còn trong nội tâm thì sao? Có hành giả nào bước vào con đường mà Phật đã chỉ hướng mà không còn bị dao động bởi những hiện tượng của thế gian? Liệu kẻ sơ cơ như tôi đây phải nương vịn vào đâu để đi tiếp?

Trở lại với buổi trưa hôm đó, ở bãi đậu xe mà bầu không khí có lúc ngộp mùi chúng sanh nấu nướng chúng sanh mà lắm kẻ ưa thích, sau khi cầm tờ báo từ tay tôi và trao lời cảm ơn, bác lớn tuổi bỗng lục lọi trong xe một hồi và quay ra trao cho tôi một phong bì cũ màu trắng có ghi “Kính gởi Anh...” vừa được gạch tên trước khi đưa cho tôi. Cầm bao phong bì cộm cộm, tôi đoán bên trong là một xấp tài liệu chi đó, không chừng là một bài pháp mà bác muốn tôi đọc. Đạo hữu gặp nhau thường tặng nhau Phật pháp, còn gì quý hơn. Chào tạm biệt bác trước khi vào xe, tôi không nghĩ rằng sẽ có một ngày chúng tôi sẽ gặp lại nhau. Về nhà mở bao phong bì ra xem thì tôi thấy mình đoán cũng gần đúng. Phong bì chứa nhiều tài liệu, gồm các bài báo từng đăng mấy tháng trước viết về bác, một tu sĩ tu tại gia theo Phật Giáo Tây Tạng, cùng một vài hình ảnh của các vị tăng Tây Tạng kèm các chú thích về các vị tăng ấy.

Đọc mấy bài báo, tôi được biết bác Trầm Kim Thanh là một cựu sĩ quan trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, từng có kinh nghiệm với tù binh cộng sản từ miền Bắc, sau năm 1975 vượt biển đến trại tỵ nạn Thái Lan nơi bác bắt đầu chuyển hướng tâm linh, gieo những hạt giống với niềm tin về Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, để rồi một ngày kia trong những năm tháng sống ở Quận Cam, Nam California, bác bỗng nghe tiếng nhắc nhở của ngài Quán Thế Âm trên không trung ở một sân chùa, và thời gian sau được gặp Đức Đạt Lai Lạt Ma - người được xem là hiện thân của Đức Quán Thế Âm. Hạt giống nảy mầm, duyên lành đến lúc chín muồi, bác xuất gia với các thầy Tây Tạng và

được pháp hiệu Jangchup Tharchin.

Trong các buổi lễ Phật giáo của người Việt ở Quận Cam, mỗi khi có các phái đoàn bạn đến tham dự, tôi từng thấy có một thầy lớn tuổi, vóc dáng nhỏ nhắn, trông hơi yếu đuối lẫn giữa các thầy Tây Tạng trẻ và rắn chắc hơn. Có ngờ đâu thầy đó là người Việt Nam, tức thầy Jangchup Tharchin đây.

Vì bận lo cho gia đình và công việc ở sở làm giữa lúc đại dịch lan tràn, tôi tạm quên thầy Thanh trong mấy tháng trời. Từ đầu mùa hè đến hết mùa thu bao trùm trong không khí lo sợ bị nhiễm Covid, tôi đã tự giam mình trong nhà như hàng tỷ người trên trái đất, thỉnh thoảng mới lái xe vài bận trong tuần để đi ra ngoài mua thức ăn, mang về những nhu yếu phẩm cho người thân. Những tháng cấm túc ấy cũng trở thành thời gian “nhập thất” bất đắc dĩ vì không thể đến chùa, dự những buổi lễ hay buổi giảng cuối tuần, ngay cả chuyện đến chùa mua đồ chay cũng bị giới hạn. Ở nhà, ngoài giờ làm việc qua mạng mà thường chiếm hết cả ngày và cần thiết cho cuộc sống, trong thời gian hiếm quý được riêng tư, tôi đọc thêm sách đạo, suy ngẫm, và cố gắng thực hành những điều đã nghe qua các bài giảng. Từ đó tôi có vài thắc mắc trong vấn đề tu hành. Chẳng hạn tu sĩ có cần phải tu ở chùa? Có cần những hình thức bề ngoài để chuyển hóa nội tâm? Làm sao được gặp thiện tri thức khi mình bị bế tắc trên đường tu? Tìm đâu một hành giả đã đắc đạo để biết đường mình đi không sai?

Qua hơn một thập niên bước vào đường đạo, tôi đã may mắn được gặp nhiều vị thầy, được nghe nhiều bài giảng, được làm quen với các pháp môn tu khác nhau, và biết niềm tin của chính mình ở Phật rất vững chắc. Nhưng tu là sao? Phật nói Ngài là người chỉ đường, Ngài không thể tu cho mình. Mình phải tự tu, tự chứng đắc lấy chứ Ngài không thể chứng đắc cho mình. Ai ăn nấy no, ai tu nấy chứng, các thầy thường nhắc nhở các tín hữu như vậy. Nhưng tu làm sao đây? “Ăn” như thế nào để được “no” chứ?

Việc tụng kinh, niệm Phật thì tôi vẫn giữ theo thời khóa mỗi tuần, cho riêng mình, dù còn kém, rất kém. Ở chùa thì các vị xuất gia cũng tu như vậy thôi, không khác gì đâu, các thầy có nói, chỉ khác là họ chuyên cần hơn, tinh tấn hơn nhờ sống trong môi trường thuận duyên, gần gũi các vị đồng môn và thiện tri thức. Tôi nhận thấy một số thầy tuy tu ở chùa nhưng vẫn tất bật, bận bịu lo toan những việc của đời thường, dính mắc chuyện thế sự có khi hơn cả người thường. Vậy có phải hành trình tu tập để đắc đạo của mỗi người một khác, không ai giống ai, dù ở chùa hay ở chợ?

Vì có những thắc mắc (lắm cảm, vớ vẩn) như vậy, trong nhiều tháng quanh quẩn ở nhà, đôi lúc tôi cũng mạo hiểm bước ra ngoài để tìm hiểu đời tu của các vị xuất gia. Việc đến chùa để vấn đạo với các thầy xem không mấy khó. Khó hơn là tìm hiểu ở những vị không tu ở chùa, không tu theo qui ước thông thường, hoặc không xuất gia từ thuở niên thiếu. Trong vài vị thầy đang tu ngoài lề như vậy mà tôi được gặp, thăm hỏi giữa mùa dịch là thầy Thanh, tức thầy Jangchup Tharchin, người mà hôm tiếp xúc ở bãi đậu xe giữa

các quán ăn tôi không hề nghĩ sẽ gặp lại lần thứ nhì. Tôi cũng đâu ngờ phong thư thấy trao ở bãi đậu xe hồi tháng Bảy là phong thư đầu tiên trong hơn một chục lá thư thấy gửi cho tôi từ đó đến nay, tháng Tư của năm sau, vàng có, trắng có, chứa những tài liệu về Đức Đạt Lai Lạt Ma, về các thầy Tây Tạng mà bác Thanh đã gieo duyên với, và một số bài pháp ngắn ghi chú cạnh mấy bức ảnh.

Có lẽ tôi đã quên thầy nếu thầy không nhấn gởi qua những lá thư trắng, vàng gửi đến thường xuyên. Vài bức thư cũng lăm lăm với những giòng chữ viết tay từ mặt giấy trước chạy tiếp qua mặt sau, một phần có lẽ vì thầy đã lớn tuổi, 80 chứ đâu có trẻ.

Thế nên vào một sáng thứ Bảy cuối tháng 11, tôi tìm đến chốn tu hành của thầy Thanh. Nơi đó là một cư xá nằm kín trong những tòa nhà chung cư khang trang dành cho các cao niên ở đường Warner Avenue, thành phố Fountain Valley, cách nhà tôi chừng 20 phút lái xe. Khu gia cư có cổng khóa an toàn, tôi đến đúng lúc có một cánh cửa bên hông hé mở như có người chờ sẵn. Vào trong sân, tôi đi loang quanh một hồi giữa những tòa nhà vắng lặng, thỉnh thoảng mới gặp một vài bác lớn tuổi, người Việt cũng như người Mỹ, mà các bác lại không dám đến gần vì sợ bị lây dịch. Cuối cùng tôi cũng tìm ra số phòng ở tòa nhà G. Phòng của thầy Thanh nằm gần cuối hành lang. Thầy mở cửa, tiếp tôi trong bộ áo màu đỏ sậm của Phật giáo Tây Tạng.

Căn chung cư có hai phòng ngủ, một phòng khách cạnh phòng ăn, và một phòng vệ sinh. Thầy Thanh

cho một bác cao niên khác thuê lại một phòng ngủ, có lẽ để san sẻ bớt tiền nhà, phòng còn lại rộng hơn, được ngăn đôi với một bên rộng làm phòng thờ Phật, bên hẹp kê chiếc giường ngủ cho thầy. Ở phòng khách có màn ảnh truyền hình sát vách tường, bên kia có chiếc bàn với máy điện toán, máy in trong góc, chung quanh treo nhiều bức hình của thầy Thanh khi còn là cư sĩ cũng như sau khi xuất gia, thêm mấy bức ảnh của con cháu, người thân. Đồ đạc ở góc bàn đó và toàn căn chung cư là sự pha trộn lẫn lộn giữa đời và đạo, không hoàn toàn là một nơi dành cho tâm linh, mà cũng không hẳn thuộc thế gian.

Chúng tôi ngồi nói chuyện ở bàn cạnh phòng ăn. Tôi hỏi thầy sơ qua về việc xuống tóc với thầy Kyabje Lati Rinpoche ở tu viện Gaden Shartse Monastery, Ấn Độ năm 2010, chính thức xuất gia năm 2013. Và từ đó câu chuyện đi ngược thời gian về nơi thầy đã lớn lên ở Việt Nam, về thời gian nhập ngũ trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, và chuyện đi tu ở Mỹ.

Đi lính Nhảy Dù

Bác Trầm Kim Thanh sinh năm 1941 tại Takéo, Campuchia gần Châu Đốc, quê nội gần biên giới người Miên. “Lúc đó người Việt Nam ở bên Miên đông lắm,” thầy Thanh kể. “Ông nội làm tri huyện ở Takéo cho chính phủ Đông Dương. Ba làm quan thuế. Ba học trường école đầu bằng Thành Chung, má học ở Sài Gòn trường Gia Long, hồi xưa kêu là trường áo tím, cũng đầu bằng Thành Chung, đi dạy cho con người Pháp. Năm 1950, Sihanouk đuổi người Việt Nam về, thì tôi về Sài Gòn, thi đậu vô học Petrus Ký sáu năm. Năm 1961 ra học luật được hai năm, có người anh làm tòa đại sứ Mỹ rủ vô rồi làm ở Trung Tâm Huấn Luyện Nông Thôn trại Chí Linh, Vũng Tàu khóa 25. Qua khóa 26 thì tình hình chiến sự sôi động nên không được miễn nhập ngũ nữa, phải đi Thủ Đức.

“Tôi nằm trong danh sách bắt phục tùng, vì khi kêu khóa 25 không đi, nên chỉ được chọn một trong bốn binh chủng tác chiến thôi, thứ nhất là Thủy Quân Lục Chiến, thứ hai là Biệt Động Quân, thứ ba là Nhảy Dù, thứ bốn là Thiết Giáp. Không được chọn Tàì Chánh, Quân Y, Quân Cụ.

“Nghĩ tới nghĩ lui, thôi chọn Nhảy Dù. Cũng thứ dữ. Ngày xưa còn thanh niên, còn nhiệt huyết, nên thôi kệ, Nhảy Dù, tánh thì cũng hơi ba gai, áo hoa dù đầu đội trời chân đạp đất. Đi học nhảy dù ba tuần. Xong họ đưa ra Chiến Đoàn 1 ở ngoài Phú Bài, Huế. Từ Phú Bài họ lại đưa tôi lên tuốt Ngoại Lộ là căn cứ xuất phát ở Quảng Trị.

“Một tuần sau họ cho tôi lập một toán để nhảy ra miền Bắc. Trong đội này không ai biết ai. Khi hành quân họ để cho tôi ở một khu riêng, không được tiếp xúc, liên lạc nói chuyện với ai hết vì tối mật. Mục tiêu là nhảy qua bên kia vĩ tuyến 17.”

Thầy Thanh đã gặp may, không bị “nhảy qua bên kia” để rồi lên bàn thờ. Thầy kể, “Có anh thượng sĩ truyền tin lại nói chuyện với tôi, nó nói, thầy thiếu úy mặt sữa, là thầy giáo phải không? Em thấy thầy đi là rửa chân lên bàn thờ đó. Tại sao thiếu úy biết không?



Trầm Kim Thanh và cựu Thiếu Tá Lê Minh nhân dịp hội ngộ của Nha Kỹ Thuật tại Nam California.



Tháng Ba 2007, cư sĩ Trầm Kim Thanh (bên phải, hàng đứng phía sau) đã có mặt trong nhóm hành hương đến Dharamsala, Ấn Độ thăm Đức Đạt Lai Lạt Ma (giữa). Đứng hai bên Đức Đạt Lai Lạt Ma là Sa Di Donald Phạm mà sau này là Thầy Konchog "Kusho" Osel và bà Nguyễn Lệ Huyền, mẹ của Donald. Trong nhóm còn có nhà văn Nhã Ca (thứ tư từ bên trái, hàng đứng phía sau) và nhà bình luận kinh tế Nguyễn Xuân Nghĩa (cạnh cư sĩ Thanh)..

Thiếu úy người Nam, nó nghe cái giọng là nó biết, là thiếu úy không có ngày về.

“Rồi một cái lạ nữa là anh thượng sĩ nói, bây giờ em có sợi dây bùa đang đeo, em đưa cái bùa này cho thiếu úy đeo. Tôi nói thôi, thượng sĩ đeo đi, tui không sao đâu. Không, thiếu úy đeo đi, nhưng mà thiếu úy đừng có chửi thề, đừng chun qua hàng rào phơi quần, đi cầu tiêu thì phải tháo ra, không cho vô những chỗ dơ bẩn. Ra ngoài đó thì ai cũng chửi thề, lúc nào cũng dề-em-mờ. Tôi không biết bên trong cái bùa có gì. Anh nói, thiếu úy đeo đi, không sao đâu, rồi về trả lại cho em. Thì tôi đeo.

“Rồi một lát có một anh trung sĩ, nửa Việt Nam nửa Miên, tương tự con dừ dừ lắm. Nó luồn cây kim vào da, đó thiếu úy thấy không, cái kim chạy nè, không bị gì hết đó. Nó luồn cây kim vô da mình, nói thiếu úy rờ đi, không đau. Em chun cây kim này vô nè. Em đi nhiều lần rồi, không sao hết.

“Đêm đó tôi ngủ, sáng sau thì đi, xuất phát. Họ phát đồ chiến binh của Cộng Sản Bắc Việt, cũng dệp râu cũng áo vàng. Đưa AK 47 nữa. Sáng hôm đó sương

mù dày đặc, tới 10 giờ cũng chưa tan, mà đi như vậy thì trực thăng ở ngoài Đà Nẵng ra bốc tụi này đi. Hồi sau Đà Nẵng đánh điện nói hủy bỏ mục tiêu, cancel cái target này, lý do là sương mù quá, không thể bay được. Vậy là tôi thoát nạn. Trả cái bùa lại cho thượng sĩ truyền tin.”

Cứu anh tù binh cộng sản

Không lâu sau lần nhảy huyệt, thầy Thanh gặp một bạn học ở Petrus Ký nay là trung úy làm việc với quân đội Mỹ. Thầy kể, “Nó nhận ra tôi ở Ngoại Lộ, liền đến nói, bộ mày muốn chết sao mà ra đây? Tôi nói, tao đâu biết đâu, ở Phú Bài nó đưa tao ra. Anh bạn nói, thôi mày làm với tao, giống như là Phòng Nhì, tức là phòng phỏng vấn tụi tù binh bị bắt. Toán Nhảy Dù ở đây thường là đi bắt tù binh về mình khai thác, coi tụi nó đi đường mòn Hồ Chí Minh làm cái gì? nhiệm vụ như thế nào? đơn vị gì?

“Tình cờ họ bắt được một thằng tù binh về. Đầu tiên mấy người Mỹ khai thác trước. Trưởng Phòng Nhì bên Mỹ là một đại úy, còn trưởng căn cứ là thiếu tá. Còn bên lính Việt thì trưởng là trung úy Nguyễn



Lễ an vị Phật tại nhà của cư sĩ Trầm Kim Thanh (đứng bên trái) ở Westminster năm 2003. Hai thầy ngồi, bên trái là ngài Kyabje Lati Rinpoche (1922-2010), cựu viện trưởng Tu Viện Gaden Shartse, Ấn Độ, bên phải là Đại Sư Geshe Tsultim Gyeltsen (1923-2009), viện trưởng trung tâm Phật Giáo Tây Tạng Thubten Dhargye Ling ở Long Beach. Đứng cạnh cư sĩ Thanh là thầy Khen Rinpoche Jangchup Choeden, viện trưởng Tu Viện Gaden Shartse. Tượng Phật nay đã được cúng dường cho chùa Hương Sen, Perris.

Cao Vỹ, bạn mình. Tụi Mỹ khai thác anh tù binh không được. Mà thằng này còn trẻ lắm, khai thác không được thì họ bắn bỏ. Trung úy Vỹ nói, Thanh, mày lại mày khai thác đi. Mấy thằng Mỹ không biết nói gì mà thằng kia không biết nghe cái gì nữa, thành ra nó đòi bắn bỏ.

“Thì tôi lại coi, giọng tôi nhỏ nhẹ, coi cái ba lô thấy có cuốn nhật ký với thuốc lã, trong cuốn nhật ký nó nói là chuyến này anh vào Nam, sau đó anh về anh cưới em. Mình bắt được cái đó, mới nói, giữa anh với tôi không có thù phải không. Anh không biết tôi, tại sao anh vô đây đánh tụi tôi. Nó nói, dạ em không đi thì nó cắt hộ khẩu, mẹ bị cắt hộ khẩu. Tôi mới nói, thôi bây giờ, giữa qua với em mình không có thù. Bây giờ bắt được em rồi, em thấy hồi nãy đó, thiếu tá Mỹ nó đòi bắn. Bây giờ em muốn sống về cưới vợ hay là em muốn chết ở đây, muốn bỏ xác ở đây, em suy nghĩ đi.

“Nó ngồi một hồi rồi mới nói, em muốn về cưới vợ. Em nói vậy thì qua bảo đảm là cứu em. Nó nói, làm sao mà cứu được. Tôi nói, bây giờ em cứ khai thật, anh lấy cái mạng sống anh bảo đảm là sẽ cứu em, cho em về. Thì nó khai đúng là Sư Đoàn Sao Vàng, vô Nam để đánh miền Nam đi theo đường mòn Hồ Chí Minh. Mình thấy nó ngây thơ mà thành thật, tội nghiệp, coi cuốn nhật ký mình mới thấy. Nó nói, dạ nhưng mà làm sao thiếu úy cứu em được.

“Tôi nói, em khai rồi thì qua bảo đảm, lấy cái lời chân thật của lính VNCH, bảo đảm nói là phải làm, sẽ bảo vệ em, sẽ thả em đi. Thả làm sao? Chừng nào thả thì đưa em lên trực thăng, qua sẽ đi với em với pilot tới bên kia rừng, phía đồi núi đó rồi thả em xuống. Tới kỳ thả đó thì máy bay hạ thấp xuống, lau sậy cao quá đầu người. Thả em thì lấy cái bao bố ra,

trùm em để không cho biết em ở đâu, chừng nói nhảy xuống thì sẽ đẩy em xuống. Trước khi đi thì cho một ít lương khô để em ăn.

“Thường thì Mỹ nó thấy thằng nào quan trọng thì nó giữ lại, bắt hết làm tù binh đưa về trung ương Bộ Chỉ Huy, còn đảng này khai rồi, Mỹ nó nói, mày hứa mày thả nó thì thả đi. Thằng này nó khai rồi, Sư Đoàn Sao Vàng này nọ, di chuyển trên đường mòn mà phía bên mình cũng đã thấy rồi, chụp hình thấy rồi. Mình làm vậy vì mình người miền Nam có nhân tính, có lòng thương người.”

Thiếu úy Thanh làm nghĩa vụ ở đầu chiến tuyến hai năm. Đến năm 1970 khi cha qua đời, thầy bay về làm đám tang cho cha. Hơn một tháng sau thì thầy được phép chuyển về luôn ở Sài Gòn, vì thầy là anh cả trong gia đình, còn mười người em nhỏ, mẹ không thể nuôi nổi. Được làm ở gần nhà, thầy ghi danh đi học luật tiếp, nhưng dòng đời luôn có những khúc quanh bất ngờ.

Thầy Thanh kể, “Rồi bữa kia vừa trực vừa đi học ở Quốc Gia Hành Chánh ở Chợ Lớn, đi xe đồng quá. Tay cầm xe honda của tôi đụng xe tụi nó, tôi té xuống đường, thằng khác chạy tới cán lên ngay ngang mình, híp (hông) tôi bị gãy, ngồi đã rồi thôi, không kiện thưa gì hết, cho nó đi. Vô phòng trực, vừa tới cửa thì té cái rầm, họ chở vô nhà thương Cộng Hòa.” Bác sĩ chụp hình, nói thầy bị gãy xương đùi, phải mổ, băng bột. Thầy ở nhà thương sáu tháng, sau đó xin giải ngũ luôn.

Vượt biển tìm tự do

Thầy Thanh kể, “Sau năm 75 tôi có đi trình diện, không hiểu sao, tụi Việt Cộng nói tôi không cần đi

học tập, tôi xin tờ giấy chứng nhận thì nó nói, cách mạng không cần giấy tờ, có cách mạng lo. Tôi cãi, nói không được, tôi về đi làm đi đường bị bắt thì sao. Nghe vậy nó mới viết cho tên đó, ngày đó có trình diện ở phường mấy quận Phú Nhuận, không có nằm trong diện học tập. Rồi nó vô trong đóng cái mộc cho. Khi đi ra rồi tôi thấy lạ. Tại sao người ta đi trình diện bị đi học tập, mà tôi đi trình diện thì họ nói là tôi không nằm trong diện học tập. Tôi thắc mắc, để trong đầu cái chuyện đó, lạ lắm.”

Con đường thoát cộng sản tìm tự do của thầy cũng tiếp tục có những chuyện lạ.

Thầy kể, “Vượt biển năm 78 ở Vũng Tàu không được, 79 ra đến bến xe thì bị bế, 80 không được. Mỗi lần đi không được lại mất một số tiền, phải bán nhà. Năm 1980 thì hết tiền rồi, không đi được nữa, bán hết nhà cửa, đưa vợ con xuống quận Bình Thạnh, còn tôi về ở với má mà không có hộ khẩu, sáng đạp xe đi, tối mới về, né tụi phường. Tụi địa phương dòm ngó, theo dõi, nó nói sao sĩ quan Dù mà không đi học tập, nó nói nó sẽ bắt.”

Đến cuối năm 1981, thầy Thanh thoát khỏi Việt Nam. Thầy kể, “Bữa đó có bà chị trong hội phụ nữ phường đón mình ở chỗ ngã ba, thấy mình đạp xe tới mới nói, anh Thanh, anh Thanh, hồi sáng tụi nó họp trong đó, nó quyết định bắt anh đó, anh phải trốn đi. Mình thấy hơi ới rồi, hết đường rồi. Vợ con thì ở bên Bà Chiểu. Tự nhiên tối đó vợ tôi đạp xe qua, chở ba đứa nhỏ, thằng nhỏ ngồi trước, bằng sau lót miếng ván dài là hai đứa. Vợ nói, bây giờ có chuyện đi, bà con có tổ chức chuyến đi, anh đi đi. Lấy tiền đâu đi? Anh cứ đi đi, em lo. Rồi tui ra bến xe đi tuốt xuống Rạch Giá tới Năm Căn, Cà Mau. Chờ thuyền đi ở cửa sông ông Trang, Mũi Cà Mau. Bị bốn lần hải tặc, khi tới Songkhla tức là ở bên biên giới Mã Lai với Thái Lan.

“Tôi nhớ hôm đó là 25 tháng 12, ngày Noel. Trong trại có ông cha tên Joe Devlin, ông giúp người tỵ nạn. Ông cho tụi tôi mỗi người một đôi dép, kem đánh răng, bàn chải với một bộ đồ mặc.”

Đầu năm sau, 1982, thầy được chuyển đến trại Sikiew, nơi mà lần đầu tiên thầy cảm nhận mạnh mẽ sự linh ứng của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Thầy Thanh kể lại câu chuyện này trong bài viết “Sứ Nhiệm Màu Trên Biển Đông” đăng trong tuyển tập “Quán Âm Quảng Tràn” được Ni Sư Thích Nữ Giới Hương, viện chủ chùa Hương Sen, Perris, Nam California phát hành.

Trại Sikiew có ngôi chùa nhỏ với tượng Quán Thế Âm lộ thiên. “Nơi đó đã trở thành chỗ quen thuộc mà hằng ngày tôi thường lui tới, để tìm những giây phút tĩnh lặng sau cơn giông tố cuộc đời. Tôi mang tâm trạng chán chường, mệt mỏi, tuyệt vọng của kẻ mất nước, cô đơn nơi xứ lạ quê người. Mẹ già, vợ con và các em giờ đây đã nghìn trùng xa cách.”

Hai lá bùa hộ thân

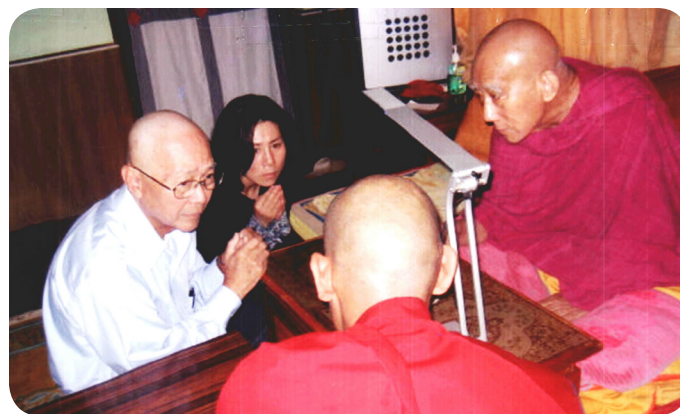
Thế rồi một hôm, bỗng có một thanh niên khoảng 16 tuổi đến nói với thầy, “Thưa chú, chiều nay chú

mang nhang đèn đến gặp con ở building số 5, phòng số... con sẽ giúp chú.”

Tuy bán tín bán nghi, thầy vẫn tìm đến nơi hẹn. “Đó là một trong những phòng dùng để giam người phạm kỷ luật, chung quanh đầy những song sắt, tối tăm, chật hẹp,” thầy kể trong bài viết.

“Sau khi trao đổi vài lời, tôi thắp nhang đèn rồi khấn nguyện. Sau độ 5 phút yên lặng, toàn thân cậu chuyển động lạ lùng. Bỗng cậu nói bằng giọng một người nữ: Ta là Quán Thế Âm tầm thỉnh cứu khổ cứu nạn ở Biển Đông. Thấy con thường đến Chùa thành tâm khấn nguyện; hằng ngày lại tham gia vào các công tác phước thiện ở trong trại nên ta mượn thân cậu nhỏ này mà đến đây giúp con. Nay ta cho con hai lá bùa hộ thân. Hãy gói về cho vợ con. Khi nào sum họp hãy mang nhang đèn đến cúng trước cửa nhà rồi đốt hai lá bùa ấy đi.

“Nói xong, cậu ấy viết trên hai mảnh giấy những dòng chữ ngoằn ngoèo giống như chữ Thái rồi trao cho tôi, sau đó cậu rung mình một cái rồi trở lại bình thường. Tôi hỏi về ý nghĩa những dòng chữ, nhưng cậu bảo thật tình cậu ta cũng chẳng hiểu và không nhớ những gì vừa xảy ra. Tôi vô cùng xúc động trước sự việc lạ lùng, không biết phải làm gì, vội vã chạy lên chùa thắp một nén hương để cảm tạ Đức Quán Thế



Ngài Kyabje Lati Rinpoche, bên phải, đang làm lễ xuống tóc cho cư sĩ Thanh và quy y cho một phụ nữ Đại Hàn tại Ấn Độ năm 2010.

Âm Bồ Tát đã ứng hiện.”

Thầy Thanh đã gói hai lá bùa hộ thân về cho gia đình, dù không biết vợ con lấy đâu ra tiền để vượt biển. Thầy kể, “Tháng Mười năm 1983, tôi được phái đoàn Mỹ nhận nên được chuyển trại qua trại Galang, Nam Dương để học Anh Văn. Khi ấy tôi cũng nhận được tin báo là vợ và ba đứa con của tôi đã đến đảo Pulau Bidong bình yên. Một năm sau, gia đình tôi đoàn tụ tại Nam California, lúc ấy vợ tôi mới kể lại từng chi tiết cuộc vượt biển cho tôi nghe.”

Chiếc ghe đã bị hải tặc cướp vàng bạc nữ trang, hầm hiếp. “Thoạt tiên là những cô gái trẻ, sau đó đến những người lớn tuổi hơn. Vợ tôi quá khiếp đảm, sợ nhớ đến hai lá bùa hộ thân nên lấy ra để trước ngực. Một tên mặt mày dữ tợn, hung hăng xông đến túm áo vợ tôi nhưng nó đã khựng lại khi thấy hai lá bùa. Nó

giặt lấy và mang đến đưa cho một tên to lớn dữ dằn hơn, có lẽ là thuyền trưởng.

“Bọn chúng xem xong kéo đến chỗ vợ con tôi đang ngồi. Lúc đó vợ tôi nghĩ thầm Hết hy vọng rồi, thôi đành nhắm mắt mà chịu thôi! Thật là ngoài sức tưởng tượng của mọi người, bọn chúng chẳng những không hành hung mà còn quỳ sụp lạy vợ tôi. Tên thuyền trưởng đó còn mang thuốc cho Hà, đưa con trai nhỏ của tôi, khi ấy đang bệnh. Chúng còn chỉ hướng cho tàu đi rồi tự động rút lui.”

Đến với Mật Tông ở Quận Cam

“Qua những gian truân khổ cực từ đời lính đến vượt biên, tôi thấy cuộc đời khổ quá rồi, tôi ngộ ra rằng con người không có gì hết, nó là vô thường, vô ngã mà nó khổ. Nó là Tam Pháp Ấn,” thầy Thanh tâm sự sáng thứ Bảy hôm đó, nhắc tới kinh nghiệm cảm ứng Đức Quán Thế Âm ở sân chùa.

“Tôi đi làm ở hãng electronics ở Irvine,” thầy kể. “Hôm đó, khoảng năm 85, 86, tôi đi thay nhớt xe, có ghé chùa Dược Sư tính mua mấy cuốn bì chạy ngồi ăn trong xe uống nước lạnh. Hồi đó chùa chưa cất lớn như bây giờ, còn nhỏ lắm. Lễ Phật xong ra thấy trên bàn có bản in 12 lời đại nguyện của Quán Thế Âm Bồ Tát. Tôi lấy đọc thì thấy hai lời nguyện giống như hồi tôi ở trại Sikiew mà cậu bé được Phật Bà Quan Âm nhập vô nói chuyện. (Nam mô nhứt niệm tâm vô quái ngại Quán Âm Như Lai thường cư Nam Hải nguyện / Nam mô trụ ta bà u minh giới Quán Âm Như Lai tâm thỉnh cứu khổ nguyện.) Rồi bỗng nghe trên không trung có tiếng nói Ráng tu nghe con nòi da gà luôn.”

Thế là mối liên kết giữa thầy Thanh với ngài Quán Thế Âm Bồ Tát lại càng thân thiết hơn, chỉ chờ đợi đủ duyên để thầy không chỉ “ráng tu” mà còn bước hẳn vào con đường xuất gia. Mà con đường không thẳng tắp, đi vòng qua những khúc quanh không thể

đoán trước.

Vào khoảng thời gian đó, cuốn “Hành Trình Về Phương Đông” do nhà văn Nguyễn Phong phóng tác từ những bài viết của ông Baird T. Spalding trong bộ sách “Life and Teaching of the Masters of the Far East” đang bán rất chạy trong cộng đồng người Việt tại hải ngoại, có lẽ một phần vì sách chứa đựng những câu chuyện tâm linh huyền bí, một phần vì nó khơi dậy niềm hân diện về văn hóa phương Đông của những người Việt lưu vong đang phải hội nhập vào văn hóa phương Tây. Và tác phẩm đó đã góp phần vào việc đưa thầy Thanh đến với Mật Tông.

Thầy kể, “Tôi có mua cuốn sách Hành Trình Về Phương Đông. Tiếp sau mua thêm mấy cuốn của Nguyễn Phong nói về Phật Giáo Tây Tạng. Đọc say mê lắm. Có lẽ vì vậy mà tôi gieo chủng tử Tây Tạng trong đầu rồi. Mới nhớ hồi ở trại tỵ nạn được Phật Bà Quán Âm giúp. Rồi đọc sách mới thấy Đức Đạt Lai Lạt Ma là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Tôi nghĩ làm sao có cơ duyên để gặp được ngài Đạt Lai Lạt Ma?”

Vào năm 2007 cư sĩ Trầm Kim Thanh đã có cơ hội đi hành hương đến Dharamshala ở Ấn Độ để diện kiến ngài Đạt Lai Lạt Ma, được mãn nguyện sau nhiều năm ngưỡng mộ vị lãnh đạo tinh thần Tây Tạng mà hầu như ai trên thế giới cũng đều kính phục, ngoại trừ những kẻ đã chiếm mất quê hương của ngài. Nhân dịp đó, cư sĩ Thanh đã thọ Bồ Tát Giới. Trong hơn một thập niên trước khi gặp ngài Đạt Lai Lạt Ma, cư sĩ Thanh đã sinh hoạt với các chùa Tây Tạng trong vùng, mà khởi đầu từ một chuyến xe giúp đỡ người khác. Trong một lần đến nhà một bạn đạo có rước mấy vị sư Tây Tạng tới cầu kinh, cư sĩ Thanh gặp một sư cô người Việt lớn tuổi mới tu theo Phật Giáo Tây Tạng.



Lễ xuất gia của thầy Jangchup Tharchin (quàng khăn trắng) tại Thubten Dhargye Ling, Long Beach năm 2013. Giữa, hàng trên là Viện Trưởng Tu Viện Gaden Shartse, bên phải là Thầy Tâm Linh Geshe Phuntsok Gyeltsen. Hàng dưới từ trái, thầy Konchog Osel (Donald Phạm), thầy Geshe Lobsang Tsultrim, thầy Thanh, và vị tăng không rõ tên.

Thầy Thanh kể, “Bữa đó gặp sư cô Chân Phước. Cô nói, Ông Thanh, ông rảnh thì chở sư cô đến chùa Phật Giáo Tây Tạng ở Long Beach. Sư cô không lái xe được. Hồi đó có cô Phật tử người Mỹ chở sư cô đi, bây giờ cô Mỹ đó không đi nữa, nên sư cô muốn lên chùa Long Beach mà không có ai chở đi. Tôi mới nói, Để con chở sư cô đi. Đó là năm 1997.”

Từ ngày chở sư cô đến chùa Long Beach, hay chính xác hơn là Trung Tâm Phật Giáo Tây Tạng Thubten Dhargye Ling, cư sĩ Thanh đã bước hẳn vào Mật Tông. Năm 1997 cư sĩ Thanh chính thức quy y Tam Bảo. Trong một bức thư viết tay gửi cho tôi giữa mùa dịch khó gặp nhau, thầy Thanh viết, “Anh kính mến. Ngày 14 tháng Chín năm 1997 tôi được Venerable Geshe Tsultim Gyeltsen ban cho pháp danh Tenzin Trinley.”

Độc đến đó tôi chợt nhớ ra mình cũng đã từng ghé ngôi chùa ấy vào năm 2008, được diện kiến Đại Sư Geshe Tsultim Gyeltsen và được ngài hướng dẫn đôi điều về Mandala mà chùa sắp thực hiện. Mấy tháng sau, vào tháng Hai năm 2009, ngài Geshe Tsultim Gyeltsen viên tịch sau hơn ba ngày trụ trong thiền định, thọ 85 tuổi. Vào buổi chiều ngài Geshe Tsultim Gyeltsen rời bỏ xác thân, bầu trời về hướng đông bắc của chùa đã xuất hiện một cầu vồng lớn trong một thời gian khá lâu.

Buổi ghé chùa Tây Tạng đó đã là một trong các duyên lành đưa đẩy tôi mạnh hơn vào còn đường mà Phật đã chỉ hướng. Nhưng lúc đó tôi chưa biết nhiều về đạo Phật, nói chi đến Mật Tông. Trong thư tâm sự về buổi quy y, thầy Thanh giải thích, “Ở Tây Âu, Kim Cang Thừa (Mật Tông) được hiểu là con đưa đến sự giác ngộ một cách đột ngột, nhanh chóng. Kim

Cang Thừa không thể tồn tại độc lập ngoài các tông phái Phật Giáo khác. Thực hành Kim Cang Thừa mà không thông suốt căn bản giáo lý Phật Đà là một việc làm đầy nguy hiểm. Tư tưởng của Kim Cang Thừa chính là tư tưởng của kiên cố bất hoại, của sự trở về với chính mình, với sự tỉnh thức của bản thể và sự nhận biết tự tánh Kim Cang của ta.”

Thầy Thanh kể về những buổi tu học ở Long Beach, “Mỗi Chủ Nhật lên đó nghe pháp. Hồi đó có một vị dịch từ tiếng Tây Tạng sang tiếng Anh, ông bác sĩ Quách Hùng dịch từ tiếng Anh qua tiếng Việt cho các Phật tử Việt. Ông Quách Hùng có học Phật, hồi ở Việt Nam có đến chùa Bình Dương, là chùa của Phật giáo Tây Tạng. Ông rất giỏi, dịch rất chính xác.”

Mười năm sau ngày đầu tiên đến chùa Long Beach, vào năm 2007, cư sĩ Thanh được dịp theo một phái đoàn đến Dharamshala tu học ba tuần, và đó là dịp thấy gặp ngài Đạt Lai Lạt Ma, và được nghe về tiền kiếp của mình.

Thầy kể, “Cuộc đời của tôi lạ lắm. Lúc qua Ấn Độ, tại trường đại học về tử vi, một vị sư Tây Tạng coi astrology nói kiếp trước tôi là một Mahayana Buddhist practitioner (hành giả Phật Giáo Đại Thừa) bây giờ cuối đời được gặp các vị sư Mật Tông Tây Tạng.”

Có lẽ nhờ tiền kiếp như vậy, nên kiếp này thầy Thanh được đủ duyên để đi tu dù đã lớn tuổi. Đầu năm 2010 cư sĩ Thanh được Đại Sư Kyabje Lati Rinpoche làm lễ xuống tóc tại tu viện Gaden Shartse Monastery ở Ấn Độ. Đến tháng Tư cùng năm, ngài Kyabje Lati Rinpoche viên tịch, thọ 88 tuổi. Trong dịp trò chuyện với tôi, thầy Thanh thường nhắc đến “Thầy Lati” với sự tôn kính, tiếc nuối lẫn với niềm hãnh diện được

Đại Sư Geshe Tsultim Gyeltsen, viện trưởng trung tâm Phật Giáo Tây Tạng Thubten Dhargye Ling ở Long Beach, đang ngồi trong bức hình chụp năm 2008, mấy tháng trước khi ngài mất năm 2009. (Photo: Đỗ Hoàng Duyệt)



xuống tóc với một vị thầy như vậy.

Thầy Thanh viết về “Thầy Lati” trong thư gửi cho tôi, “Ngài được chính thức công nhận là một vị Lạt Ma hóa thân. Sinh ra tại tỉnh Kham của Tây Tạng. Đã đậu bằng Tiến Sĩ Phật Giáo và sau đó tu thêm tại đại học Mật Tông. Lưu vong khỏi Tây Tạng cùng với Đức Đạt Lai Lạt Ma năm 1959. Chuyên dạy cho các vị Lạt Ma tái sinh.

“Là cựu viện trưởng tu viện Gaden Shartse, Nam Ấn Độ. Ngài đã qua Mỹ hoằng pháp nhiều lần (1997, 1999, 2000, 2001...). Sau đó ngài trở về Dharamshala. Cuối đời ngài sống tại tu viện Namgyal, viên tịch tại đây ngày 12 tháng Tư, 2010. Sau đó Đức Đạt Lai Lạt Ma quyết định đưa nhục thân ngài về tu viện Gaden Shartse, làm lễ trà tỳ và hỏa táng. Ngài để lại nhiều xá lợi.”

Kèm với tám ảnh chân dung ngài Kyabje Lati Rinpoche, thầy Thanh đánh máy thêm mấy dòng chữ: “Thầy là Phật, thầy là Pháp, thầy là Tăng / Thầy là hiện thân trí huệ của tất cả chư Phật / Tâm thầy là Pháp thân bất biến / Ngữ thầy là Báo thân miên viễn / Thân thầy là lòng từ bi bao trùm tất cả của Hóa thân / Hãy cầu nguyện đến thầy, sự hiện diện tự nhiên của bốn thân giác ngộ hay Tứ thân Như Lai. Tứ Thân Như Lai là Bốn Thân giác ngộ: Pháp Thân (Dharmakaya, The Wisdom body), Báo Thân (Sambhogakaya, The Enjoyment body), Hóa Thân (Nirmanakaya, The Emanation body), và Tự Thánh Thân (Svabhavakaya, The Essence body).”

Khi đến Long Beach, ngài Kyabje Lati Rinpoche có cho đệ tử lễ quán đánh pháp môn tu tập “Vajra Yogini”(Kim Cang Thiên Nữ) và một lễ “Tsog Vajra Yogini.” Sau khi viên tịch, ngài có để lại Xá Lợi được lưu giữ bên trong tượng Kim Cang Thiên Nữ.

Trong thời gian tu học và chuẩn bị để được phép xuất gia, cư sĩ Thanh phải “học cả tháng ở Long Beach với thầy. Đang đi làm ở Irvine, tui phải xin nghỉ một tháng, sắp nói bộ muốn quit job hả. Thế rồi tôi được phép đi làm nửa ngày, buổi sáng, trưa về đi học pháp đến tối.”



Thầy Jangchup Tharchin, thứ nhì từ bên phải, có mặt tại Chùa Điều Ngự, Westminster đón tiếp Đức Đạt Lai Lạt Ma tháng Sáu 2016.

Trước khi được xuất gia, đệ tử phải được “thầy đánh giá dựa trên ba yếu tắc của đạo, cũng là ba pháp trụ của Tổ Je Tsongkhapa (Tông Khách Ba) được Đức Đạt Lai Lạt Ma ban truyền. Thứ nhất phải có cái Tâm Xả Bỏ, dứt khoát trừ tham dục trong biển đời. Thứ hai phải phát Bồ Đề Tâm, khởi tâm từ bi và lo cho chúng sanh, phải thọ Bồ Tát Giới. Thứ ba là phải hiểu rõ Lý Duyên Sinh, phải thấu hiểu Không Lý, nếu thấy được Tánh Không trong nhân quả thì sẽ không còn lầm lạc bởi tà kiến, cực đoan.”

Tháng Hai năm 2013, Đạo Sư Khen Rinpoche Jangchup Choeden, Viện Trưởng Gaden Shartse và Giảng Sư Geshe Phuntsok Gyaltsen đã làm lễ xuất gia cho cư sĩ Thanh tại chùa Thubten Dhargye Ling ở Long Beach và cho pháp danh Jangchup Tharchin có nghĩa là “thành tựu trí tuệ viên mãn.”

Thầy giải thích, “Jangchup là thành tựu viên mãn, Bồ Đề giác ngộ, loại được mê mờ, liễu ngộ được thực tướng, rồi bỏ các ngã tướng, tẩy sạch, mở ra, phát triển trình độ của Phật quả.”

Vì lớn tuổi, thầy Jangchup Tharchin không bắt buộc phải qua Ấn Độ để tu học như các vị tăng trẻ. Thầy được tu tại gia ở Quận Cam. Thầy nói, “Muốn đi tu theo Mật Tông mà không đủ duyên thì đi không được. Khó lắm. Tôi rất may mắn.”

Cuối buổi thăm thầy Thanh tại khu chung cư cho cao niên, tôi được thầy mời vào phòng riêng để xem nơi thầy thờ Phật và tụng kinh mỗi buổi sáng. Nơi chốn thiêng liêng đó rất khiêm tốn, chiếm hơn một nửa của một gian phòng mà bên còn lại là chiếc giường ngủ đơn giản. Ranh giới là một kệ sách bên trên trưng bày một bình phong nhỏ với sáu tấm xếp có hình vẽ các vị Phật hay Bồ Tát Tây Tạng. Bình phong này trông quen thuộc vì tôi cũng từng thỉnh về một cái như vậy nhân dịp có các thầy Tây Tạng đến Little Saigon để quyên góp tịnh tài dành cho một tu viện bên Ấn Độ.

Khi nghe tôi thắc mắc về việc lần đầu gặp thầy mặc thế phục ở bãi đậu xe mấy tháng trước, thầy Thanh nói, “Tôi xuất gia nhưng tu tại gia. Quan trọng là phải giữ giới. Khi tôi xuất gia họ nói tôi già yếu, không thể vô monastery (tu viện) được, tu tại gia theo Kim Cang Thừa để đời sau tiếp tục tu, hãy ở nhà, giữ giới.”

Vào mùa hè năm 2016, khi ngài Đạt Lai Lạt Ma đến Quận Cam, thầy Thanh có đóng một vai trò trong chương trình đón tiếp ngài tại Quận Cam.

Thầy kể, “Có một chị bên Canada tu theo Mật Tông biết tôi tu theo Tây Tạng, muốn liên lạc để hỏi vì ban tổ chức muốn biết có chùa Việt Nam nào mà ngài Đạt Lai Lạt Ma có thể ghé được không. Cô ta gọi qua một cô bạn ở Boston, Massachusetts, người đó liên lạc với tôi. Tôi có đi mấy cái chùa như Huệ Quang, Bảo Quang, Bát Nhã (lúc đó xây chưa xong), chỉ quan sát thôi, chứ không nói với các thầy. Thế rồi tôi có đến chùa Điều Ngự, gặp thầy Viên Lý, cho số phone của vị lạt ma tổ chức.”

Đó là lần đầu tiên ngài Dalai Lama đến chùa Việt

Nam tại California, một vinh dự lớn cho cộng đồng người Việt ở đây. Và thầy Thanh đã cho tôi xem mấy bức ảnh chụp ở chùa Điều Ngự với niềm hân diện về mối quan hệ của thầy với các tăng Tây Tạng trong vùng.

Thầy cũng tạo những mối quan hệ khác. Vào năm 2002, sau một thời gian sinh hoạt thường xuyên ở chùa Tây Tạng Long Beach nhưng chưa xuống tóc, cư sĩ Thanh có về Việt Nam, đến thăm Tịnh Thất của Ni Sư Trí Hải ở huyện Nhà Bè thuộc vùng phụ cận Sài Gòn. Khi biết cư sĩ Thanh tu Mật Tông, Ni Sư Trí Hải đã tặng cuốn “Giải Thoát Trong Lòng Tay” mà Ni Sư đã dịch từ tác phẩm của ngài Kyabje Pabongka Rinpoche, bốn sư của hai vị giáo thọ của Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Việc tặng sách của Ni Sư Trí Hải tuy chỉ là một hành động nhỏ nhưng lại là một thiện duyên cho thầy Jangchup Tharchin liên lạc với tôi, để rồi chúng tôi được gặp nhau lần đầu giữa bãi đậu xe của hai quán ăn. Từ đó đến nay đã hơn một năm. Nhiều sự việc đã xảy ra trong cuộc đời của hai chúng tôi, vì đại dịch cũng như không vì đại dịch. Những phiền não, hoan lạc, tiếu nuối rồi cũng trôi qua. Riêng trong tôi vẫn còn một niềm khắc khoải về việc hành trì một pháp môn ứng dụng vào cuộc đời của bản thân. Qua những kinh nghiệm mà chắc chắn còn thiếu sót, tôi đã thấy một phần cuộc sống của các vị tăng đang hành đạo ở chùa, của các cư sĩ đang tu tại gia, của các vị tướng không tu mà có tu, và ngược lại. Mỗi người một kiểu cách tùy theo hoàn cảnh, thói quen, duyên phước, mà dẫu có khác nhau nhưng đều chung một niềm tin nguyện thiết ở Đức Phật.

Giữa lúc còn lẩn cẩn về chuyện tu hành của chính bản thân, của các hành giả mà mình đã may mắn được tiếp chuyện, một hình ảnh từ kỷ niệm với thầy Thanh

nhắc cho tôi nhớ tới lời Phật dạy. Và đó là tự mình tu cho chính mình chứ không ai tu được cho mình hết.

Hình ảnh đó hiển hiện vào phút chót của buổi gặp thầy Thanh hồi cuối tháng 11 năm ngoái. Đó là khi tôi rời căn chung cư của thầy, linh kính trên tay máy ảnh, điện thoại, máy scan, một xấp giấy tờ, vừa khép cánh cửa lại và đi được vài bước trong hành lang thì chợt nghe tiếng thầy gọi tôi. Thầy mở cửa bước ra ngoài, cũng trong chiếc áo đỏ mà thầy đã mặc trong suốt buổi nói chuyện gần hai tiếng đồng hồ, đưa cho tôi một món đồ tôi đã bỏ quên không cầm theo. Ngay trong khoảnh khắc ấy, tôi bắt ngay vào trong đầu hình ảnh một vị tăng đang vội vã bước trong hành lang, không một bóng người nào khác ở chung quanh, vạt áo lướt tới trong khoảng không gian tưởng chừng sâu hun hút giữa hai vách tường.

Cầm món đồ và đợi cho thầy trở vào trong nhà, tôi đứng yên nhìn vào khoảng trống trong hành lang, vẫn không một ai khác xuất hiện mặc dầu đằng sau hàng chục cánh cửa san sát nhau có lẽ đang có hàng chục chúng sanh mang thân người. Tôi thấy lại ấn tượng của một hành giả trên con đường sâu hun hút, lần này còn sâu thẳm hơn. Một con đường cô độc, và cô đơn, nhưng là con đường duy nhất dẫn đến ánh sáng của trí tuệ viên mãn. ♦



Thầy Jangchup Tharchin - Trầm Kim Thanh trong hành lang của khu chung cư dành cho cao niên tại thành phố Fountain Valley, California. (Đồng Phúc)



Vị sư thảnh lặng trên phố Bolsa

Bài và hình PHÚC QUỲNH

Sáng nay có chút sương mù, bên kia tấm kiếng xe loáng thoáng bóng hai khất sĩ băng qua đại lộ Bolsa trong bộ áo cam vàng đã xuống màu. Hai sư rảo bước thật nhanh cho kịp thời gian được phép băng qua đường. Họ đi chân đất, hướng về một khu chợ mà chốc lát đây sẽ huyền náo với những người tay cầm những bao bịch, những thùng thức ăn chắt vào xe. Các sư cũng tìm thức ăn bỏ bụng, ôm bình bát giữa hai bàn tay chấy nắng. Họ đi khất thực. Góc chợ đây đông người qua lại vào buổi sáng. Ai cũng phải nuôi thân. Có khác chăng là nuôi dưỡng cái thân người để làm gì, cho mục đích nào. Mình sống để làm chi?

Bên này tấm kiếng, tôi chợt nhớ tới Sư. Sư cũng từng quần bộ áo vàng trong nhiều năm như hai vị sư

đang sắp bước lên lễ đường hướng tới cửa chợ kia. Giờ thì Sư khoác bộ áo đỏ, màu đậm thắm của miền đất cao nguyên Việt Nam, màu của vỏ trái măng-cụt. Đèn bật xanh, tôi rẽ xe hướng về nhà, xa dần góc chợ nhưng vẫn nghĩ tới Sư. Vẫn gần Sư trong tâm tưởng. Mô Phật.

Màu áo đỏ, đỏ như vỏ trái măng-cụt, ẩn hiện giữa những màu áo đa sắc trong dòng người qua lại. Có lúc mơ hồ như trong một giấc mơ, có lúc rõ như giữa nắng trưa, ngay trước mắt. Mà ngay cả khi hiển hiện trong nắng cũng chỉ là ảo ảnh. Sư là ảo ảnh. Có lúc tôi nghĩ vậy, khi tưởng đến vị tỷ kheo đang chân bước chậm chậm, mắt nhìn xuống mặt đất trong một khu thương xá quen thuộc ở phố Bolsa.

Đời sống, công việc của tôi trong ba thập niên qua

đã buộc tôi quanh quẩn ở phố Bolsa đây, nên hầu như ngày nào tôi cũng đi ngang qua góc thương xá quen thuộc ấy, nơi có một cây xăng, một siêu thị, mấy tiệm ăn, dăm ba tiệm bánh, thịt quay, hớt tóc, hoa trái, dụng cụ làm móng tay, một nhà băng, và một bến đậu xe đồ. Từ sáng đến chiều, góc phố ấy là nơi nhộn nhịp nhất nhì ở Bolsa. Trong mùa bầu cử, thỉnh thoảng người ta còn tụ tập để hô hào những khẩu hiệu chính trị nóng bỏng giữa nắng trưa. Thường thì khi chiều về, bãi vắng bóng người, từng bầy chim hoang dại sà xuống mót thức ăn, đuổi theo những tấm giấy bay nhẩy theo gió trời lẩn trong giấc cuối ngày.

Sư không có ở đó vào giấc trưa hay chiều, chỉ đến vào buổi sáng suốt bảy ngày trong tuần, năm này qua năm kia, chính xác như kim đồng hồ từ 9 giờ sáng đến 11 giờ trưa, ngày mưa cũng như ngày nắng. Sau này tôi mới hiểu các sư Nam Tông phải ăn xong trước giờ Ngọ mỗi ngày theo qui luật đã có từ ngàn xưa, nên việc trì bình cần phải chấm dứt sớm trước 12 giờ trưa.

Lần đầu tôi biết Sư đi bát ở trước chợ ABC là khoảng hơn mười năm trước. Tôi thường ghé góc chợ này mỗi khi cần chụp ảnh sinh hoạt đời thường cho nhật báo. Sư đã xuất hiện trong vài tấm ảnh mà tôi đã bấm ngẫu hứng. Sư nhắc từng bàn chân trần đi chậm rãi từng bước, tay ôm bát, mắt nhìn xuống mặt đất trước mặt, chăm chú theo dõi từng bước chân của mình. Đi chừng vài chục bước từ cửa chợ đến tiệm bánh thì sư quay lại, trở về khoảng trống trước chợ, xong lại xoay người đi tiếp tới tiệm bánh, cứ như vậy suốt hơn hai tiếng đồng hồ, dưới nắng chói chang mà trên đầu không có nón che.

Có lúc Sư đi giữa đám đông qua lại, bị che lấp giữa những bộ áo tạp sặc. Cũng có lúc mọi người dường như cùng biến mất trong các cửa tiệm, để lại Sư đi thiền hành một mình trên bãi hắc ín nóng bỏng, mà Sư lại đi chân đất. Hai bàn chân chai lì chịu đựng nền nhựa nắng cháy. Đến thời gian trước đại dịch, Sư không còn đi thiền hành, chỉ đứng một chỗ bên ngoài cửa siêu thị, nép qua một bên phía trước bức tường ngăn lối ra vào. Sau này tôi được biết “người ta” không cho Sư cũng như mấy vị tăng khác ôm bình đi qua đi lại trong khu thương xá, chỉ được đứng yên một chỗ, để nhận tiền hay thức ăn cúng dường. Thế nên mỗi vị tăng chọn một vị trí. Sư luôn đứng trước cửa siêu thị, nép qua một bên. Mấy vị kia lúc có mặt lúc không, thường đứng ở một góc chiến lược của bãi đậu xe, nơi có nhiều người qua lại hướng vào chợ hay trở lại xe.

Thỉnh thoảng có người ghé đến trước Sư, cung kính chào, xong để chút tiền hay gói thức ăn vào bát. Phần lớn người cúng dường là phụ nữ đứng tuổi, hiếm khi có đàn ông. Lần đầu cúng dường Sư, tôi không biết nói năng chỉ lúc đến gần trước mặt, chỉ bỏ tờ tiền giấy vào bát khi thấy Sư đưa tay mở nắp. Mấy lần sau, tôi nói thêm, “Mô Phật, con xin cúng dường thầy.” Sư nói lại gì đó mà tôi đoán là câu chúc lành bằng tiếng Pali. Hầu như không bao giờ Sư ngược lên để nhìn người đối diện, luôn chú tâm nhìn đến khoảng trống trước mặt, mặc dù vẫn biết có người đang nhìn mình.



Đến giữa mùa dịch, khu chợ ABC vắng bớt người, nhưng dân mình vẫn lái xe, chen chân đến chợ mua thức ăn. Tôi cũng vậy, cũng sẵn lòng mấy món cho người thân ở nhà. Và Sư vẫn có mặt ở đó mỗi buổi sáng, có lúc chỉ một mình Sư với tấm vải đỏ phủ kín thân giữa bãi nắng. Mùa hè 2020, dịch Covid đe dọa mạng sống của mấy tỷ người trên Trái Đất, từng ngày lấy đi hơi thở của cả vạn người, mà Sư vẫn đứng trước chợ ôm bình bát, không mang khẩu trang như không hề biết đang có hàng triệu triệu con vi khuẩn bay



Hình chụp Sư
Thiện Đăng sáng
ngày 4 tháng 7,
2021 tại khu chợ
ABC ở góc đường
Bolsa Avenue,
Westminster. Sư
đi bát từ 9 đến
11 giờ sáng mỗi
ngày, quanh
năm suốt tháng.
Những người xin
từ thiện khác đến
không có thời
gian nhất định.

trong không khí. Rồi mùa thu đến, dịch cúm giết nhiều hơn nữa, chợ không đông như ngày trước, nhưng Sư vẫn có mặt ở chợ trước giờ ngọ, đứng yên suốt hơn hai tiếng, có khi mang mặt nạ màu đen hay màu đỏ. Một thân hình sạm nắng vận chiếc áo màu đỏ mặng cụt, bình thản ôm bát trước chợ như không hề biết những gì đang xảy ra ở chung quanh.

Một lần kia, sau khi tôi cúng dường, Sư trao cho tôi hai tấm giấy cứng kèm theo lời chúc lành. Vào xe tôi ngồi đọc hai tấm giấy in màu lằng, một tấm ghi Bài Kệ An Lành, Niệm Rải Tâm Từ Cho Mình, Từ Bi Quán, Thập Nguyên, và Năm Điều Quán Tưởng, một tấm chép lời giảng của Thiền Sư Thái Lan Ajahn Chah mà trong đó có đoạn:

“Hãy cố gắng vượt đến chân lý của những lời dạy mà Đức Phật đã ban truyền, ngay trong ngày hôm nay. Bây giờ, để chấm dứt thời Pháp hôm nay, Sư nhắc lại một bài ca dao của người Lào, đại ý như sau: Nhiều cuộc vui đã tàn, nhiều lạc thú đã trôi vào dĩ vãng. Trời sắp xế chiều và màn đêm sẽ nhanh chóng rủ xuống. Giờ đây, đang say sưa với những dòng lệ tuôn rơi, hãy ngừng nghĩ và nhìn xem, không bao lâu nữa sẽ quá muộn để viên mãn hoàn tất cuộc hành trình.”

Tôi cất hai tấm giấy trong xe, thỉnh thoảng mang ra đọc, ngẫm nghĩ đến cuộc vui nào rồi cũng đến lúc tàn của thế gian này và hành trình còn quá xa của chính mình.

Mặc dù nơi đây vẫn có một số sư khác đi bát, nhưng Sư vẫn là người có mặt lâu nhất, kiên trì nhất, luôn tỏa ra một ấn tượng oai nghi lạ thường qua sự im lặng và ánh mắt nhìn xuống, nhẫn nại chịu đựng thời tiết cũng như sự hoài nghi của những người qua lại. Có lẽ điều đó đã thu hút tôi, nên một bữa kia tôi đánh liều làm quen với Sư, mong học hỏi thêm về

Phật pháp, dù biết rằng việc gần gũi một người tu hành chuyên cần như Sư không dễ chút nào. Đã nhiều lần tôi phải quay về với lời từ chối của các vị tăng, vị ni, vì họ không muốn nói chuyện tu hành của họ với một người sống bằng nghề viết. Tôi đoán Sư cũng sẽ từ chối như vậy.

Buổi sáng hôm đó tôi đến chợ khá sớm, trước giờ mở cửa và chần chẫn trước cả Sư. Nếu có đủ duyên thì Sư sẽ cho mình hỏi chuyện, còn không thì thôi, tôi tự lự trong lúc ngồi trong xe chờ Sư xuất hiện. Gần 9 giờ Sư đến trong một chiếc xe cũng màu đỏ như màu áo của Sư, nhưng cũ, rất cũ, đắp vá với sơn không hợp màu ở cốp phía sau. Tôi đến gần lúc Sư mở cốp, chấp tay chào Sư “Mô Phật!” Sư cũng chào lại “Mô Phật” với giọng ôn tồn của người miền Nam.

Tôi tự giới thiệu, tặng Sư tờ Tinh Tấn Magazine mới nhất, nói rằng mong có dịp được thưa chuyện với Sư nhiều hơn. Sư có vẻ ngần ngại, cất tờ báo vào trong cốp xe, nhưng có lẽ chợt nhận ra tôi đã từng cúng dường vài lần, từng nhận của Sư mấy tấm giấy nhắc nhở chuyện tu hành, nên Sư nói để Sư về nhà xem tờ Tinh Tấn rồi sẽ liên lạc sau. Nghe vậy tôi cũng mừng mặc dù không có hy vọng Sư sẽ gọi. Khi Sư chậm rãi bước đi hướng đến trước cửa chợ để bắt đầu một buổi trì bình, tôi vội chạy theo vì chợt nhớ mình chưa cúng dường. Sư nói khẽ, “Cám ơn chú.”

Vài ngày trôi qua, một chiều nọ Sư gọi tôi qua số điện thoại đăng trên báo. Tôi vui mừng, buông hết mọi thứ để được đàm đạo với Sư. Sư đã đọc một số bài trên Tinh Tấn, nhưng một lần nữa Sư khẳng định không muốn tôi viết gì về Sư để đăng báo.

Sư nói nhanh qua làn sóng điện thoại, “Sư không là gì hết, mấy thầy kia lớn tuổi hơn, chú viết về những

Hình chụp Sư
Thiện Đăng sáng
ngày 31 tháng 12,
2007 tại khu chợ
ABC ở góc đường
Bolsa Avenue,
Westminster.
Mấy năm sau này
người ta không
cho Sư ôm bình
đi thiền hành qua
lại trước các cửa
tiệm. Mỗi ngày
Sư thức dậy từ 3
giờ 30 sáng, tụng
kinh, ăn sáng
trước khi đi trì
bình, rồi ăn trưa,
học pháp và hành
thiền đến tối.



vị đó đi, chứ mình có gì đâu mà viết.”

May sao buổi đối thoại không kết thúc ở đó. Tôi hỏi một vài câu, xong lắng nghe Sư nói về Phật pháp, cố gắng thấu hiểu những điều Sư trình bày để biết rõ hơn về pháp môn tu hành của một người có thể kiên trì với nắng mưa và kiên nhẫn với lời đàm tiếu khi đứng giữa chợ đời. Sư hoàng pháp bằng chính bản thân mình chứ không qua khả năng giảng pháp, xây chùa, hay hoạt động xã hội.

Giữa những lời giảng pháp của Sư, tôi cũng nắm bắt chút ít chi tiết về cuộc đời của vị tỳ kheo ôm bình bát đứng giữa chợ. Sư có pháp danh là Thiện Đăng, từng tu học ở Miến Điện nên còn có thêm pháp danh là U Jotika, nghĩa là “Ánh Sáng.” Năm nay Sư U Jotika được 52 tuổi, đã chào đời ở miền cao nguyên Ban Mê Thuột, lớn lên tại Sài Gòn trong gia đình có tám anh em. Thời mới lớn Sư thường đến các chùa ở Sài Gòn để nghe giảng pháp, đặc biệt là những buổi thuyết giảng của Hòa Thượng Thích Minh Châu (1918-2012). Khi đến California, Sư tu học với Hòa Thượng Khippapanno Kim Triệu và Hòa Thượng Khánh Hỷ thuộc dòng Theravada hay Nam Truyền. Sư được các hòa thượng khuyến nên qua Miến Điện để tu học thêm với các bậc thiền sư ở xứ ấy. Thân mẫu của Sư cũng đã xuất gia và đang sống với Sư ở một ngôi nhà nào đó mà Sư tránh nói địa chỉ, và tôi cũng tránh hỏi vì thấy không cần thiết phải tìm hiểu quá đà, quá sâu trong buổi nói chuyện đầu tiên. Gia đình Sư chỉ có hai mẹ con đi tu.

Trong buổi điện đàm mà không ngờ dài tới cả tiếng đồng hồ, tôi khám phá cả Sư và tôi cùng thích nghe

những bài giảng pháp sắc bén của Sư Toại Khanh, tức là Tỳ Kheo Thích Giác Nguyên, một vị sư Theravada vừa thông suốt kinh kệ vừa tài giỏi văn chương dù tuổi còn trẻ. Chúng tôi cũng nhắc tới Hòa Thượng Kim Triệu và Thích Ca Thiên Viện, Hòa Thượng Khánh Hỷ và Thiên Viện Ananda. Có lẽ nhờ vài mẫu số chung như vậy, cuối cùng tôi cũng thuyết phục được Sư U Jotika cho tôi viết về Sư. Sư đặt điều kiện là không trả lời những câu hỏi của tôi, mà chỉ cho tôi nghe một băng giảng pháp rồi từ đó lấy ý trích đăng trên báo. Tôi đồng ý, cảm thấy vui vì được Sư tin tưởng.

Mấy ngày sau tôi gặp lại Sư ở bãi đậu xe trước giờ đi bát. Sư trao cho tôi một băng cassette, dặn dò mang về nghe, và nếu muốn thì viết lại ý của Sư. Tôi mừng vì có được chút pháp thoại của Sư, dù biết rằng mình phải nghe băng và chép lại. Thời buổi này không còn ai nghe băng cassette. Máy cassette cũ của tôi từ thập niên 1990 vẫn còn sáng đèn khi có điện, nhưng hai trục quay lại cứng đờ, chỉ phát ra âm thanh rẹt rẹt ở bên trong, nên tôi lên mạng Amazon mua máy mới nối thẳng vào chiếc laptop. Rồi thêm trở ngại về thời gian, về việc nhà và việc đời dồn dập kéo tới, hết ngày này qua ngày kia, mỗi cuối tuần trôi qua tôi lại thấy tiếc nuối vì không thể bắt tay vào việc đạo mà tôi hằng mong ước.

Nhưng cuối cùng tôi cũng chép hết lời giảng của Sư trong buổi nói pháp hôm đó, là một ngày cuối năm âm lịch và sắp tới Tết Kỷ Hợi 2019. Sau đây là những gì tôi tóm được từ cuộn băng cassette chỉ ghi mấy chữ “Thuyết pháp - Mới - Thiện Đăng” với thời lượng dài hơn một tiếng.

Sư nói ở phần đầu, “Happy New Year! Mới là sao? Thế nào là mới? Xe mới? Áo mới? Nhà mới? Mới là chưa tiếp xúc nó bao giờ. Thí dụ ngày mới là ngày mình tiếp xúc lần đầu, mới tiếp xúc, mới gặp lần đầu. Ngày nay mới vì chưa bao giờ xảy ra. Mình nói Happy New Year là mình muốn chúc mừng năm mới. Cũ đã diệt rồi nên không có ngày cũ. Chỉ có ngày mới. Nếu mình nhắc tới ngày hôm qua thì thật ra mình nhắc tới “ngày mới” hôm qua chứ không có ngày cũ. Bây giờ mình nói chuyện hôm qua, nhưng nó vẫn là ngày mới, không có ngày cũ.

“Không có cái cũ vì đã diệt rồi thì đâu còn có nữa. Mình nói xe cũ nhưng nếu có sanh có diệt thì là xe mới chứ đâu phải xe cũ đâu. Mình đi mua cái xe của người ta. Đối với người ta thì là xe cũ mà đối với mình thì lại là xe mới. Sao lại có mới, có cũ?

“Ở đây sư không nói cũ/mới theo nghĩa vật chất mà nói về cái tâm, sư nói về pháp, là chánh pháp, cái sanh cái diệt ở trong tâm. Mình bị cái vô minh che, nên mình chấp trước có cái xe trước mặt mình. Là người hành thiền mình phải hiểu những gì mình thấy đều là những cái do trong tâm mình sanh ra, vẽ lại cho mình coi.”

Mới nghe Sư giảng pháp lần đầu, mà Sư nói cũng khá nhanh, với tốc độ khác hẳn vị tăng đi bát chậm rãi trong sự thâm lặng trước chợ, nên tôi phải dừng nghe bằng nhiều lần, dành thời giờ để suy ngẫm cho đến khi hiểu được điều Sư muốn nói. Quả là khó! Nhưng càng nghe tiếp thì dần dà tôi nắm bắt được điều Sư muốn giải thích. Ý chính nằm trong câu “những gì mình thấy đều là những cái do trong tâm mình sanh ra, vẽ lại cho mình coi.”

Và Sư giảng tiếp, “Mình nhắc tới xe hơi thì tâm mình đưa ra cái xe hơi thế này thế kia, màu này màu kia. Đó là chiếc xe của cái tâm mình đưa ra, không phải cái xe hơi tuốt ở ngoài kia. Cái xe hơi trong đầu làm việc với mình. Cái xe ở ngoài kia không biết gì hết, không dính líu gì với mình hết trơn. Cái xe mình thấy là xe ở trong đầu. Mình nghĩ mình cũng nghĩ tới nó. Ai nhắc tới thì mình thấy nó liền. Đó mới là cái xe hơi làm việc với mình. Nhưng xưa nay mình coi thường cái đó, mình nói cái ngoài kia mới là cái thật. Đó là cái chỗ mình cần xét lại.”

Suy ra thì xe với người cũng vậy, cũng bị cái tâm vẽ ra mà mình cho là thật. Tôi nghĩ đó là điều Sư muốn người nghe thấu hiểu.

Sư nói tiếp, “Khi sư ôm bình bát đi ngoài chợ, chung quanh người ta thấy sư. Sư rất vô tư, không dính mắc với ai hết. Sư đâu có thấy ai đâu, sư đi tỉnh bơ hà. Tại sao? Tại sư biết có cái chợ nằm ngoài kia, có cái chợ nằm trong tâm này. Cho nên sư quay về kiểm soát cái trong này, chứ sư không tin ở ngoài kia. Tại sao vậy, tại sư không thật sự biết người ta. Sư không biết ai hết trơn á. Nhưng nếu mình không biết nhìn cái tâm này thì mình cứ tưởng mình thấy người ta, chứ thật sự mình đâu có thấy người ta, mình đâu có biết người ta. Xưa nay mình cứ nói mình biết người ta, điều này phải xét lại, còn không thì cái nghiệp nó

sẽ làm chủ mình.

“Thí dụ mình thấy người ta tới chửi mình. Vậy ai chửi mình? Rõ ràng mình thấy người đó chửi mình đang hoang mã. Nhưng người hành thiền xét kỹ và quay về đây. Nếu cái tâm không nói người ta chửi mình thì mình đâu có biết người ta chửi mình. Thôi thì đừng nói người ta chửi mình, mà hãy nói người ta khen đi. Cái tâm nó nghe khen nó dịch cho mình nghe, mình mới thấy người ta khen mình, chứ thật ra lời nói chỉ là âm thanh, nhưng lọt vào lỗ tai mình thì nó dịch ra một kiểu khác, thì ai dịch ra cái đó, đó là cái nghiệp của mình nó dịch ra. Mình sống với cái nghiệp của mình mà mình không biết.

“Vấn đề chính là quay về với cái tâm của mình, để thấy ra thế gian này là của tâm mình tạo ra. Cho nên mình nên hành thiền, quay về làm quen với mình. Người chánh niệm là người trở về với mình, sống trong hiện tại ngay bây giờ.

“Cái vị sư mà quý vị thấy ôm bình bát đi là của tâm của quý vị đưa ra, chứ không phải là tui đâu, nhưng quý vị tưởng là tui. Chừng nào quý vị là tui thì quý vị mới biết chớ. Quý vị chỉ biết có ông sư ôm bình bát đi, vậy thôi à, đúng không. Quý vị không nhận ra ông sư đó là từ trong tâm mình đưa ra, của cái tư tưởng mình nó vẽ ra cho mình coi. Rồi tâm nói cái ông đó như thế này, như thế kia, chứ thật sự đâu phải ổng đâu.

“Đức Phật là người tìm ra cái tâm này, ngài ngồi ở cội bồ đề, ngài mới quay về ngài hành thiền, nguyên cái thế gian ở ngoài kia là do cái tâm này vẽ ra. Thấy vậy, Đức Phật mới nói, đủ rồi, Như Lai không cần nữa, Đức Phật không tin thì nó đi luôn, ngài mới thoát khỏi, ngài không bị khổ, bị phiền não nữa. Còn mình, mình đang bị phiền não làm chủ mà không biết, cứ nghe nó, mình quen rồi, mình không biết.

“Người Phật tử phải cố gắng hành thiền, quay về để làm quen với mình, tâm mình nó nói vui, nói buồn, nhưng đâu có gì thật đâu. Nên sư vô chùa, trong cái chùa có một mình, trời ơi thênh thang. Người ta nói buồn, cái buồn là do cái đầu nó nói, chứ đâu có ai làm gì đâu mà buồn. Người ta nói có người này người kia thì mới vui. Khi có người này người kia thì sư vẫn phải chánh niệm. Tại sao? Cũng tại tâm nó nói vui chứ ai nói. Cho nên sư tập luyện từ từ, cho nó không là gì hết trơn, thì mình mới an nhiên tự tại, mới sống trong hiện tại, bình thản.



“Với sư thì chỉ có cái tâm. Cái tâm là đủ rồi. Khi mình biết cái đó là do tâm mình nói ra thì tự nó diệt, nó sanh rồi nó diệt. Chánh niệm là vậy đó. Mình đang nghĩ gì thì mình biết mình đang nghĩ cái đó. Vậy thôi. Chánh niệm là ngay bây giờ nó đang như thế nào thì mình biết nó như thế thôi.

“Chợ ABC ngoài kia, buổi sáng sư ra sư ôm bình bát sư đi, sư biết sư đang sống với cái tâm của sư. Người ta đi qua, đi lại, cái chợ nó đông, cái chợ nó gì gì thì cũng là cái tâm. Chỉ có mình với cái tâm của mình, làm quen với tâm của mình đi.

“Người ta thấy cái hoa, mình không cấm người ta không nói cái hoa này đẹp, mình cứ để người ta nói, nhưng mình biết cái tâm nó nói cái hoa này đẹp, cái hoa trong tâm, chứ không phải cái hoa ở ngoài đâu. Mình muốn nói đẹp nói xấu gì thì cũng được, nhưng mình phải biết cái tâm mình nó nói, cái hoa trong tâm chứ không phải cái hoa ngoài kia.

“Còn vài ngày nữa là sang năm mới rồi, mình phải nhớ là mình luôn luôn sống với ngày mới, chứ không có ngày nào cũ cả, ngày nào cũng mới mà mình không nhận ra nó là ngày mới, cho nên mình mới thấy là cũ. Cái thân này cũng vậy. Tâm mình nghĩ tới cái thân là cái thân mới, chứ không phải thân cũ, không có thân cũ. Cái hoa cũng vậy, dù là hoa héo vẫn là hoa mới vì nó là của cái tâm nghĩ tới nó. Nó là hoa héo mới.”

*

Nghe xong băng giảng của Sư, tôi nhớ lời dặn dò của Sư trong nhiều ngày. Mặc dù tâm trí tôi luôn bận với những trách nhiệm ở nhà cũng như ở sở, mà sao hình ảnh của Sư vẫn thường hiển hiện trong đầu vào những lúc tôi tự cho phép mình dừng lại giữa những bận bịu để nhìn vào khoảng không trước mặt, và tôi biết chắc rằng vị Sư đó là do tâm mình vẽ ra, chứ không phải là vị tăng thật sự ở ngoài kia, không phải vị tăng mang pháp danh “Ánh Sáng” U Jotika hay Thiện Đăng, không phải vị sư đi chiếc xe cũ cà tàng đậu ở chỗ quen thuộc ở một bên chợ, tầm thường dưới cái nhìn của hầu hết mọi người mà đối với tôi lại là một sự mẫu nhiệm của sự hành đạo giữa trần gian.

Sư đứng lặng lẽ trong bộ áo cà sa màu đỏ của đất cao nguyên nơi Sư đã chào đời, ánh mắt nhìn xuống giữa những dòng người qua lại, yên lặng như một pho tượng giữa những tiếng ồn ào náo động. Hai bàn tay ôm bình bát, bàn chân chai răn đậm màu đất bụi, Sư quay vào bên trong nội tâm để sống với chánh niệm, sống với từng hơi thở để biết mình đang hiện hữu trên thế gian, đang đứng trước cửa chợ trong nắng chói chang. Một hình ảnh tuy không thật bởi do tâm sáng tạo, chắc chắn là không thật, nhưng là hình ảnh của một thân giáo tỏa sáng giữa chốn u minh, chỉ đường cho tôi tiếp tục cuộc hành trình còn nhiều gian nan để đến bến bờ giải thoát. ♦





Tìm hiểu hướng đi của Phật Giáo Việt Nam trong bối cảnh Phật Giáo Mỹ

Bài HUỲNH KIM QUANG

Đâu là hướng đi của Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ?

Trả lời đầy đủ cho câu hỏi trên cần đến công phu nghiên cứu của nhiều người. Vì thế, bài viết này xin được xem là suy nghĩ và gợi ý của một cá nhân.

Phật Giáo truyền vào Hoa Kỳ khoảng một thế kỷ rưỡi - tính từ lúc những di dân Trung Hoa sang Mỹ làm việc và mang theo Phật Giáo vào giữa thế kỷ thứ 19 - mà trong đó Phật Giáo Việt Nam được truyền vào hơn năm mươi năm, tính từ thời

điểm Cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân đến Mỹ vào năm 1966 để dạy Đại Học University of California tại thành phố Los Angeles (UCLA) và thành lập Trung Tâm Thiền cũng như xây dựng Chùa Việt Nam.

So với hai trăm rưỡi năm lập quốc của Hoa Kỳ, năm mươi năm không phải là thời gian ngắn. Nhưng để định hình hướng đi cho một tôn giáo mới truyền bá vào một đất nước có nền văn hóa và tôn giáo hoàn toàn khác biệt thì có lẽ phải cần thêm nhiều thời gian, đặc biệt là đối với Phật Giáo Việt Nam.

Tại sao? Tại vì Phật Giáo Việt Nam cần xây dựng nền tảng và phát huy nội lực tự thân để có thể đủ dưỡng tố mọc rễ sâu vào nền văn hóa bản địa và đủ hấp lực để chuyển hóa người bản xứ, tức người Mỹ không phải gốc Việt.

Như học giả Phật học Charles Prebish trả lời ký giả Linda

Hình: Một Phật tử Mỹ đang ngồi thiền tại Desert Zen Center - Chùa Thiên Ân, Lucerne Valley, Nam California cuối năm 2016. (hmd)

Heuman trong loạt bài phỏng vấn đăng trên Tạp Chí Tricycle số Spring 2012 bản dịch Việt của Trí Tánh Đỗ Hữu Tài trong bài “Đi Tìm Một Phật Giáo Mỹ” được đăng trên trang nhà Thư Viện Hoa Sen, nói rằng:

“Người Mỹ thường thiếu kiên nhẫn. Chúng ta nghĩ rằng vì Phật giáo đã có mặt trên đất nước này 150 năm nên tất nhiên Phật giáo phải là hoàn toàn Mỹ rồi. Suy nghĩ này không lý đến sự kiện rằng ở Á châu, Phật giáo phải mất nhiều thế kỷ mới hoàn thành quy trình tiếp biến văn hóa (acculturation) khi tiếp cận với những vùng văn hóa khác nhau. Khi chuyển dịch từ Ấn Độ qua Trung Hoa, Phật giáo phải mất ít nhất 500 năm mới hoàn thành công trình Hán hóa. Vậy mà người Mỹ chúng ta lại mong Phật giáo sẽ trở thành Mỹ rất nhanh. Chúng ta phải chờ thôi.”

Tuy nhiên, trong chừng mức nào đó, chúng ta vẫn có thể dựa vào quá trình hành hoạt trong một thế kỷ rưỡi của Phật Giáo Mỹ và nửa thế kỷ của Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ để tìm hiểu xem diện mạo của hướng đi đó ra sao.

Nhưng trước hết, chúng ta cần biết khái quát hướng đi của Phật Giáo Mỹ như thế nào để từ đó liên tưởng đến Phật Giáo Việt Nam.

Hướng Đi Của Phật Giáo Mỹ

Giáo Sư Carl Bielefeldt, dạy môn Tôn Giáo Học và là Đồng Giám Đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Phật Giáo tại Đại Học Stanford tại Hoa Kỳ, trong bài viết “Hướng Đi của Phật Giáo Tại Mỹ Ngày Nay” (The Direction of Buddhism in America Today) đăng trên Tuần San Religion & Ethics Newsweekly được phổ biến trên trang mạng của Đài PBS ngày 6 tháng 7, 2001, qua loạt bài phỏng vấn nhiều tác giả về hướng đi của Phật Giáo Mỹ, cho biết một số đặc điểm và hướng đi của Phật Giáo Mỹ. Xin trích dịch một số đoạn như sau.

Sau hơn một thế kỷ có mặt, từ khi được các di dân Trung Hoa và Nhật Bản mang vào Bờ Biển Miền Tây nước Mỹ, hiện nay Phật Giáo đã trở thành tôn giáo được hàng triệu người Mỹ trên khắp cả nước

thực hành và được biết đến đối với hàng triệu người qua sách, báo, truyền hình và phim ảnh.

Các tiệm sách ở Mỹ tràn ngập sách về “Thiền và Nghệ Thuật”; Hollywood làm phim về Đức Đạt Lai Lạt Ma và Phật Giáo Tây Tạng; và tạp chí TIME đăng những câu chuyện về sự lôi cuốn của Phật Giáo đối với người Mỹ. Tư tưởng Phật Giáo xuất hiện trong các tôn giáo Thời Đại Mới, tâm lý học, y khoa, và ngay cả trong thể thao và kinh doanh. Những giá trị của Phật Giáo được tuyên dương trong các cuộc vận động xã hội đối với nữ quyền, hòa bình, sinh thái, và quyền thú vật. Các ngôi chùa Phật Giáo mọc lên nhiều nơi, từ Hacienda Heights ở California tới các cánh đồng trồng bắp ở Iowa. Sự nghiên cứu Phật Giáo nở rộ tại các trường cao đẳng và đại học từ Trường Smith tới Stanford. Ngay cả Phật Giáo cũng được quảng cáo cho kem thoa mặt gọi là “Hydra-Zen,” để giúp cho da căng lán, và cho thức ăn dặm gọi là “Zen Party Mix.”

Những chữ như “Phật Giáo” và “Thiền” có mối quan hệ với những giá trị quen thuộc của người Mỹ, như tính đơn giản, tính tự nhiên, hòa bình, và hài hòa. “Phật Giáo” và “Thiền” cũng liên quan với những giá trị được ưa chuộng về sức khỏe và các kỹ nghệ thực phẩm, như sự lành mạnh, sức khỏe, và tốt đẹp.

Người Mỹ đang đối diện không phải với một tôn giáo, mà với điều có thể được gọi là “tinh thần già cỗi” của người Mỹ - nhiều người Mỹ (đặc biệt trong giới thượng lưu và trung lưu Mỹ da trắng) từ lâu đã không thỏa mãn với những gì họ có và muốn điều gì khác hơn. Họ muốn cái gì khác hơn là một tôn giáo tổ chức, điều gì riêng tư hơn, cá nhân hơn, tập trung hẹp hơn vào “cái tôi”.

Giáo Sư Bielefeldt nói rằng trong tất cả tôn giáo tại Mỹ, Phật Giáo dường như là tốt nhất để có thể đáp ứng với khát vọng tinh thần này - để vượt xa tình trạng như một tôn giáo hiện nay thành nguồn cội tâm linh giải thoát không bị trói buộc với một định chế, cộng đồng, giáo điều hay lễ

ngghi đặc biệt nào.

Ông cho rằng với tính cởi mở như thế của Phật Giáo làm cho người Mỹ thích thú và gần gũi hơn. Chẳng hạn họ có thể cần đến Phật Giáo về tâm linh; họ có thể quảng cáo nhãn hiệu thẩm mỹ Phật Giáo; họ có thể đặt tên cho quán bar “Buddha” và ban nhạc rock có tên “Nirvana”; họ có thể vẽ hình hoạt họa về các thiền sư và ngay cả có thể đua cọt mà không tưởng tượng rằng họ có đang báng bổ thánh thần hay không. Họ có thể chấp nhận các giá trị hay thực tập theo Phật Giáo mà không cần phải cải đạo.

Điều đó có nghĩa là Phật Giáo thực sự không phải là tôn giáo giống như Thiên Chúa Giáo hay Do Thái Giáo - vì nó không phải là một cơ chế tổ chức với các thành viên, nhưng đơn giản chỉ là một lối trí thức, quan điểm, hay khẩu vị.

Chính vì vậy, người Mỹ có cảm giác tương đối tự do để tham gia vào các khóa tu tập hay các sự kiện trong Phật Giáo.

Phật Giáo Mỹ chia ra thành nhiều nhóm khác nhau, mỗi nhóm với cơ cấu tổ chức, giảng dạy và thực tập riêng. Không ai “nói thay” hay “đại diện” Phật Giáo trong đất nước Hoa Kỳ này.

Với hoàn cảnh như thế, chúng ta có thể phân làm hai loại Phật Giáo Mỹ.

Trước tiên, tất cả những nhà luận giải về xã hội học của Phật Giáo Mỹ nhanh chóng chỉ ra rằng chúng ta đang đối mặt ở đây với hai loại cộng đồng khác biệt. Một số sử dụng chữ “các Phật tử Mỹ” và “các Phật tử có tính truyền thống dân tộc,” hay ngược lại các chữ Phật tử “da trắng” và “da vàng.” Hãy gọi họ là những Phật tử “cải đạo” và “gia truyền.”

“Những Phật tử gia truyền” là hầu hết những người thuộc nhóm di dân Á Châu hay những con cái người Mỹ gốc Á Châu. Dĩ nhiên, các Phật tử đến từ Trung Hoa và Nhật Bản đã sống ở Mỹ kể từ thế kỷ thứ 19, nhưng đặc biệt kể từ sự nổi lên của các thành phần di dân Á Châu vào thập niên 1960s, số lượng và sự phong phú của Phật

tử gốc Á Châu tại Mỹ đã gia tăng mạnh mẽ. Ngày nay chúng ta có nhiều đại diện từ tất cả các nền văn hóa Phật Giáo Á Châu - Đại Hàn, Việt Nam, Cam Bốt, Thái Lan, Tây Tạng, và Mông Cổ - cũng như các nhóm Phật tử mới tiếp tục đến từ Nhật Bản và Đài Loan. Tất nhiên, có rất nhiều loại Phật Giáo được tìm thấy trong các cộng đồng, nhưng về mặt xã hội học, họ có gốc rễ sâu xa và phản ánh các phương thức của quốc gia gốc của họ. Họ phục vụ để cung cấp không chỉ các dịch vụ tôn giáo, mà còn mang ý nghĩa của sự kế tục văn hóa và là trung tâm văn hóa có hấp lực. Và trên thực tế, chức năng của các tổ chức tôn giáo của họ thường trông giống nhau: phục vụ lễ nghi, các lễ hội giáo hội, các nhóm tuổi trẻ giáo hội, gây quỹ, và có thể là khóa học nghiên cứu về kinh điển, cũng như củng cố niềm tin của con em, chăm sóc người gặp khó khăn, và các tang lễ cho người quá cố.

Hầu hết các Phật tử thuộc loại này đều là những tín đồ Phật Giáo di dân, như tín đồ tại Châu Á, không thực tập thiền. Họ không mong trở thành giác ngộ như Đức Phật; họ chỉ muốn Đức Phật giúp họ trong cuộc đời này và có được đời sau tốt hơn. Loại Phật Giáo xưa này thường không đi vào truyền thống Mỹ và không lôi cuốn nhiều người cải đạo từ nhóm chủng tộc bên ngoài.

Có ba dạng thức cơ bản của Phật Giáo Mỹ - Thiền, Kim Cang Thừa, và Thiền Vipassana - chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ trong nhiều dạng thức của Phật Giáo thực sự có mặt tại Mỹ. Thực tế chúng nằm ngoài hầu hết các dạng thức mà dân số Phật tử di dân chiếm đại đa số Phật tử tại đất nước Hoa Kỳ thực hành theo. Nhưng chúng là các dạng thức có sức lôi cuốn nhất đối với những người cải đạo thành Phật tử và các cảm tình viên Phật giáo.

Trong số ba dạng thức nói trên thì Thiền được biết đến nhiều nhất. Thiền Phật Giáo xuất phát từ Trung Hoa và rồi được truyền bá đi khắp Đông Á tới Nhật Bản, Đại Hàn, và Việt Nam. Thiền là dạng thức cổ và thành công nhất của Phật Giáo tại Mỹ, được giới thiệu

vào đầu thế kỷ 20 và bùng phát vào thập niên 1960s, được thực hành rộng rãi tại nhiều trung tâm trên khắp nước Mỹ. Thiền người Mỹ được chế ngự bởi Thiền được truyền vào từ Nhật Bản với tên gọi bằng tiếng Nhật là "Zen."

Bên phải của Thiền là Phật Giáo Kim Cang Thừa. Hình thái Phật Giáo Mỹ này được truyền bá thịnh hành trong vòng hai hay ba thập niên gần đây. Kim Cang Thừa bắt nguồn từ cộng đồng người Tây Tạng, sau khi đức Đạt Lai Lạt Ma phải lưu vong tại Ấn Độ vào năm 1959, đưa tới việc xuất hiện của các Tăng Sĩ Phật Giáo Tây Tạng tại Tây Phương. Hình thái Phật Giáo này vẫn còn giữ nguyên truyền thống Phật Giáo Tây Tạng chính gốc, nhấn mạnh nhiều đến việc thực hành lễ bái, tụng niệm, nghi thức lễ, trị liệu, và các nghi lễ quán đảnh.

Bên trái của Thiền là Vipassana. Đây là hình thái mới được truyền bá nhưng phát triển rất nhanh. Vipassana bắt nguồn từ tiếng Pali có nghĩa là "quán sát" hay "nhận biết rõ." Thiền Vipassana có từ thời Đức Phật nhưng đã bị biến mất tại Ấn Độ suốt hai ngàn năm, trong khi đó vẫn được giữ gìn và hành trì tại Miến Điện. Phong trào Vipassana hiện nay bắt nguồn từ Miến Điện vào đầu thế kỷ 20. Nó được truyền vào Mỹ không do người Miến Điện mà do người Mỹ chuyển thành phong trào, đặc biệt do Hội Insight Meditation Society. Các nhóm thực hành Vipassana không có tăng sĩ mà chỉ là những nam nữ cư sĩ Phật Giáo. Trong tất cả các hình thái Phật Giáo tại Mỹ, Vipassana gần gũi khái niệm không tổ chức của Phật Giáo như là một nguồn tâm linh không tôn giáo.

Cũng trong loạt bài phỏng vấn của Đài PBS về hướng đi của Phật Giáo Mỹ nói trên, Donald K. Swearer, giáo sư dạy về Tôn Giáo tại Swarthmore College, nói rằng, "Các hình thái văn hóa đặc biệt của Phật Giáo của người di dân sẽ từ từ thay đổi và thích nghi nếu chúng còn tồn tại, nhưng những truyền thống đặc biệt này sẽ không được thay thế bởi một mẫu số chung nhất, hay một thứ Phật Giáo như

'cái giỏ đựng đủ thứ đồ mua sắm'."

Tiến Sĩ Wendy Cadge tại phân khoa xã hội học của Đại Học Princeton thì phát biểu trong cuộc phỏng vấn của Đài PBS nói trên rằng sự phân chia giữa Á Châu và không Á Châu thường được mô tả như là một trong những đặc tính chính của Phật Giáo Mỹ. Đại đa số Phật tử gốc Á đến các chùa của người Mỹ gốc Á Châu và Phật tử không phải gốc Á thì đến các trung tâm thiền. Các Phật tử gốc Á thì thường tụng kinh và cầu nguyện còn các Phật tử không phải gốc Á thì thường thực tập thiền.

Phó giáo sư dạy Phật Học tại Đại Học Indiana tại Bloomington là Jan Nattier, trong cuộc phỏng vấn của Đài PBS, thì cho rằng điều chắc chắn là Phật Giáo Mỹ sẽ tiếp tục thay đổi. Khi những người tị nạn và di dân từ Châu Á ngày càng thích nghi hơn với môi trường mới, thì chắc chắn có nhiều thay đổi trong cách thực hành Phật Giáo là điều chắc chắn xảy ra. Cũng vậy, khi các Phật tử mới già đi và bắt đầu dưỡng dục con cái, thì câu hỏi được đặt ra là có nên và bằng cách nào để truyền lại những giá trị Phật Giáo của họ cho thế hệ con em. Sự thật là nhiều Phật tử này nhận thấy sự thực hành Phật Giáo của họ là hình thức tự chuyển hóa cá nhân hơn là như tôn giáo đã làm cho họ lưỡng lự, trong nhiều trường hợp, để trao truyền cho con em của họ bất kỳ sự giáo dục tôn giáo nào.

Trong khi đó giáo sư dạy về môn tôn giáo tại Đại Học Pennsylvania State University là Charles S. Prebish, cũng trong cuộc phỏng vấn của Đài PBS, nhấn mạnh đến đặc tính dân chủ hóa trong Phật Giáo Mỹ. GS Prebish nói rằng, dân chủ hóa trong Phật Giáo Mỹ thì rõ ràng trong ba khía cạnh chủ yếu của các cộng đồng Phật Giáo Mỹ. Thứ nhất, nó rõ ràng trong việc thay đổi các mô hình quyền lực trong những cộng đồng tăng già Phật Giáo khác nhau, được nhấn mạnh bởi một cuộc tái đánh giá về bản chất của mối quan hệ giữa cộng đồng tăng lữ và cư sĩ Phật tử. Thứ hai, nó có thể được chứng kiến trong sự thay đổi vai trò giới



Các Phật tử từ một chùa Nhật đang biểu diễn đánh trống nhân dịp dự chương trình Chiêm Bái Phật Ngọc tại Tu Viện An Lạc, Ventura, California tháng Hai năm 2011. (hmd)

tính, đặc biệt trong sự nổi bật của phụ nữ trong Phật Giáo Mỹ. Sau cùng, nó có thể được nhìn thấy trong cách mà các cá nhân theo đuổi lối sống phi truyền thống, đặc biệt liên quan với các sở thích tình dục, đang tìm thấy vai trò đáng kể trong các cộng đồng Phật tử người Mỹ. Kết quả của tiến trình dân chủ hóa này là Phật Giáo Mỹ đã ra khỏi các kiểu đẳng cấp của Phật Giáo Á Châu để hướng tới sự bình đẳng để phù hợp hơn với nền dân chủ Mỹ.

Kenneth K. Tanaka, vừa là tu sĩ Phật Giáo, vừa dạy tại Đại Học Musashino University ở Tokyo, Nhật Bản, trong bài viết “Dramatic Growth of American Buddhism: An Overview” đăng trong Tạp Chí Dharma World Magazine, cho rằng nếu cộng chung tất cả ba nhóm (Phật tử, Phật tử loại nightstand, tức để sách Phật đầu giường để

đọc hàng đêm, và những người ảnh hưởng mạnh bởi Phật Giáo), thì con số có thể lên đến 30 triệu người theo Phật Giáo tại Mỹ. Ông cũng nói đến các đặc tính cơ bản làm phát triển Phật Giáo Mỹ, mà có mấy điểm đáng lưu ý như sau:

- Tâm lý học (gồm tâm lý trị liệu) đã trở thành một trong những khuôn khổ chính để người Mỹ hiểu Phật Giáo, bởi vì chúng tập trung vào tâm thức và đi tìm cách giảm bớt khổ đau. Hệ quả là nhiều cố vấn và nhà điều trị đã đổi đạo theo Phật Giáo hay ứng dụng các phương pháp Phật Giáo như thiền vào các cách thực hành trị liệu chuyên môn của họ. Một lý do khác là Phật Giáo không mâu thuẫn với khoa học tự nhiên. Như thế, sự tương tác Phật Giáo với tâm lý học và khoa học tự nhiên đại biểu cho nỗ lực nâng cao yếu tố hợp lý của Phật Giáo để dung hợp với thế giới

hiện đại.

- Nhiều người Mỹ tin rằng giáo lý Đạo Phật phải giúp giảm trừ các vấn đề của thế giới, như hâm nóng toàn cầu, bạo lực gia đình, nghèo khổ, kỳ thị, và tội phạm. Người Mỹ cho rằng Phật Giáo không chỉ được coi như để mang lại hạnh phúc cho cá nhân mà còn quan tâm chăm sóc tha nhân, đặc biệt đối với những người đang đau khổ. Đặc điểm này được gọi là “Phật Giáo dẫn thân.”

Trong lãnh vực giáo dục, Phật Giáo Mỹ nhiều thập niên qua đã xây dựng nhiều trường trung học và đại học để góp phần vào việc giáo dục tuổi trẻ Mỹ. Theo Bách Khoa Từ Điển Mở, tại Hoa Kỳ hiện có các trường đại học và trung học sau đây:

- Đại sư Tây Tạng Chogyam Trungpa đã thành lập trường cao đẳng Phật Giáo bốn năm Naropa Institute tại Boulder ở tiểu bang



Các thiền sinh Mỹ, Việt đang xếp hàng tự rửa chén sau bữa ăn trưa thanh tịnh tại Tu Viện Lộc Uyển, Escondido, Nam California tháng Tư năm 2013. (hmd)

Colorado, vào năm 1974, và hiện trường này đã thành trường Đại Học Naropa University cấp chứng chỉ cho một số môn học không liên quan trực tiếp với Phật Giáo.

- Trường đại học University of the West được thành lập trong Chùa Tây Lai (Hsi Lai Temple) mà trước đây là trường Đại Học Hsi Lai University, tại miền Nam California.

- Trường đại học Soka University of America tại thành phố Aliso Viejo ở tiểu bang California, được tổ chức Phật Giáo Nhật Bản Soka Gaijai thành lập như là trường dạy văn hóa ngoài đời có dạy triết lý Phật Giáo.

- Trường đại học bốn năm Dharma Realm Buddhist University nằm trong City of Ten Thousand Buddhas, tức Chùa Vạn Phật Thánh Thành do Cố Hòa Thượng Thích Tuyên Hóa, người Mỹ gốc Trung Hoa, sáng lập, cơ bản dạy các bộ môn liên quan đến Phật Giáo nhưng cũng gồm một số môn có lợi ích chung.

- Viện Nghiên Cứu Phật Giáo tại thành phố Berkeley, tiểu bang California, cấp bằng thạc sĩ Phật

Học có mục đích đào tạo cán bộ của Giáo Hội Phật Giáo Mỹ và liên kết với Hiệp Hội Graduate Theological Union. Hiện trường đã dời vào Trung Tâm Jodo Shinshu Center tại thành phố Berkeley, California.

- Trường trung học Phật Giáo đầu tiên tại Hoa Kỳ là trường Developing Virtue Secondary School, được thành lập vào năm 1981 bởi Hội Dharma Realm Buddhist Association nằm trong chi nhánh của Vạn Phật Thánh Thành tại Ukiah, California.

- Vào năm 1997, trường Purple Lotus Buddhist School mở các lớp tiểu học tại thành phố Union City ở California, liên kết với trường True Buddha School. Trường này đã mở thêm trường trung học đệ nhất cấp vào năm 1999 và trung học đệ nhị cấp vào năm 2001.

- Trường trung học Phật Giáo khác là Tinicum Art and Science mà hiện nay là trường The Lotus School of Liberal Arts kết hợp thực hành Thiền và các nghệ thuật tự do truyền thống, được mở tại thành phố Ottsville, tiểu bang Pennsylvania vào năm 1998. Trường này liên kết với Hội World

Shim Gum Do Association tại thành phố Boston.

- Trường Pacific Buddhist Academy mở tại thành phố Honolulu, tiểu bang Hawaii vào năm 2003. Trường này sinh hoạt chung với trường Hongwanji Mission School, là trường tiểu học và trung học đệ nhất cấp, cả hai trường đều liên kết với Honpa Hongwanji Jodo Shinshu.

Trong bài viết “Đi Tìm Một Phật Giáo Mỹ” của tác giả Trí Tánh Đỗ Hữu Tài đăng trên trang nhà Thư Viện Hoa Sen vào mùa xuân năm 2012, khi trả lời ký giả Linda Heuman về một số vấn đề liên quan đến Phật Giáo Mỹ, học giả Charles Prebish đã gây chú ý về vấn đề tu Thiền và hành hoạt của Phật Giáo Mỹ như sau:

“Tại sao ông nghĩ rằng Phật tử Mỹ quá nhấn mạnh đến hành Thiền?”

“Khi có người nói đến thực hành Phật pháp, tôi nghĩ rằng nhiều khi họ không ý thức được rằng Phật pháp là một hệ thống tôn giáo toàn diện. Nó không chỉ có nghĩa là ngồi trên bồ đoàn và tập trung theo dõi hơi thở. Phật giáo là

một sự thực hành suốt đời.

“Khi tôi quy y vào năm 1965, tôi không biết nhiều về Phật giáo, nhưng tôi biết rằng tôi muốn học ngồi Thiền. Sư phụ tôi bảo rằng, “Nếu con muốn ta dạy Thiền cho con thì con phải ngồi Thiền bốn giờ mỗi ngày, và ngồi suốt ngày Chủ Nhật.” Tôi bắt đầu ngồi Thiền như thế từ năm 1965, và tiếp tục cho đến năm 1974, khi tôi gặp vị Sư Tây Tạng Chogyam Trungpa Rinpoche. Tôi đã thực hành điều mà tôi nghĩ là đúng theo truyền thống Phật giáo tốt nhất tại Mỹ lúc bấy giờ. Nhưng trong buổi gặp gỡ đầu tiên với vị Sư Tây Tạng này, chỉ trong 30 giây đầu tiên, Ngài bảo tôi rằng, “Ta cần nói với con về cách hành trì của con.” Cho đến nay, tôi vẫn không biết vì sao Ngài lại biết được cách hành trì của tôi, tại vì không có cách nào Ngài có thể biết được. Nhưng Ngài đã nói với tôi rằng, “Ta biết rằng con đã từng ngồi Thiền bốn giờ mỗi ngày. Và ta cũng biết rằng trong bốn tiếng đồng hồ đó, con đã chủ yếu rời bỏ thế giới để trốn vào trong sự yên tĩnh của cái đầu của con, hầu vận dụng những điều mà con nghĩ là của Phật giáo. Ta muốn con đừng ngồi như thế nữa.” Lời vị Sư Tây Tạng thật như một cú đá vào mông của tôi.

“Ngài giải thích rằng tôi đã đóng được rất chặt cánh cửa liên thông với thế giới. Tôi cho rằng tôi đã tỉnh thức và quán sát được hơi thở, thân thể và cảm xúc của mình. Điều này có thể đã xảy ra thật như thế, nhưng tôi đã hành trì như vậy trong một khoảng trống rỗng hoàn toàn, không có sự tham dự của con người Phật tử của tôi trong thế giới. Ngài bảo tôi hãy đem những điều tôi học được trong lúc hành trì, những giá trị của Đạo Phật, rời bỏ đoàn và bước vào cuộc sống. Và ngài nói với tôi một cách rõ ràng rằng “Thỉnh thoảng, sẽ có lúc con mất tín tâm vào Phật giáo. Những lúc đó là lúc con lại cần ngồi xuống bồ đoàn, thanh thân không vướng mắc, và tái xác quyết cam kết của con với Giáo pháp.” Lời của Ngài quả thật là một bước ngoặt trong đời tôi.

“Tôi mong rằng tôi đã hiểu

và thọ trì từ lâu điều mà Stephen Batchelor gọi là “trì giới chính là tu tập” (precepts as practice) vì những giới căn bản của một cư sĩ Phật tử - không sát sinh, không nói dối, không trộm cắp, không dùng chất làm say, và không tà dâm - thì không phải chỉ giữ gìn trong 30 phút hay một giờ trên bồ đoàn. Đó là những giới mà ta phải giữ mọi lúc mọi nơi với tư cách là một Phật tử sống trong một nước Mỹ hiện đại. Và với những cam kết đó, khi ta đi vào đời với ý thức rằng chúng là kết quả của công phu trì giới, thì ta đã đạt được một chứng nghiệm Phật giáo quân bằng và tròn đầy mà tôi nghĩ rằng sẽ mang đến một sự trưởng thành và chuyên chú trong vốn sống tôn giáo của đời ta. Thêm vào đó, thỉnh thoảng ta nên tham dự các nghi lễ tại các cộng đồng Phật giáo. Tôi nghĩ rằng nhiều người đã đánh giá thấp những nghi lễ. Họ không muốn dính líu gì đến các nghi lễ. Nhưng nếu ta hành lễ một cách đúng đắn, thì ta thật sự đang hành Thiền đấy. Hành lễ là bảo tồn truyền thống một cách thấm thía đến tận đáy lòng.”

Thiền Sư Thích Nhất Hạnh, trong bài giảng “Tương Lai Đạo Bụt Ở Âu, Úc và Mỹ Châu,” vào ngày 4 tháng 2, 2005 tại Trung Tâm Khoa Học Xã Hội tại Sài Gòn, đã trình bày kinh nghiệm hoàng pháp của Ngài tại Tây Phương gồm có Hoa Kỳ, như sau:

“Những người Tây phương đến với chúng tôi, có nhiều người ghét cay, ghét đắng nhà thờ, truyền thống của họ nhưng sau một thời gian thực tập, họ có thể yêu mến lại gốc rễ của họ, họ được khuyến khích trở về đạo gốc của họ, giúp làm mới lại truyền thống của họ. Trong truyền thống Do Thái Giáo cũng như Cơ Đốc Giáo ở Tây phương, tuổi trẻ đang bỏ nhà thờ, bỏ giáo đường hàng loạt, tại vì người trẻ và người trí thức không tìm thấy trong giáo lý, trong thực tập của nhà thờ những chỉ dẫn, những pháp môn thực tập để có thể giúp họ đối phó với những khổ đau trong đời sống hàng ngày của họ. Giáo Hội Cơ Đốc, Giáo Hội Tin Lành đang gặp khó khăn, họ cũng muốn làm mới giáo lý và sự thực

tập nhưng họ chưa thành công lắm. Vấn đề lớn nhất của giáo hội Cơ Đốc Giáo, Giáo Hội Do Thái Giáo là làm thế nào để đưa người trẻ trở về với giáo hội, đưa người trí thức trở về với giáo hội, họ rất lúng túng. Trong khi đó chúng tôi đã thành công tới một mức nào đó để hiện đại hóa đạo Phật, làm mới đạo Phật, đổi mới đạo Phật, để đạo Phật có thể giúp cho người trẻ tuổi, giúp cho những người trí thức Tây phương có một hướng đi tâm linh mà họ không tìm thấy được trong các truyền thống Cơ Đốc Giáo hay là Do Thái Giáo.”

“Đạo Phật không phải chỉ là một tôn giáo, phân tín ngưỡng, phân sùng bái chỉ là một phần của đạo Phật thôi, trái tim của đạo Phật là tuệ giác, là thực tập. Thực tập gì? Thực tập có mặt trong giây phút hiện tại để quán chiếu, để nhìn sâu vào bản chất của khổ đau, của sự sống, của thực tại để có được tuệ giác và tuệ giác giúp giải phóng con người, giúp chuyển hóa những khổ đau, những nghi ngờ, những sợ hãi, giúp chúng ta đạt an lạc, hạnh phúc, không sợ hãi. Phần đó mới là trái tim của Phật Giáo chứ không phải là phần thờ cúng, lễ lạy. Nếu chúng ta muốn truyền đạo Phật sang Tây phương dưới hình thức một tôn giáo, chúng ta sẽ không thành công, tại vì Tây phương đã có tôn giáo của họ, họ không cần thêm một tôn giáo khác, sự thực là như vậy. Nền thần học Cơ Đốc Giáo có khuynh hướng, có chủ trương, sự cứu rỗi chỉ có được khi người ta có đức tin. Anh có thể thực tập, anh có thể lao tác mệt nhọc, anh có thể cố gắng hết mình nhưng anh không được cứu rỗi, vì bản chất, bí quyết của sự cứu rỗi nằm ở chỗ có đức tin hay là không. Hầu hết các giáo hội Tây phương đều theo con đường chỉ có đức tin mới đem tới sự cứu rỗi.”

Hình Dung Hướng Đi Của Phật Giáo Việt Nam Tại Mỹ

Những suy nghĩ và nhận định của các giáo sư, học giả và bậc thầy có nhiều kiến thức và kinh nghiệm Phật Giáo tại Mỹ ở trên cho chúng ta thấy điều gì về Phật Giáo Hoa Kỳ? Có mấy điều đáng chú ý như sau.

Phật tử Mỹ thấm nhuần truyền

thống văn hóa tôn trọng quyền tự do cá nhân và sinh hoạt dân chủ nên hình thái sinh hoạt theo truyền thống của các nước Phật Giáo Á Châu sẽ từ từ thay đổi theo hướng này trên đất Mỹ.

Phật tử Mỹ, nhất là những người Mỹ da trắng cải đạo theo Phật Giáo, không thích bị gò bó, bị đóng khung trong sinh hoạt của cơ cấu tổ chức hay hình thái tôn giáo, mà họ vì không thích đã cải đạo theo Phật Giáo để tìm cuộc sống tự do, giải thoát hơn.

Tăng Sĩ không đóng vai trò trung tâm trong sinh hoạt và phát triển Phật Giáo Mỹ, bởi vì ngày càng có nhiều nhóm Phật tử và trung tâm Thiền do chính những cư sĩ Phật tử dựng lên và điều hành để phục vụ cho mục tiêu tu học.

Phật Giáo Mỹ có hai khuynh hướng rõ rệt: Nhóm Phật tử di dân từ Á Châu và nhóm Phật tử Mỹ da trắng mà đa phần là những người cải đạo theo Phật Giáo. Nhóm Phật tử từ Á Châu giữ truyền thống Phật Giáo của cố quốc thiên về phần quản trị trong các tổ chức tôn giáo và hành trì theo truyền thống tu tập gồm Thiền, Tịnh, và Mật, với phần nghi lễ rất trọng thể. Ngược lại, nhóm Phật tử Mỹ bản địa do cải đạo thì không thích sinh hoạt tổ chức hay lễ nghi tôn giáo, mà chỉ chú trọng vào việc thực hành thiền, phổ biến nhất hiện nay là thiền Vipassana.

Phật tử Việt Nam, tất nhiên, nằm trong nhóm Phật tử đến từ Á Châu. Do vậy có khuynh hướng tu tập sinh hoạt trong các tổ chức, mà được biết đến như các giáo hội, trọng phần lễ nghi cúng tụng, và bảo vệ di sản văn hóa truyền thống của dân tộc và Phật Giáo Việt Nam.

Để hiểu rõ hơn hướng đi của Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ chúng ta có thể tìm hiểu sâu hơn vào các lãnh vực sau đây.

Về Tổ Chức

Nói đến các tổ chức mà đại biểu là giáo hội, Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ có rất nhiều giáo phái, giáo hội, gồm: Hội Ái Hữu Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ được Cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân thành lập

năm 1976; Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ do Cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân thành lập vào năm 1978 và cố HT Thích Mãn Giác kế thừa lãnh đạo; Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới được thành lập vào năm 1979 với sự lãnh đạo của HT Thích Tâm Châu; Hội Đồng Lãnh Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại ra đời năm 1983 với chư vị Hòa Thượng là những vị Giáo Phẩm cao cấp của GHPGVNTN trong nước như HT Thích Tâm Châu, HT Thích Tác Phước, HT Thích Mãn Giác, HT Thích Thiên Định, HT Thích Hộ Giác, HT Thích Huyền Vi, v.v.; Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập vào khoảng thập niên năm 1980s, với sự lãnh đạo của quý HT Thích Đức Niệm, HT Thích Trí Chơn, v.v.; Giáo Hội Phật Giáo Tăng Già Khất Sĩ Thế Giới được thành lập vào năm 1980 do Cố Hòa Thượng Thích Giác Nhiên làm Pháp Chủ; Giáo Hội Phật Giáo Liên Tông Tại Hoa Kỳ ra đời vào năm 1991 với sự lãnh đạo của HT Thích Thanh Cát, HT Thích Chơn Thành, v.v.; Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Tại Hoa Kỳ được thành lập vào năm 1992; Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ được thành lập vào năm 2008; Tăng Đoàn GHPGVNTN Hải Ngoại được ra đời vào năm 2014, v.v.. Ngoài ra còn có các Hội Phật Giáo tại các địa phương, các tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ, các tổ chức Cư Sĩ Phật Tử, các đạo tràng từng Chùa tại nhiều tiểu bang trên toàn quốc.

Các tổ chức Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ lấy cộng đồng Phật Giáo Việt Nam làm nền tảng cơ bản để hoạt động. Vì vậy, kích thước và hiệu năng hoạt động của các tổ chức Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ tùy thuộc chủ yếu vào cộng đồng người Việt di dân mà trọng tâm là cộng đồng Phật tử Việt Nam di dân. Chính vì vậy, các tiểu bang nào có đông đảo người Việt thì hoạt động của các tổ chức Phật Giáo được phát triển mạnh. Ngược lại, những tiểu bang hay thành phố có ít người Việt thì các hoạt động tổ chức của Phật Giáo Việt Nam yếu kém, rời rạc. Tại Mỹ, hai tiểu

bang có đông người Việt nhất là California và Texas.

Còn một yếu tố khác sẽ quyết định đến năng lực hoạt động của các tổ chức Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ là số lượng người Việt thuộc thế hệ di dân thứ nhất ngày càng giảm dần và các thế hệ con cháu được sinh ra và trưởng thành trong văn hóa Mỹ ngày càng ít quan tâm đến sinh hoạt của các tổ chức Phật Giáo mà lý do chính là ngôn ngữ bất đồng, bởi vì thế hệ con em sống ở Mỹ đa phần không giỏi tiếng Việt nên không gắn bó với truyền thống văn hóa và Phật Giáo Việt Nam.

Trong hơn một thập niên trở lại đây, số lượng Tăng, Ni, đa phần là trẻ tuổi, đã di cư đến Mỹ qua diện bảo lãnh tôn giáo, du học, du lịch, rồi xin giấy tờ ở lại định cư đã lên đến con số cả ngàn vị. Đây là một hiện trạng mà trước đây hơn hai thập niên ít ai nghĩ có thể xảy ra. Hiện trạng này có điểm lợi là đáp ứng được nhu cầu Tăng, Ni ngày càng nhiều do sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ ngày càng mở rộng. Nhưng hiện trạng này cũng phơi bày một thực tế là chư Tăng, Ni trẻ qua Mỹ sau này có khuynh hướng tự lập, ít tham gia vào các tổ chức, các giáo hội, như thế hệ đi trước ở Mỹ.

Còn một hiện trạng nữa cũng đang và sẽ góp phần định hình hướng đi của Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ trong lãnh vực tổ chức là ngày càng có nhiều nhóm Phật tử, đa phần là giới trẻ được hình thành với mục đích tự sinh hoạt tu học Phật Pháp với nhau, có thể qua một vài vị Tăng, Ni cố vấn tinh thần, hay hướng dẫn, mà không liên hệ đến các tổ chức giáo hội, các đoàn thể trong cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Các hiện trạng trên cho thấy những đặc điểm truyền thống của Phật Giáo Mỹ đang ngày càng tác động và ảnh hưởng đến sinh hoạt của cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Về Giáo Dục và Học Thuật

Cho đến nay dường như Phật Giáo Việt Nam chưa thành lập được một trường tiểu học và trung



Các lớp Việt ngữ tại Chùa Đức Viên, San Jose, Bắc California năm 2013. (hmd)

học nào được Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ công nhận có thẩm quyền cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh theo học.

Đối với trường đại học thì vào năm 1973, Hòa Thượng Thích Thiên Ân đã mở Đại Học Đông Phương (University of Oriental Studies) tại Los Angeles. Nhưng sau khi Hòa Thượng Thích Thiên Ân viên tịch vào năm 1980 thì trường này cũng đã ngưng hoạt động.

Vào năm 1979, Hòa Thượng Thích Đức Niệm đã thành lập Phật Học Viện Quốc Tế tại North Hills, California, Hoa Kỳ, để đào tạo Tăng tài. Sau khi Hòa Thượng Thích Đức Niệm viên tịch vào năm 2003 thì sinh hoạt của Phật Học Viện cũng ngưng.

Tại một số Chùa ở Mỹ nhiều Tăng Sĩ Phật Giáo Việt Nam đã cố gắng thành lập các trường dạy kèm cho các con em người Mỹ gốc Việt vào ngày cuối tuần. Trong số các chùa tổ chức thành công lớp học ngày Chủ Nhật có thể kể đến Chùa Quang Minh của Thượng Tọa Thích Minh Hạnh tại thành phố Chicago, tiểu bang Illinois. Theo Thượng Tọa Thích Minh Hạnh cho biết hiện nay các lớp học Chủ Nhật tại Chùa có khoảng gần 100 em.

Nhiều Chùa Việt Nam có tổ chức các lớp học Việt ngữ cho các con em Phật tử Việt Nam để giữ gìn tiếng mẹ đẻ và văn hóa Việt tại xứ người. Trong số các Chùa tổ chức lớp học Việt ngữ thành công nhất phải kể đến Chùa Đức Viên, thành phố San Jose, California, Hoa Kỳ,

do Cố Sư Bà Thích Nữ Đàm Lưu khai sáng, với lớp học lên tới 500 em học sinh, gồm 12 lớp, 60 giáo viên dạy tiếng Việt vào mỗi Chủ Nhật.

Ngoài ra, còn có hệ thống Gia Đình Phật Tử Việt Nam với hàng ngàn đoàn sinh trên khắp các tiểu bang tại Hoa Kỳ sinh hoạt tu học Phật Pháp và tiếng Việt vào các ngày cuối tuần.

Các chương trình dạy tiếng Việt hay dạy kèm các môn học văn hóa cho các học sinh con em người Mỹ gốc Việt nói trên là chìa khóa quan trọng giữ gìn và phát triển tương lai của Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Còn một lãnh vực học thuật góp phần chủ đạo trong việc truyền bá Phật Giáo Việt Nam vào xã hội Mỹ trong tương lai là việc nghiên cứu, dịch thuật, và trước tác Phật Học bằng Anh ngữ. Cứ nhìn vào sức ảnh hưởng rất lớn của Phật Giáo đối với thế giới Tây Phương qua hàng trăm tác phẩm bằng Anh ngữ của Đức Đạt Lai Lạt Ma và Thiền Sư Nhất Hạnh thì thấy rõ tầm quan trọng của lãnh vực này. Trong lãnh vực này, dường như Phật Giáo Việt Nam, ngoài Thiền Sư Nhất Hạnh, vẫn chưa chuẩn bị đầy đủ.

Nhưng lãnh vực cốt lõi nhất để duy trì và phát triển nội lực và mạng mạch của Phật Pháp tại bất cứ quốc độ nào chính là việc hành trì.

Về Hành Trì

Cố Hòa Thượng Thích Thiên

Ân khi đến Mỹ hoàng pháp đã tùy thuận theo nhu cầu của Phật tử Mỹ nên đã dạy Thiền cho các đệ tử xuất gia và tại gia của Ngài. Rất tiếc, Hòa Thượng đã viên tịch sớm nên chưa tạo ra được phong trào tu Thiền lớn mạnh.

Đến khi Thiền Sư Thích Nhất Hạnh khai mở pháp môn Chánh Niệm để dạy cho các Phật tử Tây Phương và Phật tử Mỹ vào thập niên năm 1960s thì phong trào tu tập Thiền Chánh Niệm lan rộng.

Chư Tăng, Ni Việt Nam trong thế hệ thứ nhất di cư đến Mỹ vào các thập niên 1980s, 1990s, đa phần đều mang pháp môn tu tập truyền thống của Phật Giáo Việt Nam là Thiền, Tịnh và Mật, hay Thiền- Tịnh song tu, để dạy cho Phật tử Việt Nam tại quê hương thứ hai này.

Pháp môn tu tập Thiền, Tịnh, Mật của truyền thống PGVN không phải là không đạt được chứng đắc. Bằng chứng là tại Việt Nam có rất nhiều vị Cao Tăng tu tập Thiền, Tịnh, Mật mà chứng đắc đạo quả ngay trong đời này, vì truyền thống PGVN ít phô trương nên ít người biết đến. Nhưng người Mỹ và người Tây Phương vốn trọng thực dụng, muốn thấy kết quả trước mắt, càng nhanh càng tốt, nên đã chuộng pháp môn Thiền, đặc biệt Thiền Vipassana, là pháp môn đưa tới thành tựu thấy liền qua việc điều trị thân và tâm bệnh. Vì vậy, pháp môn Thiền, Tịnh, Mật của Phật Giáo Việt Nam đã không thu

hút được người Mỹ bản địa.

Chư Tăng, Ni Việt Nam cũng hành trì pháp môn trì tụng Kinh theo truyền thống Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ. Các Chùa Việt Nam tại Mỹ, đa phần đều có các khóa tụng Kinh vào mỗi ngày hay cuối tuần. Đây là pháp môn vừa có từ thời Đức Phật, vừa mang lại nhiều lợi lạc cho việc tu tập chứng đắc.

Nói về hiệu quả chứng đắc của việc nghe pháp, tư duy Pháp qua việc tụng kinh, Cư Sĩ Nguyên Giác, trong tác phẩm “Thiền Tông Qua Bờ Kia,” đã viết như sau:

“Tới đây, chúng ta có thể nêu câu hỏi: Có thể giải thoát mà không cần thiền tập? Có thể giải thoát mà chỉ cần nghe pháp? Hay chỉ cần tư duy, nghiền ngẫm về pháp nghĩa là sẽ dứt sạch phiền não và đắc thánh quả?”

“Câu hỏi trên rất quan trọng, vì trong hoàn cảnh người Việt hiện nay, phân tán toàn cầu, việc làm nơi xa xứ có thể nặng nhọc, và nơi ở có khi không gần chùa, phương tiện tiếp cận giáo pháp hầu hết là nghe pháp qua mạng YouTube.com hay đọc kinh luận trên Internet.

“Đức Phật trả lời rằng có thể. Có thể chỉ nghe pháp, hay chỉ tư duy về pháp là đủ để giải thoát. Lời dạy này nằm trong Kinh Tăng Chi Bộ AN 5.26. Kinh này được Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch là Giải Thoát Xứ. Riêng bản Anh dịch của Piya Tan có nói thêm chi tiết, biện giải về 5 giải thoát xứ, và dẫn nhiều tham khảo thêm.

“Đức Phật dạy rằng có năm con đường có thể xóa bỏ hoàn toàn phiền não, đạt thánh quả cao nhất:

- 1. Lắng nghe (hay học) Chánh pháp;*
- 2. Giảng dạy Chánh pháp;*
- 3. Tụng đọc Chánh pháp;*
- 4. Tư duy ý nghĩa Chánh pháp;*
- 5. Thiền tập.”*

Tụng Kinh là pháp môn tu tập bao gồm hành trì cùng một lúc Giới, Định và Tuệ. Ngồi yên một chỗ chuyên chú vào việc tụng Kinh tức là không để ba nghiệp thân- khẩu- ý tạo ác nghiệp, đó là giữ giới. Ngồi thẳng lưng, để tâm vào tiếng tụng Kinh, không bị xao lãng bởi ngoại



Từ trái là Thượng Tọa Quảng Phú, Hòa Thượng Tâm Hạnh, Sa Di Tâm Đạo (người Mỹ từ TEXAS) tại Tự Viện Đạo Tâm, thị xã núi Big Bear, California cuối năm 2015, nay là Tu Viện Liên Hoa Sanh. (hmd)

cảnh, đó là thiền định. Tai lắng nghe tiếng tụng Kinh, để tâm tư duy về ý nghĩa trong Kinh để thâm nhập Phật lý, đó là tu phát huy trí tuệ. Hơn nữa, trong lúc tụng Kinh thì vừa nghe (văn), vừa tư duy lời Phật dạy (tư), và vừa quán chiếu các pháp theo ý Kinh (tu). Nếu có thể hạ thủ công phu tu tập nghiêm túc và giữ thân khẩu ý thanh tịnh, giữ chánh niệm trước mắt không bị mất thì chắc chắn tụng Kinh có hiệu quả thấy rõ.

Có thể, một phần do Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ chưa phát huy hết diệu dụng của phương thức tu tập theo truyền thống của mình để làm cho các Phật tử Mỹ chú ý, hiểu và thực hành theo. Chẳng hạn, cần đưa ra những hướng dẫn cụ thể về cách tụng Kinh sao cho có hiệu quả nhất, gồm cách ngồi, cách thở, cách phát âm ra tiếng khi tụng Kinh, cách tư duy ý nghĩa trong Kinh, cách để tâm tĩnh giác như thế nào, cách đánh mõ, chuông, linh, khánh với âm ba lớn nhỏ, dài ngắn thiền vị thế nào để cho người hành trì cảm nhận được lợi ích tức thì sau mỗi thời tụng Kinh. Còn nữa, cần dịch Kinh sang tiếng Việt, tiếng Anh dễ hiểu nhất và cần điều chỉnh thời lượng tụng Kinh sao cho không quá dài, mà vừa phải để cho thân tâm được nhàn tịnh, an lạc, v.v...

Dĩ nhiên, con đường tu tập theo

truyền thống Phật Giáo Việt Nam sẽ vẫn còn được duy trì để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng Phật tử Việt di cư tại Mỹ, bởi vì người Việt thuộc thế hệ thứ nhất và một rưỡi vẫn còn nặng lòng với truyền thống văn hóa và Phật Giáo Việt Nam. Tuy nhiên, cho dù chỉ để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng Phật tử Việt thì việc điều chỉnh các kỹ thuật của phương pháp tu tập cho thích hợp với môi trường truyền bá mới vẫn cần thiết, nhất là cho các thế hệ Phật tử Việt tương lai và người Mỹ bản xứ.

Tóm lại, cần ghi nhận rằng, nhiều Tăng, Ni và các nhóm Phật tử trẻ Việt Nam tại Hoa Kỳ đã và đang nỗ lực vận dụng phương thức sinh hoạt và phương pháp tu tập thích ứng với bối cảnh chung của Phật Giáo Mỹ. Trong chiều hướng này, nhiều Tăng, Ni có khả năng Anh ngữ tại các Chùa trên khắp nước Mỹ đã thu hút không ít Phật Tử người Mỹ bản xứ đến tu học.

Đó cũng chính là tiến trình thay đổi của Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ đã và đang diễn ra.

Chiều hướng, quy mô và tốc độ của tiến trình thay đổi đó như thế nào còn tùy thuộc vào lực tương tác hay tương phản từ cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ trong những năm tháng tới. ♦

Vô thường và cái chết

Lời Ngài DALAI LAMA

Dạo sư Gungthang Tenpe Donme nói rằng:
*Tái sinh làm người, được một lần này,
là sống với nguy cơ sống lãng phí,
không đạt đến được với mục tiêu của
kiếp người.*

Xin hãy giữ chặt lời khuyên khẩn thiết này!

Chúng ta lấy năm hợp thể, hoặc lấy tâm của mình, để mà cảm nhận về “cái tôi.” Chúng ta luôn tự nhiên cảm thấy “tôi muốn vui, tôi không muốn khổ,” nhưng lại cứ mãi chạy theo hạnh phúc và khổ đau trước mắt, lầm lẫn cho rằng đây là hạnh phúc khổ đau vĩnh cửu, vì vậy mà chỉ biết theo đuổi hạnh phúc của đời này, nhất là loại hạnh phúc vật chất. Rốt lại mọi điều mong cầu đều không thể đạt, cứ phải đối diện với khổ đau trùng điệp. Vì tâm bất thuần mà phát sinh vọng tưởng, tự khiến mình khổ đau triền miên vô hạn.

Nay chúng ta đã tìm được con đường chỉ dẫn phương pháp chặt bỏ gốc rễ khổ đau, đạt nguồn an lạc vĩnh viễn, vậy cần tận dụng cơ hội hiếm hoi quý giá này, không để phí ướng.

Mặc dù chúng ta phần lớn đều muốn tu theo Phật pháp, có được chút tín tâm, nhưng vì giải đãi biếng lười nên cứ hẹn lần sau này hăng tu. Cuộc đời cứ vậy trôi qua trong lười biếng. Khi còn trẻ thì bận rộn với chuyện trong đời, lo đeo đuổi sự nghiệp, cho rằng chuyện tu hành là chuyện của người già. Cứ vậy một năm thoảng chốc đã xong. Từng ngày, từng tuần, từng tháng, cuộc đời trôi qua trong phút giây!

Khi đến Ấn Độ vào năm 1959, chúng ta nuôi thật nhiều hy vọng, nghĩ rằng sẽ làm được nhiều việc trước năm 2000. Năm 2000 đã qua. Bây giờ đã là cuối tháng Hai năm 2005. Vài tháng trước, chúng ta háo hức chờ đợi pháp hội Lamrim này. Bây giờ đã vào ngày thứ tư. Thời gian cứ thế mà trôi, thấm thoát đến tuổi về chiều. Trí nhớ không còn được như xưa, hối hận sao thời trẻ không lo tu. Rồi than vãn sao trí óc bây giờ không còn khả năng suy nghĩ, chỉ còn biết hướng về đạo sư và Tam Bảo để cầu nguyện cho kiếp sau.

Đến khi chết mới thấy bản thân đã không hết lòng tu theo Phật pháp, phí ướng thời gian cho những pháp tu hời hợt, bé mọn, chỉ còn mong sau khi lìa đời được người khác hộ niệm giúp cho. Thật quá vô vọng!

Trước khi chết, hãy gắng tu cho khéo. Người tu giỏi là người chết với tâm an lạc hạnh phúc. Người tu khá là người chết với lòng tự tin. Người tu trung bình là người chết không hối tiếc. Nếu trước thêm cửa tử, quý vị có được lòng tự tin nói với thân nhân rằng khi lìa đời quý vị không cần ai hộ niệm vì đã biết tận lực tu hành, chẳng phải tốt lắm sao?

Phần lớn chúng ta đều chết trong nuối tiếc, lo âu,

hồn loạn. Cả những người ngày thường hay huênh hoang, đến khi chết hiện rõ nguyên hình, chẳng biết số phận mình rồi sẽ ra sao. Họ chết với tâm hối lỗi tràn trề.

Vậy chúng ta cần phải lắng nghe lời khuyên của Gungthang Rinpoche như đã nói lúc này. Cái chết đương nhiên sẽ đến, nhưng bao giờ cái chết đến, thật chẳng ai có thể nói trước. Chúng ta luôn cho rằng chưa chết ngay đâu, sức khỏe còn tốt thế này, lại có đủ mọi điều kiện sinh tồn. Tuy vậy, chẳng ai có thể bảo đảm chắc chắn 100% rằng mình sẽ không chết. Có nhiều việc trong ngoài có thể bất ngờ xảy ra, chẳng ai có thể đoán trước!

Vậy, chết là đương nhiên, nhưng không biết bao giờ chết. Đến khi chết, chỉ có công phu hành trì mới giúp được ta. Quý vị cần phải học hỏi, tư duy, tu tập (văn tư và tu) khi còn trẻ, tràn đầy nhựa sống, tràn đầy sức khỏe. Vì muốn tu tập hành thiền thì bắt buộc phải có niềm tin xác quyết nơi pháp tu, vì vậy cần phải nghe pháp. Nghe rồi phải biết tư duy suy nghĩ, phân tích tới lui nhiều lần kỹ lưỡng chứ đừng nhắm mắt vội tin.

Đến khi có được lòng tin xác quyết nơi pháp tu, hãy biến từng ngày sống trở thành từng ngày tràn đầy ý nghĩa bằng cách tập cho quen với pháp tu, huân tập trong pháp tu. Cứ như vậy, trọn cuộc đời còn lại mới thật sự có ý nghĩa, bất kể là còn lại năm năm, mười năm hay năm mươi năm. Nếu tập cho mình thói quen văn tư và tu ngay khi còn trẻ, cứ như vậy đến lúc tuổi già sẽ vẫn có khả năng suy nghĩ mạch lạc sáng suốt.

Không ai bắt buộc quý vị phải có lòng tin. Quý vị cũng có thể đi chống ngược đầu nếu muốn. Nhưng nếu đã có lòng tin nơi Phật pháp, đã biết quan tâm tới thế giới tinh thần thì điều quan trọng nhất là phải học. Phải tu ngay bây giờ, ngay hôm nay. Tinh túy của Phật pháp là tâm bồ đề, là thương lo cho người khác hơn cả bản thân. Phải cố gắng phát huy và tăng cường tâm bồ đề này để có thể vì chúng sinh mà thành Phật.

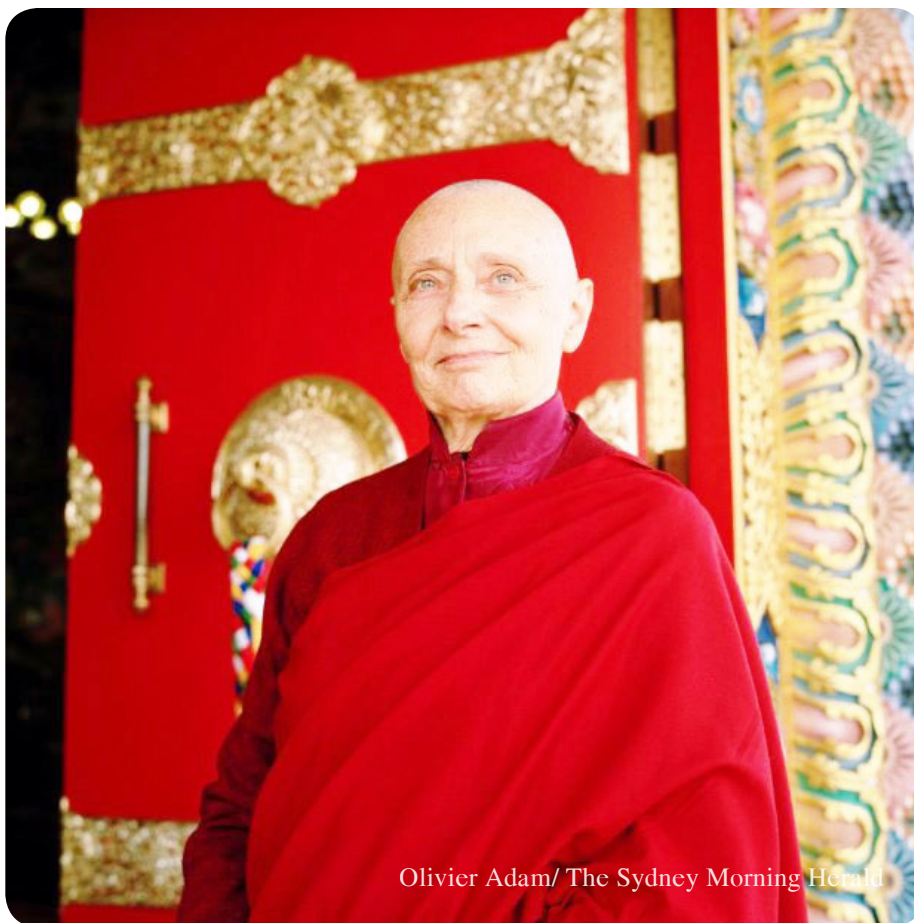
Nói tóm lại, chúng ta cần hy vọng và nỗ lực đi bước chân đầu tiên trên con đường thành tựu Phật quả, ngay bây giờ, ngay trong kiếp hiện tiền. ♦

Trích từ bài giảng của Đức Đạt Lai Lạt Ma ngày thứ tư trong khóa tu mùa Xuân năm 2005 tại Thekchen Choeling Temple, Dharamsala, miền Bắc Ấn Độ, được chuyển ngữ bởi Hồng Như – Thubten Munsel đăng trong cuốn Lamrim Đại Luận Toát Yếu do Viet Nalanda Foundation ấn tống năm 2010.)

Tịnh tu nhập thất

Bài SƯ BÀ TENZIN PALMO

Giác Anh chuyển ngữ



Olivier Adam/The Sydney Morning Herald

Nhìn trên căn bản, mỗi người tu Phật cần thực hành hai phương diện. Thứ nhất, hành giả phải có khả năng rút ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nào đó, có thể vài giờ, vài ngày, vài tháng hoặc vài năm. Thứ hai, có khả năng đem những kinh nghiệm từng trải nơi tịnh tu vắng vẻ cống hiến lại cho cuộc đời, cho những người hữu duyên và cho chính cuộc sống hằng ngày mỗi chúng ta. Như hơi thở ra và hơi thở vào, cả hai đều cần thiết như nhau.

Mỗi khi nhắc đến công đức của người tịnh tu nhập thất, người ta thường rất ngưỡng mộ và tán thán những vị đó. Có người nhập thất ba năm, bảy năm hay nhập thất cả đời. Sau khi nghe xong, ai cũng ước mong có ngày mình tu theo được như thế, và chắc mình cũng sẽ đắc đến một cảnh giới nào đó. Nhưng cuộc đời còn nhiều phàm trần, không phải ai cũng tu được như vậy, nên khiến chúng ta có cảm tưởng chắc đời này mình không còn hy vọng để chuyên lo tu hành nữa.

Tuy nhiên chúng ta không biết

rằng, thực tế tu hành không phải lấy số lượng mà đo phẩm chất.

Dù nhập thất ba năm mà tâm không chuyển cũng không được gì. Người chỉ tu ba ngày mà chuyên nhất thì ba ngày đó cũng có nhiều lợi lạc, cũng gặt hái được nhiều chuyển hóa. Vì thế tôi cho rằng không quan trọng thời gian dài bao lâu, tụng bao nhiêu thần chú, lạy bao nhiêu lạy, bao nhiêu cái này hay bao nhiêu cái kia. Tu hành không giống như ngân hàng tâm linh mà có thể để dành hay tích lũy được. Điều quan trọng nhất là phải thường tự vấn chính mình, ta đã thay đổi được bao nhiêu rồi?

Một bậc đại hành giả ở vào thế kỷ 11 nói rằng, mục tiêu quan yếu nhất của mỗi kỳ nhập thất là, sau khi hoàn mãn, tất cả những phiền não tham sân si của chính hành giả đó có giảm đi hay không? Cho dù nhập thất 12 năm cũng không đáng kể nếu người đó vẫn chất chứa những phiền não nội tâm, vẫn giận

dữ, chấp trước, tham đắm, vẫn y nguyên những tính bất thiện của tâm ban đầu.

Cho dù tụng bao nhiêu triệu thần chú, tụng bao nhiêu pháp quán đều không quan trọng. Tất cả những công phu đó chỉ vô nghĩa nếu không chuyển hóa được tâm thức. Sau khi hoàn mãn kỳ kiết thất, tâm lúc sau cũng như tâm ban đầu, thì coi như kỳ kiết thất đó chưa đúng. Thậm chí có khi còn tệ hại hơn, vì bản ngã cho ta đã là “đại thành tựu giả”! Ta tự hào với chính bản thân, rồi nghĩ rằng “mình đã nhập thất hoàn mãn và giờ đây ta đã là một tay pháp sư lão luyện rồi đây.”

Thật ra, như vậy chỉ bồi thêm những mớ phiền não vốn đã có quá nhiều mà chưa chuyển hóa mà thôi. Kiết thất xong lại thêm một phiền não mới!

Xin hãy nhớ những điều quan trọng trên. Bất cứ tu hành như thế

Nguồn: Được viết nhân dịp kỷ niệm lễ Phật Đản PL 2554 - DL 2011, đăng lại trên trang Viet Rigpa Foundation, 11 tháng 11, 2017.

nào, đều để cứu chữa những tâm bất thiện của chúng ta. Chuyển hóa tâm thức mới là cách lợi lạc chúng sanh chân thật nhất. Nếu không, công phu chỉ trở thành một thứ phương tiện để ta thêm tự mãn và tự hào. Tự cho mình đang thực hành Pháp vì mỗi ngày mình ngồi thiền ba tiếng, luôn luôn hành trì, và tìm cách cho mọi người biết mình thức khuya dậy sớm, v.v. và v.v.. Như vậy để làm gì? Các bạn có hiểu không?

Bản ngã

Tất cả công phu tu tập chỉ dẫn đến một mục đích duy nhất, đó là, làm giảm Bản Ngã. Chứ không phải làm tăng Bản Ngã. Phải cẩn thận điều này. Thật không tốt nếu ta biểu lộ cho mọi người thấy mình là một chuyên gia thực hành pháp. Lúc nào cũng muốn mọi người tán thán mình ham tu, đáng kính. Lúc nào cũng tỏ ra, mình là người thích ăn chay, không ưa quán karaoke, không hợp với những kẻ phàm phu. Ta thật đúng là người chuyên tâm tu hành. Ta thật tự mãn với chính mình.

Tất nhiên Bản Ngã rất thích những điều đó. Bản Ngã luôn luôn tỉ tê với nó rằng “Hãy nhìn đi, ta quả là người siêu phàm so với những kẻ phàm phu quanh ta. Ta giữ Giới nhiều hơn. Ta biết tự điều chế hơn, v.v..”

Vì vậy Tu Hành phải nhìn cho thật rõ. Nên cẩn thận mỗi khi thực hành pháp, phải hiểu động lực Tu Hành cần thanh tịnh. Vì tất cả những vô minh và Bản Ngã xảo quyệt phàm phu trong mỗi chúng ta, có thể làm tăng thêm những phiền não mà vốn cần phải loại trừ đi. Không khéo chỉ tạo thêm cho Ngã có cơ hội ngồi xuống để tự mãn. Điều đó có thể sẽ đến với những ai nhập thất tịnh tu.

Lợi lạc của tịnh tu nhập thất

Như đã nói từ lúc đầu, chúng ta nên dành thời gian mỗi ngày một ít thì giờ, hoặc dành trọn ngày nào đó, hoặc ban đêm chẳng hạn, để chuyên tâm tập trung vào tu tập. Làm được vậy rất tốt. Cố gắng giữ đừng để những lo toan hằng ngày chi phối thời gian tu tập. Không còn một nghi ngờ gì về lợi ích vô

biên của công phu thực hành như thế.

Vấn đề nảy sinh ở đây là nên tu một mình hay nên tu chung với đại chúng. Riêng tôi đề nghị nên khởi đầu tu chung với đại chúng. Vì với đại chúng, người tu sẽ được huynh đệ khuyến tấn. Hơn nữa, vì khi ngồi giữa mọi người, không thể nào thối tâm hay lơ đãng nghĩ ngợi “tu hành thật vô ích,” rồi đứng lên làm một tách trà hay café. Dù tâm có lăng xăng cũng phải ngồi. Thậm chí sáng sớm thức dậy có như đầu cũng phải ngồi công phu. Tâm thức nghĩ ra hàng ngàn việc cần phải làm, nhưng đến đúng giờ vẫn phải theo đại chúng. Đại chúng giúp củng cố Giới hạnh cho chúng ta.

Có trường hợp vì chưa có kinh nghiệm chuyên tu, nếu tu một mình lúc đầu tâm rất mạnh mẽ, nhưng sau đó thui chột dần, cuối cùng không muốn tu nữa. Nhưng nếu tu chung với đại chúng, điều đó hiếm khi xảy ra. Khi tu chung như vậy luôn có một vị Thầy hướng dẫn. Vị này rất hữu ích vì Thầy biết cách hòa hợp sức tu của mọi người theo một hướng chuyên nhất, sẵn sàng hướng dẫn và cho lời khuyên. Nếu ai có trở ngại gì dễ dàng có người để thưa hỏi.

Nếu tu một mình, những khó khăn như thế sẽ xảy đến. Có thể sẽ khó giữ Giới, hoặc cũng có thể chấp chặt vào Giới quá, dễ nảy sinh những việc không hay. Hơn nữa, đối trị Tâm luôn luôn là một cuộc phẫu thuật vô cùng phức tạp.



Sư bà Tenzin Palmo xuất gia năm 1964

Dưới một hình thức nào đó, toàn thể vũ trụ gói gọn trong Tâm với vô lượng vô biên mức độ sâu cạn khác nhau. Con người bình thường chỉ mới tiếp xúc với lớp tâm thức hết sức nhỏ nhặn và thô cạn mà thôi. Vì thế trong suốt thời gian nhập thất chuyên tâm hành trì, nên bề mặt tâm thức sẽ bắt đầu lắng xuống. Đó cũng chính là lúc mở toang những lớp tâm thức mà ta chưa từng kinh qua. Những tâm lý đó kéo đến ào ạt như thác lũ mà trước đây chưa từng thấy và có thể khiến ta sợ hãi. Thậm chí những kinh nghiệm tốt cũng làm ta hoang mang. Không ai biết trước được tâm thức sẽ diễn ra như thế nào.

Trong tâm luôn vừa có chủng tử của Thánh, vừa có chủng tử của Ma, không ai biết được niệm nào Thánh, niệm nào Ma. Vì thế thật là một thách duyên cho những ai được tu dưới sự hướng dẫn của vị Thầy từng trải những kinh nghiệm chuyên tu như thế.

Dự bị vào con đường chuyên tu nhập thất, hành giả nên bắt đầu bằng những khóa tu ngắn hạn và tu chung với đại chúng. Có như vậy, mới được hướng dẫn kỹ càng từ cách bắt đầu khóa lễ, nhịp độ hành trì sao cho phù hợp với từng cá nhân.

Thêm vào đó, sự thăng bằng trong hành trì là điều rất cần thiết. Tu hành không nên giải đãi nhưng cũng không được quá căng. Đa phần những người mới tu mà đã vội tu một mình thường gặp khó khăn thứ hai, đó là dồn quá sức nên dẫn đến tình trạng căng thẳng. Họ thường tự đặt ra mức thành tựu quá cao và không thực tiễn.

Thành tựu

Nói về Thành Tựu, rất nhiều người tu nghĩ đến hai chữ Thành Tựu. Ai cũng nghĩ “mình phải thành tựu điều gì đó khi xong kỳ thất này. Bắt buộc phải như vậy.” Nếu quả như thế, thời gian chuyên tu sẽ hóa ra một quy trình sản xuất tính trên sản lượng. Điều đó chỉ gây thêm áp lực và ức chế. Những tâm lý “Muốn,” muốn thành tựu, muốn chứng đắc... là những rào cản ghê gớm nhất cho chính chúng ta. Thường thường những phiền não này sẽ gây nên những triệu chứng

tắc nghẽn trong cơ thể, dẫn đến tình trạng thân và tâm mất thăng bằng. Lúc đó dễ sinh bệnh, nhức đầu thường xuyên và cơ thể yếu dần đi. Kèm theo là những cảm giác dễ nóng giận, khó chịu và căng thẳng.

Đây là điều cần quan tâm, vì khi dễ xảy ra như thế, sẽ là những chướng duyên trên bước đường tu tập. Càng công phu thì càng trì trệ. Nó trở thành một vòng lẩn quẩn, càng muốn thì càng bệnh, càng bệnh tu càng chậm, cứ như vậy và như vậy. Vì thế quan trọng nhất là nên kiểm soát tâm thức, hãy để tâm tu tập theo đúng nhịp điệu cần thiết của nó, và đừng cố chạy theo cái muốn Thành Tựu của tâm phàm phu.

Chúng ta không áp dụng cách Thương Mại vào việc Tu Hành được. Ý tưởng “muốn Thành Tựu” là Bản Ngã, cần nên loại bỏ tâm lý phiền não đó.

Ý niệm như vậy khởi lên “Tôi niệm một trăm triệu thần chú, còn người đó chỉ niệm có mười chú thôi,” đó là một hình thức của “thực hành bao nhiêu, gặt hái bấy nhiêu,” là loại sản xuất thương mại tính trên sản lượng. Thật sự tu tập không phải như vậy, không phải đem tâm thức do bản ngã thế gian hướng dẫn áp dụng vào Phật Pháp. Mà nên nhìn thấu điều đó để an lạc, tự tại, dần dần nhận ra Ngã và những gì thuộc về Ngã – rồi buông xuống.

Có một Phật tử hỏi vị Thầy, “Mục đích và cứu cánh của Thiền là

gì?” Thầy đáp, “Thiền là đối diện với chính ý niệm có một mục đích!”

Tại sao chúng ta không ngồi xuống công phu chỉ vì chúng ta thích công phu? Đơn giản chỉ vì công phu là một việc dễ thương và là một việc đáng phải làm. Công phu không phải để đạt một mục tiêu nào đó. Không có một lý do nào khác khiến ta phải đi công phu, chỉ vì ta thấy không có gì đáng làm hơn là tu tập, là công phu, là hành thiền mà thôi. Chỉ nghĩ như vậy cũng đã đủ. Tâm ta hoàn toàn tự tại và an lạc nhẹ nhàng. Lúc đó, toàn tâm toàn ý sẽ gởi trọn vào lời Kinh, tiếng kệ. Ta hành trì với niềm đam mê thích thú chứ không vì một động cơ nào khác. Chính ngay lúc đó, kết quả thành tựu sẽ tự nhiên đến.

Vì thế thật không nên xem thời kỳ nhập thất căng thẳng bận bịu như tâm lý học trò trước khi đi thi. Mà hãy xem đó là thời gian cho mình nhận thức rõ mình đang làm gì. Và cứ giữ nhịp độ sáng suốt tiếp tục hành trì như vậy.

Mở rộng tâm lượng trước cái đẹp của công phu

Nhắc đến đề tài này, tôi muốn bổ túc thêm một điều, hành giả nên khuyến khích tâm thức cùng góp phần trong việc tu tập. Nếu tâm trong trạng thái kháng cự tức là bị bắt buộc phải tu vì nghĩ cần phải tu, nhưng thực sự không muốn tu, thì chỉ ngấm ngấm dấy lên sự chán nản, xung đột và căng thẳng mà

thôi. Vì thế, trước khi bắt đầu tu tập nên ngồi xuống suy nghĩ: Động cơ gì khiến ta tu? Tại sao chúng ta muốn tu?

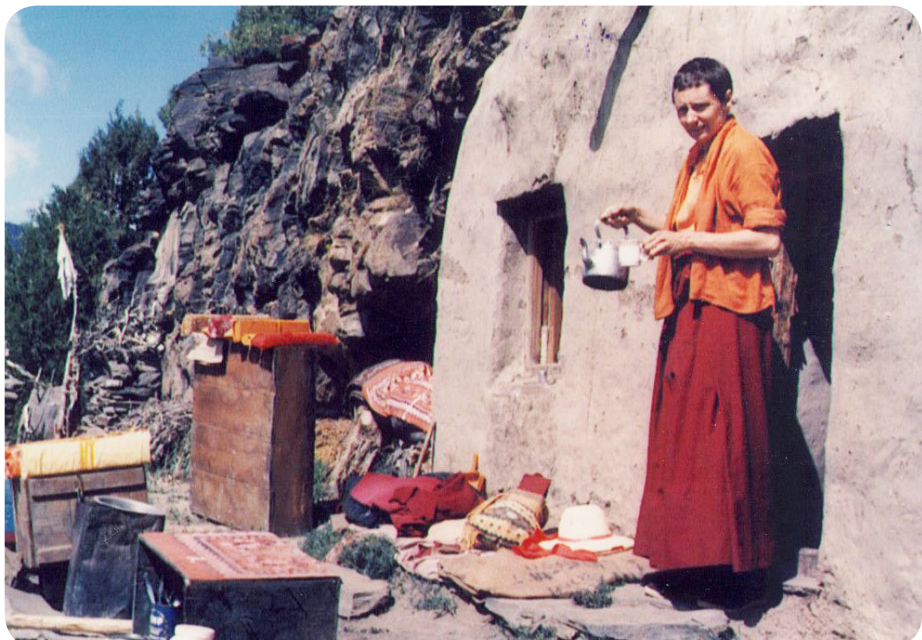
Làm được vậy là đã khuyến khích Tâm nhận chân được lợi ích và cái vui trong lúc tu tập. Tâm không bị thúc ép, không bị đau khổ. Khi thuyết phục được Tâm, Tâm sẽ hứng khởi hăng hái hành trì với chúng ta. Được vậy là đã thắng gần phân nửa trận đánh rồi.

Ví dụ, lúc mải mê xem phim hay say sưa đọc sách, đầu cần phải bắt tâm tập trung. Lúc đó thân tâm đã chìm hẳn vào phim, vào sách rồi. Tâm đã đặt hết ở đó. Chỉ trừ khi có ai đứng ngay bên cạnh kéo ra mà thôi. Không cần ai bảo phải tập trung, tự động tâm đã chuyên nhất vào đó rồi. Chúng ta nên áp dụng tâm lý này vào công phu tu tập.

Tu hành cần nên công phu với tâm tinh tấn chân thật. Bởi khi hiểu rõ sự lợi ích, niềm hoan hỷ của tâm đã được thuần thực, tức sẽ không bao giờ còn bị những tâm ô nhiễm giam hãm nữa. Nên khuyến khích tâm tu tập để đạt đến cảnh giới tự tại, đơn giản và thanh tịnh hơn.

Ta không phải là ông chủ đứng đó cầm roi, dọa nạt bắt Tâm phải thế này, thế nọ. Không bắt phạt hay đánh đập Tâm. Ngược lại, dịu dàng thuyết phục Tâm tu hành vì lợi lạc cho chính mình, và cho tất cả chúng sanh. Rộng ra nữa cho toàn thể giới, vì mỗi niệm chúng

Sư Bà Tenzin Palmo tu trong hang đá trong thập niên 1980. "Có một lần tôi nhập thất ba năm, thời khóa công phu lặp lại bốn lần giống nhau mỗi ngày. Khi hoàn mãn, tôi đã thích công phu hơn lúc mới vào thất rất nhiều. Bởi vì, khi tâm hiểu được mình đang làm gì, giống như từng nụ hoa bắt đầu hé nở."



Với Đức Đạt Lai Lạt Ma
trong phim tài liệu Cave in
the Snow (Hang Đá Giữa
Tuyết Giá) năm 2002



ta nghĩ đều có ảnh hưởng đến xung quanh. Ta nên áp dụng thái độ này vào sự thực hành của chúng ta.

Ví dụ, khi quán hơi thở hoặc khi quán đức Bồ Tát Quán Thế Âm. Mỗi ngày công phu tu quán sáu lần, ngày này qua ngày nọ, tuần này qua tuần kia. Giống như xem hoài một chương trình trên tivi. Cứ tưởng tượng xem hoài một chương trình, mỗi ngày sáu lần mà kéo dài ngày này tháng nọ như vậy, có khác gì là một cực hình đâu?

Nhưng đối với tôi, mỗi khi nhập thất là mỗi lần thú vị. Thỉnh thoảng tuần lễ đầu tiên có thể nghĩ “Ồ, chán quá!” Có lẽ tuần lễ đầu tiên hơi chán thật. Nhưng khi thật sự đã nhập tâm, chính là lúc tu tập bắt đầu khai mở, bắt đầu khám phá năng lực của chính nó. Tâm sẽ thấy rất tuyệt vời.

Có một lần tôi nhập thất ba năm, thời khóa công phu lặp lại bốn lần giống nhau mỗi ngày. Khi hoàn mãn, tôi đã thích công phu hơn lúc mới vào thất rất nhiều. Bởi vì, khi tâm hiểu được mình đang làm gì, giống như từng nụ hoa bắt đầu hé nở. Khi hoa từ từ xòe cánh, ta sẽ được chiêm ngưỡng từng tầng từng tầng bên trong, cho đến lúc hoa hoàn toàn nở tung, ngời lên nét đẹp hoàn mỹ của nó.

Mỗi mỗi công phu đều có năng lực như vậy. Khi mới nhận ra nó, nó như một nụ hoa. Nụ hoa đó hàm chứa cả một năng lực nở tươi rực rỡ bên trong. Nhưng phải nhẫn nại, đâu thể nào kéo từng cánh hoa ra, phải không? Không thể làm như thế được. Phải kiên nhẫn chờ đợi,

mỗi ngày đều sưởi ấm và giữ độ ẩm cần thiết cho nụ hoa. Cứ lập đi lập lại như thế, tự động đến thời kỳ nụ sẽ nở thành hoa. Thế nên chúng ta rất cần thời gian tịnh tu nhập thất để vun bồi những nụ thiện lành trong tâm cho đến ngày nở như thế.

Bình thường chúng ta dành rất ít thời gian để tu tập trong mỗi ngày. Thời gian còn lại phải bận buộc với gia đình, công việc và cuộc sống. Mặc dù đời sống gìn giữ kỷ cương, nhưng thật rất khó để giữ thời khóa cho đều đặn mỗi ngày. Năng lực cũng vì đó mà tiêu tán. Y như nấu ăn vậy, cứ bật lửa cho thật nóng rồi tắt, hôm sau bật lửa lại rồi tắt tiếp, thật không thể nấu ăn cách như vậy được. Muốn thức ăn ngon và chín, phải đun lửa đều đặn.

Có một hoàn cảnh tốt để tịnh tu cũng giống như thế. Khi bế quan nhập thất, không tiếp xúc với ai nữa nghĩa là đã hoàn toàn khép mình vào chuyên tu. Giống như nồi áp xuất (pressure cooker), không có một hơi nào bay ra ngoài được hết. Nhưng đã sử dụng nồi áp xuất thì phải cẩn thận, nếu không dễ bị nổ. Tốt nhất là dùng cách hầm chậm chậm (slow cooker). Chậm nhưng thức ăn vẫn ngon mà không bị cháy.

Trên cơ bản tịnh tu nhập thất là như thế. Không có gì phải sợ cả. Có nhân duyên để tu tập, dù tu chung với đại chúng hay tu riêng rẽ, cũng là điều nên thích thú và đáng mừng. Thích vì đã tạo một thiện duyên, một chủng tử tốt. Mừng vì đã có cơ hội để sống đời

sống vui với đạo.

Địu dàng huấn luyện Tâm

Theo truyền thống Tây Tạng, mỗi kỳ nhập thất được chia ra thành bốn hoặc sáu giai đoạn. Nhìn chung mỗi giai đoạn đều lặp đi lặp lại giống nhau, duy chỉ có phần khai kinh và phần hồi hướng có thêm vài chi tiết nào đó. Nhưng trên cơ bản hành giả phải thực hành lặp đi lặp lại một pháp nào đó. Giống như chơi nhạc khí, phải tập tới tập lui cho đến lúc thuần thục. Nhưng phải thực hành với niềm vui của tu, chứ không phải với niềm vui cầu thành tựu một điều gì! Đó là niềm hoan hỷ lớn nhất, chỉ cần ngồi xuống hành trì, sống với hiện tại và dồn hết thân tâm vào tu tập. Thế là đủ.

Trong thất, đặc biệt là những lúc tu riêng một mình, hành giả nên quan sát Tâm kỹ lưỡng. Không chỉ quan sát Tâm trong những lúc ngồi xuống hành trì, mà những lúc ngoài giờ cũng phải cẩn thận. Ngoài giờ hành trì, không nên để Tâm muốn đi đâu thì đi. Không nên “thân trong hang mà tâm ngoài cửa hàng.”

Thế nên không nên để Tâm rong ruổi ngoài shopping plaza, hay chạy vào nhà hàng hoặc thậm chí nghĩ tới gia đình cũng không nên. Sau này vẫn còn thời gian cho những chuyện đó. Lúc nhập thất tịnh tu không phải là lúc để Tâm nghĩ ngợi theo thói quen của nó. Điều này rất quan trọng. Tâm nên ở với thân. Hành giả nên giữ tâm chuyên chú vào những gì đang xảy ra giờ này và ở đây.

Ví dụ, khi thực hành pháp quán tưởng Đức Quan Thế Âm, trong lúc nhập thất thì đó là thời gian lý tưởng nhất để hoàn toàn thể nhập mình vào cuộc sống hằng ngày trong thất. Thời gian đó, tự hóa mình là Đức Quan Âm, tự xem môi trường là cung điện Tịnh Độ và tai thường nghe âm thanh của thần chú. Chính ta là Quan Âm, tất cả chúng sanh là Quan Âm. Nhưng nếu không thường quán tưởng thực hành như thế, thì khi gặp người thật, thật rất khó để khởi niệm xem người là Quan Âm được. Nếu có chăng, sẽ rất giả tạo.

Trong suốt thời gian yên lặng tịnh tu, (dù tu chung hay tu riêng cũng nên cần yên lặng), đó là cơ hội hoàn hảo để phát được tâm thành kính đối với chư Phật và chư Bồ Tát. Đó là lúc ta quy ngưỡng và thể nhập những hạnh lành của chư Phật, Bồ Tát vào mỗi hành động của ta. Từ lúc ăn uống, kinh hành, nhìn trời hoặc tắm rửa... cũng đều an lạc như thế.

Nếu nghĩ Tu chỉ là ngồi trên bồ đoàn, thì thật không hiểu ý nghĩa của Tu. Tu Phật là đem Phật Pháp vào mọi khía cạnh của cuộc sống. Trong một môi trường đang được gia hộ như nhập thất, thật không có việc gì đáng để thực hành hơn thế nữa.

Môi trường của Tịnh Tu Nhập Thất

Trong thất ta có không gian cho chính ta. Vì không phải tiếp xúc và nói chuyện với bất cứ ai nên có cơ hội bắt đầu học cách đem chánh giác vào từng hành động. Hiểu và dẫn thân thực hành được rồi, khi xả thất phải đối diện với thực tế thường nhật, ta biết cách phải tu như thế nào. Tịnh tu nhập thất là cơ hội cho ta chân thật tu tập. Ta sẽ phát huy và áp dụng Phật pháp vào cuộc sống hằng ngày. Tất nhiên điều đó khó, nhưng ít nhất ta đã có nền tảng căn bản rồi.

Kế tiếp là đức nhẫn nhục và hạnh kiên trì. Như một người nhạc công, không có một nhạc công nào đầu tiên có thể tự dừng ngồi bên cây dương cầm để đánh lên một bản nhạc tuyệt vời. Đó là điều không bao giờ xảy ra được cả. Ban đầu người ấy phải học đặt từng ngón tay

lên phím đàn, tập chơi những điệu cơ bản. Ngón tay phải đã từng gõ lộn phím khiến vang lên âm thanh nhức nhối, thật không thể như vậy được. Nhưng người ấy vẫn không ngừng luyện tập. Nếu có cô giáo, cô giáo vẫn khen ngợi khuyến khích. Cho đến một ngày, người đó phát hiện đã chơi được những giai điệu ngắn ngắn. Cứ thế tiếp tục, đến một ngày kia đột nhiên chơi được hết bản Sonata. Tại sao không? Nhưng không phải trong một ngày, và càng không phải không có đức nhẫn nhục và bền chí.

Tâm chưa bao giờ được tôi luyện, tâm luôn ở trạng thái không kiểm soát. Tâm muốn đi đâu thì đi, ta cứ đi theo nó. Bất cứ khó khăn phiền não nào xảy đến, ta cũng thấy nó từ bên ngoài vào, từ hàng xóm, từ người thân, từ con cái, thầy cô, thế giới hay chính phủ. Ta chưa bao giờ thấy những phiền não đó bắt nguồn từ chính ta. Ta cho mình rất đáng hoàng, chỉ lỗi tại người này người kia thôi. Tại sao họ không giống tôi?

Cho đến khi ngồi xuống đối diện với Tâm, bảo Tâm rằng “Không được, hãy ở đây và quên những chuyện kia đi” rồi sẽ thấy Tâm không bao giờ chịu nghe chuyện đó. Tâm sẽ bắt đầu suy nghĩ lung tung trừ chỗ ta muốn. Tâm như ngựa hoang, con ngựa vừa hoang dã vừa say sưa. Chúng ta thường không nhận chân được vấn đề phát xuất từ đâu cho đến khi bắt đầu huấn luyện Tâm. Khi bắt đầu huấn luyện được Tâm rồi, sẽ thấy tánh hay phê bình chỉ trích của ta.

Nhưng đó là một dấu hiệu tốt. Tâm nào cũng điều phục được. Khi Tâm đã được điều phục, thay vì trước đây ta phải làm nô lệ cho nó thì giờ này ta trở thành ông chủ. Giải thoát thật sự là ở đó. Chúng ta không cần phải thay đổi thế giới, không cần phải thay đổi những người xung quanh mình. Chỉ cần thay đổi chính mình thôi. Điều đó không tốt sao? Tôi nghĩ, thật rất kinh khủng nếu ra sức thay đổi chính phủ!

Vì thế môi trường của tịnh tu nhập thất giúp làm được điều đó. Tịnh tu giúp ta nhìn rõ hoàn cảnh và đối diện với chính nó.

Như vậy, thiết nghĩ không nơi nào tốt hơn môi trường của tịnh tu nhập thất, nơi mỗi mỗi hành giả có trọn thời gian và không gian để nhìn rõ quán chiếu bản chất của Tâm. Nơi đó, hành giả hợp thành Một với pháp môn tu tập của chính mình. ♦



Theo Wikipedia, Sư Bà Tenzin Palmo là một Ni thuộc dòng Drukpa, tông phái Kagyu của Phật Giáo Tây Tạng. Ngài đã viết sách, giảng dạy, và thành lập một tu viện dành cho ni - Dongyu Gatsal Ling Nunnery - tại Himachal Pradesh, Ấn Độ.

Sư Bà Tenzin Palmo chào đời năm 1943 với thế danh Diane Perry tại Woolmers Park, Anh. Thuở niên thiếu, bà thường lắng nghe những buổi hội thảo của người lớn về thế giới tâm linh được tổ chức tại nhà. Đến năm 18 tuổi, bà bỗng nhận ra mình là một Phật tử sau khi đọc một cuốn sách nói về đạo Phật. Năm 20 tuổi bà đến Ấn Độ, nơi bà dạy tiếng Anh cho các tăng sĩ Tây Tạng trẻ, và đó cũng là nơi bà được gặp vị thầy bốn sư của mình, ngài Khamtrul Rinpoche thứ Tám.

Năm 1964, bà trở thành phụ nữ Tây Phương thứ nhì được thọ ký theo truyền thống Kim Cang Thừa, được trao pháp hiệu Drubgyu Tenzin Palmo. Vào năm 1976, Sư Bà đã bắt đầu tu 12 năm trong một hang đá trên dãy núi Hy Mã Lạp Sơn, nơi có lúc Sư Bà phải tự trồng rau củ để sinh sống, và trong thời gian đó Sư Bà đã dành ba năm nhập thất với những điều kiện nghiêm ngặt nhất.

Trong nhiều năm sau, qua những bài giảng cũng như sách viết, Sư Bà Tenzin Palmo luôn đề cao vai trò của phụ nữ trong việc tu hành. Một trong những phát ngôn đáng nhớ về Sư Bà Tenzin Palmo là Sư Bà từng nói với một tạp chí Phật Giáo rằng “Tôi nguyện sẽ đạt Giác Ngộ trong thân một người nữ - bất kể tôi phải tu bao nhiêu kiếp để được như vậy.”



Tiền mẹ đi với lòng yêu thương

Bài NI SƯ TENZIN TSEPAL

(Ni Sư Tenzin Tsepal đã chia sẻ câu chuyện này trên diễn đàn Bodhisattvas Breakfast Corner và đăng bài trên trang mạng của Sravasti Abbey (Tu Viện Xá Vệ) ở tiểu bang Washington ngày 27 tháng 12, 2020. Cư sĩ Đồng Phúc chuyển ngữ.)

Ngày Giáng Sinh năm nay đã có hơn 325,000 chiếc ghế trống trong nhà của người Mỹ vì Covid. Một trong những chiếc ghế ấy là của mẹ tôi.

Tôi vừa hoàn tất 14 ngày cách ly sau khi trở về từ Tulsa, Oklahoma để chăm sóc người mẹ 88 tuổi của tôi. Bà đã có triệu chứng của bệnh Covid vào ngày 15 tháng 11 và tự lái xe đến địa điểm xét nghiệm. Đêm hôm đó, kết quả cho thấy bà đã bị nhiễm Covid.

Ban đầu bà cảm thấy như bị cảm lạnh thường thôi, không có gì, nhưng một tuần sau thì bà bị viêm phổi

và phải nằm cách ly trong bệnh viện ba ngày. Bà được tăng sức bằng thuốc trụ sinh, thuốc steroid chống viêm, và dưỡng khí. Bà được bác sĩ cho về nhà. Nhưng các triệu chứng không tan biến.

Bà đã không ăn gì trong suốt năm ngày, chỉ ra khỏi giường để dùng phòng vệ sinh.

Bà đã năn nỉ em trai và em gái tôi đừng đưa bà trở lại nhà thương. Vì vậy họ đã dành cuối tuần của lễ Tạ Ơn để thay phiên nhau chăm sóc Mẹ.

Muốn có mặt ở đó

Michael và Leisa đều là nhân viên y tế ở mặt trận tiên tuyến với những công việc rất căng thẳng, và đến thứ Bảy thì họ bị kiệt lực, muốn tìm cho Mẹ một nơi chăm sóc người bệnh cần được trợ giúp. Thế nhưng

Ni Sư Tenzin Tsepal với Mẹ trong hình trên.

tôi biết mẹ tôi không muốn như vậy! Tôi không cảm thấy yên ổn mỗi khi nghĩ đến cảnh tượng mẹ tôi sẽ qua đời một mình trong phòng cách ly như rất nhiều người khác. Tôi cảm thấy muốn có mặt ở đó, để chăm sóc mẹ trong lúc bà từ trần. Lễ dương nhiên tôi phải cân nhắc những rủi ro - không chỉ cho tôi vì sự di chuyển bằng máy bay và có nguy cơ bị lây nhiễm trực tiếp, mà còn sự rủi ro cho những người tại Tu Viện. Ni chúng tại Tu Viện này đã hoàn toàn cách ly kể từ tháng Ba. Thế nhưng với sự cho phép của Sư Bà Thubten Chodron, tôi mua vé máy bay ngay ngày hôm sau để về Tulsa.

Khi tôi đến Tulsa vào đêm khuya Chủ Nhật, các em của tôi đã có cuộc nói chuyện với Mẹ về “giây phút cuối đời” như ở viện chăm sóc người sắp chết, và bà đã hoàn toàn chấp nhận. Họ đã khóc với nhau rất nhiều và xin được tha thứ cho nhau.

Mẹ tôi rất yêu thích âm nhạc. Bà từng thổi sáo, chơi đàn dương cầm, và hát trong ca đoàn. Bà rất vui khi được đi dự những buổi hòa nhạc và xem kịch hát opera. Bà là một nghệ sĩ, có mắt nghệ thuật, và được tiếng là làm bánh pie rất đẹp mắt. Cho đến ngày bị bệnh, bà đọc nhật trình mỗi ngày và rất thích đàm thoại với người khác về những chuyện thời sự như chính trị. (Đó là chuyện tôi luôn luôn tránh, với bà!)

Mẹ tôi có tính thương người, và trong hầu hết cuộc đời bà đã làm việc trong vai trò của một y tá tại một bệnh viện tâm thần dành cho trẻ em. Bà là người cầu toàn trong hầu hết mọi thứ - từ mái tóc, móng tay, y phục của bà. Như nhiều người, mẹ tôi đã có một thời thơ ấu bất hạnh; khi trở thành người lớn, trước những nghịch cảnh trong đời, bà đã đối phó bằng thói quen mua sắm và cờ bạc. Sự nghiện ngập cờ bạc đã gây khó khăn cho cuộc sống của chúng tôi - của bà và của anh chị em chúng tôi.

Tôi rất biết ơn đối với Phật Pháp về việc giúp Mẹ và tôi sống tốt với nhau trong nhiều năm. Thuở ban đầu, bài tập Quán Chiếu Về Tình Thương Của Mẹ đã khiến tôi xét lại, và tôi ngưng đổ thừa mẹ về tất cả những khó khăn trong đời mình. Mẹ đã 88 tuổi, thành ra tôi đã tập Quán Chiếu Chín Điểm Về Cái Chết trong nhiều năm để chuẩn bị cho cái chết của bà. Thế nhưng tôi nghĩ rằng bài học quán chiếu về sự chánh niệm đối với thân thể đã giúp tôi nhiều nhất, quán tưởng đến 32 yếu tố về cơ thể của mình theo định luật vô thường, khổ, và vô ngã. Áp dụng sự hiểu biết đó đối với những người thân yêu của mình đã giúp tôi giảm bớt sự dính mắc. Thế nhưng tôi thật sự vẫn chưa biết mình sẽ đối phó như thế nào trước cái chết của mẹ.

Chăm sóc một người bị bệnh sắp chết đòi hỏi tất cả tâm trí. Việc mang thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) và phải đề cao cảnh giác về vấn đề vệ sinh càng làm cho tình huống thêm nghiêm trọng. Bà y tá từ viện chăm sóc người sắp qua đời nói rằng tình trạng suy yếu của mẹ tôi có thể kéo dài nhiều tuần lễ. Sự bất trắc bao trùm không gian - từng ngày không biết Mẹ sẽ khá hơn hay tệ hơn. Thời gian dường như đã giãn ra. Hai ngày và hai đêm sống với mẹ rất dễ cảm tưởng như hai tuần hay hai tháng.

Tôi đã đến rất khuya vào đêm Chủ Nhật. Qua thứ Hai, Mẹ ngủ gần hết ngày, nhưng chúng tôi cũng có được vài lần nói chuyện rất ngắn; bà đã minh mẫn. thỉnh thoảng bà nói với chính bà, thốt lên những câu bất chợt như, “Có lấy mấy trái chanh chưa?” “Mình cần phải có kiểu mẫu cho những bộ trang phục.” Sau này nghĩ lại, tôi không biết có phải Mẹ đã nói chuyện với người mẹ hoặc người chị đã mất của bà. Rất tiếc là tôi đã không hỏi Mẹ lúc đó.

Đêm hôm ấy, tôi tự chăm sóc Mẹ để cho các em có thể ngủ bù. Điều đó làm tôi lo lắng vì tôi không được huấn luyện như một y tá. Những việc chính là giúp bà đi vệ sinh, hoặc đặt lại ống chuyên dưỡng khí, cho bà uống thuốc, nhấp nước hoặc thoa môi với Chapstick.

Hôm nay là ngày đó

Tôi kiểm tra bà vào khoảng 3 giờ sáng, và bà hỏi tôi với giọng nói rất ngọt ngào, “Có phải hôm nay là ngày chúng mình về nhà?” Không rõ bà muốn nói đến điều gì, tôi đáp lại, “Hoàn toàn tùy Mẹ. Nếu muốn ở lại, Mẹ hãy ở lại. Và nếu Mẹ đã sẵn sàng để lên đường, điều đó cũng được thôi.” Mặt bà bỗng nở một nụ cười rất dễ thương như một em bé.

Vào sáng hôm sau, Leisa và Michael đã ghé thăm trên đường đi làm. Michael vào xem Mẹ. Khi trở ra, Michael nói, “Hôm nay là ngày đó.” Mẹ nói rằng bà không muốn dùng thêm dưỡng khí nữa. Bà đã xong với máy dưỡng khí. Bà đã dùng máy ở mức độ năm lít mỗi phút, thành thử tất cả chúng tôi biết rằng cái chết đã không còn xa nữa... bà sẽ dần dần mất ý thức, rơi vào hôn mê, và chết. Cả hai em đã gọi xin nghỉ làm và chúng tôi dành ngày hôm đó với Mẹ.

Tôi ngồi cạnh giường bà trong hầu hết thời gian, niệm Chenrezig (Chú Đại Bi theo pháp môn Tây Tạng) hoặc có mặt trong giây phút hiện tại. Mẹ xem có vẻ thư giãn. Điều rõ ràng là bà đã hòa giải với chính mình và đã chuẩn bị để ra đi. Chúng tôi giúp cho bà được dễ chịu bằng cách cho dùng thuốc giảm đau và nhấp nước.

Trước đó tôi có nói chuyện với hai em về tầm quan trọng của sự việc giữ cho môi trường trong nhà được yên lặng để giúp cho tâm của Mẹ được bình yên, và hai em đã hoàn toàn hợp tác. Sư Bà Thubten Chodron từng khuyên tôi hãy “Tiễn mẹ đi với lòng yêu thương,” và lời khuyên đó đã trở thành câu chú nguyện giúp cả ba chúng tôi có nơi nương tựa.

Mẹ ngủ hầu hết sáng hôm đó, và khi bà tỉnh giấc, chúng tôi nói cho bà biết chúng tôi yêu thương bà rất nhiều. Có lúc em trai tôi mở bài “Clair de Lune” bằng MP3 cho Mẹ nghe. Đó là nhạc khúc bà rất thích chơi trên đàn dương cầm, mặt mẹ tôi đã sáng lên và bà đã mỉm cười. Một lúc sau em trai tôi vào phòng và hát bài ca “You Are My Sunshine” mà chúng tôi thường hát mỗi khi gia đình cùng đi nghỉ hè thời thơ ấu. Mặc dù không mở mắt, Mẹ đã hát khe khẽ hòa nhịp theo các con.

Người ta nói rằng cách thức hay nhất để giúp người thân lúc sắp lìa trần là nhắc cho họ nhớ lại một cuộc đời đạo đức. Khi sống ở bên Úc, mỗi năm tôi

về Tulsa một lần. Mỗi lần về thăm quê nhà như vậy, thỉnh thoảng tôi giảng Pháp vào cuối tuần tại nhà tĩnh tâm Công Giáo. Trong những đề tài thuyết giảng có cả Hạnh Phúc và Tâm, Tất Cả Những Gì Cần Biết Về Nghiệp, Cái Chết và Sự Chết, và Phát Triển Tâm Từ Bi. Mẹ tôi đã đến nghe những buổi giảng pháp đó và tự giới thiệu là “Mẹ của Ni Sư Tsepel.” Tôi mừng là bà đã được gieo một chút chủng tử.

Tôi thường gọi thiệp thăm Mẹ với hình ảnh Đức Phật, biết rằng những tấm thiệp đó sẽ được treo trên tủ lạnh. Bà rất thích đọc loạt truyện Con Mèo Của Dalai Lama của nhà văn David Miche. Trong nhiều năm, mỗi lần thăm hỏi qua điện thoại hoặc qua Skype, tôi thường gài vào câu chuyện vài cách thức luyện tâm cho mẹ.

Ngày cuối cùng đó, tôi nhắc lại cho Mẹ nhớ chuyến lái xe của tôi đưa bà từ Tulsa đến Bloomington, Indiana năm 2007 để nghe Đức Đạt Lai Lạt Ma giảng về tác phẩm Đèn Soi Nẻo Giác của ngài Atisha. Mặc dù không hiểu Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nói gì, bà rất thích nghe tiếng cười của ngài! Trước khi bà rơi vào hôn mê, tôi cho bà xem một tấm ảnh rất đẹp của Đức Đạt Lai Lạt Ma, và đặt gần gối của bà vài món đồ đã được ngài chú nguyện.

Đến 7 giờ chiều, hơi thở của Mẹ đã chậm lại và ngắn. Căn phòng xem có vẻ như được truyền vào một thứ ánh sáng khác thường, và thời gian hình như đã dừng lại. Tôi có cảm tưởng như cửa thiên đường đã mở ra trong phòng của bà, đưa em trai, em gái và tôi vào một cõi khác với Mẹ. Như là chúng tôi đã bước tới cánh màn của sự chết với bà, được trải nghiệm một chút của sự bình an và tình thương rộng bao la không thể ngờ. Có thể sờ được, thấy được.



Mẹ trong y phục thời thập niên 1950

Khi nhìn mẹ, tôi thấy rất rõ ràng là không còn gì để nắm lấy nữa, không còn gì hết.

Cả ba đứa chúng tôi đã trao cho bà những lời khích lệ cuối cùng. “Chúng con rất thương yêu mẹ. Mẹ cứ buông thả. Không sao hết.” “Mẹ được an toàn.” “Hãy đi đến vùng ánh sáng.” Bà trút hai hơi thở cuối cùng, hầu như không nghe rõ. Và rồi bà không còn nữa. Thật yên bình, thật nhẹ nhàng, thật ngọt ngào và thơ ngây. Món quà cuối cùng mà mẹ đã tặng chúng tôi là một cái chết bình yên, hạnh phúc.

Sau này em trai tôi có nói, “Là một bác sĩ em đã thấy nhiều người chết, nhưng em chưa bao giờ thấy được một cái chết bình yên như của Mẹ.”

Một nỗ lực sung sướng

Trong vòng một tuần sau đó, chúng tôi dành thời giờ để dọn căn phòng chung cư của Mẹ, tặng nhiều món đồ của bà cho một trung tâm dành cho người vô gia cư và các hội từ thiện khác. Vì bà đã ra đi trong sự bình yên, nên công việc dọn dẹp, cho đi những món đồ là một nỗ lực sung sướng.

Tôi rất biết ơn đối với vô số người trong muôn kiếp trước đã cầu nguyện cho mẹ tôi được tái sinh có được thân người vô cùng quý hiếm này. Xin đừng quên rằng mẹ của tôi cũng đã từng là mẹ của bạn trong muôn vạn kiếp trước. Và mặc dù mẹ đã ra đi trong sự an lành, bà vẫn còn trong vòng sanh tử luân hồi. Nếu muốn tiếp tục mang lại sự lợi lạc cho bà - và cho vô số người mẹ khác - chúng ta phải tiếp tục chí tâm tu hành theo Phật Pháp!

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm là Mẹ đã được tiễn biệt bởi những người yêu thương bà. Điều đó đã không xảy ra cho vô số người trên khắp thế giới, họ đã chết trong sự cô đơn, lạnh lẽo mà không có sự hiện diện của thân nhân và bạn bè.

Tại Tu Viện Sravasti đây, vào mỗi ngày Giáng Sinh chúng tôi đều tụng toàn bản Guide to the Bodhisattvas Way of Life của ngài Shantideva (Nhập Hạnh Bồ Tát Đạo của ngài Tôn Giả Tịch Thiên). Ngày Giáng Sinh năm 2020, chúng tôi hồi hướng công đức của buổi tụng kinh này đến tất cả những ai đã qua đời vì Covid năm nay, và đến các gia đình và bạn hữu đã thương yêu họ - nhất là những ai đã không thể có mặt trong lúc người thân từ giã cõi trần.

Chúng tôi xin chia sẻ niềm thương yêu này đến tất cả những ai đã có một ghé trống trong nhà trong mùa lễ năm nay vì Covid. Chúng tôi nhớ đến bạn trong lời cầu nguyện của mình. ♦

“Nhớ Phật. Chỉ một lần lòng hướng về Phật, chỉ một lần cầu đạo giải thoát thì có trôi dạt về đâu đi nữa chúng ta cũng có cách trở về thôi.”

Lời Sư Giác Nguyên

Diết về Mẹ

Bài THẦY NGUYỄN NGUYỄN



Ngày Nguyên Nguyễn chuẩn bị đi xuất gia, Mẹ buồn lắm không nói gì. Mẹ im lặng chỉ lo buôn bán, ngôi nhà có hai mẹ con, bỗng trở nên yên ắng. Mẹ trầm ngâm và nhìn về phía xa xăm, đôi mắt không còn sáng như xưa.

Tối đêm, trước khi Nguyên Nguyễn về chùa ở luôn, Mẹ dọn dẹp cái quán thật sớm, đóng cửa tiệm. Mẹ nấu nồi cháo nắm rơm, món ăn mà Mẹ rất thích, hai mẹ con ngồi ăn. Mẹ bảo, “Chú lớn rồi, tự quyết định, nhà chỉ có hai mẹ con, trông trước trông sau. Tui cũng lớn tuổi rồi, không có ai hôm sớm.”

Nguyên Nguyễn nín thính và chỉ có một chữ để trả lời, “Dạ.”

Khi còn nhỏ vô chùa ở, Mẹ đã gọi Nguyên Nguyễn là Chú, xưng là Tôi, cho đến ngày Nguyên Nguyễn tái xuất gia lại, Mẹ cũng giữ luôn cách xưng hô như vậy.

Sáng hôm sau, Mẹ thức dậy sớm, thắp hương cúng Phật và Cửu Huyền Thất Tổ. Không biết Mẹ râm râm khấn vái điều gì, chỉ biết Mẹ cố nén cái buồn để không rơi nước mắt. Bữa ăn sáng hôm đó là bữa ăn sáng cuối cùng trước khi Nguyên Nguyễn rời nhà đi xuất gia. Bữa đó là món bánh bèo của Bà Thông mỗi buổi sáng Mẹ thường mua. Sau đó Nguyên Nguyễn đi về Chùa Châu Lâm.

Ngày xuất gia 19 tháng 6, năm Kỷ Tỵ (1989). Thầy Bốn Sư dạy về mời Thân Mẫu. Hôm đó Mẹ đến sớm lắm, Chùa Châu Lâm cách nhà một con sông, thế nhưng Mẹ phải đi hơn 5 cây số đường vòng. Mọi người chuẩn bị hương đèn. Mẹ vốn kiệm lời, ít nói chuyện và hơi khó tánh. Sau khi hầu chuyện với Hòa Thượng, Mẹ lặng lẽ lên chánh điện thắp hương. Ở Phủ Tuy An ngày đó, ông Ngoại và Mẹ cũng được nhiều người biết đến.

Lễ xuống tóc hoàn mãn, mẹ chào Hòa Thượng và mọi người, lấy chiếc nón đi về. Chiếc áo dài màu nhạt cùng bóng Mẹ lẩn vào hàng tre bên đường xiêu vẹo, lá tre vàng, bay bay chiều tháng hạ, còn sót lại tiếng đế ngủ quên, đang giật mình rỉ rả, cơn mưa phùn rơi vội, dấu chân Mẹ vẫn rải đều trên con đường đất, xa dần,

xa dần với khúc quanh bờ sông.

Trước ngày thọ Đại Giới, Nguyên Nguyễn về Phú Yên dâng lễ Hòa Thượng Bốn Sư và lạy tạ thân mẫu. Nghe điều này, Mẹ bảo, “Thôi chú lạy Cửu Huyền Thất Tổ, lạy Phật đi, đừng lạy tui.”

Mẹ biết chắc chắn rằng sẽ không còn một điều gì để níu kéo Nguyên Nguyễn nữa. Mẹ chỉ nói, “Tôi có một mình chú thôi, chú đi tu, tôi tự làm tự ăn, chú đừng lo cho tui, tui cũng phát tâm ăn chay.”

Và từ đó Mẹ siêng đi chùa hơn, phát tâm hộ trì Tam Bảo và luôn chay tịnh. Mẹ dạo lâu lâu về thăm là được rồi. Mặc dầu Chùa Từ Ân với nhà Mẹ không xa lắm, khoảng 5 cây số, nhưng Nguyên Nguyễn mỗi năm về nhà hai lần vào dịp Rằm Tháng Bảy và những ngày giáp Tết. Mỗi lần như vậy, Mẹ thường hay nấu cháo nắm, món ăn mà Mẹ rất thích để đãi Nguyên Nguyễn.

Năm đó Mẹ 94 tuổi, yếu dần, như đèn treo trước gió. Mẹ không có nhiều bệnh tật, chỉ yếu dần vì tuổi tác, nhưng tinh thần của Mẹ vẫn sáng suốt. Mẹ không thích nằm bệnh viện. Mẹ bảo Cô Vân đưa Mẹ từ bệnh viện về. Nguyên Nguyễn gọi điện thoại hỏi thăm, Mẹ trả lời khỏe, không sợ chết chỉ chờ ông Thầy về thôi.

Vé máy bay đã book sẵn, chỉ còn chờ giờ bay, 3 giờ sáng ngày 29 tháng 11, 2016, Nguyên Nguyễn gọi điện thoại về, và nói chút nữa Thầy lên máy bay.

Mẹ trả lời, “Ờ.”

Trên đường Nguyên Nguyễn ra phi trường Oklahoma, Mẹ đã trút hơi thở cuối cùng, trong một ngày mưa, xung quanh Mẹ có Quý Thầy Cô và Phật Tử hộ niệm. Mẹ ra đi an nhiên, như ngày Mẹ có mặt trên cuộc đời này, 94 năm làm một thân phận người, đi qua hai thế kỷ. Mẹ là con gái của một gia đình khoa bảng. Trải qua bao nhiêu thăng trầm, bao nhiêu biến cố, Mẹ trở về với hư không trong tiếng Niệm Phật. Tứ đại đã trả về với tứ đại, Mẹ vẫn là nhân duyên thiện lành cho Con trên cuộc đời này.

Oklahoma, 11 tháng 12, 2020 ♦

(Nguồn: Thầy Nguyên Nguyễnpy Facebook)



Nhớ về Bố

Bài THẦY NGUYỄN NGUYỄN

Hôm nay ngày 23 tháng Ba Âm Lịch, cũng là ngày mà gần 40 năm, Bố rời chúng con ra đi vĩnh viễn về với cát bụi, thời gian thoát ần thoát hiện, giờ con cũng đã gần 60.

Sau 1975 nhà chuyển từ Nha Trang về Thị Xã Tuy Hòa. Trong môi trường xã hội mới, ai cũng khổ, cái ăn cái mặc co hẹp lại, sự giao tế cũng hạn chế như một quy luật cộng sinh. Có lẽ Bố không còn phù hợp lắm. Năm 1979 Bố rời Phú Yên về Huế chỉ đi một mình. Người biết Bố đi trở về quê nội là con, nhưng con cũng không thể có một lời gì, vì Bố muốn trở về Huế và bỏ thân ngoài đó, Bố trở về ngôi nhà Từ Đường Họ Lê – Lương Lộc – Phù Lương – Phú Vang. Bố sống với gia đình Chú Hoạch. Từ đó con mất liên lạc với bố.

Năm 1982 con đi về Huế tìm Bố. Mùa hè năm đó, từ Phú Yên con đón xe Đờ Nôn, chiếc xe chạy bằng than đá, đến Quy Nhơn rồi phải chuyển qua một chiếc xe khác về Đà Nẵng, rồi sau đó chuyển qua một lộ trình mới Huế -Đà Nẵng cũng bằng những chiếc xe chạy bằng than đá, đầy bụi và chật chội.

Về đến Huế, con đến ngôi nhà 175 Nguyễn Trãi, đối diện với chợ Tây Lộc, Thành Phố Huế, ngôi nhà của Cô Giáo Nguyễn Thị Hạnh Nhân. Cô dạy con môn Hóa Học. Ở đó con bắt đầu đi tìm Bố, chỉ có cái thể

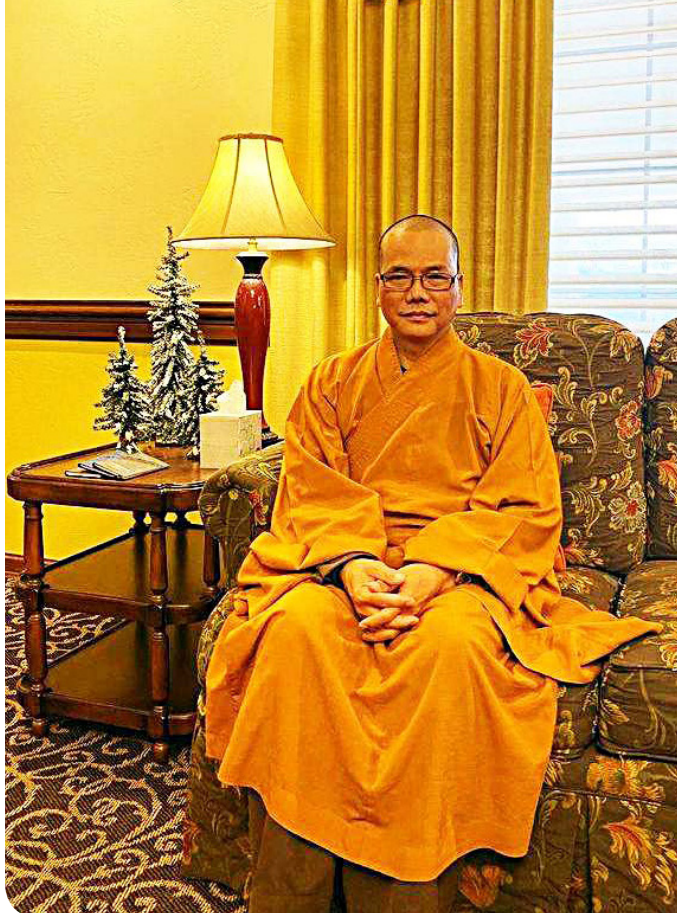
căn cước của Bố và hai cái sổ Ngân Hàng Thương Tín trong tay. Con đã đi tìm làng Lương Lộc. Hơn 10 ngày bằng những cuộc xe đạp thô, đi từ sáng đến tối, nhưng cũng đều vô vọng, bao nhiêu tiền bạc đem theo đã gần cạn kiệt.

Cho đến bây giờ, con cũng không hiểu tại sao những người đạp xe đạp thô đó lại nói lời không thật, họ chỉ vẽ đủ mọi đường, để lấy tiền, cuối cùng hơn 10 ngày cũng chỉ xoay quanh Thành Phố Huế, đi xa lắm là về đến chợ Nọ -Vỹ Dạ vậy thôi. Vì muốn tìm được Bố, mỗi ngày con đi, cũng phải bốn cho đến năm lần xe đạp ôm, nhưng lần nào cũng như vậy, họ lấy tiền mà chẳng đi tới đâu.

Năm 1973 Bố có đưa con về Huế để làm lễ xã tang Mẹ Nội, nhưng lúc đó con còn nhỏ quá, nên không thể nhớ đường đi. Không tìm được Bố, con quyết định ngày hôm sau quay lại Phú Yên, khi đó số tiền dự trữ cũng đủ cho những cuộc xe xuôi nam.

8 giờ tối đêm đó, con lang thang trên Cầu Tràng Tiền, đứng trên cầu nhìn dòng sông Hương, ánh trăng vàng vạc, nước sông Hương trong veo, vài ba người xuôi ngược. Thành Phố Huế khi đó rất nhiều xe đạp, hiếm khi thấy xe honda và xe hơi. Con cứ lăm lăm xin lỗi Bố vì không thể tìm ra được, con đường đi về làng xa xôi quá với chú nhỏ Phú Yên, quê Nội Huế mà

*Thượng Tọa
Thích Nguyên Nguyễn
là thầy trụ trì tại Chùa Viên Giác,
Oklahoma City, tiểu bang Oklahoma.*



xa lạ quá.

Trời bắt đầu đổ mưa, những cơn mưa mùa hè bất chợt đến rồi đi. Con định quay về thì bỗng nhiên có một cụ già lấm lũi mặc áo tơi mưa, chống cây gậy đi một mình trong đêm. Bà cụ có lẽ cũng trên 70 tuổi, nhưng rất cần cỗi và khổ sở, bà đi từng bước với chiếc gậy. Thấy tội nghiệp, con đến và tặng cụ một ít tiền, con cũng chẳng nhớ là bao nhiêu.

Bà cụ nghe giọng nói của con không phải là dân Huế, bà cụ dừng lại nhận tiền. Nhân tiện con hỏi thăm đường về làng Lương Lộc đi như thế nào? Bà cụ hỏi con đến đó làm gì? quen biết với ai?

Con chỉ biết: Về tìm ông Lê Phùng anh của ông Lê Hoạch. Bà cụ bỗng nhiên ồ lên một tiếng và bảo rằng, ngày mai chú ra bến đò An Cựu và hỏi đi về bến đò Ông Hoạch là được. Bà cụ hỏi lại, “Chú là gì của họ?”

Như bắt gặp chiếc phao giữa cơn vô vọng, con cảm ơn bà cụ và chạy về lại nhà Cô Hạnh Nhân. Ngày hôm sau chào Ông Bà thân sinh của Cô, con rời Thành Nội, nếu không tìm được làng, con sẽ quay lên bến xe Đông Ba và về lại Phú Yên.

Bến đò An Cựu chật chội và đơn sơ lắm. Con đến để lên chuyến đò xuôi về làng Lương Lộc, Hành khách cũng khoảng hơn 40 người, họ là những người nông dân đem những sản phẩm nông nghiệp lên phố bán, hoặc những người đi chợ, có lẽ chỉ riêng một mình con từ nơi khác đến. Con đứng xoay mặt qua bên bờ sông, nhìn thấy ruộng đồng bát ngát, lâu lâu thấy những chiếc máy gõ, hai người thanh niên đập nước vô ruộng, những cánh cò bay trắng lợp cả một vùng. Họ đứng chen chúc nhau và nói chuyện huyền thuyên.

Đến bến đò Ông Hoạch, người chủ đò dừng lại. Con

vừa dợm bước lên bờ thì cũng có một người già bước theo. Con quay lại nhìn, đôi mắt quen lắm, không lẽ bà cụ trên cầu Tràng Tiền? Con thấy bà đôi mắt theo con, sau đó là một bà cụ mặc chiếc áo dài màu xanh lơ, mang chiếc giỏ kẹp bằng cỏi. Con hỏi vô nhà Ông Hoạch đi đường nào. Bà cụ mặc áo dài xanh và bà cụ kia đều chỉ trước mặt là chiếc cổng.

Nhà Từ Đường Họ Lê phái nhất quá lớn, nguyên một làng Lương Lộc là Họ Lê không chữ lót, cả một làng cũng có mấy cái nhà thờ họ, lớn nhỏ, nhưng họ Lê – Lương Lộc là họ Lê chính. Con bước vào cổng, phía sau con là bà cụ mặc áo dài xanh lơ, thì ra là Thím Hoạch. Trước đó con chưa hề gặp Thím bao giờ vì chiến tranh. Khi bước vô nhà con mới biết rằng, Bố đã qua đời hơn một năm. Mọi niềm vui tắt hẳn, con chỉ biết quỳ trước án tiền thấp hương cúng Bố mà thôi.

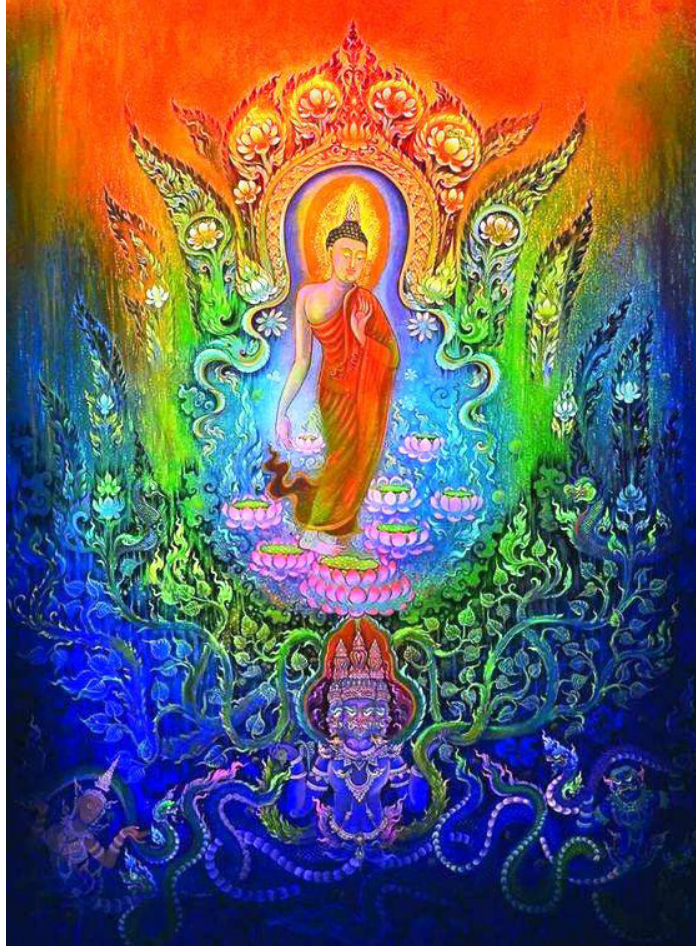
Người đàn bà khổ sở trên Cầu Tràng Tiền mà con đã gặp lại là O trong họ, chú bác lại với Bố. Nên mẹ O mới biết Chú Hoạch và Bố.

Hôm nay ngày Kỵ Giỗ Bố tại Chùa Viên Giác, Oklahoma, con chỉ sắm hương hoa cúng đường và tụng kinh cầu siêu Bố. Ở Phú Yên, quý Thầy Cô và Phật Tử cũng đã thiết lễ cầu siêu tại gia đường.

Con vẫn nhớ hoài lời bố nói: Con Ông Phùng về đến làng Lương Lộc thì không đói được vì ruộng và trâu rất nhiều. Nhưng con nghe Chú Hoạch kể rằng, Bố khổ lắm vì ruộng trâu đã bị hợp tác xã hết rồi, và con cũng chợt hiểu tàn dư của cuộc chiến là sự mất mát chia ly.

Oklahoma, May 5, 2021 ♦

(Nguồn: Thầy Nguyên Nguyễnpy Facebook)



Tam Bành Lục Tặc

Bài TRẦN NGHI HOÀNG

Lời người viết: Phật giáo Việt Nam đã thăng trầm cùng vận mệnh đất nước Việt Nam qua suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Đã từng là quốc giáo của hai triều đại lừng lẫy Lý, Trần. Phật giáo hẳn nhiên còn là cốt lõi của tinh thần Việt tính Việt thường. Bởi đó ngôn ngữ tư tưởng nhà Phật thâm nhập vào văn chương đời sống con người Việt Nam là chuyện tất yếu. Tất yếu nữa là sự thâm nhập đó đã đến mức hết sức sâu sắc và phổ quát. Thậm chí lắm khi thoáng nghe qua chỉ thấy nó như những điều hay đối thoại hàng ngày. Trong một buổi họp bạn, một anh đứng lên xin về trước. Mọi người năn nỉ ép

anh ở lại. Anh xin lỗi nhưng nhất định phải về. Anh nói, “Tôi phải về đúng giờ. Không thôi bà xã tôi nổi cơn tam bành lục tặc là chỉ có chết.” Anh cười giả lả và đi ra cửa. Tam bành lục tặc, bốn chữ này quá quen phải không? Bạn đã nghe nó bên nhà hàng xóm, ở một cửa chợ, v.v.. Nhưng phải dừng lại suy nghĩ bạn mới nhận ra nó là thuật ngữ triết lý của nhà Phật.

Trên đây chỉ là một trong vô vàn những thuật ngữ có ẩn tích của tư tưởng Phật giáo đã đi vào đời sống con người Việt Nam. Dĩ nhiên nó cũng bàng bạc trong dòng văn chương của dân tộc Việt.

Trân trọng

*

“Mụ nghe nàng nói hay tình/ Bấy giờ mới nổi tam bành mụ lên.” (Truyện Kiều-Nguyễn Du.) Hai câu

thơ trên nằm trong đoạn Mã Giám Sinh đưa Thúy Kiều về ra mắt Tú Bà sau khi đã phỉnh gạt được nàng. Tôi tìm thấy trong trang mạng chính thống về giáo dục của Việt Nam viết về đoạn này như sau:

“Đầu tiên mụ xác định vị trí của mụ và Thúy Kiều ở chốn lầu xanh này: ‘Tú Bà vất nóc lên giường ngồi ngay/ Dạy rằng con lạy mẹ đây/ Lạy rồi sang lạy cậu mày bên kia.’ Ngắn gọn nhưng thể hiện đầy đủ nội dung cần thông báo. Đó là mối quan hệ giữa ba người, Tú Bà, Mã Giám Sinh và Thúy Kiều. Đồng thời cũng mấy chữ đó thôi mà tỏ rõ uy quyền, bộc lộ luật lệ của kẻ giang hồ. Nghe rõ sự tình, Thúy Kiều đã thẳng thừng cật vấn. Kiều nói gia đình tôi gặp oan nạn nên tôi đành bán thân làm vợ lẽ (Tiểu tình.) Sao bây giờ lại lấy yến làm oanh. Bà hãy nói lại cho phân

Tranh của họa sĩ Thái Lan Suwat Saenkattiyarat.

minh về thân phận của tôi. Mà trước khi bà nói, tôi cho bà biết, ông Mã đã đến cưới tôi có đủ nghi thức, nào là ‘nạp thái vu quy,’ nào chuyện ông ấy đã chung chạ ‘đã khi chung chạ lại khi đứng ngồi.’ Lời nói thật của nàng Kiều như cái tát vào mặt vênh vang của mẹ Tú. Đến đây tính cách của kẻ vô học đi bọm bọm lộ hoàn toàn: ‘Mẹ nghe nàng nói hay tình/ Bấy giờ mới nổi tam bành mẹ lên.’ Theo sách Phật, trong mỗi con người đều có ba vị thần, Bành Cự, Bành Chất, Bành Kiều. Đây là ba vị thần xúi giục con người ta làm điều ác. Nói khác đi, cụ Nguyễn cho rằng, mẹ Tú lúc này đã sống hoàn toàn với con người ác đức.”

Tôi không thấy ghi chú là cuốn sách Phật nào đã nói tới ba vị thần Bành Cự, Bành Chất, Bành Kiều này. Tôi cũng không tin trong thuyết nhà Phật hay triết lý Phật giáo lại có khái niệm về thần linh như ba vị thần họ Bành nói trên. Tra cứu trong các Tự điển Phật học hoàn toàn không thấy có hai chữ “tam bành.” Nhưng cuối cùng, may mắn thay, trên trang phathoc.org, thầy Thích Phước Lai đã giải thích như sau:

“Theo sách Thái thượng Tam thi Trung kinh, thì Thượng thì tên Bành Cự, vốn ở đầu con người, Trung thì tên là Bành Chất, trú ở bụng con người. Hạ thì tên là Bành Kiều trú ở chân con người. Ba vị thần này gọi là Tam Bành hay xúi giục con người ta làm bậy. Đến ngày canh Thân, ba vị thần này lên tâu với Ngọc Hoàng Thượng đế để cho con người mau chết để khỏi phải theo dõi nữa. Người ta tin rằng những sự nóng nảy giận dữ là do ba vị thần Tam Bành gây ra để cho con người dễ làm bậy.”

“Thái thượng Tam thi Trung kinh” là sách của Lão Giáo. Lão Đam, tức Lão Tử, người khai mở đạo Lão tại Trung Hoa, được ghi nhận là xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ VI-V trước Công nguyên, có thể trước Khổng Tử một hai chục năm. Đức Phật cũng đã dẫn sinh và chuyển pháp luân trong khoảng thời gian này. Như vậy Tam Bành là của Lão giáo. Ta có thể nhận ra rằng tính chất của ba vị thần họ

Bành này tương đương với ba điều mà nhà Phật gọi là Tam độc, tức là Tham, Sân, Si.

Phải nhìn thấy Phật giáo như là một triết lý sống nhiều hơn là một tôn giáo. Vì vậy, khi Phật giáo đến bất cứ một quốc độ nào cũng đều có những hội nhập để thích ứng với văn hóa, tín ngưỡng vốn có của bản xứ. Tây Tạng là một điển hình rõ rệt nhất. Trước khi Phật giáo du nhập vào, người Tây Tạng tin theo đạo Bon, chuyên luyện pháp thuật và thần chú. Do đó khi Phật giáo đến Tây Tạng, Mật tông, tức Kim Cang thừa đã thích ứng với người Tây Tạng hơn hết. Cũng như vậy, Phật giáo đến Trung hoa cũng có những pha trộn để tương ứng. Những pha trộn này cốt để sự hoàng pháp được phổ quát.

Ba vị thần Tam Bành của Lão giáo gần như thể hiện được đầy đủ tính chất của Tam độc tức Tham, Sân, Si bên nhà Phật.

Phật giáo đến Việt Nam trước Trung Hoa nhưng hầu hết những kinh sách Phật học của Việt Nam đều được dịch từ tiếng Trung Hoa sang. Phần nữa, do hoàn cảnh lịch sử và địa lý nên ảnh hưởng của Phật giáo Trung hoa tới Phật giáo Việt Nam không phải là nhỏ. Phật giáo, với thuyết nhân quả, duyên sinh duyên nghiệp thì Tam độc Tham Sân Si là đối tượng chính để tu. Có thể nói, cốt tủy tinh yếu của đạo Phật là mỗi hành giả phải tự diệt Tham Sân Si của mình. Diệt được Tham Sân Si cũng đồng nghĩa với diệt được tự ngã. Diệt được tự ngã là chứng ngộ.

Còn “Lục tặc,” ta có thể tìm thấy trong hầu như bất cứ kinh sách nào của nhà Phật. Lục là sáu, tặc là giặc. Có nhiều chỗ lại gọi là môi tặc, tức là môi giới hay cửa ngõ cho giặc vào, tác động hay thúc đẩy cho Tam độc hoành hành.

Lục tặc tức lục căn, gồm nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý. Lục căn tiếp xúc với lục trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sắc-mắt thấy, thanh-tai nghe, hương-mũi ngửi, vị-lưỡi nếm, xúc-thân thể tiếp chạm, pháp-kết quả của sự tiếp xúc của lục căn với lục trần, được phân loại qua ý thức. Nhãn căn, nhĩ căn, tỉ căn, thiệt căn, thân căn là

năm phù trần căn cho nên chúng ta nhận ra được những biểu hiện của nó.

Còn ý căn là vô biểu sắc căn cho nên với căn này chúng ta hầu như mù mịt về nó. Bởi vì nó không có hình sắc gì để chúng ta có thể nắm bắt được. Lại nữa, trong ý căn, ngoài ý thức, lại có thêm hai cái “thức” cộng sinh với nó, mặt na thức (mà tôi tạm gọi là vô thức hay ngã thức,) và a lại da thức (alaya, tức tàng thức.) Do đó, lục căn là do tiếp xúc với lục trần nhưng lại có tới bát thức, vì ngoài nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân ý thức, còn có mặt na thức và a lại da thức. (Tôi sẽ có một bài khác viết riêng về đề tài này.)

Về lục tặc, tức lục căn, Kinh Pháp Cú, câu 182 có một tích truyện và một bài kệ rất hay của Đức Phật mà tôi thấy nó quý giá như chiếc chìa khóa bí nhiệm cho mọi phật tử trên con đường tu học:

“Khó thay được làm người/ Khó thay được sống còn/ Khó thay nghe diệu pháp/ Khó thay Phật ra đời.” (Câu 182 kinh Pháp Cú.)

Tích truyện của câu kinh này kể về một vị Tỳ Kheo thời Phật Ca Diếp thứ Ba. Một hôm nọ, vị Tỳ Kheo đi thuyền trên sông Hằng. Ông đứng trên lòng thuyền chỗ gần mũi thuyền. Trên bờ sông rải rác nhiều loại cây cao thấp lớn nhỏ khác nhau. Có những cây tàn rộng sum suê chìa hẳn ra mặt sông. Vài cành thấp là đà gần như chạm mặt nước. Đến một đoạn sông, một cành cây chìa ra trước mặt vị Tỳ Kheo. Trong một giây bất giác, vị Tỳ Kheo đã đưa bàn tay của ông ra nắm một chiếc lá trên cành cây trước mặt. Con thuyền cứ trôi, chiếc lá vẫn vô tình bị giữ chặt trong bàn tay vị Tỳ Kheo. Chiếc lá đứt lìa khỏi cuống, giập nát trong bàn tay ông. Vị Tỳ Kheo vẫn không suy nghĩ gì. Ông ngẩn ngơ xòe bàn tay ra. Chiếc lá giập nát rơi xuống sông. Sau đó vị Tỳ Kheo vẫn tiếp tục hành trì công phu một cách nghiêm cẩn.

Hai mươi năm trôi qua, vị Tỳ Kheo ngã bệnh rồi càng lúc càng yếu. Và ông thấy như trong lòng mình có một điều gì đó không yên. Như là một niềm ân hận. Rồi vào giờ lâm chung, ông cảm thấy như



Image: Buddha Bless You

có một chiếc lá giập nát đang chặn ngang cổ họng. Vị Tỳ Kheo đã qua đời trong niềm ân hận và hình ảnh một chiếc lá giập nát chặn ngang cổ họng ông như vậy. Do đó, vị Tỳ Kheo đã nhắm mắt với một cái tâm không thanh tịnh. Vì vậy, ông bị thoái đạo. Nhưng nhờ công phu tu hành mấy mươi năm nên vị Tỳ Kheo không bị đạo làm loài súc sinh tầm thường mà được làm Long vương tức là vua rồng, loài súc sinh nhưng có phép thần thông và tuổi thọ gần như vô hạn. Vị vua rồng mà tiền thân là Tỳ Kheo kia trở thành Long Vương sông Hằng.

Long Vương sông Hằng cứ ở đó ở đó suốt không biết bao nhiêu là nghìn năm. Ông có một người con gái rất thương cha và có hiếu. Người con gái thấy cha mình sao cứ luôn buồn bã u hoài, cô gạn hỏi. Long Vương nói:

“Con ơi, trong lòng ta lúc nào cũng có một điều gì đó như ân hận không yên, không trọn vẹn. Cứ mỗi lần nhìn thấy những thầy tỳ kheo hay nghe nói đến pháp hội của các vị sa môn ở đâu đó là lòng ta cứ nôn nao. Nhưng ta cũng không biết tại sao. Từ mấy ngàn năm nay trong lòng ta luôn nung nấu những câu hỏi. Ta đã đi hỏi khắp mặt các vị thần quen biết nhưng chưa một ai trả lời thỏa đáng được cho ta. Ta tin rằng chỉ khi nào những câu hỏi của ta có được người giải đáp làm ta mãn ý thì ta mới chấm dứt được

nỗi phiền não và ân hận trong lòng. Ta tuyên hứa rằng người nào giải đáp được hết những câu hỏi của ta, ta sẽ tặng hết những châu ngọc của cải dưới Long cung.”

Con gái Long Vương nói:

“Thưa cha, cha nói cho con biết những câu hỏi của cha. Con sẽ đi tìm người giải đáp.”

Long Vương liền đọc cho con gái nghe những câu hỏi, như một bài kệ:

“Thế nào gọi là vua? Thế nào là bị tham dục thống trị? Làm sao thoát khỏi quyền lực của tham dục? Và tại sao gọi là ‘ngư’?”

Long Vương nói thêm, “Ta tin chắc rằng, khi nào tâm ta giải mở được những điều này cũng là lúc thân ta thoát khỏi cái thân súc sinh Long Vương.”

Cô con gái của Long Vương bắt đầu đi tìm hỏi những điều cha thắc mắc. Cô mang về một số những lời giải đáp nhưng hoàn toàn không có một giải đáp nào hợp ý Long Vương. Bấy giờ là thời Phật Thích Ca, tức là đã qua thời Phật Ca Diếp thứ Ba mấy ngàn năm. Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni có một thông lệ trong việc hoàng pháp là mỗi buổi sáng ngài thường quán sát để tìm những người có duyên với công cuộc độ pháp của Phật. Hôm đó Phật quán sát và thấy ngài có duyên độ cho một vị Long Vương đồng thời cũng có duyên để độ cho

một vị Ưu Bà Tắc (nam cư sĩ.) Đức Phật quyết định sẽ độ cho vị Ưu Bà Tắc trước rồi sẽ để cho vị ấy làm trung gian mang pháp dụ của ngài đến với Long Vương.

Quyết định xong, đức Phật ôm bình bát đến nhà vị Ưu Bà Tắc để hóa trai. Người nam cư sĩ hết sức hoan hỉ đón tiếp cúng dường Phật. Xong, anh quỳ xuống đánh lễ và nói, “Bạch Thế Tôn, xin ngài xót thương ban cho con pháp dụ.” Đức Phật mỉm cười gật đầu, “Nhưng trước khi ban cho con pháp dụ, Như Lai muốn con nghe những câu hỏi này và nói cho Như Lai biết cảm nghĩ của con.” Người Ưu Bà Tắc chấp tay thành kính vâng lời. Đức Phật đọc cho người nam cư sĩ những câu hỏi của Long Vương mà ngài quán sát thấy được. Người Ưu Bà Tắc chăm chú như uống từng lời của Phật. Phật dứt lời, anh ta trầm ngâm một lúc rồi chấp hai tay thưa:

“Bạch Thế Tôn, đây là những câu hỏi rất mới lạ mà lần đầu con được nghe. Con có cảm giác là nó rất thâm diệu. Nhưng quả tình là con không hiểu được. Xin Thế Tôn xót thương chỉ dạy cho con.”

Đức Phật mỉm cười, “Tất nhiên Như Lai sẽ dạy cho con lời giải của những câu hỏi trên. Và Như Lai muốn con làm cho ta một việc là sau đó con sẽ mang những lời giải này như một pháp dụ của Như Lai đến bờ sông Hằng, ở đó hiện

đang có người rất cần những lời giải này.” Người Ưu Bà Tắc chấp tay cung kính, “Con nhất định sẽ làm như lời Thế Tôn chỉ dạy.” Đức Phật nói, “Nhưng ta nói trước để con biết, trên đường đến bờ sông Hằng, con sẽ bị nhiều kẻ, thậm chí là đám đông ngăn chặn làm khó trước khi con có thể gặp được người đang cần pháp dụ của Như Lai do con mang đến.” Người Ưu Bà Tắc vẫn chấp hai tay cung kính, “Con nhất định sẽ làm được việc do Thế Tôn ủy thác.” Đức Phật mỉm cười gật đầu:

“Ta biết con sẽ làm được. Bây giờ con lắng nghe đây. Nay Ưu Bà tắc, thế nào là vua? Người làm chủ sáu căn là vua. Thế nào là bị tham dục thốn g trị? Người ưa thích, ham mê sáu căn là bị tham dục thống trị. Làm sao thoát khỏi quyền lực của tham dục? Không đắm luyến sáu căn thì thoát khỏi quyền lực của tham dục. Tại sao gọi là ngu? Người ưa thích đam mê theo sáu căn gọi là ngu.”

Đức Phật dứt lời, tâm trí người Ưu Bà Tắc bừng sáng, cả người anh lâng lâng như bước vào một cảnh giới khác. Người Ưu Bà Tắc đã bước ngay vào sơ quả tu đã hoàn (Dự Lưu) khi nghe được lời giải những câu hỏi thâm diệu từ Đức Phật. Đức Phật biết điều này nên khi người Ưu Bà tắc quỳ sụp xuống lạy tạ ơn Đức Phật, ngài nâng anh ta lên và nói, “Bây giờ con hãy đến bờ sông Hằng rồi hãy mang người muốn gặp Như lai đến cho Như Lai.” Nói xong, Đức Phật ôm bình bát quay về tịnh xá. Người Ưu Bà Tắc cũng thơ thới hân hoan tức thì lên đường tìm đến bờ sông Hằng.

Quả nhiên cuộc hành trình của anh khá là vất vả. Anh đã bị ngăn chặn và cản trở nhiều lần, có khi là do một hai người, có lúc là từ cả một đám đông. Nhưng được trang bị dũng mãnh từ lòng tin bất hối chuyển, anh vẫn tiếp tục kiên trì đi dọc theo bờ sông Hằng. Anh phải tìm cho bằng được ai đó mà anh có nhiệm vụ mang đến cho họ pháp dụ của ngài. Cuối cùng, người Ưu Bà Tắc thấy gần phía bờ mà anh đi có một chiếc thuyền khá lớn và rất dài, hình dáng muông tượng như một con rồng đang lừng lờ trên

mặt nước. Ở mũi thuyền, một cô gái ăn vận quần áo lộng lẫy thướt tha đang đứng hát. Thực ra chiếc thuyền là do Long Vương hóa thân thành, còn cô gái đang đứng hát ở mũi thuyền là con gái Long Vương. Cô hát, giọng cao vút vang ra trên sông, tỏa vọng vào hai bờ sông. Lời hát như một bài kệ lạ lùng. Đó chính là những câu hỏi của Long Vương với lời hứa hẹn tiếp theo:

“Hỡi hiền giả xa gần/ Hãy tìm ra đáp án/ Ai có lời thỏa đáng/ Tạ ơn một kho tàng.” Người Ưu Bà Tắc mừng rỡ đi nhanh ra ven sông, vừa đưa tay vẫy cô gái trên thuyền vừa gọi lớn, “Cô ơi, tôi có đáp án đây.” Cô gái nhướn cười nói nhỏ gì đó, chiếc thuyền lập tức tiến vào bờ chỗ người Ưu Bà tắc đang đứng. Chiếc thuyền dừng lại, cô gái xuống thuyền vòng tay chào người Ưu Bà Tắc rồi nói, “Thưa hiền giả, nếu hiền giả giải nghi được những câu tôi đã đề ra thì cha tôi sẽ dâng tặng hiền giả một kho tàng châu báu.”

Người Ưu Bà Tắc cũng vòng tay đáp lễ nhưng nhẹ lắc đầu nói, “Tôi không màng đến kho tàng gì đâu. Vả lại tôi chỉ là người mang lời giải đáp đến.” Cô gái tròn đôi mắt đen láy, “vậy thì ai là người đưa ra những lời giải đáp này?” Người Ưu Bà Tắc mỉm cười, “Tôi sẽ nói cho cô biết sau. Bây giờ, tôi đọc những lời giải, cô hãy lắng nghe.” Người Ưu Bà Tắc cao giọng đọc rõ ràng cho con gái Long Vương như Đức Thế Tôn đã đọc cho anh.

Long Vương, trong hóa thân là chiếc thuyền bấy giờ đã lắng nghe từng chữ một. Người Ưu Bà Tắc vừa dứt lời, Long Vương sung sướng quá rung mình hiện nguyên hình vẩy mạnh đuôi làm cho nhiều nhà cửa và người vật, cả cô con gái của Long Vương và người Ưu Bà Tắc bị cuốn lên và hát tung xuống sông. Long Vương hoảng hốt phải đưa đuôi ra hứng lại và đặt cả nhà cửa, cô con gái của mình và người Ưu Bà Tắc cùng trở lại nguyên chỗ cũ. Bấy giờ, Long Vương hóa thân thành một người mũi to râu dài dáng điệu uy mãnh. Long Vương nắm tay cô con gái, tiến tới trước mặt người Ưu Bà Tắc vái dài và nói lớn, “Đa tạ hiền giả đã mang đến

cho tôi những lời giải nghi còn quý giá hơn tất cả vàng ngọc châu báu trên trần gian này. Bây giờ hiền giả có thể cho chúng tôi biết ai là người đã đưa ra được những giải đáp đó hay không?”

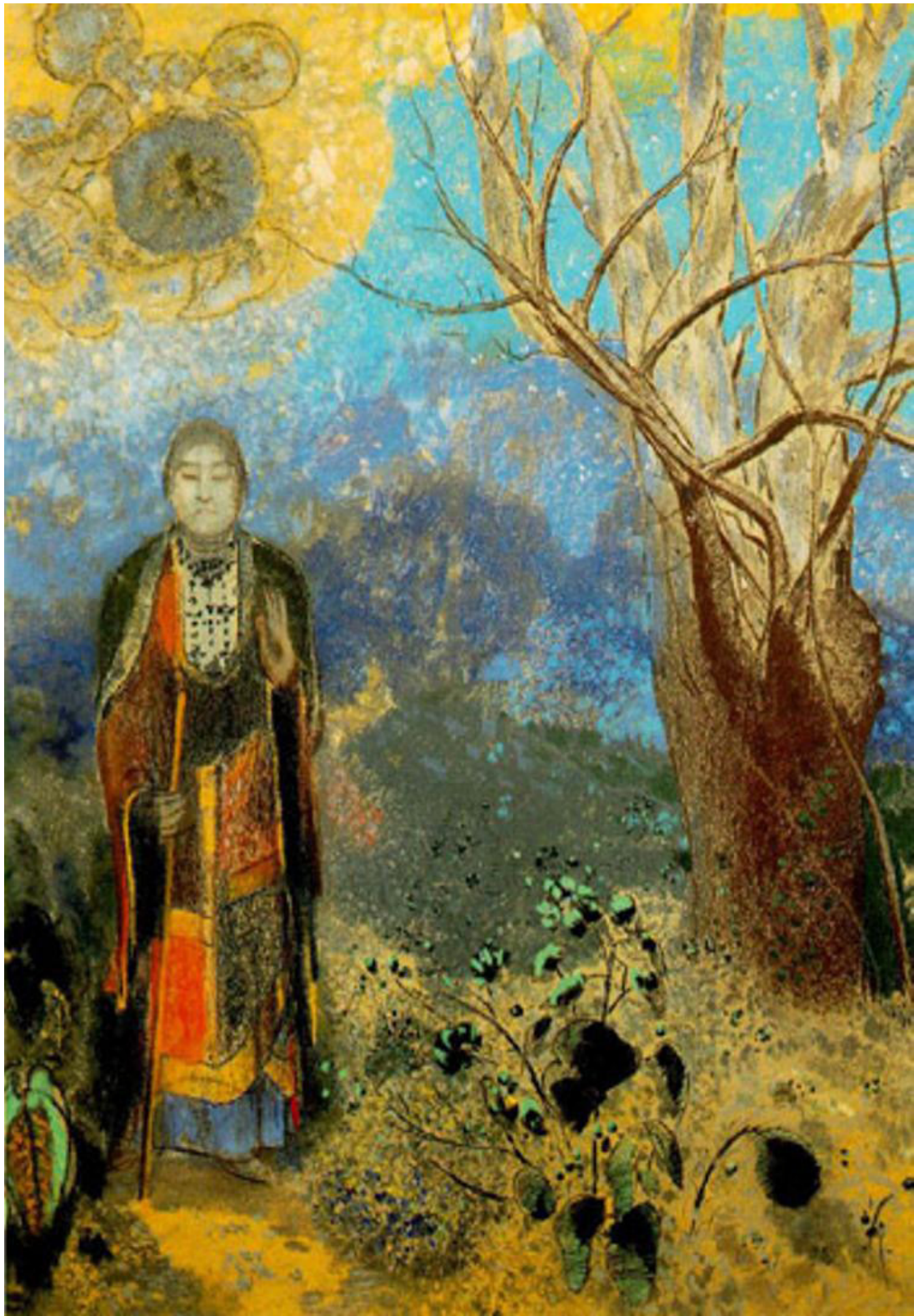
Người Ưu Bà Tắc vòng tay đáp lễ và gật đầu, “Đó là pháp dụ của Đức Phật tại thế Thích Ca Mâu Ni bảo ta mang đến cho ông.” Long Vương buông tay con gái bước tới cầm tay người Ưu Bà Tắc, “Hiền giả, xin người vui lòng đưa tôi đến gặp Đức Thế Tôn.” Người Ưu Bà Tắc mỉm cười, “Đó cũng là sứ mạng của tôi.” Long Vương sung sướng nói cùng con gái, “Cha con mình có cơ may thoát được kiếp súc sanh rồi con ạ.” Sau, Long Vương và cô con gái cùng lên đường theo vị Ưu Bà Tắc đi gặp Đức Phật.

Vị Tì Kheo từ thời Phật Ca Diếp thứ Ba chỉ một phút bất giác (thất niệm, tức không giữ được chánh niệm) bứt đứt và làm giập nát một chiếc lá trên bờ sông Hằng mà sau đó cho dù đã hai mươi năm tu hành nghiêm túc đến phút lâm chung vẫn bị hình ảnh chiếc lá giập nát bất chợt hiện về làm cho ray rứt, hối hận đến nỗi đã lìa trần với một cái tâm không thanh tịnh nên đã bị thoái đạo đầu thai làm súc sinh. Như thế, ta có thể thấy rằng, giới luật cho một Tì Kheo quả là hết sức nghiêm cẩn. Ngoài những điều có trong giới bản có thể còn có những giới rất vi tế khác trong nhân quả, không được vô cớ hay vô tình tàn hại hay hủy diệt một chúng sinh, dù là vô tình chúng sinh như một chiếc lá cây. Bất giác không giữ được chánh niệm là Si. Tam độc Tham Sân Si là nguồn gốc gây ra phiền não,ọa lạc cho con người. Điều này đã được Đấng Thế Tôn ân cần nhắc nhở cho chúng ta vô số lần không thể nhớ đếm hết được. Cũng như vậy, Lục tặc, “sáu tên giặc” là sáu căn-thức khởi động Tam độc, Đức Phật cũng nhắc nhở chúng ta phải thường xuyên nghiêm cẩn hộ trì, kiểm soát để diệt được tự ngã.

Diệt được tự ngã là đạt tới tam-vô-lộ học Giới Định Tuệ. Là đã đến được bờ an lạc.

Gate, Gate, Paragate!

Ngày 14 tháng 1, 2021. ♦



Đức Phật của họa sĩ Pháp

Bức tranh 'Le Bouddha' màu phấn của Odilon Redon (1840-1916) được vẽ năm 1905, cho thấy một bước ngoặt trong sự sáng tạo của người họa sĩ này từ những bức tranh vẽ thảo mộc với đầu người sang hình ảnh trong suốt và ánh sáng. Bức 'Le Bouddha' cho thấy Đức Phật trong chiếc áo bá nạp đang đi từ vùng tối đến vùng sáng, gần một thân cây được chiếu sáng. Ông Odilon Redon là bậc thầy của trường phái tranh biểu tượng. Một nhà phê bình từng nói rằng họa sĩ muốn khuyến khích người xem tranh hãy trải nghiệm con đường tâm đạo của Đức Phật, tiếp cận với thiên nhiên, hòa hợp ngoại cảnh với nội tâm trong sự tĩnh lặng. Bức 'Le Bouddha' được trưng bày ở bảo tàng viện Musee d'Orsay, Paris, Pháp. ♦



Lời tạ ơn muôn ngàn

Bài và hình TÂM NGUYỄN

Những câu hát mở đầu cho ca khúc “Bà Tôi” của nhạc sĩ Phương Uyên được cất lên bởi tiếng hát đầy nhớ thương của chính tác giả trong một buổi sáng cuối thu trong trẻo làm tôi không kìm được sự xúc động:

“Ngày còn thơ vẫn hay loanh quanh bên bà tôi, lắng nghe bên tai giáo điều, tình thương êm ái vô cùng...”

Tôi bật khóc ngon lành như một đứa trẻ đòi quà. Ký ức về bà bất chợt ùa về, lao xao như những chiếc lá phong đỏ chín trên cành suốt cả trời thu...

Mỗi khi được ăn món chay nào ngon là tôi lại nhớ bà, ước gì bà còn sống để tôi có thể mang về quê nhà những nguyên liệu bổ dưỡng nấu chay mời bà. Tôi hay nói với mẹ rằng tôi thích lối sống giản dị của bà. Hiếm khi tôi thấy bà mặc quần áo mới. Mái tóc được bà để dài, dùng dầu dừa để chải và tự tay bà bôi cao thành lợn tròn tròn phía sau đầu.

Tôi nhớ như in hình ảnh bà lặng lẽ ngồi ở góc bàn nhìn con cháu tề tựu đông đủ bên mâm cơm gia đình có nhiều món ăn đặc biệt lúc có đám giỗ. Bản thân bà không thích ăn uống cầu kỳ, lúc nào cũng tiết kiệm để dành dụm lo cho con, cho cháu. Một trong vài món mà bà thích ăn là chè bột lọc được cắt như cọng bún nấu với gừng tươi.

Ấn tượng sâu đậm về bà trong tâm trí tôi là những lần bà dắt tôi theo bà đi chùa ngày rằm, ngày tết. Mỗi bước chân từ tốn của bà qua cổng chùa cổ kính, qua khuôn viên tĩnh lặng, đến chánh điện trang nghiêm mãi là kỷ niệm thân thương nhắc tôi biết cúi đầu hướng về những điều thiện lành.

Mỗi lần bà chấp tay hành lễ cầu an là tôi đứng phía sau lưng bà bắt chước làm theo. Tôi ngơ ngác nhìn gương mặt nghiêm trang của bà hướng về tôn tượng Đức Phật Thích Ca, các vị Bồ Tát và các vị La Hán lúc bà cúi lạy, rồi thấp nhang. Hồi đó tôi chỉ là

đứa trẻ con, chưa hiểu biết gì về ý nghĩa của nghi thức lễ bái.

Từ năm nay sang đến năm khác, tôi được theo bà đi chùa không biết bao lần, được nghe tiếng chuông mõ không biết bao lần và được nghe lời kinh tiếng kệ không biết bao lần. Tôi ngồi bên cạnh bà chăm chú lắng nghe thuyết pháp, lắng nghe bà trò chuyện với quý thầy và quý sư cô. Tôi còn bắt chước bà ăn cơm chay với cháo, với xì dầu, với chuối và muối hạt.

Bây giờ khi tôi đã có niềm tin vào an bình và sẽ chia thì tôi mới hiểu được dòng suối từ bi khai tâm bắt nguồn từ đâu. Tiếng niệm thầm câu kinh, ánh mắt thành kính và chiếc áo tràng màu lam khói của bà đã khai mở đức tin cho tôi từ thời bé dại. Rồi đức tin ấy được vun bồi bằng những ngày tháng được phụ bà rửa bình bông, cắm hoa, đơm trái cây, lau bụi bàn thờ Phật và bàn thờ tổ tiên.

Cứ mỗi lần đi xa và trở về quê nhà là tôi đều hành lễ trước bàn thờ Phật và bàn thờ tổ tiên ông bà như là cách giữ gìn truyền thống gia đình mà bà để lại. Đó cũng là cách tôi bày tỏ lòng biết ơn dành cho bà.

Hình như tôi chưa từng một lần nào tự mình nói với bà lời tạ ơn: “Bà ơi, con có muốn nấu bữa cơm chay mời bà thì con cũng đâu còn được dịp nữa. Có phải bà vẫn là cơn gió thu nhẹ nhàng thổi những phước lành trên từng sợi tóc muối tiêu của mẹ con để con còn được điểm phúc bước từng bước an bình theo mẹ con như hồi xưa con được bước theo bà đến chùa cầu an. Lời tạ ơn tận đáy lòng con muốn nói với bà bây giờ con xin gửi vào câu kinh nguyện cầu an lành cho mọi người và mọi loài.”

Những chiếc lá phong đỏ chín mỗi độ thu sang làm lòng tôi cứ trầm thiết muốn được một lần, dù chỉ một lần, được nấu món cháo nấm Shiitake nóng hổi mời bà và nói với bà lời tạ ơn muôn ngàn...

(Tháng Tạ Ôn, 2021) ♦



Kỷ ức về Thầy Giác Thanh

Bài TÂM NHUẬN PHÚC DOÃN HƯNG

Tình cờ có người báo vào ngày 24 tháng 10, 2021 tu viện Lộc Uyển, Nam California sẽ tổ chức kỷ niệm 20 năm ngày mất của Thầy Giác Thanh. Dù bận bịu, tôi cũng kịp sắp xếp lên Lộc Uyển để nghe Thầy Phước Tịnh kể chuyện về Thầy Giác Thanh. Có ba vị Thầy ảnh hưởng trực tiếp đến hành trình học và hành Phật Pháp của tôi nhiều nhất, đó là Thầy Nhất Hạnh, Thầy Giác Thanh, và Thầy Phước Tịnh. Tôi bắt đầu quan tâm đến việc thực hành Chánh Niệm ở độ tuổi đôi mươi sau khi đọc nhiều lần cuốn Phép Lạ Của Sự Tỉnh Thức của Thầy Nhất Hạnh. Người làm lễ qui y và đặt pháp danh cho tôi ở độ tuổi 50 là Thầy Phước Tịnh. Với Thầy Giác Thanh, dù thời gian tiếp xúc với Thầy không nhiều, nhưng hình ảnh của Thầy luôn luôn nằm đâu đó trong tiềm thức của tôi, dù là rất nhẹ nhàng, không hề có một ấn tượng nào mạnh mẽ.

Tôi gặp Thầy Giác Thanh lần đầu tiên là vào khoảng năm 1992. Lần đó Thầy trở về Việt Nam lần đầu, với tư cách đại diện cho tổ chức từ thiện Partage của Pháp, theo sự sắp xếp của Sư Cô Chân Không. Partage là một tổ chức chuyên giúp đỡ trẻ em trên toàn thế giới, được sáng lập bởi Pierre Marchand, là một đệ tử Tiếp Hiện người Pháp của Thầy Nhất Hạnh. Nghe kể rằng Pierre là con nhà triệu phú. Từ trước 1975, khi nghe Thầy Nhất Hạnh nói chuyện về Việt Nam, Pierre đã bỏ hết sự nghiệp, thành lập tổ chức này để giúp đỡ trẻ em mồ côi Việt Nam trong chiến tranh. Sau 1975, Việt Nam đóng cửa với thế giới tự do, Partage chuyển hướng sang giúp đỡ trẻ

em trên toàn thế giới. Trong những năm cuối thập niên 1970 đầu thập niên 1980, Thầy Nhất Hạnh và Sư Cô Chân Không đã nhờ Partage giúp đỡ nhiều văn nghệ sĩ Miền Nam đang bị tù đầy, bằng cách gửi quà cho con em của họ. Trong số những người được giúp có gia đình bố tôi (Doãn Quốc Sỹ), nhà văn Nhã Ca, nhà báo Hiếu Chân, nhà báo Thanh Thương Hoàng... Đến đầu thập niên 1990, Việt Nam mở cửa trở lại, Partage đã xin được hoạt động chính thức tại đây. Lúc đó, tôi là một trong những thành viên của nhóm Partage Việt Nam, bao gồm một số đệ tử Tiếp Hiện của Thầy Nhất Hạnh từ trước 1975: cô Uyên, cô Thân, chú Phước, cô Trà Mi.

Thật ra, Thầy Giác Thanh không phải là người của Partage. Thầy về theo danh nghĩa Partage chỉ là một cái cớ để thực hiện một sứ mạng khác của Sư Cô Chân Không: gieo những hạt giống thực hành Chánh Niệm theo phương pháp Làng Mai đầu tiên tại Việt Nam. Lúc đó, Partage bắt đầu giúp đỡ khoảng 5, 6 nhóm từ thiện giúp đỡ trẻ em ở Sài Gòn, Miền Tây và Huế. Thầy Giác Thanh đem tiền về để tài trợ cho các dự án của những nhóm này, rồi kèm theo với các hướng dẫn Chánh Niệm một cách nhẹ nhàng, kín đáo. Ngày nay, khái niệm về “Chánh Niệm” không còn xa lạ với nhiều người dân Việt Nam, khi Thầy Nhất Hạnh cùng tăng đoàn Làng Mai đã chính thức về lại quê hương. Nhưng ít có người biết rằng Thầy Giác

Hình: Tác giả và Thầy Giác Thanh ở Làng Mai, Pháp.

Thanh là người đã đặt những viên đá nền tảng đầu tiên từ ba thập niên trước.

Tôi nhớ hình ảnh Thầy Giác Thanh trong ngày đón từ phi trường về ở nhà cô Uyên, ngay sát bên chùa Pháp Vân ở Quận 11, cũng là Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội của Thầy Nhất Hạnh ngày xưa. Thầy có dáng người cao, gầy gò, trông “thư sinh” và không khỏe mạnh. Mọi hành động của Thầy lúc nào cũng chậm rãi. Điều làm tôi nhớ nhất là nụ cười của Thầy, một nụ cười hiền hòa, nhân hậu, thanh thản. Gương mặt của Thầy hình như lúc nào cũng đi đôi với nụ cười tĩnh lặng, ngay cả những lúc Thầy bị căn bệnh ung thư hành hạ sau này. Giống như nụ cười của Bụt.

Một ấn tượng khác cũng khó quên trong lần đó, là Thầy đem về Việt Nam đến mấy chục ngàn Đô La Mỹ bằng tiền mặt! Không hiểu tại sao số tiền lớn như thế mà qua mắt được hải quan Việt Nam?!? Hồi đó, tôi đi làm cho một công ty Việt Nam với mức lương chưa đến \$100 đô một tháng. Còn một người làm cho công ty nước ngoài có lương tháng khoảng \$300 đô là to lắm rồi! Ấy vậy mà một ông thầy tu hiền hòa dám bỏ vài chục ngàn đô trong túi xách mang về Việt Nam. Lần đầu tiên trong đời tôi mới được thấy tận mắt một lượng tiền khổng lồ như thế, mà chỉ để làm từ thiện! Thầy trò sau đó đã đem tiền đến giao cho các nơi, trong đó Viện Dưỡng Lão & Mồ Côi Long Xuyên của anh Ba Đô nhận nhiều nhất, đến \$7,000 đô để mua máy cày. Tiền cũng giao cho chùa Liên Trì của Thầy Không Tánh ở Thủ Thiêm, nơi nuôi khoảng 30 trẻ em mồ côi, trẻ em thuộc các gia đình quá nghèo khó trong vùng phải gởi con vào chùa để được ăn học. Ngôi chùa Liên Trì cách đây vài năm đã bị chính quyền thành Hồ phá hủy để làm dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm, tạo ra một làn sóng phẫn nộ ở cộng đồng người Việt hải ngoại.

Sau khi hoàn tất công việc từ thiện của Partage, Thầy Giác Thanh tổ chức Ngày Chánh Niệm đầu tiên ở Việt Nam tại chùa Pháp Vân, theo đúng khuôn mẫu của Làng Mai. Trước đó, Phật tử ở Việt Nam chỉ biết đến ngày bát quan trai giới ở một số ngôi chùa. Dù đã biết về khái niệm “Ngày Chánh Niệm” qua sách của Thầy Nhất Hạnh, nhưng đó là lần đầu tiên tôi mới có một ngày thực tập thật sự: tập ngồi thiền, tập đi thiền hành, tập ăn cơm trong chánh niệm, tập nghe chuông trở về hơi thở... Lần đầu tiên - và có lẽ cũng là lần duy nhất - tôi được nghe Thầy Giác Thanh giảng Pháp. Lần đầu tiên tôi được một vị thầy sửa tư thế khi ngồi thiền; chỉ cách đỡ bàn chân lên, đặt bàn chân xuống đất chậm rãi khi đi thiền hành. Những gì còn lại trong trí nhớ của chúng tôi về ngày hôm ấy:

thực tập im lặng, thực tập chú tâm làm mọi thứ chậm lại với một tốc độ chưa bao giờ từng làm. Đó cũng là lần đầu tiên tôi có được cảm giác an lạc nhờ vào thực tập chánh niệm. Nhiều người sau khi tham dự Ngày Chánh Niệm đó nói rằng khi trở lại nhịp sống bình thường, họ nhận ra là mình đã sống vội vàng, thiếu chánh niệm từ lâu mà không hay. Cũng nhờ đó, về sau này tôi không bị bỏ ngỡ khi có dịp đi ra nước ngoài, gặp gỡ và sinh hoạt với các nhóm Phật tử theo pháp môn Làng Mai tại Úc, Pháp, Hoa Kỳ. Những nền tảng chánh niệm đầu tiên mà Thầy Giác Thanh đã gieo ở Việt Nam là như vậy đó...

Lần đó Thầy Giác Thanh có nhờ đưa đến nhà để gặp bố tôi. Thầy biết bố Sỹ thuở đi dạy ở Đại Học Vạn Hạnh, viết cuốn Vào Thiền. Hai người - một thiền sư,



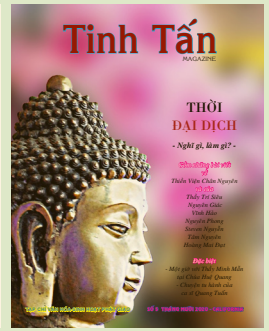
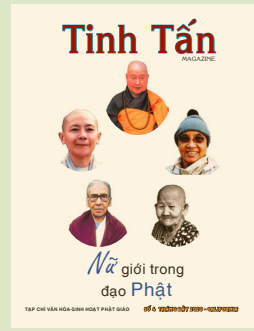
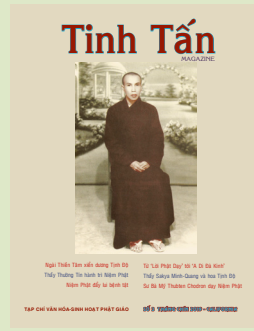
một cư sĩ - ngồi uống trà, đàm đạo khoảng một tiếng đồng hồ. Tôi không nhớ rõ hai người đã nói với nhau chuyện gì. Hình như là một số câu chuyện về Thầy Nhất Hạnh, về khoảng thời gian bố tôi dạy ở Vạn Hạnh, đi ở tù, một số chi tiết trong cuốn Vào Thiền... Chắc chắn là hai người không bàn nhiều về tư tưởng, hay ý nghĩa kinh sách Phật Giáo, những chủ đề mà tôi không được nghe Thầy Giác Thanh nhắc đến. Tôi chỉ nhớ đó là một buổi chiều thật bình yên với hai con người cả đời gắn bó với Phật Giáo, một trong chốn thiền môn, một ở ngoài đời thường. Họ có thể không nói gì, mà những người có mặt vẫn cảm nhận được sự bình an trong tĩnh lặng.

Lần thứ hai tôi gặp Thầy Giác Thanh là vào khoảng năm 1998, ở Làng Mai bên Pháp. Lần đầu tiên được đi Pháp, tôi háo hức được đến Làng Mai để lần đầu tiên được gặp Thầy Nhất Hạnh, Sư Cô Chân Không, và được gặp lại Thầy Giác Thanh. Buổi chiều thứ Hai, sau những ngày cuối tuần thực hành Chánh Niệm, tôi đi bộ đến cốc nơi Thầy Giác Thanh ở.

Gặp Thầy ở trước cửa, tôi hỏi, “Thầy còn nhớ con không?”

Thầy nhìn, rồi vẫn với nụ cười hiền hòa cố hữu, Thầy trả lời, “Anh là ai mà tôi phải nhớ? Thôi, vô đây uống với tôi một chung trà.”

Rồi khi pha trà, Thầy chậm rãi hỏi thăm về nhóm Partage Việt Nam, về các nhóm từ thiện ở Việt Nam đã từng gặp. Thầy còn hỏi dạo này có thực tập Chánh Niệm như Thầy đã hướng dẫn hay không? Tôi thú thực là vì công việc bận rộn nên rất ít thực tập. Hai thầy trò uống trà, nói chuyện thông thả trong một buổi chiều thật đẹp. Lúc đó Thầy đã bị căn bệnh ung thư hoành hành, trông Thầy không khỏe, gầy hơn. Nhưng chỉ trừ nụ cười bình an là không thay đổi. Rồi khi tôi đứng lên chào để đi về, Thầy nắm tay tôi nói rằng, “Hưng có thể móc ngoéo hứa với thầy một điều không?”



Tinh Tấn Magazine số 1, 2, 3, 4, và 5 đã được tái bản. Xin liên lạc để được tặng.

Tôi nói, “Dạ được!”

Thầy nói tiếp, “Trở về Việt Nam, hứa với Thầy là mỗi ngày ráng ngồi thiền 20 phút nghe!”

Tôi về Việt Nam trong đầu vẫn nhớ lời dặn dò đó. Trong vài tuần đầu, tôi làm đúng theo lời hứa với Thầy, ngày nào cũng ngồi thiền. Nhưng rồi thì cũng thưa dần vì đủ mọi lý do. Chung quy chỉ vì năng lực tu chưa đủ lớn, không thể tự mình thực tập mà không cần ai nhắc nhở.

Đến năm 2001, tôi được đi Mỹ lần đầu. Tôi đến Lộc Uyển với hy vọng thăm Thầy một lần nữa. Nhưng lần này không gặp, mà chỉ kịp thấp cho Thầy một nén nhang trước di ảnh...

Như đã nói, thời gian tôi được gần Thầy Giác Thanh không nhiều. Tôi đọc nhiều sách của Thầy Nhất Hạnh, nghe nhiều băng

cassette Thầy giảng về Chánh Niệm trước khi được gặp Thầy. Tôi đã theo Thầy Phước Tịnh thực tập thấp sáng Sự Nhận Biết, Thiền-Tĩnh song tu vài năm trước khi quí y với Thầy. Tôi tự hỏi tại sao mình vẫn xem Thầy Giác Thanh như là vị thầy thứ ba của bản thân?

Tôi chỉ được nghe Thầy Giác Thanh giảng Pháp có một lần, nhưng cũng không nhớ nội dung. Chỉ nhớ Thầy hay dùng thiên nhiên để liên tưởng với những câu chuyện về đạo pháp. Mới đây tôi sang Miền Đông Hoa Kỳ, đi rong ruổi trên nhiều tiểu bang để quyết ngắm cho được mùa thu phương bắc, cái đẹp đầy thi vị của mùa thu mà Thầy Giác Thanh đã có lần kể. Nhớ Thầy nói nhìn toàn cảnh rừng núi thay lá, nhuộm



Tác giả tại Tháp Phù Vân, Tu Viện Lộc Uyển cuối tháng 10, 2021.

sắc đỏ, cam, vàng khi vào thu, Thầy cảm thấy thiên nhiên đẹp quá, đứng nhảy múa một mình ở trên đồi như một người điên. Tâm hồn của Thầy có cả tính chất của một tu sĩ và một thi sĩ.

Cái tôi nhớ về Thầy nhất vẫn là nụ cười hiền hòa, an lạc. Mọi động tác của Thầy đều chậm rãi, khoan thai một cách tự nhiên, bình thản. Hình như đối với Thầy không có chuyện gì là quan trọng. Nhớ những câu trả lời mang tính chất bông đùa dí dỏm của Thầy, mỗi khi có ai hỏi những điều phức tạp trong Phật Pháp.

Về sau này, tôi biết về Thầy Giác Thanh nhiều hơn qua những câu chuyện kể của Thầy Phước Tịnh, người huynh đệ thân thiết nhất của Thầy. Thầy đã từng là một đệ tử lớn của Thầy Thanh Từ trước khi về với Làng Mai. Nhưng khi tiếp xúc với Thầy, tôi không thấy Thầy thuộc về một tông môn pháp phái nào. Cuộc đời của Thầy có nhiều thăng trầm, rồi Thầy chọn con đường của một du tăng, xem một kiếp tử sinh nhẹ như một áng mây trôi. Cốc của Thầy ở Làng Mai có tên là Phù Vân Cốc. Tháp của Thầy ở Lộc Uyển là Tháp Phù Vân. Tôi nhìn thấy ở Thầy biểu hiện của Vô Sự, của Hi và Xả trong tứ vô lượng tâm. Thầy Giác Thanh có lẽ không cần giảng pháp, bởi vì chính Thầy là một bài Pháp sống động nhất. Có khi chỉ cần ngồi uống trà với Thầy, ngắm mây trôi, hoa nở thôi cũng đã thấy an lạc.

Chẳng có gì nhẹ nhàng và phù du hơn những áng mây trôi. Nhưng có những áng mây làm mát rượi cả bầu trời, làm cây cối xanh hơn, hoa cỏ tươi hơn...

Nhân kỷ niệm 20 năm ngày giỗ của Thầy Giác Thanh, tôi lục lại mãi trong đồng hình cũ, mới tìm ra được một tấm ảnh hai thầy trò ngồi uống trà ở Cốc Phù Vân.

Nhân kỷ niệm 20 năm ngày giỗ của Thầy Giác Thanh, tôi lên Tháp Phù Vân, để trong một lần “selfie” hiếm hoi, tự chụp hình với di ảnh của Thầy.

Có những buổi sáng thức dậy làm biếng, tôi nhớ lại lời dặn dò của Thầy Giác Thanh để buộc mình ra trước bàn thờ Phật ngồi thiền. Nhiều khi ngắm những cụm mây trắng trôi trên bầu trời, tôi nhớ về Thầy Giác Thanh mà lòng tự nhiên cảm thấy bình an, vô sự...◆

Một ngày chung cuộc bốn bề hoa bay

Bài TIỂU LỤC THẦN PHONG

Gypsy Rose Lee

Suốt cuộc hành trình sanh tử của mình, con người luôn đau đầu về thân phận hình hài, không biết bao lần chúng ta tự hỏi, “Tại sao ta lại đến nơi này? Đến đây để làm gì? Mai này sẽ về đâu?” Dòng tử sanh vẫn bất tận, kẻ trước người sau, hết thế hệ này đến thế hệ khác, hết hình thái xã hội này đến hình thái xã hội khác... thay đổi liên miên nhưng câu hỏi ấy vẫn không có lời đáp.

Con người vẫn mò mẫm mơ một chốn bình an, mưu cầu hạnh phúc, vẫn tìm một phương pháp nào đó sao cho thân an tâm lạc... nhưng càng tìm thì càng hụt hẫng, có lúc tưởng chừng như chạm đến nhưng rồi vỡ mộng, việc ấy giống như người thấy trăng đáy nước, thò tay xuống vớt, nào ngờ chưa vớt thì bóng trăng đã vỡ tan!

Con người mơ một cõi địa đàng, thiên đàng, cực lạc... nhưng không làm sao để kiến tạo một địa đàng ngay chốn trần gian này, bởi thế con người hôm nay chẳng khác con người muôn năm trước, vẫn mơ một cõi địa đàng bướm hoa, một cõi bình an vô sanh bất diệt... Ở nơi đây không có chiến tranh, chết chóc, khổ đau, áp bức, bất công...

Thời đại hôm nay khoa học công nghệ đã phát triển cao độ, kỹ thuật lượng tử, điện toán... làm cho mọi người trên thế gian này có thể thấy nhau, nói với nhau trong tích tắc. Khoa học kỹ thuật tạo cho mọi người một cuộc sống sung túc, thoải mái... nhưng giấc mơ thân an tâm lạc vẫn xa vời và càng ngày càng xa, giấc mơ vô sanh bất tử vẫn như bóng trăng dưới nước.

Trong đêm trường tăm tối, con người may thay gặp được ánh dương. Phật ra đời, mở đường chỉ lối cho con người thoát khỏi vô minh. Phật ba lần chuyển pháp luân: Đã thấy, đã biết, đã tu, đã chứng! đây là khổ, đây là nguyên nhân, đây là con đường thoát khổ, đây là kết quả... Phật khai mở con đường đi đến an vui, hạnh phúc cho con người. Phật dạy cho cách sống an lạc ngay trong hiện tại và tại nơi này (hiện xứ lạc trú). Khi thân, khẩu, ý hiền thiện và thanh tịnh thì:

*“Chính là ngày cát tường
Là giờ phút hanh thông
Là thời khắc hưng vượng”*

(kinh Thắng Hạnh)

Mùa xuân muôn hoa nở, mùa hạ biếc ao sen, mùa thu lá vàng bay, mùa đông tinh khiết tuyết

*“Xuân du phương thảo địa
Hạ thưởng lục hà trì
Thu ẩm hoàng hoa tửu
Đông ngâm bạch tuyết thi”*

Bốn mùa thay đổi, sanh diệt nối nhau, nếu mình không cưỡng cầu, không chấp trước... thì mình an vui; nếu mình chấp nhận sự thật tự nhiên của nó như thế, bản thể nó như vậy mà không áp đặt cái thiên kiến chủ quan của mình thì làm sao có bức bối, bất hòa! Không chỉ bốn mùa thay đổi mà mọi thay đổi của thế gian này, mọi khác biệt của con người.

Đời sống con người chỉ trong vòng trăm năm, ấy là nói vắn vẽ, là biểu trưng đại khái thế thôi. Thật sự thì mấy ai đủ trăm năm, thật sự thì mạng sống con người vốn mong manh giữa hai làn hơi thở, nó có thể dừng bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào và với vô vàn lý do.

Tử sanh là thế nhưng con người chỉ thích nói đến sanh mà kỵ nói đến tử. Con người ai cũng thích sanh sợ tử nhưng con người lại luôn thích làm hại nhau, tàn sát nhau, giết chóc nhau cho đến hại cả muôn loài động vật, thực vật, thiên nhiên... Chung quy cũng vì mê muội vô minh, con người chấp chặt vào cái “tôi” (ego, self) mà sự thật chẳng có một cái tôi độc lập (cứ thử lột bỏ chuỗi thì biết). Con người tham sống sợ chết, tránh né nói đến cái chết nhưng chết vẫn cứ chết, chết chẳng kiêng nể ai hay bất cứ thời gian nào, chết chẳng chê quyền quý hay bản hèn, chẳng nệ trí hay ngu... chết thế nào thì vẫn phải chết thế ấy. Nó chỉ phụ thuộc vào phước đức của bản thân mình, có những cái chết kinh hoàng, quần quai, đớn đau nhưng cũng có những cái chết nhẹ tựa lông hồng, hoặc êm đềm như một hơi thở, một giấc ngủ say, thậm chí có

những cái chết đẹp như cổ tích:

“Một ngày chung cuộc bốn bề hoa bay”

(thơ TLTP)

Nếu con người muốn có một cái chết êm đềm, đẹp và thanh tịnh thì hãy chuẩn bị từ bây giờ. Dân gian vẫn nói “Gieo gì gặt nấy,” nhà Phật thì dạy “Tâm tưởng sự thành” hoặc “Tâm tạo tác.” Trong nhà Phật có vô số những tấm gương, những chuyện thật về những cái chết êm đềm, thanh thản đầy khí vị giải thoát. Thiền sư Shoun khi biết mình sắp ra đi, ông cho gọi đệ tử lại, thấp nhang cho mẹ xong, ông viết bài thơ:

“... Ta đã sống hết sức ta

Ta đã tạo ra con đường riêng của ta trong cõi trần gian này

Bây giờ mưa đã hết, mây trời quang đãng

Bầu trời xanh có một mặt trăng tròn”

Viết xong ông quăng bút và tịch

Trong hàng cư sĩ cũng có những tấm gương tu học và ngộ đạo. Họ đã sống “hết sức ta” trong cõi đời này và ra đi như cánh hạc bay. Cư sĩ Bàng Long Uẩn là một hình ảnh mà “Ngày chung cuộc đầy hoa bay.”

Tương truyền khi ông sắp tịch, bèn bảo cô con gái, “Con ra xem thử đúng ngọ chưa?”

Cô gái đáp, “Đúng ngọ rồi nhưng có nhật thực.”

Ông ra cửa xem thì con gái lên bờ đoàn ngồi mà tịch, ông quay vào thốt lên, “Con gái ta lanh lợi quá” và nán lại bảy ngày sau mới tịch.

Khi bà vợ ông hay tin, bèn đi tìm con trai, “Ông già ngu si và con gái vô tri đã bỏ chúng ta đi rồi.”

Cậu con trai thưa, “Vậy hả mẹ,” rồi cũng tịch luôn.

Bà mẹ sau khi lo hậu sự mới tịch sau cùng.

Câu chuyện đẹp quá, hay quá như huyền thoại, như cổ tích Đông phương, những cái chết nhẹ nhàng, kỳ diệu như cuộc du hí nhân gian.

Cuộc chơi khi đã đến hồi

Đứng đi với lại nằm ngồi sá chi

Rõng rang nhắm mắt cười khi

Xác thân này hoá xanh rì cỏ cây

(thơ TLTP)

Con người chỉ có nhục thân nên không thể thấy những gì không có sắc chất, bởi thế những cái chết ung dung, tự tại như vậy có khi đầy trời hoa trắng rơi. Những loại hoa Mạn Thù Sa, Mạn Đà La, Ma Ha Mạn Thù Sa... ngập hư không.

Chết không phải là hết, chết là bắt đầu một cuộc tử sanh khác (khi mà chưa chứng đắc được A La Hán).

Nếu mình đã hiểu vô thường, nhìn nhận rõ ràng cái thân tứ đại ngũ uẩn này là giả hợp thì khi nó tan hoại thì có gì phải tiếc, bởi thế mà gã du tử chưa chết nhưng đã chuẩn bị đón nhận nó một cách tự nhiên

Tôi đã đến và sẽ đi như trùng khơi sóng nước

Một ngày đẹp trời đang chờ phía trước

(Nếu Có Yêu Tôi - thơ TLTP)

Gã du tử đã sống hết mình, tuy hiểu rõ vô thường

nhưng không làm sao biết vô thường xảy ra lúc nào, bởi vậy gã du tử luôn sẵn sàng đón nhận vô thường. Khi sanh ra là đã có yếu tố tử rồi, cái sanh, cái tử có mặt trong từng sát na

Tôi sẽ đi giữa khung trời mùa hạ

...

Tôi sẽ đi trong một sớm mùa thu

...

Tôi sẽ đi khi tuyết trắng mùa đông

...

Tôi sẽ đi khi mùa xuân bắt tận

(Em Vẫn Là Nỗi Đau Đời - thơ TLTP)

Thế đấy! Người học Phật tuy chưa tinh tấn, chưa chứng đắc gì nhưng ít ra cũng có được những phút giây an lạc, phi phong; cũng nhờ học Phật mà biết được ít nhiều sự thật của thế giới này, cuộc đời này, cái thân và cái tâm này! Không biết có một danh nhân nào đó đã từng nói (đại ý là thế chứ không phải nguyên văn): “Cái chết không đáng sợ, sợ cái chết mới đáng sợ.”

Lịch sử hiện đại chúng ta đã chứng kiến một cái chết rất bi hùng, chấn động lương tâm nhân loại một thời. Bồ Tát Thích Quảng Đức ngồi trong biển lửa vẫn bình thản cho đến phút cuối. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương thốt lên: “Lửa, lửa cháy rực ba ngàn thế giới,” “Chỗ ngài ngồi một tuyệt tác thiên thu.”

Nếu trong đạo có những cái chết (ngôn từ nhà Phật gọi là tịch) đầy khí vị giải thoát, những cái chết tựa như du hí nhân gian thì ngoài đời cũng có những cái chết nhẹ tựa lông hồng, những cái chết vì dân, vì nước. Trần Bình Trọng hiên ngang quát vào mặt vua Nguyên: “Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc.”

Khi tòa nhà World Trade Center bị bọn khủng bố đâm máy bay vào, tòa nhà đang dần sụp đổ nhưng ba trăm lính cứu hỏa vẫn xông vào và tất cả bị chôn vùi trong ấy. Những cái chết vì sự sống của đồng loại đầy ý nghĩa cao cả.

Một nhà thơ phe thắng trận từng viết: “Có cái chết hóa thành bất tử.” Đúng thế! Những cái chết vì đồng loại, vì dân, vì nước, vì đạo pháp, vì sự tồn vong của dân tộc... thì cái chết ấy là bất tử; còn nếu chết vì mê muội cuồng tín, vì lý tưởng điên rồ lệch lạc, chết vì phe đảng băng nhóm... cái ấy vô nghĩa biết bao.

Mùa xuân về nói chuyện tử sanh không khỏi có người sanh lòng áy náy, chuyện tử sanh vốn bất tận như bản thân của vấn đề, mình có nói hay né tránh thì nó vẫn hiển hiện bên mình như hình với bóng, sanh ra là đã có tử rồi, sanh tử - tử sanh như hai mặt của bàn tay. Mình học Phật không cao vọng chứng đắc nọ kia, chỉ đơn giản là biết mình là ai, vì sao mình đến nơi này? học Phật là để mỗi ngày giảm bớt tham lam, sân hận, si mê; học Phật là để mở lòng ra với người và với muôn loài; học Phật là để biết sống với từng phút giây hiện tại này và nếu một lúc nào đó bất ngờ sẽ:

“Một ngày chung cuộc bốn bề hoa bay.”

(Át Lãng thành, 2/2020)◆

Đi tìm tác giả 'Trang Tôn Kinh Huyền Hoạch'

Bài HOÀNG MAI ĐẠT



Đêm hôm đó, một đêm cuối tuần ở khu phố Little Saigon đây, cụ tặng tôi một nụ cười với ánh mắt thân thiện, có phần trù mến mà tôi cho là một cái nhìn cảm thông dành cho một bạn viết trẻ. Lúc ấy cụ cùng các bác lớn tuổi đang đứng ở sân cỏ, chuẩn bị bước vào một chiếc xe SUV để được chở về nhà sau khi tiệc tàn. Đó là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng tôi gặp cụ Nghiêm Xuân Hồng. Chúng tôi đứng cách nhau không tới một thước. Trong nhiều năm sau, tôi vẫn còn tiếc nuối vì mình không có những dịp khác để được trò chuyện với cụ. Cái biết của tôi về nhà văn Nghiêm Xuân Hồng, hay cư sĩ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng, đã đến quá trễ. Giờ thì nghìn trùng xa

cách, vạn kiếp nan tao ngộ.

Đêm hôm đó nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã tổ chức tiệc tại nhà ở góc đường Strait Street. Nhà anh Giác là địa điểm tụ tập quen thuộc đối với hầu hết các văn sĩ, thi sĩ, ký giả sống chung quanh đây. Anh thường tạo dịp cho những người trong giới viết lách được gặp gỡ vào cuối tuần, viện cớ giới thiệu một người viết ở xa mới đến thăm Quận Cam, một tác phẩm mới in xong, hay chỉ đến để gặp nhau, bàn luận những chuyện đang xảy ra trong lãnh vực văn chương. Nhìn lại, chưa có một ai khác đã làm được như anh Giác trong suốt mấy chục năm, mở rộng cửa nhà và biến nó thành một cái quán văn mời đón anh em trong văn giới đến hàn huyên.

Đêm hôm đó, một đêm cuối xuân năm 2000, tôi vừa mới in xong cuốn Giữa Hai Miền Mưa Nắng. Biết nhà anh Giác đang có một buổi tiệc khá đông đủ, nên tôi đến với mấy chục cuốn, hy vọng được tặng sách cho mọi người. Tôi đến trễ, tiệc sắp tàn, nên hàn huyên chưa được lâu thì liền phóng ra xe để lấy sách mang vào biếu. Thấy các bác lớn tuổi đang đứng tụm ở sân trước, tôi vội bước đến với mấy cuốn trên tay. Tôi chỉ nhận ra bác Võ Phiến nhờ từng đến thăm vợ chồng bác ở Los Angeles, và được bác giới thiệu với cụ Nghiêm Xuân Hồng. Khi đó nhà văn Phùng Nguyễn đang thúc hối các bác lên xe để anh chở về nhà. Cụ Hồng cầm sách trên tay, nhìn thoáng qua rồi tặng tôi một nụ cười hiền lành. Tôi kính cẩn chào cụ, rồi tiễn cụ bước

vào ghế sau xe. Cụ nhìn tôi một lần chót, vẫn với tia nhìn dịu dàng, có lẽ thương hại một anh nhà văn trẻ đang lằng xằng đưa mình vào thế giới văn chương. Ánh đèn từ trên cao tỏa xuống sân cỏ và lề đường, chiếu sáng gương mặt cụ Hồng với nếp da nâu nhăn giữa đêm khuya, và để lại gương mặt đỏ trong trí nhớ của tôi cho đến ngày nay.

Vài tuần sau đêm hôm ấy, đài Little Saigon Radio tổ chức buổi ra mắt sách lần đầu tiên của đài, và tôi hân hạnh được là tác giả đầu tiên ấy. Nhờ tấm bằng còn giữ lại làm kỷ niệm dưới garage suốt mấy năm, tôi không quên hôm ra mắt sách là thứ Bảy, ngày 6 tháng 5, 2000. Ngày đó cũng là ngày cụ Nghiêm Xuân Hồng cảm thấy mệt mỏi, khó thở và rồi trút hơi thở cuối cùng vào sáng sớm Chủ Nhật hôm sau, ngày 7 tháng 5, 2000. Trong nhiều năm kế tiếp, nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã vật vã với trọng bệnh, cuối cùng đành buông tay từ giả thế gian vào đầu tháng Bảy năm 2012. Rồi bác Võ Phiến ra đi vĩnh viễn vì tuổi già vào cuối tháng Chín năm 2015. Nhà văn Phùng Nguyễn đã bay từ xa về Quận Cam để dự đám tang của bác Võ Phiến, và rồi anh cũng đột ngột ra đi vĩnh viễn giữa tháng 11 năm 2015, chưa đầy hai tháng sau ngày thấp nén hương cho bác.

Sau đêm gặp cụ Nghiêm Xuân Hồng, tôi còn in thêm một cuốn sách, cuốn thứ ba, và rồi đi đến một cái chết ở trong tôi. Đó là cái chết của niềm đam mê văn chương. Từ quá khứ buồn thảm trong cuộc chiến Việt Nam huynh đệ tương tàn, đến cuộc đời tỵ nạn chật vật cho sự sinh tồn, và cho dù tương đối thành công trên xứ người, tôi vẫn tìm đến nghệ thuật, văn chương với ước mong tìm ra một ý nghĩa cao thượng hơn bên trên cuộc sống chuộng vật chất, ham hưởng khoái lạc của đời thường. Nhưng rồi tôi cũng thất vọng ở chốn nghệ thuật đó dù rằng có những lúc nó rất đẹp. Đời sống của những người trong văn giới thường diễn ra và kết thúc trong bế tắc, tuyệt vọng. Trong các bạn văn ở Little Saigon đây, người thì lang thang với chai rượu sầu đời giắt trong túi áo, kẻ thì tự tử, những người khác tụ tập



Bìa tập 1 do Xuân Thu tái bản năm 1992

chỉ để hý luận, thiên tài hay không cũng vậy. Ngay cả đại văn hào Mỹ Ernest Hemingway, với sự thành công rực rỡ đáng ngưỡng phục khắp thế giới, được giải Nobel Văn Chương năm 1954, vậy mà ông đã kết thúc đời mình bằng một phát súng bắn vào đầu tại Idaho, có lẽ vì không chịu nổi sự hành hạ của bệnh tật và không muốn làm phiền người thân thêm nữa, khi mới gần 62 tuổi, trạc tuổi tôi bây giờ. Có còn tấm gương nào hay hơn cho tôi có lý do chính đáng để tiếp tục nghiệp viết văn? Lại nữa, hầu hết

văn sĩ, thi sĩ mà tôi biết, kể cả tôi, thường chỉ thích viết về mình, cho mình, chứ không phải viết vì người. Họ yêu chính họ hơn mọi thứ khác trên thế gian.

Thế nên tôi đành chia tay với niềm đam mê chữ nghĩa, già từ thơ văn. Tôi đã chất vào thùng hàng trăm cuốn sách, kể cả những tựa sách quý hiếm mà tôi từng ôm theo mỗi khi dọn nhà từ năm 1975, và vô số sách từ một cửa tiệm mà vợ chồng từng làm chủ, tặng phần lớn chúng cho Thư Viện Việt Nam, và phần còn lại cho một nhà sách ở

đường Bolsa đây. Những sách tiếng Anh thì tôi cho vào thùng rác vì không ai muốn nhận. Sách của tôi cũng vậy, cũng chung số phận trong thùng rác, chỉ giữ lại một số ít để tự nhắc mình về một thời viết văn không mấy đáng nhớ. Vậy mà tôi vẫn còn hơn trăm cuốn sách trên kệ, hầu hết là sách đạo, trong đó có bộ sách bốn cuốn “Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc” của cụ Nghiêm Xuân Hồng.

Gần 10 năm sau ngày cụ Hồng mất, tôi tình cờ lấy xuống bộ “Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc” và lần gỡ từng trang đầu tiên với sự tò mò, và rồi được cụ nắm tay dẫn vào một thế giới huyền ảo với sức thu hút mãnh liệt qua các nhân vật Thạch Sanh, Long Cuồng Huệ, Càn Thát Bà, Phi Ly, Công Chúa Mỵ Ê trong một cuộc hành trình tâm đạo ly kỳ như trong tác phẩm Tây Du Ký. Không ngờ cụ đã dùng tài hoa của một kịch tác gia từng được thể hiện trong tác phẩm “Người Viễn Khách Thứ Mười” hồi đầu thập niên 1960 để sáng tạo một ảo giới biến chuyển không ngừng, hấp dẫn đầy thi vị và đạo vị trong bộ sách “Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc” gần 30 năm sau vào lúc cuối đời. Tôi không có thói quen đọc sách trên giường, nhất là vào buổi tối sau một ngày làm việc, vì rất dễ rơi vào giấc ngủ. Vậy mà từng đêm tôi đã cố gắng thức thêm một, hai tiếng để đọc cho hết bộ sách của cụ.

Thế nên từ đó, mỗi lần ghé chùa mà thấy có sách “donate” mang tên tác giả Nghiêm Xuân Hồng, tôi đều cầm về và cất lên kệ, biết rằng một ngày nào đó khi xong việc “chinh chiến” kiếm sống thì tôi sẽ thăm cụ. Nhờ cụ mà niềm vui với văn chương trong tôi được sống lại, nhưng chữ nghĩa giờ đây không để phô trương hay khai phá, sáng tạo, mà sẽ là phương tiện để giúp tha nhân được bớt khổ, được vui trong niềm vui vô biên, vô ngôn của đạo.

Sau hơn hai thập niên từ đêm gặp gỡ lần đầu và lần cuối ấy, đến tháng 11, 2021 này tôi mới khởi sự một công việc muốn làm từ lâu. Đó là truy tìm những tài liệu, những người thân từng biết nhiều về cụ

Nghiêm Xuân Hồng. Tôi khám phá số tài liệu viết về cụ không nhiều, những người thân với cụ thì một số đã qua đời, các bạn văn còn lại chỉ biết sơ về cụ lúc gặp ở phố, ở bữa ăn đó đây. Hình ảnh thì càng hiếm, chỉ có vài tấm ảnh được phổ biến trên mạng. Tuy vậy, tôi cũng tìm đủ chất liệu để nhận ra một



Nghiêm Xuân Hồng (1920-2000)

con người đáng quý như tôi đã biết, một cư sĩ thâm hậu Phật học đã có được niềm vui ở đạo từ thuở thơ ấu, tăng triển kiến thức đạo vài năm trước năm 1975 và nở rộ sau năm 1975 tại hải ngoại, tự nhận là người “viết một ít sách” nhưng được tới 20 tác phẩm. Thế mà đến cuối đời nhà văn Nghiêm Xuân Hồng đã có những giây phút đáng buồn như trường hợp của Ernest Hemingway.

Suy nghiệm của Trí Không

Khởi hành trên con đường đi tìm tác giả “Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc,” tôi gặp trên mạng một người viết blog ở Việt Nam lấy tên là Trí Không, có lẽ sống ở thành phố Vinh, Nghệ An. Người ấy viết trên trang Suy Nghiệm những đoạn được trích dẫn dưới đây:

“Hai kỳ trước, tớ đã giới thiệu hai tác giả phương Tây, một của Đức, một của Na Uy. Cả hai đều có những ngôn ngữ và phong cách riêng của mình trong lộ trình tìm kiếm và khám phá chân lý. Việt Nam ta thì sao?

“Hôm nay, tớ muốn gửi đến các bạn một đại tác gia khác - người Việt Nam - cũng có phong thái rất riêng, mà theo tớ, không thua kém bất kỳ tác gia nào khác trên thế giới, trong việc khám phá kho tàng ẩn mật của chân tâm huyền diệu. Đó chính là luật sư, học giả, nhà thơ, cư sĩ Tịnh Liên - Nghiêm Xuân Hồng, qua tiểu thuyết Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc. [...]”

“Hầu hết những tác phẩm của ông là sách nghiên cứu, biên khảo. Ngoài ra, ông còn sáng tác kịch, thơ, viết báo... Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc là tiểu thuyết, gồm bốn tập, được xuất bản từ năm 1988 đến năm 1991 tại hải ngoại. Ở Việt Nam, thật đáng tiếc, chúng chỉ được lưu hành nội bộ, nếu không muốn nói là sách in lậu. Tớ may mắn được tiếp cận với tác phẩm này vào năm 2002, trong một lần lang thang phố xá và bất gặp chúng bày bán ở vỉa hè... Sau 10 năm, lục lại tủ sách tìm về tác phẩm, cảm giác xao xuyến nâng nâng cứ như vừa mới hôm qua...”

“Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc là tiểu thuyết diễn bày về quá trình tìm kiếm Chân Kinh của anh chàng Thạch Sanh - một nhân vật trong truyện cổ tích Việt Nam. Bối cảnh câu chuyện là thời Âu Lạc, vì thế trong tác phẩm, ông cũng sử dụng đến nhiều nhân vật và địa danh đậm chất Việt Nam khác như Mỵ Ê, Phong Châu, vua Âu Lạc... Ngoài những nhân vật đậm chất Việt Nam ra, còn một tuyến nhân vật khác, là danh hiệu của các vị Bồ Tát, thiên thần trong Phật giáo như Thiện Tài Đồng Tử, Văn Thù Bồ Tát, Long Thọ Bồ Tát, Long Cuồng Huệ (chỉ loài rồng), Càn Thát Bà (chỉ cõi trời), A Tu La (chỉ loài ma)... Cảm hứng cho sự ra đời của Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc, như có lần ông trả lời trong một bài phỏng vấn, chính là tác phẩm Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân.

“Tư tưởng chính trong tiểu thuyết được ông triển khai, chủ yếu nằm trong ba bộ kinh lớn của Phật giáo Đại Thừa là Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm và Kinh Lăng Già.

“Kinh Hoa Nghiêm diễn bày bản thể hoa tạng của pháp giới

trong sự dung thông vô ngại, đồng thời nói về lộ trình học đạo qua 53 vị Bồ Tát của Thiện Tài đồng tử.

“Kinh Lăng Nghiêm triển khai về thế giới tâm thức, các cảnh giới tu chứng trong thiền định và những ảo ảnh do 50 hiện tượng ấm ma chi phối làm mờ mất bản tâm thanh tịnh của mỗi chúng ta.

“Kinh Lăng Già là sự kết hợp giữa tư tưởng A Lại Gia và Như Lai Tạng. Kinh, một mặt y cứ nghĩa nhiệm ô của A Lại Da thức mà trình bày thế giới hiện tượng vật lý, tâm lý hữu lậu, rồi hội quy chúng về tự tâm thanh tịnh; một mặt y cứ vào nghĩa thanh tịnh mà đề cập đến cảnh giới thanh tịnh, giác ngộ, giải thoát, thành Phật hay cảnh giới bất tư nghi, tự giác Tánh trí của chân tâm.

“Trong Kinh Hoa Nghiêm, khởi sự cho lộ trình tìm đạo của Thiện Tài đồng tử là hội Phổ Chiếu Pháp giới ở chùa Đại Thập, do Ngài Văn Thù Bồ tát - biểu tượng trí tuệ của Phật giáo - giảng thuyết. Sau buổi giảng, khởi lên trong tâm thức hành giả Thiện Tài những suy tư lớn lao về chân lý của tồn tại. Dưới ánh trăng lung linh của đêm rằm, Thiện Tài quyết định từ giã cha mẹ, xuất gia học đạo.

“Trong Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc, cũng dưới ánh trăng vàng lung linh chiếu tỏa, chàng Thạch Sanh của nước Việt thân yêu cũng đã khởi sự cho mình một lộ trình tìm đạo như chàng Thiện Tài năm nào của pháp hội Phổ Chiếu. Lộ trình của Thạch Sanh, không hẳn là lộ trình tìm kiếm chân kinh hay tìm một vị minh sư uyên bác ở thế giới bên ngoài, mà đúng hơn, đó chính là lộ trình phản tỉnh vào chính nội tâm của mình. Quá trình tìm đạo của Thạch Sanh chính là quá trình gỡ bỏ dần dần những ảo tưởng bị sai sử bởi các ấm ma. Mỗi nhân vật, mỗi suy tư, mỗi hoạt cảnh, mỗi diễn biến được mô tả trong truyện mà Thạch Sanh phải đối diện chính là sự phóng chiếu của tâm thức mê mờ điên đảo, là sự vây bủa của khát ái cuồng si...”

Thư Viện Hoa Sen

Về tiểu sử, trang Thư Viện Hoa Sen đã tóm lược đầy đủ về cụ Tịnh

Liên Nghiêm Xuân Hồng:

Cư sĩ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng sinh năm 1920 tại Hà Đông, Bắc Việt. Năm 1953, hành nghề Luật Sư. Năm 1954, đất nước chia đôi, di cư vào Nam. Nguyên Luật Sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn, Cựu



Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng năm 1965, thời Nguyễn Khánh. Sáng lập viên nhóm Quan Điểm.

Năm 1975, miền Nam Việt Nam mất, di cư sang Hoa Kỳ. Trước năm 1975, viết sách về Chính Trị, Triết Học và Văn Chương. Sau năm 1975, chuyên đọc Kinh Đại Thừa, tịnh tu, viết sách Phật và giảng dạy Phật Pháp tại chùa Trúc Lâm Yên Tử, Santa Ana và chùa Liên Hoa, Garden Grove, tiểu bang California. [...]

Tinh thành trong lịch sử chuyển mình của quốc gia, cư sĩ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng, ngoài “Một nhà văn luôn luôn thiết tha với đất nước. Một nhà tư tưởng luôn luôn thiết tha với đại thể. Một hồn thơ luôn luôn thiết tha với cái “Mỹ” và cái “Hảo,” ông còn là “một thiền gia luôn luôn thiết tha với thế nhân.” Cư sĩ quả là bậc tiền bối hữu công sáng chói, ông đã “khước từ những quyền uy, những hạnh phúc, những danh vọng, những phú quý, những sang giàu” để tự thành đạo nghiệp cao quý cho hàng hậu tấn ngưỡng vọng.

Mười-một tác phẩm xuất bản ở Việt Nam: Đi Tìm Một Căn Bản Tư Tưởng, 1957. Lịch Trình Diễn Tiến Của Phong Trào Quốc Gia Việt Nam, 1959. Xây Dựng Nhân Sinh Quan, 1960. Luyến Ái Quan Qua Triết Thuyết và Tình Sử, 1961. Cách Mạng và Hành Động, 1962. Người Viên Khách Thứ Mười, Kịch, 1963. Từ Binh Pháp Tôn Ngô Đến Chiến Lược Nguyên Tử, 1965. Việt Nam, Nơi Chiến Trường Trắc Nghiệm, 1966. Biện Chứng Giải Thoát trong Tư Tưởng Ấn Độ, 1966. Biện Chứng Giải Thoát trong Giáo Lý Trung Hoa, 1967. Nguyên Tử Hiện Sinh và Hư Vô, 1969.

Chín tác phẩm xuất bản ở Hoa Kỳ: Lăng Kính Đại Thừa, 1982. Tánh Không và Kinh Kim Cang, 1983. Lăng Nghiêm Ảnh Hiện, 1983. Nguồn Thiền Như Huyền, 1984. Mật Tông và Kinh Đại Thừa, 1986. Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc 1, 1988. Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc 2, 1989. Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc 3, 1991. Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc 4, 1992. Ma Tâm và Ma Sự Của Người Tu (hay Ma Chương Trên Đường Tu), 2001.

Phỏng vấn của Giao Điểm

Trong số ra ngày 15 tháng 7, 1992, cụ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng đã có những lời tâm sự với báo Giao Điểm như sau:

“Tôi sinh ở Hà Nội, khoảng 1920. Khoảng 1939, vào trường Luật Khoa. Lúc đó, tình hình chính trị trong nước bắt đầu chuyển mình sôi động. Thấy chán nản lối học khoa cử, năm 1941, tôi bỏ học lang thang theo những phong trào chính trị quốc gia mới xuất hiện. Tuy cũng bị ám ảnh ít nhiều bởi trào lưu ý thức hệ Mác Xít, nhưng không hiểu sao, mỗi khi gần gũi, tôi không hề thấy một chút cảm tình gì với những người thuộc Mặt Trận Việt Minh. Năm 1953, làm Luật Sư. Năm 1954, di cư vào Nam. Năm 1975, di cư sang Mỹ. Tôi có viết một ít sách về chính trị, triết học, văn chương. Từ khi sang Mỹ năm dài đọc kinh Phật.

“Về cơ duyên đến với đạo Phật, tôi nghĩ mỗi người là một loài hoa. Có những thứ hoa nở sớm, lộ lộ, lộng lẫy. Có thứ hoa nở muộn. Có lẽ tôi thuộc loại hoa nở muộn.

Thuở nhỏ đi học cũng lười biếng, khờ khạo, thích đánh bi đánh đáo hơn là học. Lớn lên, chơi với những người bạn văn nghệ như Vũ Khắc Khoan, bỗng nghĩ đến chuyện viết lách, thì trong nhiều năm cũng chỉ nói mồm mà chẳng viết được quyển nào. Cho tới khi bắt tay vào viết, tôi nghĩ rằng giỏi lắm cũng chỉ viết được một vài cuốn là cùng, cho ra về mà thôi; không ngờ về sau cứ viết dài dài. Cho nên dần dần tôi mới hiểu ra rằng: Mọi sự ở đời, trong cuộc sống của mình, đều chỉ là sự nở ra của những chủng tử nằm sâu trong vô thức của mình. Và mỗi khi nở ra, chúng thường chiêu cảm sự dẫn dắt đưa đẩy của các vị quỷ thần và thần linh, và lần lần, tôi cũng hiểu ra rằng, trên trái đất này cũng như trên vô lượng hành tinh khác, loài người chỉ có ba bốn tỷ, nhưng quỷ thần và thần linh cùng các loài chúng sinh phi nhân khác thì vô lượng. Có lẽ cục nghiệp khác khoải siêu hình cứ lần lần nở ra trong tôi. Đọc sách luật thì thấy chán phèo, nhưng đọc những mộng những tưởng kỳ ảo thì thấy rất khoái trá.

“Hồi đó tôi có một người bạn cùng một xu hướng: đó là ông anh ruột tôi tên là Nghiêm Xuân Cẩn, nay là Thượng Tọa Thích Tâm Cẩn, trụ trì chùa Một Cột ở Hà Nội. Hai anh em cứ bỏ học đi thăm chơi các chùa và tuy chẳng hiểu Phật pháp gì bao nhiêu nhưng cứ vắn nạn lung tung các vị tăng. Hồi đó chúng tôi hay bàn cãi sôi nổi về vấn đề: “Vũ Trụ là Tận hay Vô Tận?” mà chẳng biết quyết nghị ra sao. Sau này đọc Kinh Đại Thừa mới biết đó là một trong 14 câu hỏi khó trả lời. Và tôi mới thấy rằng lời kinh xưa đã trả lời vừa bình dị vừa sâu sắc rằng: khi tâm một chúng sinh còn động niệm, thì vũ trụ vẫn còn hiện lên bởi bởi chẳng tận, nhưng khi chúng sinh đó biết bất niệm, thì vũ trụ cũng nhòe đi và tắt luôn.

“Nhưng thực ra, tôi còn một cơ duyên khác để đi vào giáo lý Phật đà. Cơ duyên này thích thú hơn, có vẻ lãng tử hơn. Đó là mấy cuốn tiểu thuyết mà tôi say mê. Hồi chín, mười tuổi tôi say mê Tây Du Ký, nhất là nhân vật Tề Thiên Đại Thánh. Nghĩ rằng nếu mình có được 72 phép thần thông biến

hóa thì mới thực là sướng. Lớn lên chút nữa, say mê cuốn Lục Giả Tiên Tung với những nhân vật như Lãnh Vu Bạng và Kim Bất Hoán.

“Mơ màng tu tiên và luyện đơn trường sanh bắt tử. Lớn lên chút nữa, mê Liễu Trai Chí Dị. Giật mình nghĩ rằng thế giới này có nhiều thứ chúng sinh phi nhân mà mắt thịt không nhìn nổi. Thấy có



Cư sĩ nhà văn Nguyên Giác Phan Tấn Hải sinh năm 1952 tại Sài Gòn, hiện sống tại Westminster, California. Ông đã viết hoặc dịch trên một chục cuốn sách liên quan đến thiền và Phật Giáo Việt Nam. (Hình Facebook)

nhiều thứ hồ ly quỷ mị và các thứ tình chương giảng mắc.

“Lớn lên ít nữa, đọc Nam Hoa Kinh. Thấy nói: nằm ngủ mơ màng hóa thành bướm, nhờn nhờ bay lượn...Lấy làm thích thú, nhưng hồi ấy vẫn hoang mang không chắc ý. Không chắc rằng cái vụ biến hóa đó có thể thực hay chỉ là một giấc mơ thôi.

“Tới gần 50 tuổi, mới đọc kinh Đại Thừa. Tôi bàng hoàng nhận thấy rằng: trong các kinh, chư Phật nhiều như cát sông Hằng, khác miệng nhưng đồng lời, đều khẳng định rằng: “Các cõi, các thế gian đều chỉ là Biến Hóa, các chúng sinh chỉ là Biến Hóa. Biến Hóa của cái Tự Tâm ấy. Dệt nên bởi những quang minh của Thần Lực cùng Nguyên Lực của chư Phật

cùng Đại Bồ Tát, cũng như được dệt nên bằng quang minh Nghiệp Lực của chúng sinh. Những quang minh của Nghiệp này, xoay vần miên viễn từ vô thủy, lần lần bị nặng nề bởi vọng tưởng vọng tình, nên xoay tròn hữu nhiều, kết lại thành những hình hài chúng sinh cùng những cảnh giới y báo.

“Cho nên tất cả thế gian này chỉ là một trường biến hiện của Thức Tâm, một trường nhân duyên trùng trùng khởi lên, một trường ảo ảnh... chẳng phải hư, nhưng cũng chẳng phải thực.

“Những điều đó thường được giảng dạy trong các kinh, nhất là Kinh Hoa Nghiêm. Tôi bàng hoàng vì lời kinh xưa không ngờ rằng lại rõ ràng xác nhận cái khả năng Biến Hóa Không Cùng của Tâm Thức; vì đó chính là giấc mơ thuở nhỏ của tôi. Từ đó tôi say mê Kinh Đại Thừa và chính chân lý ấy làm tôi sống. Đôi khi tôi trộm nghĩ rằng: một người chỉ cần có một niềm Tín Giải sâu sắc vào chân lý Duy Tâm sở hiện, thì có thể đi qua các cõi, các kiếp một cách thông dong yên ổn, tùy duyên kiếp ứng...Vì sao? Vì đó là giáo lý tối thượng về Đạo Lý vận hành của pháp giới này và các vị Quỷ thần vương đều phải kính trọng.”

Nguyên Giác: Những mẫu chuyện về cụ Hồng

Lướt lật đó đây trên mạng, tôi có được những mẫu chuyện về cụ Nghiêm Xuân Hồng, nhất được vài cái tên và manh mối để đi tiếp trong cuộc tìm kiếm cụ, người mà tôi không được dịp nói chuyện 21 năm trước.

Trên tờ Việt Báo, cư sĩ Nguyên Giác Phan Tấn Hải cung cấp một chút thông tin về cụ:

“Trong những năm gần đây cụ Nghiêm Xuân Hồng vẫn thường sáng tác thơ và dành thời giờ ở các chùa. Cụ có pháp danh là Tịnh Liên. Tuy có sức khỏe yếu kém, vào mỗi cuối tuần cụ vẫn ghé đến tư gia của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, chủ bút tờ Văn Học, để hàn huyên tâm sự chuyện văn chương và tìm hiểu về những người viết trẻ. [...]

“Theo lời con trai cụ Hồng, ông Nghiêm Xuân Quan, nói với Việt

Báo rằng cụ Hồng đã tiên đoán trước là sắp từ trần; từ bốn tuần lễ trước, cụ Hồng nói với ông Quan là, “Tao thấy yếu rồi, có thể đi trong tháng 5 hay trễ là tháng 6.”

“Ông Quan cũng nói, vào chiều thứ Bảy 6 tháng 5, cụ Hồng thấy mệt, nên ông Quan chở vào bệnh viện phòng cấp cứu, được 1 giờ đồng hồ, cụ Hồng đòi về, bảo là không thích không khí bệnh viện. Khi ông Quan chở cụ Hồng về, trên đường cụ Hồng nhìn lên trời và nói “Bầu trời đổi sắc rồi.” Tới 1 giờ khuya, rạng sáng Chủ Nhật thì cụ từ trần. [...]

“Khi đến Hoa Kỳ, với kiến thức uyên thâm, cụ đã nghiên cứu Phật học và giảng dạy Kinh Phật tại chùa Trúc Lâm Yên Tử, Santa Ana, chùa Liên Hoa, Garden Grove. Khi cụ đang phụ trách giảng dạy bộ kinh Niết Bàn thì bị bệnh và qua đời.”

Anh Nguyên Giác viết tiếp, “Tôi còn nhớ như in hình ảnh cụ Hồng. Người tầm thước, lúc nào cũng có nụ cười trên môi. Đôi mắt lộ ra thông minh, nhưng tia nhìn rất hiền lành. Đi đứng lúc nào cũng chậm rãi, thư thả. Và luôn luôn mặc trang phục chỉnh tề, đơn giản nhưng không luộm thuộm bao giờ. Tôi có một số kỷ niệm với cụ Hồng. Bây giờ mỗi khi nghĩ tới, thì lòng lúc nào cũng dịu xuống.

“Khoảng 12 năm trước, tôi là người phương xa vừa tới Quận Cam. Anh Vũ Huy Quang, một nhà văn thuộc loại bướng bình kiểu dissident trong cộng đồng cầm bút hải ngoại, một hôm chở cụ Hồng tới rủ tôi đi ăn trưa. Cụ hỏi thăm về đời sống của tôi, rồi nói về những chuyện linh tinh. Không hề có chuyện gì trầm trọng kiểu như cứu đạo, cứu đời cả. Khi nói chuyện, tôi gọi cụ Hồng bằng “cụ,” và xưng bằng “cháu.” Một cách tự nhiên, vì hai thế hệ phải là như thế. Cụ Hồng đều gọi anh Quang và tôi là “anh.” Các ngôi thứ ba cũng được cụ gọi là “anh.” Khi nói chuyện, nụ cười và nét mặt của cụ lúc nào cũng vui. Lúc đó cụ Hồng đã in nhiều sách về Phật Học rồi. Còn tôi chỉ có một số bài về Thiền in trên các báo, và đang làm việc cho tạp chí Giao Điểm của Phật Giáo.

“Một tháng sau, anh Quang lại chở cụ Hồng tới bảo tôi đi ăn cơm. Lần này đi một tiệm ăn khác. Cụ Hồng bảo anh Quang là tìm một tiệm nào có món mắm và rau đi. Chúng tôi lúc đó không ai ăn chay. Cũng chỉ nói chuyện loanh quanh. Không có gì nghiêm trọng. Và vài lần nữa, cứ mỗi tháng một lần. Nhưng không kéo dài tới một năm, có lẽ vì anh Quang đã tìm ra việc



Nhà văn Vũ Huy Quang sinh năm 1942 tại Hải Phòng, mất tại Pacifica, California năm 2017. Ông viết dưới các bút hiệu Diệu Phong, Tam Trường, Thăng Long Văn Sĩ, để lại các tác phẩm Nơi Trại Trường Giới (dịch, 1988), Đường Lên Trời (dịch, 1989), Nhục Bồ Đoàn (dịch, 1990), Mười Tân Truyện Liều Trai (1991), Câu Chuyện Triết Lý (1992), Chín Truyện Ngắn (1992).

làm, nên bận rộn hơn. Cũng nên kể rằng anh Quang rất thương khi thất nghiệp, thuộc loại kinh niên; có lẽ đó cũng là cái giá phải trả của một nhà văn viết truyện ngắn thuộc loại hay nhất hải ngoại.

“Sau này anh Quang kể lại, lúc đó mỗi lần cụ Hồng lãnh check tiền già, thì cụ lại bảo anh Quang tới rủ Hải đi ăn tiệm, bảo là để cho biết các tiệm Quận Cam. Tôi cảm động, nghĩ tới hình ảnh cụ Nghiêm Xuân Hồng - một cựu luật gia, một cựu chính khách, một nhà văn, và một nhà nghiên cứu Phật Học - chỉ thích thân cận những người vụng về và có vẻ như dường là bị gạt ra

bên lề xã hội. Anh Quang và tôi thật sự không có vẻ gì phù hợp với xã hội chung quanh, kể cả với cộng đồng những người cầm bút. Gần đây, anh Quang lại kể rằng có lần cụ Hồng từng nhét một phong bì, bên trong có ít tiền, vào túi anh Quang, bảo là cầm về mà xài. Cụ Hồng thì lãnh tiền già, đâu có bao nhiêu mà vẫn cứ rộng rãi thế. Nhưng đó mới là Đạo Phật, là Lục Độ Ba La Mật, là dốc sạch túi cho chúng sinh. Và cụ luôn luôn tìm đến những người yếu thế trên trần gian này.

“Cụ không nói gì về Đạo Phật, cũng không bàn gì về văn thơ, khi nói chuyện với anh Quang và tôi. Nhưng từng cách xử thế trong đời sống, trong cách giao tiếp, tất cả đều lộ ra phong thái nhà Phật. Cả cách cười, cách nói, cách đi đứng. Thật sự, tôi chưa đọc sách cụ một cách nghiêm túc, chỉ trừ một số bài thơ ngắn của cụ. Cũng chưa bao giờ vào chùa nghe cụ giảng kinh. Một phần vì không có nhiều thì giờ, và phần nữa vì tôi đã được may mắn thân cận với cụ, một người mà đời sống còn hay hơn chữ nghĩa nhiều.

“Phần nữa, cụ Hồng viết và nói theo kiểu của cụ, để trình bày Đạo Phật trong các phương tiện thiện xảo của cụ. Về Hoa Nghiêm, về Thủ Lăng Nghiêm, về Kim Cang, về Đại Bát Niết Bàn, vân vân. Và về Thiền và Tịnh Độ nữa. Cụ tìm cách mở quá nhiều cánh cửa cho quá nhiều người. Cụ là một Pháp Sư uyên bác. Còn tôi chỉ là người đứng bên cửa chùa chấp tay lạy.

“Điều hay nhất nơi cụ Hồng chính là việc cụ chuẩn bị cho cái chết. Ít người làm được như vậy. Cụ đã sống với cái Nguồn Thiền Như Huyền và Hoa Nghiêm Tạng Pháp Giới nhiều hơn một thập niên cuối đời - trong các cảnh giới đó, cái chết và cái sống đã hòa lẫn vào nhau, tương nhập tương tức. [...]

“Hình ảnh cụ Nghiêm Xuân Hồng lúc nào cũng thanh thản, kể cả khi rũ áo lìa đời. Những điều cần phải làm, cụ đã làm cả. Và làm rất tận lực. Một thời thơ trẻ, cụ cũng liều thân cứu nước, cố gắng suy nghĩ cho ra một lý thuyết về giai cấp tiểu tư sản để tìm phương hướng đấu tranh và xây dựng đất

nước. Rồi cụ tham chính, giữ cả chức bộ trưởng. Và rồi cụ bỗng nhiên thấy mình xa lạ với đủ thứ trò quỷ quái chính trị, nên trở về với Kinh Phật, tìm nghĩa cứu cánh, tận lực thăm dò cho ra thật tánh để chữa tận căn gốc muôn bệnh của chúng sinh. Từ đó, cư sĩ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng đã trở thành nơi nương tựa cho biết bao nhiêu người con Phật.”

Qua câu chuyện của cư sĩ Nguyên Giác, tôi nhớ tới anh Vũ Huy Quang, một nhà văn đúng là “bướng bỉnh” và gần không thể tả. Anh Quang thường gọi tôi vào những giờ giấc bất thường và rủ đến nhà nhậu, kể cả giữa giờ làm việc của tôi ở đài phát thanh. Anh làm gì có nhà, chỉ sống tạm mỗi nơi được vài tháng. Chúng tôi không còn liên lạc từ khi anh lên San Jose. Thật tiếc là anh Quang đã mất vào tháng Giêng 2017, nên tôi không thể tìm hiểu thêm về cụ Hồng qua anh, người từng lái xe đưa cụ đi đó đây và chắc biết về gia đình cụ, điều mà tôi đã thắc mắc trong cuộc tìm về cụ Hồng.

Một cái tên khác cũng được anh Nguyên Giác nhắc tới là ông Nghiêm Xuân Quan, con cụ Hồng. Tôi từng mừng thăm, nghĩ rằng mình có thể truy ra ông Quan để hỏi ông về những ngày cuối đời của cụ Hồng. Thế nhưng cuộc tìm kiếm ông Quan đã kết thúc mau chóng khi tôi truy ra một phân ưu thông báo về sự lìa trần của ông do Hội Nghiêm Xuân Tương Tế Hải Ngoại đăng trên báo Người Việt. Ông Quan đã mất hồi tháng 10, 2017, cùng năm với Vũ Huy Quang, hưởng thọ 73 tuổi. Ông là con trưởng của cụ Hồng. Tôi dò không ra Hội Nghiêm Xuân Tương Tế Hải Ngoại, nên đành chấm dứt cuộc điều tra theo hướng gia đình cụ Hồng.

Bác Mật Nghiêm và cụ Hồng

Một người khác cũng tin rằng cụ Nghiêm Xuân Hồng đã “rũ áo lìa trần, ra đi trong sự thanh thản” là bác Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả. Năm nay bác Mật Nghiêm đã 89 tuổi, là Hội Trưởng Hội Phật Học Đuốc Tuệ, một hội đã mời được nhiều danh tăng đến Quận Cam thuyết pháp trong hai thập

niên. Cũng nhờ hội này mà tôi được nghe nhiều bài pháp hữu ích, đúng lúc tôi cần chuyển hướng từ niềm đam mê văn chương qua một con đường khác. Bác Mật Nghiêm quê ở Kiến An, Hải Phòng, giữ chức vụ cuối cùng trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa là Trung Tá Chỉ Huy Trưởng kiêm Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn 23 Bộ Binh. Sau năm 1975, bác bị cộng sản bắt đi tù cải tạo 10 năm; bác định cư tại Nam California từ năm 1992. Vào năm 1993 bác đến Dharamsala, Ấn Độ và gặp Đức Đạt Lai Lạt Ma với ý định xuất gia, nhưng rồi bác trở về Hoa Kỳ và tìm một con đường khác để phục vụ đạo pháp. Hội Phật Học Đuốc Tuệ ra đời từ đó.

Hồng. Giờ thì ông Tam cũng chết rồi, lâu rồi. Ông ấy là con của một luật sư bạn của ông Hồng.”

Rồi bác Phả cười khi kể tiếp, “Ông Hồng thường rủ tôi đi ăn. Tôi đến đón ông ấy rồi đi ăn ở một nhà hàng Tàu. Nhà hàng gì nhỉ? Tôi quên tên rồi. Chúng tôi thường đến đó ăn để có dịp nói chuyện.”

Một trong những lần gặp nhau như vậy, cụ Hồng đã đề nghị bác Phả thay cụ dạy lớp giáo lý tại Chùa Liên Hoa, vì vấn đề sức khỏe của cụ. Có lẽ mối tương thân giữa hai vị cư sĩ thâm niên đã đẩy đưa tôi đến bài viết này về cụ Hồng. Vào năm 2018, vợ chồng chúng tôi đến thăm bác Phả, nhân tiện tặng



Cư sĩ Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả sinh năm 1932 tại Kiến An, Hải Phòng, trước năm 1975 giữ chức Trung Tá Chỉ Huy Trưởng kiêm Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn 23 Bộ Binh trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đóng tại Ban Mê Thuột. Bác sáng lập Hội Phật Học Đuốc Tuệ tại California, đã xuất bản hai cuốn sách Mật Tông Vấn Đáp, Sen Nở Trời Âu Mỹ, chủ bút tuần báo Saigon Post. Hình chụp tại nhà ở Santa Ana ngày 9 tháng 11, 2021.

Mối liên hệ giữa bác Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả và cụ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng được khởi đầu với một người tên là Tam. Ngày tôi đến thăm bác Phả để hỏi về cụ Hồng thì trí nhớ của bác không còn như xưa, như thời bác có thể sáng tác một bài thơ ngay tại chỗ để tặng quý Tăng, Ni đến giảng pháp tại Hội Phật Học Đuốc Tuệ. Bác lặp lại nhiều lần, “Ông Tam gì ấy, tôi quên tên rồi, ông Tam đã đưa tôi đến gặp ông Nghiêm Xuân

bác từ Tinh Tấn Magazine số đầu tiên. Trong những câu chuyện trao đổi trong hơn một tiếng đồng hồ, có lúc tôi nghe bác Phả nhắc đến những ngày tháng “khó lắm” lúc cuối đời của cụ Hồng. Tôi không còn nhớ gì khác về buổi thăm bác năm đó, ngoại trừ hai chữ “khó lắm.”

Lần này khi tôi trở lại thăm bác Phả thì tình trạng đời sống của bác có thay đổi. Bác không còn khỏe như trước, cô đơn hơn, nhưng

cũng chí tâm hơn về việc tu hành và tụng kinh mỗi ngày trước bàn thờ Phật. Hỏi về cụ Nghiêm Xuân Hồng, bác Phả chỉ nhớ là “ông ấy ra đi thanh thản lắm, ở nhà thương về thì đêm hôm ấy ông đi, không quấy rầy ai. Đi nhẹ nhàng, nhờ có tu đấy.”

Nhìn quanh căn phòng rộng, trang nghiêm với bàn thờ Phật, có cửa ra ngoài sân, có giường nằm, hình ảnh bác Phả với Đức Đạt Lai Lạt Ma treo trên tường, tôi đoán bác Phả cũng mong được ra đi thanh thản, “đi nhẹ nhàng, nhờ có tu đấy.”

Nghe bác Phả nhắc tới vợ cụ Hồng đã mất trước cụ, tôi hỏi bác có biết người vợ ấy đã mất ở Việt

đã cũ, không liên lạc được với ai.

Cụ Hồng và bố anh Đỗ Khiêm

Cư sĩ Nguyên Giác cũng trả lời email rằng anh không biết cụ có mấy người con, vợ cụ đã ra đi năm nào, ở đâu. Cũng lạ! Cụ Nghiêm Xuân Hồng xem có vẻ giao du với nhiều người, mà sao không ai biết về gia đình cụ. Phải chăng có điều gì đó làm cụ không muốn nhắc tới gia đình với các văn hữu?

Người mà tôi tìm tới kế tiếp là anh bạn văn Đỗ Khiêm. Anh và cậu con trai đang ở đâu đó tại Thổ Nhĩ Kỳ, thường xuyên đăng những bài viết trên Facebook, cho thấy anh có kiến thức rộng về lịch sử và xã hội, và có óc khôi hài. Tôi từng

nghe anh nhắc tới cụ Hồng là bạn của thân phụ của anh, nên tôi liền lạc để hỏi về gia đình của cụ Hồng. Anh Khiêm trả lời qua messenger, “Mình không biết vợ con bác ra sao. Chỉ có vài kỷ niệm lúc bác đến nhà lúc nhỏ 1965 và về sau ở Mỹ tại nhà mình khi bác đến chơi với bố.”

T h a ^ n phụ của Đỗ Khiêm là bác Đỗ Năng An. Anh từng viết trên Facebook, “Cuối 1980-đầu 1990 bố ở Đông

Á, bác Hồng hay sang chơi, rủ bố đi Nepal, Ấn Độ hành hương. Bác Hồng là bạn đồng chí Đại Việt Cách Mạng với bác Phúc mình từ thời sinh viên, bác học luật trước bố hai năm cùng đời với bác Phúc tuy bác Phúc học Y. [Bác Đỗ Ngọc Phúc mất trong chiến tranh năm 1948].

“Có bạn mình gặp bác, bố bảo, sách toa cho moa có bao giờ đọc đâu, thằng này nó đọc hết. Quả vậy, mình còn nhớ bác đến nhà

năm 1965 cho sách và mình có đọc cẩn thận “Từ Binh Pháp Tôn Ngô Đến Chiến Lược Nguyên Tử.” Năm đó bác làm Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng của Nguyễn Khánh, lúc sinh viên đã đảo độc tài và Nguyễn Khánh cũng leo lên xe đứng đã đảo độc tài luôn, rất là vui!”

Đỗ Khiêm cho biết trong thời gian cha anh làm việc khoảng bảy, tám năm tại các trại tỵ nạn Đông Nam Á, trong những kỳ nghỉ hay đổi việc thì ông “vẫn vợ đi chơi trong khu vực với các bạn. Bác Nghiêm Xuân Hồng những mấy bận sang thăm, hai ông lê la chùa Tây Tạng với đền Nepal dù bố mình thuộc thành phần vô tín và dễ tính.”

Một món quà bất ngờ mà anh Đỗ Khiêm đã tặng tôi là một bức ảnh tuy không rõ nét nhưng cho thấy cụ Nghiêm Xuân Hồng đang đứng trên phà, có thể là ở Hồng Kông, không rõ thời gian do cha anh chụp. Bác Đỗ Năng An cũng đã mất từ lâu.

Chân dung cụ Hồng qua nhà thơ Viên Linh

Đến đây thì cuộc tìm kiếm của tôi gặp bài viết “Nghiêm Xuân Hồng, Người Viễn Khách Đã Xa” của nhà văn Viên Linh đăng năm 2017 trong cuốn “Lịch Sách Chân Dung Nhà Văn Việt Nam.” Nhà thơ Viên Linh đã cung cấp thêm chi tiết về một quãng đời của cụ Nghiêm Xuân Hồng..

Nhà thơ Viên Linh viết, “Trong những năm cuối đời tại hải ngoại, Nghiêm Xuân Hồng dành hầu hết thì giờ vào việc đọc kinh Phật, và giảng kinh Phật tại các chùa tại miền Nam California. Ông thường tán tụng Kinh Hoa Nghiêm, hay nói về bộ kinh này. Pháp danh của ông là Tịnh Liên (bông sen thanh lặng). Ngay khi đặt chân lên trại tị nạn cộng sản ở Hoa Kỳ, ông đã viết những bài đầu tiên về đạo Phật, một trong những bài đó có nhan đề “Tìm bóng Phật trên đất khách,” đăng trong tạp chí Đuốc Tuệ số 1, xuất bản vào tháng 5, 1976, báo của Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam tại vùng thủ đô Washington, D.C., tác giả Viên Linh là Thư Ký Tòa Soạn.



Nhà văn Đỗ Khiêm, bút hiệu Đỗ Kh, sinh năm 1955 tại Hải Phòng, sống ở Pháp, Hoa Kỳ, du lịch nhiều nơi trên thế giới, đã lưu trú tại Thổ Nhĩ Kỳ từ khi đại dịch lan tràn đầu năm 2020. Ông viết các tác phẩm *Cây Gậy Làm Mưa* (1989), *Thơ Đỗ Kh* (1989), *Có Những Bức Minh Túc Không Thể Nói* (1990), *Ký Sự Li Tây* (1991), *Không Khí Thời Chưa Chiến* (1993), *Gừng Di Bỏ Phiếu* (2007), và *Saigon, Samedi* (Sài Gòn Thứ Bảy, tiểu thuyết viết tiếng Pháp, 2014). Hình chụp tại Antalya, Thổ Nhĩ Kỳ, đăng Facebook ngày 5 tháng 11, 2021.

Nam hay ở Hoa Kỳ, trước hay sau năm 1975? Cụ Hồng có bao nhiêu người con? Bác Phả nói, “Ông ấy từng kể với tôi rằng sau ngày vợ mất ông tìm thấy kinh sách ở bàn thờ Phật của vợ, từ đó ông mới đi sâu hơn vào đạo Phật.”

Hình như giữa sự “khổ lắm” và “ra đi thanh thản” có điều gì đó mà tôi thấy chưa rõ, không ổn. Vài ngày sau bác gọi và cho tôi vài số điện thoại để tìm hiểu về gia đình cụ Hồng. Những số điện thoại này

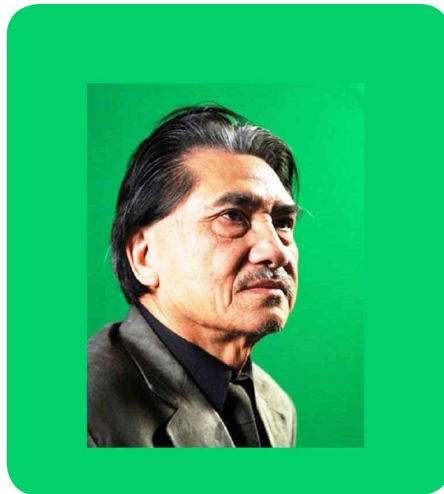
“Trong thời gian ở trại chuyển tiếp Indiantown Gap, thuộc tiểu bang Pennsylvania, tháng 7 năm 1975, Nghiêm Xuân Hồng, Thanh Nam, Viên Linh mỗi buổi sáng đi từ lều này qua lều khác để tìm nhau. Cả ba, dưới trời sương buổi sáng khá lạnh, tuy là vào mùa Xuân đất khách, vẫn đi dạo trên những đồi cỏ, và thường thường hỏi nhau: “Bây giờ ta đi đâu?” Hỏi thì hỏi thế thôi, chứ khi ra khỏi căn trại gỗ, người nào cũng nghĩ: đi uống cà phê đi!

“Trong những lần gặp ấy, vì còn trong thời gian chờ đợi đi định cư, chưa biết sẽ được đi đâu, chúng tôi thường hay dằn dò nhau, nhớ liên lạc lại ngay một khi ra khỏi trại, đang còn có thể gặp lại nhau.

“Khi nói, họ Nghiêm không hùng biện, dù là một luật sư tốt nghiệp ở Hà Nội từ trước 1954, mà cách nói như một triết gia - người viết nghĩ thế - vì nghe ông nói, người nghe phải chú tâm lắm lắm mà chỉ hiểu mơ màng. Vả chăng, khuôn mặt ông lúc ấy như có một đám mây mờ bay qua, hay như một mảng khói xám tỏa xuống. Nên người nghe chỉ biết ghi nhận, được bao nhiêu hay bấy nhiêu, vì nghĩ rằng hỏi lại, hay gắng hỏi, là điều không nên, và không thể được. Người nghe cố bắt lấy tâm điểm của lời kể, hình ảnh của chuyện kể, và tự mình hiểu được đến đâu thì hiểu. [...]

“Những dòng sau đây, viết từ năm 1975, 1976, cho thấy rõ một Nghiêm Xuân Hồng thay đổi nhận thức như thế nào từ khi rời bỏ quê hương:

“Hồi mới lớn, đi học, tôi hay vào trường Bác Cổ Hà Nội đọc mấy cuốn sách của người Pháp viết về Đạo Phật, tuy tôi chẳng hiểu được mấy. Tôi cũng hay đi bộ lang bang thăm mấy cảnh chùa ở vùng Bắc Ninh, Yên Tử... Sau đó, căn duyên hơi dứt đoạn, tôi mãi mê chạy theo cuộc đời... Tới năm bốn mươi tuổi, tôi ngồi mấy năm đọc lại sách Phật, nhận thấy nhân quan của mình nhìn đạo đã đổi khác... Rồi tôi lại bỏ bằng đi mất bảy, tám năm... Đến ba, bốn năm gần đây, tôi trở lại nghiền ngẫm kinh sách, và lần này, tôi có cảm tưởng hình



Nhà thơ Viên Linh tên thật là Nguyễn Nam, sinh năm 1938 tại Hà Nam, di cư vào Sài Gòn năm 1954, định cư tại Mỹ năm 1975. Ông sống bằng nghề cầm bút từ 1962, là Tổng Thư Ký Tòa Soạn nhiều tuần báo chuyên về văn học nghệ thuật như Kịch Ảnh, Nghệ Thuật, Khởi Hành, Hồng, Thời Tập, đã xuất bản hơn 20 cuốn sách trước 1975, được giải nhất Giải Văn Chương Toàn Quốc VNCH năm 1974 với tác phẩm Gió Thấp. Ông tiếp tục chủ trương nguyệt san Khởi Hành tại hải ngoại sau 1975, là Chủ Tịch Văn Bút Hải Ngoại 1993-1999.

như không dứt được nữa... Ngồi ngẫm lại, thấy các cuốn Kinh có điểm thật lạ lùng là Kinh như hạt châu quý, mỗi người đọc tùy theo căn duyên của mình lại nhìn thấy một mẫu khác nhau, mỗi tuổi đọc lại một khác. Mới đọc, khi căn duyên chưa nở và nghiệp chướng còn đầy ắp, thấy mình như đập đầu vào vách, nhưng đọc lâu thấy trong Kinh có một thế giới trang nghiêm và huyền diệu lạ thường, hình như không phải thế giới người mà vẫn bao gồm cõi nhân thế...

“Hồi di cư, tôi có để lại Sài Gòn mấy giá Kinh và nhiều hình Phật treo la liệt trên tường. Tôi không mang đi, một phần vì quá vội, nhưng cũng có một phần ẩn ý muốn cho những người Việt Cộng nhìn thấy những bức hình đó. Tuy mang nặng nghiệp sát và nghiệp quyền lực, nhưng họ nhìn những hình đó, tôi nghĩ họ cũng tiêu được một chút nghiệp chướng. Dù họ có mang xé đi, thì họ cũng gây một nghiệp nghịch với Phật, và những kẻ gây nghiệp nghịch, trong cuộc hành trình mệnh mang của các

kiếp, cũng sẽ trở về con đường Phật chỉ... (NXH, Tìm bóng Phật trên Đất Khách, Đuốc Tuệ, 5.1976)”

Những câu hỏi của Nguyễn Mộng Giác

Đến đây, hành trình của tôi đã quay về với nhà văn Nguyễn Mộng Giác, người có thể biết nhiều nhất về thân thế của cụ Nghiêm Xuân Hồng. Trong bài phê bình “Độc Con Nữ - Tập Truyện Của Đỗ Quỳnh Giao,” có những đoạn nhắc tới cụ Hồng.

“Trước 1975, là một nhà giáo tỉnh lẻ, tôi ít có cơ may quen thân với hai nhà văn đàn anh Mai Thảo và Nghiêm Xuân Hồng. Sang Mỹ, Little Saigon là một khu tập trung đông đảo nhất những khuôn mặt văn nghệ Sài Gòn cũ trong một diện tích gần bốn dặm vuông, tất cả đều trở thành láng giềng gần gũi. Nhờ thế, tôi được nhiều dịp tiếp đón cả hai nhà văn ở nhà, những dịp cuối tuần. Cả hai vị đều trải qua tuổi già trong cảnh độc thân. Mai Thảo suốt đời không lập gia đình, về già sống một mình trong một căn chung cư ngay trên phố Bolsa. Nghiêm Xuân Hồng sống với vợ chồng con trai, nhưng các con bận việc làm ăn, ông phải tự lo lấy mọi việc. Những buổi chiều cuối tuần ở căn nhà đường Strait của chúng tôi là dịp hai vị được ăn một bữa cơm nóng, chuyện vãn với bạn bè lớp trẻ trong không khí ấm cúng gia đình, để những ngày còn lại sống tiếp cuộc sống cô đơn.

“Dĩ nhiên cả hai vị đều tuổi già sức yếu, bệnh hoạn thường xuyên. [...]

“Trước cảnh tượng phải vào nhà thương, chịu giải phẫu và sau đó bị cột chặt vào giường bệnh cho đến lúc trút hơi thở cuối cùng của Mai Thảo, nhà văn Nghiêm Xuân Hồng thường tâm sự là ông sẽ không dại dột như Mai Thảo. Ông không để cho “bọn đồ tể” trong y giới làm tình làm tội thân thể ông. Ông nhất định không đi nhà thương dù thú nhận rằng mỗi sáng thức dậy, ông có cảm giác như đang sống trong địa ngục. Hình như có hàng vạn con trùng đang gặm nhấm khắp cơ thể ông, máu trong người ông như lên cơn sôi. Phải nằm im cả buổi sáng, đến trưa ông

mới cảm thấy bình thường, và buổi chiều tìm cách đi thăm người này người nọ để bớt thấy cô đơn. Về già, Nghiêm Xuân Hồng càng mê đạo Phật. Ông viết sách về Phật giáo, lâu lâu đi giảng kinh Phật ở các chùa. [...]

“Rồi đến lượt nhà văn Nghiêm Xuân Hồng ra đi. Khác với Mai Thảo, ông ra đi đột ngột, có thể nói là chủ động ra đi một cách nhẹ nhàng. Buổi sáng thứ Bảy hôm đó, người bạn thường chở Nghiêm Xuân Hồng đến nhà chúng tôi mỗi chiều cuối tuần điện thoại cho chúng tôi, giọng hối hả, báo tin nhà văn đang mệt nặng. Ông vừa thêu thào điện thoại cho anh, bảo phải đến gấp vì ông khó thở. Nhưng anh ấy không có xe, nên nhờ chúng tôi đến nhà xem tình hình sức khỏe cụ Hồng ra sao. Chúng tôi đến, và thấy Nghiêm Xuân Hồng nằm một mình trong cái buồng con bệ bộn đồ đạc của ông, dáng vô cùng mệt nhọc. Ông cho biết lúc này gần như không thở được, bây giờ đã khá hơn. Chúng tôi đề nghị gọi xe cấp cứu đưa ông đi nhà thương. Ông ngần ngừ, nhưng cuối cùng chấp thuận cho chúng tôi gọi 911. Một người bạn đồng thời cũng điện thoại báo tin cho con trai ông. Trong khi chờ đợi, ông bảo chúng tôi cất giùm khẩu súng ông để ở học bàn viết. Biết chúng tôi thắc mắc, ông giải thích lúc này mệt quá, định với tay lấy súng chấm dứt cuộc đời mình cho nó xong đi, nhưng sức quá yếu, không với tay mở học bàn được. Rồi người con trai về, và xe cấp cứu đến. Bác sĩ bảo mạch tim ông quá thấp, phải ở lại nhà thương để theo dõi và chữa trị. Ông nhất quyết đòi về. Nhà thương đành để ông về sau khi làm một số thủ tục để tránh trách nhiệm bất cẩn nếu bệnh nhân có mệnh hệ gì. Nghiêm Xuân Hồng trở về căn phòng mình, có vẻ đỡ hơn, bảo con đi mua cháo. Người con mua cháo về, ông bảo để đó, ông nằm nghỉ một chốc đỡ mệt sẽ ăn. Mọi sự có vẻ bình thường. Sáng hôm sau, gia đình khám phá ông đã qua đời trong đêm. [...]

“Cái chết của hai nhà văn đàn anh để lại một ấn tượng sâu sắc trong tôi. Để lại rất nhiều câu hỏi. Trong suốt một năm dài nằm dính vào giường bệnh, thân thể bất động



Nhà văn Nguyễn Mộng Giác sinh năm 1940 tại tỉnh Bình Định, mất năm 2012 tại California. Ông bắt đầu viết văn từ năm 1971, xuất bản Bão Rớt (1973), Tiếng Chim Vườn Cũ (1973), Qua Cầu Gió Bay (1974), Đường Một Chiều (giải thưởng Trung Tâm Văn Bút Việt Nam, 1974). Sau khi vượt biển và định cư tại California, ông xuất bản Xuôi Dòng (1987), bộ tiểu thuyết 5 tập Mùa Biển Động (1982-1989), bộ tiểu thuyết 4 tập Sông Côn Mùa Lũ (1990, 1991). Chủ bút tạp chí Văn Học (1986-2004).

nhưng thần trí vẫn tỉnh táo sáng suốt, nhà văn Mai Thảo đã nghĩ gì? Nếu ông nói được hay viết được những suy nghĩ của ông trong thời gian đó, ông có “gối tay lên bệnh

nằm thanh thản” được không? Tại sao nhà văn Nghiêm Xuân Hồng đã có lúc nghĩ tới chuyện dùng súng quyền sinh để thoát bệnh? Quyết định không thành ấy là sáng suốt hay do một phút yếu lòng? Ông đã cảm gì, nghĩ gì trong đêm thứ Bảy [sáng Chủ Nhật?] lặng lẽ từ biệt cõi đời?”

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác viết bài trên vào năm 2003. Rồi trong năm sau chính anh cũng phải đương đầu với những câu hỏi mà anh đã nêu ra cho hai vị đàn anh, khi anh nằm giường chịu đựng bệnh ung thư trước khi vĩnh biệt cõi đời năm 2012.

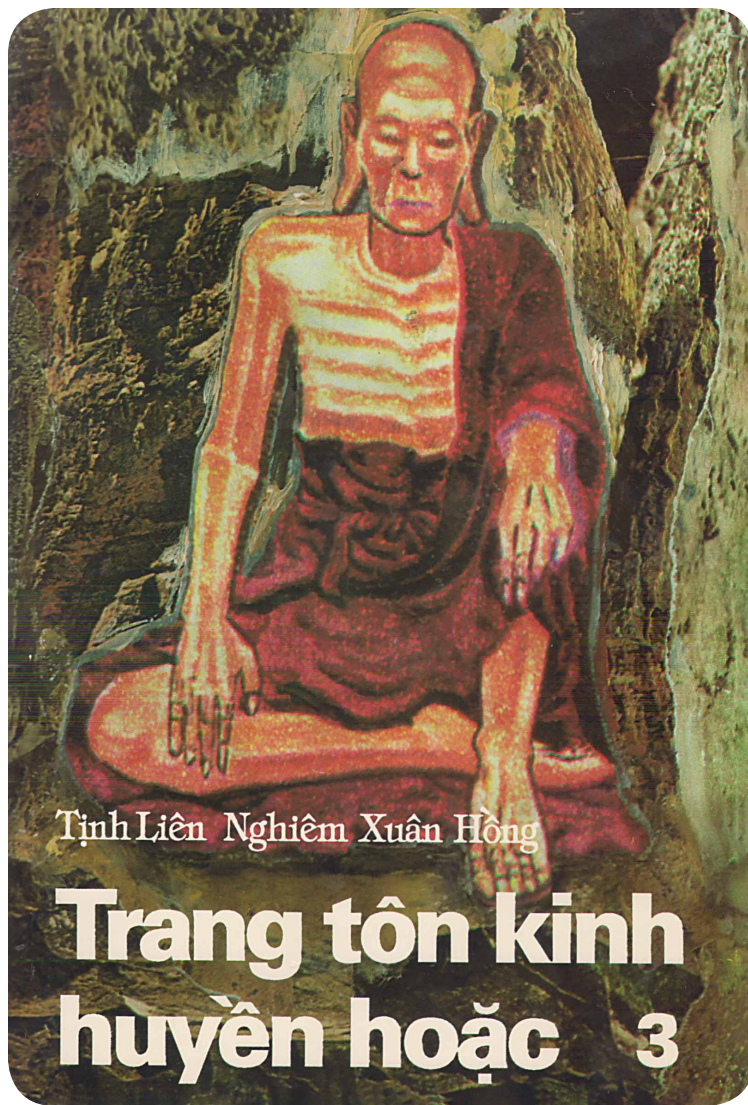
Trở về nhà anh Giác

Người cuối cùng tôi tìm đến trước khi quyết định kết thúc chuyến đi tìm tác giả “Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc” mà tôi ngưỡng mộ là chị Diệu Chi, vợ anh Giác. Tôi đến nhà vào sáng thứ Sáu, sau hai lần gọi số điện thoại và đoán chị đã đổi số nhà. Với giọng Huế lú lo, chị mở cửa và reo mừng khi nhận ra tôi sau miếng mặt nạ che miệng của thời đại dịch. Tôi cũng vui khi biết chị vẫn còn đó, vẫn đón khách với tiếng cười rộn ràng, niềm nở.

Bước vào trong nhà tôi thấy



Vào năm 1987, bác Đỗ Năng An, thân phụ nhà văn Đỗ Khiêm, làm việc tại trại tỵ nạn Hỉ Linh Châu, Hồng Kông và ở trên đảo Bình Châu. Cụ Nghiêm Xuân Hồng có sang thăm một ngày, và bác An đã bấm tấm ảnh này trên phà, chắc là từ Bình Châu đi sang Cửu Long. (Hình Đỗ Khiêm cung cấp)



Xuân Thu xuất bản tập 3 lần đầu tiên năm 1991 với hình bìa của họa sĩ Hồ Thành Đức.

bàn ghế còn được bày biện như xưa, không thay đổi so với thời ngôi nhà là nơi tụ tập của anh em văn giới vào mỗi cuối tuần. Nhưng từ ngày anh Giác mất, nơi đây không còn từng bừng với tiếng cười nói của các văn nghệ sĩ. Chị Diệu Chi sống với con trai và một người thuê phòng, mà con chị thì đi làm từ sáng đến tối, người thuê phòng chỉ ra ngoài để vào bếp nấu ăn.

Buổi sáng hôm đó tôi cảm thấy buồn ngủ khi nhìn chị Diệu Chi ngồi một mình trên chiếc ghế sofa màu nâu đậm, trên các kệ chung quanh có nhiều sách vở, hình ảnh của anh Giác. Trên cao giữa phòng là tượng Phật và tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, bên dưới là hũ tro cốt của anh. Căn phòng chỉ có mình chị với quá nhiều kỷ niệm văn học ở chung quanh. Nhiều năm đã trôi

qua trong tĩnh lặng ở căn phòng này.

Nghe tôi hỏi về cụ Nghiêm Xuân Hồng, chị vừa nói lớn vừa cười, chỉ ngay vào tôi, “Ổng ngồi ngay chỗ em ngồi đó, lần nào cũng vậy, hễ đến đây ăn cơm với anh chị là ổng ngồi chỗ đó, chỗ Đạt đang ngồi đó. Còn anh Giác thì ngồi ở đây. [Chị chỉ nơi chị đang ngồi]. Còn chị thì ở trong bếp, cho hai ông ấy nói chuyện với nhau.”

Qua chị Diệu Chi, tôi được biết vợ cụ Hồng mất sau năm 1975 tại California, vì bệnh ung thư. Chị chỉ biết vợ chồng cụ có ba người con nhưng chưa bao giờ gặp họ. Ngoài ông Nghiêm Xuân Quan, tôi đoán một trong ba người con còn lại là trai. Có lúc chị Diệu Chi nói cụ ở với vợ chồng con trai nhưng không phải là ông Quan. Cụ Hồng sống

ở khu gia cư đối diện cổng chính của Nghĩa Trang Westminster trên đường Bolsa. Nghĩa trang này có nhiều ngôi mộ của các văn thi sĩ, kể cả của Mai Thảo, Nguyên Sa, Nguyễn Tất Nhiên.

Chị Diệu Chi kể chị từng đi với anh Giác đến nhà cụ Hồng khi hay tin cụ yếu sức, khó thở. Chị nói thêm một chi tiết mà tôi phải hỏi lại cho rõ là cụ Hồng đã để súng ở dưới gối, nhờ anh Giác lấy nó ra và cất trong hộc tủ khóa lại, vì cụ không muốn các nhân viên cứu thương thấy súng và thắc mắc, gây phiền cho những người trong nhà.

Từ già chị Diệu Chi, tôi hứa sẽ đến thăm chị thường hơn. Suốt nhiều năm chị phải chăm sóc bệnh cho anh Giác, “chị khổ với anh lắm, Đạt ơi!”, giờ chị sống hầu như một mình trong ngôi nhà mà nhìn đâu cũng thấy kỷ niệm với anh. Đứng ở sân trước, tôi nán lại vài phút để nhớ lại buổi gặp cụ Hồng đêm hôm đó. Nơi cụ từng bước lên xe là nơi tôi đang đậu xe. Tôi không ngờ đằng sau ánh mắt hiền từ, nụ cười nhân hậu của cụ Nghiêm Xuân Hồng lại là một cuộc phấn đấu chống chọi ác liệt với bệnh tật, với hoàn cảnh hẩm hiu, cô đơn của cuộc đời ở tuổi già.

Giữa ánh sáng của một ngày đang lên, tôi chợt nghĩ có lẽ “Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc” là nơi cư sĩ Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng đã ẩn trú trong cuộc tử thí đạo lực triển miên trước các ma vương trong cuộc hành trình đi tìm Chân Kinh. Kết cục của cuộc chiến đó như thế nào thì chỉ có cụ biết. Còn tôi, tại sao tôi đã cất công đi tìm vị cư sĩ có pháp danh “đóa sen thanh tịnh” mà có lúc tôi chấp nhận bỏ hết mọi công việc ở chung quanh, kể cả việc kiếm sống, để hoàn toàn tập trung vào một hình bóng mờ ảo từ hơn hai mươi năm trước? Phải chăng đó chỉ là cái cớ để tôi nhìn ra một cuộc chiến trong nội tâm của chính mình, nơi mà tôi phải trực diện với ma vương, phấn đấu trước những khổ đau không thể tránh khỏi của kiếp người, trên con đường trở về với sự thanh tịnh của chân tâm giữa vũ trụ mênh mông và huyền ảo này? ♦

Ân nhân hùn phước của Tinh Tấn số 6



Hòa Thượng Thích Minh Mẫn
(Viện chủ Chùa Huệ Quang, Santa Ana, California)

Hòa Thượng Thích Đăng Pháp
(Viện chủ Thiền Viện Chân Nguyên, Adelanto, California)

Hòa Thượng Thích Hạnh Đắc
(Thiền Viện Chân Nguyên, Adelanto, California)

Thầy Jangchup Tharchin - Trâm Kim Thạnh
(Fountain Valley, California)

Ni Sư Thích Nữ Minh Từ
(Chùa Hương Tích, Santa Ana, California)

*

Theo thứ tự nhận được

Diệu Minh Hoàng Thị Kiểm
(Westminster, California)

Bùi Kính
(Westminster, California)

Kiều Mỹ Duyên
(Ana Funding, Inc, Garden Grove, California)

Nguyễn Giác Phan Tấn Hải
(Westminster, California)

Lâm Ngọc Chiêu
(Stanton, California)

Phạm Đồng Hải
(Westminster, California)

Tâm Thành Trần Thị Yến Nga
(Huntington Beach, California)

Bảo Diệu Châu Trần Thị Ngọc
(Garden Grove, California)

Diệu Tuyết Lê Thị Hồng
(Garden Grove, California)

Tâm Minh Vương Thúy Nga
(Houston, Texas)

Phạm Phi Kiểm & Lê Thị Thanh Nga
(Irvine, California)

Tina Đỗ
(Chandler, Arizona)

Hoàng Phú
(Green Brook, New Jersey)

Steven Nguyễn
(Forest Park, Georgia)

Tâm Nguyễn Andy Trần
(San Diego, California)

Tâm Phước Nguyễn Kim Uyên
(Garden Grove, California)

Đạo hữu Hùng
(Garden Grove, California)

Đỗ Thiệu Nguyên
(Fountain Valley, California)

Nguyễn Bá Chương & Nguyễn Kim Dung
(Fountain Valley, California)

Vũ Đăng
(Westminster, California)

Lannie Nghiêm
(Fountain Valley, California)

Ho V. Phan
(Poway, California)

Trương Tuấn
(Stockton, California)

Thomas Trịnh Thành
(Bel Air, Maryland)

Minh Pháp Lương Trác Phương
(San Diego, California)

Trần Anh Dũng
(Myrtle Beach, South Carolina)

Anh chị Tâm Thắng - Tâm Quang
(Irvine, California)

Cụ Diệu Phương
(Katy, Texas)

Trần Nhân
(San Jose, California)

Tong T. Hoang
(San Diego, California)

Le Hoa Wilson
(California)

Liem H. Khuc
(Hyde Park, Massachusetts)

Nguyễn Ngọc Sương & Vũ Duy Hiên
(North Tustin, California)

Anh chị Minh Tánh - Diệu Nhật
(Westminster, California)

“Xin chân thành tạ ơn tất cả mọi sự hỗ trợ bằng tinh thần cũng như vật chất đã giúp cho Tinh Tấn Magazine được tiếp tục. Xin hồi hướng mọi công đức, nếu có, trong việc thực hiện tờ báo này cho sự an lạc của tất cả các chúng sanh.”

Đọc Tinh Tấn Magazine trên mạng
<https://tinhtan.org>

Mọi hỗ trợ cho Tinh Tấn số 7 xin thư về:
9082 Jennrich Ave., Westminster, CA 92683
email: tinhtan2018@yahoo.com



BỎ HÚT THUỐC ĐỂ BẢO VỆ SỨC KHỎE VÀ DẪN DẮT CON CÁI TRÊN BƯỚC ĐƯỜNG TƯƠNG LAI.
XIN LIÊN LẠC TRUNG TÂM CAI THUỐC LÁ DÀNH CHO NGƯỜI VIỆT BẰNG CÁCH:

- NHẮN TIN “bỏ hút thuốc” ĐẾN SỐ 66819*
- GHI DANH QUA TRANG MẠNG WWW.ASQ-VIET.ORG
- GỌI SỐ TIẾNG VIỆT 1.800.778.8440

Các dịch vụ giúp cai thuốc lá qua điện thoại thuận tiện và MIỄN PHÍ gồm có:

- Tài liệu hướng dẫn
- Tư vấn bằng tiếng Việt
- Miếng dán nicotine gửi đến tận nhà (nếu hội đủ điều kiện)

**Để ngưng nhận tin nhắn bất cứ lúc nào, xin nhấn “STOP” đến số 66819. Hãng điện thoại của bạn có thể tính chi phí cho dịch vụ nhắn tin.*

Trung Tâm Cai Thuốc Lá Dành Cho Người Việt là một dịch vụ của Asian Smokers' Quitline (ASQ).
2021 CDC. Funded by the U.S. Centers for Disease Control and Prevention.



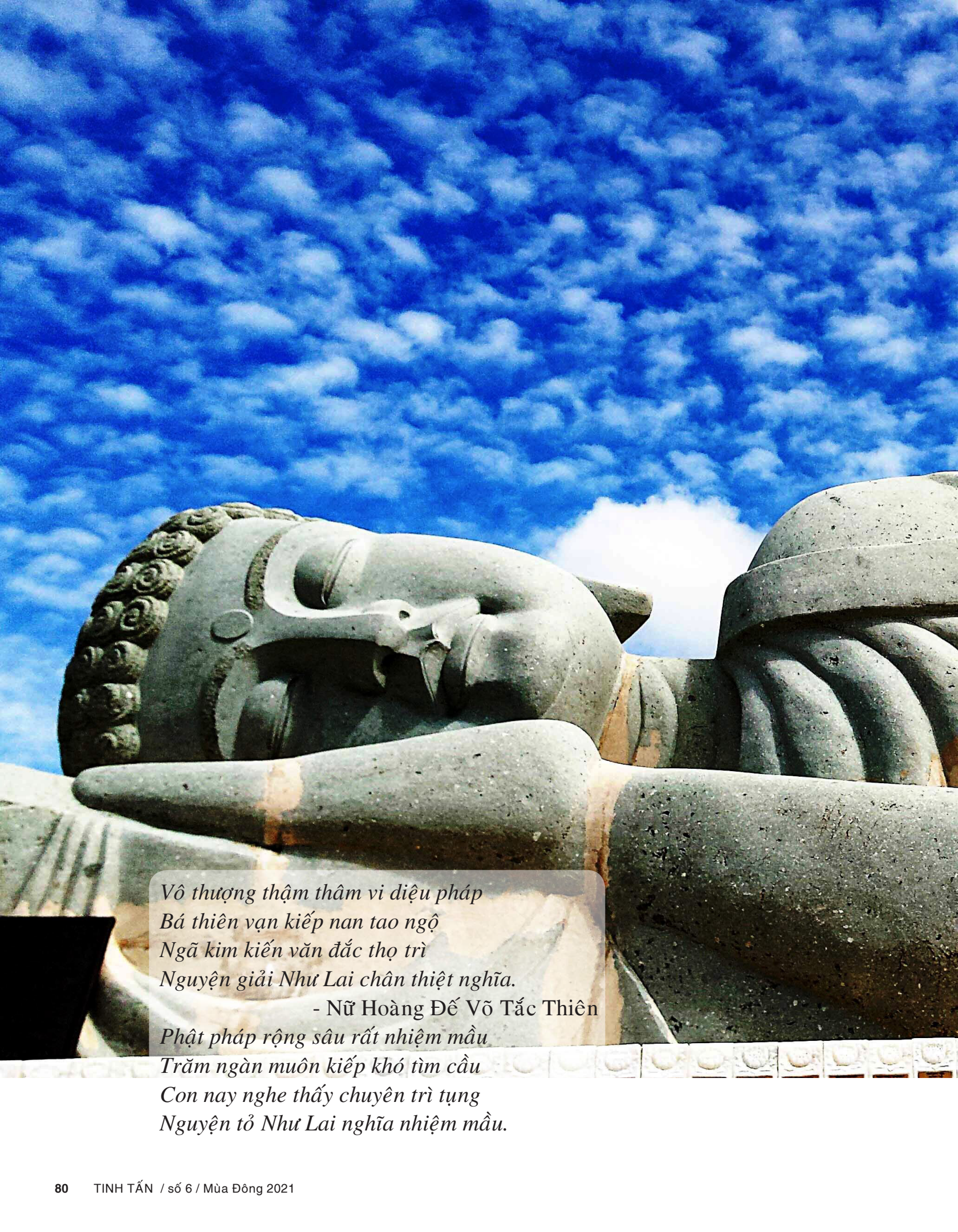
*Hãy sống trong chánh niệm
Để có sự an lạc*

Quý đồng hương cần mọi dịch vụ liên quan đến địa ốc hay tài trợ địa ốc xin liên lạc Công Ty Ana Real Estate và Ana Funding, Inc. do bà An Nguyễn Kiều Mỹ Duyên thành lập. Chúng tôi đảm nhận mọi dịch vụ liên quan đến mua bán địa ốc và các cơ sở thương mại.

Ana Real Estate / Ana Funding, Inc.

10900 Westminister Ave., Suite 10. Garden Grove, CA 92843

(714) 636-2299. Cell: (714) 260-5884. E-mail: KieuMyDuyen1@yahoo.com



*Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai chân thiết nghĩa.*

- Nữ Hoàng Đế Võ Tắc Thiên

*Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Con nay nghe thấy chuyên trì tụng
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.*



Phật Nhập Niết Bàn tại Tu Viện Liễu Quán, Warner Springs, Nam California năm 2016. (hmd)

**DINH DƯỠNG ĐẦY ĐỦ
THÂN THỂ KHỎE MẠNH
TRÍ ÓC MINH MẮN**

Là Châm Ngôn của Phòng Mạch

Bác Sĩ Đồng Sĩ Nam

**Tốt Nghiệp Chuyên Khoa Nhi Đồng Tại Hoa Kỳ
Khám Định Kỳ, Tổng Quát, Chích Ngừa
Trị các bệnh về Trẻ Sơ Sinh, Trẻ Em Thanh Thiếu Niên**



NHẬN BẢO HIỂM MEDI-CAL, CALOPTIMA, HMO, PPO

ĐỊA CHỈ PHÒNG MẠCH

14082 Magnolia St, Phòng 111, Westminster, CA 92683

Điện Thoại (714) 898-0424